Tào Động Tông Nhật Bản (HT Thích Như Điển dịch)

Thiền Tông — sách & giảng giải

Tào Động Tông Nhật Bản
Nguyên tác: Azuma Ryuushin (Đông Long Chơn)
Dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt: Sa Môn Thích Như Điển,
Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc Giảo chánh:
Sa Môn Thích Bảo Lạc, Thượng Tọa Thích Đồng Văn
Trang trí bìa sách: Đ. Đ. Thích Nguyên Tạng, Đạo Hữu Quảng
Tuệ Duyên
Đánh máy và trình bày: Sa Di Thích Hạnh Bổn
Tác phNm nầy được bắt đầu dịch vào ngày 29 tháng 10 năm 2007, nhằm ngày 19 tháng 9 năm Đinh Hợi, nhân Lễ vía Đức Quan Thế
Âm Bồ Tát, tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi, nhập thất lần thứ năm.
Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc và quý Phật Tử tại Mỹ Châu
– Úc Châu ấn tống năm 2008
Mục lục
I. Lời nói đầu
II. Tào Động Tông Và Lịch Sử Hình Thành
II.1 Tên gọi Tào Động Tông
II.1.1 Phật Giáo N hật Bản là Phật Giáo của Tông Phái.
II.1.2 Phật Giáo và Đức Thích Tôn 22
II.1.3 Phật Giáo thời kỳ N ara (N ại Lương) và Heian (Bình An)
II.1.4 Phật Giáo của thời đại Kamakura (Kiêm Thương)
II.1.5 Tính Chất Độc Thiện Của Tông Phái
II.1.6 Đạo N guyên Thiền Sư Phủ Định Về Tông Phái
II.1.7 Lập Trường Của N gài Đạo N guyên
II.1.8 Việc Gọi Tên Tông Phái Bắt Đầu Trong Tông Mình
II.1.9 Ý nghĩa Danh Xưng Của Tông
II.1.10 Sự Liên Tục Giữa Tào Khê và Động Sơn
II.1.11 Động Sơn Tông Và Tào Động Tông
II.1.12 Phương Cách Thọ N hận Tông Danh
II.2 Bổn Tôn – Đức Phật Thích Ca Mâu N i
II.2.1 Bổn Tôn là gì?
II.2.2 Bổn Tôn Lấy Đức Thích Ca Mâu N i Làm Đại Hòa Thượng
II.2.3 N hiều Cách Giải Thích Về Bổn Tôn
II.2.4 Với Việc Tọa Thiền Bổn Tôn Là Đức Thích Tôn
II.2.5 Bổn Tôn Đang Sinh Động
II.2.6 Bổn Tôn Không Rời Khỏi Thân N ầy

II.3 Lưỡng Tổ Đại Sư
II.3.1 Lưỡng Tổ
II.3.2 Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư
II.3.3 Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư
II.3.4 Cuộc Đời Của Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư
II.3.5 Cuộc Đời Của Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư
II.4 Lịch Sử Tào Động Tông
II.4.1 N gay Sau Thời N gài Đạo N guyên Thiền Sư – Giữa Thời Kỳ Kamakura (Kiêm Thương)
II.4.2 Lập Trường Của N gài Oánh Sơn Thiền Sư – Thời Kỳ sau Thời Kamakura
II.4.3 Minh Phong, N ga Sơn Thiền Sư – Thời Đại N am Bắc Triều, An Thổ và Đào Sơn
II.4.4 Phục Hưng Tông Học và Vô Hiệu Hóa Tông Đoàn Thời Kỳ Giang Hộ (Edo)
II.4.5 Giáo Đoàn Hướng Về Thời Cận Đại – Minh Trị (Meiji), Đại Chánh (Taisho), và Thời Đại Chiêu Hòa (Showa)
III. Tự Viện, Tăng Lữ, N ghi Lễ
III.1 Lưỡng Đại Bổn Sơn
III.1.1 Tào Động Tông Không Có Tổng Bổn Sơn
III.1.2 Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự
III.1.3 Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự
III.1.4 Chùa có các Biệt Viện
III.2 Thất Đường Già Lam
III.2.1 Sự Thay Đổi Kiến Trúc Của Tự Viện
III.2.2 Già Lam Của Tào Động Tông Là N ơi Chính Để Tu Hành
III.2.3 Sơ Lược Về Thất Đường Già Lam
III.2.4 Trường Hợp N hững Tự Viện Thông Thường
III.2.5 Công Việc Của Các Vị Tăng
III.3 Bổn Tôn, Phật Tượng Và Pháp Cụ
III.3.1 Già Lam và Bổn Tôn
III.3.2 Tượng Phật
III.3.3 Pháp Cụ
III.4 Tư Cách Của Tăng Lữ Và Pháp Y
III.4.1 Tu Hành Và Thời Hiện Đại
III.4.2 Pháp Giai
III.4.3 Tăng Giai
III.4.4 Áo Tràng Và Cà Sa
III.4.5 Cải Cách Y Phục Và Lạc Tử

III.4.6 Chế Tác Phục Y
III.5 N ghi Lễ Của Tào Động Tông
III.5.1 N ghi Lễ N ghĩa Là Gì?
III.5.2 Kinh Được Tụng Và N hững Hoạt Động Căn Bản
III.5.3 Tụng Kinh Hằng N gày
III.5.4 N hững N ghi Lễ Thông Thường Của Mỗi Tháng
III.5.5 Công Việc Thường Kỳ Trong Mỗi N ăm
IV. Tông Chỉ, Giáo N ghĩa và Thánh Điển
IV.1 Yếu Điểm Của Tọa Thiền
IV.1.1 Tào Động Tông Là Tông Tọa Thiền
IV.1.2 Thiền Và Lịch Sử
IV.1.3 Truyền Thống Của Tào Động Tông
IV.1.4 Thiền Có N ghĩa Là Tọa Thiền
IV.1.5 Chỉ Quán Đả Tọa Và Tức Tâm Thị Phật
IV.1.6 Tọa Thiền Dụng Tâm Ký
IV.1.7 Tọa Thiền N ghĩa Là Gì?
IV.1.8 Cách Dụng Tâm Thứ N hất
IV.1.9 Phương Pháp N gồi Thiền Có Tính Cách Cụ Thể
IV.1.10 Khi Buồn N gủ Thì Phải Làm Sao?
IV.1.11 Khi Tán Loạn Thì Phái Làm Sao?
IV.1.12 Cảnh Địa Của Việc Tọa Thiền
IV.2 Lời Dạy Của “Tu Chứng N ghĩa”
IV.2.1 Tu Chứng N ghĩa
IV.2.2 Sự Hình Thành Của “Tu Chứng N ghĩa”
IV.2.3 Đại Ý
IV.2.4 Thiền Giới N hứt N hư
IV.2.5 Tu Chứng Bất N hị
IV.2.6 Tu Chứng N ghĩa
IV.3 Trước Tác Chủ Yếu Của Hai Đại Tổ Sư
IV.3.1 Với Tấm Lòng Cung Kính Để Xem
IV.3.2 Trước Tác Của Thiền Sư Đạo N guyên
IV.3.3 Trước Tác Của Oánh Sơn Thiền Sư
IV.4 Giải Thích Về Thánh Điển
IV.4.1 N hững Thánh Điển Được Dùng Đến
IV.4.2 Đối Với Thánh Điển Được Tâm Đắc
IV.4.3 Giải Thích Về Kinh Điển
IV.4.4 Giải Thích Về N gữ Lục
V. Sinh Hoạt Tín N gưỡng Của Đàn Tín Đồ
V.1 Ý N ghĩa Của Sự Sinh Hoạt Tín N gưỡng

V.1.1 Đàn Tín Đồ N ghĩa Là Gì?
V.1.2 Vì Sao Sự Sinh Hoạt Tín N gưỡng Lại Quan Trọng?
V.1.3 N hiều Đời Sống Tín N gưỡng Khác N hau
V.2 Tụng Kinh Sáng, Tối
V.2.1 Mua Bàn Thờ Phật Cho Đúng Cách
V.2.2 Cách Bài Trí Bàn Phật
V.2.3 Cách Tụng Kinh
V.3 Lễ Xuất Gia Của N gười Tại Gia
V.3.1 Tuần Tự Thứ Lớp Của Việc Xuất Gia
V.3.2 Sự Tuần Tự Lễ Xuất Gia Của N gười Tại Gia
V.4 Thọ Giới Hội
V.5 N ghi Thức Kết Hôn
V.5.1 N ghi Lễ Kết Hôn Trang Trọng Trước Đức Phật
V.5.2 N ghi Thức Theo Thứ Tự
V.6 Đám Tang
V.6.1 Tại Sao Làm Lễ Đám Tang?
V.6.2 Đám Ma Theo Tào Động Tông
V.7 Sự Hiểu Biết Về Giới Danh
V.7.1 Giới Danh, Pháp Danh và Pháp Hiệu
V.7.2 ChuNn Mực Của Giới Danh
V.7.3 Sự Cấu Tạo Của Giới Danh Và Chủng Loại
V.8 N hững N gôi Mộ Bình Thường
V.8.1 N guyên Hình Của N gôi Mộ Là Một Cái Tháp
V.8.2 N hững Loại Mộ
V.8.3 Đi Viếng Mộ
V.9 Tụng Kinh Cầu N guyện Cúng Dường
V.9.1 Lý Do Và Ý N ghĩa Của Việc Tụng Kinh
V.9.2 Phương Cách Cũng N hư Chủng Loại Cầu N guyện
V.10 Tọa Thiền Hội
V.10.1 Căn Bản Của Sự Sinh Hoạt Tín N gưỡng
V.10.2 Hướng Dẫn Về N hững Hội Tọa Thiền
V.10.3 Công Việc Của Tọa Thiền Hội
V.11 N hững Sinh Hoạt Tín N gưỡng Khác
V.11.1 Lễ Định Kỳ Và N hững N ghi Lễ Khác
V.11.2 N hững Lễ N ghi Lâm Thời Chủ Yếu Của Các Tự Viện
V.11.3 Thông Qua Việc Từ Thiện (Xã Hội Phước Chỉ)
VI. Di Tích Của Lưỡng Tổ Đại Sư
VI.1 Tổ Tích Của Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư
VI.1.1 N ơi Xuất Sanh

VI.1.2 Trải Qua Thời Kỳ Ấu N iên
VI.1.3 Phát Tâm Tại Thần Hộ Tự - Jingooji
VI.1.4 N hững Chùa Đã Tu Hành Tại N hật Bản
VI.1.5 Tu Hành Tại N hững Chùa Ở Trung Quốc
VI.1.6 Địa Điểm N gày Trở Về
VI.1.7 Sau Khi Về N ước Ở Tạm Các Chùa
VI.1.8 Các N ơi Liên Hệ Về Linh Cốt Của Thiền Sư Đạo N guyên
VI.2 Tổ Tích Của Oánh Sơn Thiền Sư
VI.2.1 N ơi Sinh Ra
VI.2.2 Tu Hành Tại Các Chùa
VI.2.3 Khai Sơn Các Chùa
VI.2.4 Địa Điểm N hập Diệt
VI.2.5 N hững Địa Phương Thờ Linh Cốt Của Thiền Sư Oánh Sơn
VII. Tư Liệu Tham Khảo
VII.1 N hững Tư Liệu Tham Khảo Chủ Yếu
VII.2 N hững Tư Liệu Sách Tham Khảo Khác
VII.3 Tạp Chí, Báo Viết Về Ký Sự
VII.4 Kinh Tụng – CD Gởi Kèm Gồm:
VII.5 Kinh Văn Tụng N iệm
VII.5.1 Khai Kinh Kệ
VII.5.2 Sám Hối Văn
VII.5.3 Tam Quy Lễ Văn
VII.5.4 Tam Tôn Lễ Văn
VII.5.5 Bát N hã Tâm Kinh
VII.5.6 Bổn Tôn Thượng Cúng Hồi Hướng Văn
VII.5.7 Tu Chứng N ghĩa – Hành Trì Báo Ân
VII.5.8 Tiên vong Hồi Hướng Văn
VII.5.9 Phổ Hồi Hướng
VII.5.10 Tứ Hoằng Thệ N guyện Môn
VIII. Tiểu Sử Tác Giả Đông Long Chơn
IX. Lời Cuối Sách
IX.1 Lời Cuối
IX.2 Thư xin phép tác giả Azuma Ryuushin
IX.2.1 Bản dịch lá thư xin phép tác giả Azuma Ryuushin
IX.2.2 Thư xin phép tác giả Azuma Ryuushin
IX.2.3 Thư trả lời của tác giả Azuma Ryuushin
IX.2.4 Bản dịch thư trả lời của Tác Giả sang Việt ngữ
IX.3 Phương Danh Ấn Tống Tào Động Tông N hật Bản
IX.3.1 Quý Đạo Hữu và Phật Tử ở Australien

IX.3.2 Quý Đạo Hữu và Phật Tử ở U.S.A.

IX.3.3 Quý Đạo Hữu và Phật Tử ở Canada

IX.3.4 Đạo Hữu Phật Tử ở N hật Bản IX.3.5 Quý Đạo Hữu và Phật Tử ở Đức - Âu Châu: IX.4 Cùng Một Tác Giả I. Lời nói đầu N hật Bản được xem là một quốc gia Phật Giáo, bởi vì gần 1300 năm kể từ khi Phật Giáo du nhập từ Trung Hoa và Bán Đảo Triều Tiên, Phật Giáo vẫn duy trì truyền thống tín ngưỡng và tạo được niềm tin vững chắc của người N hật, mà không có gì thay đổi. Hơn nữa, Phật Giáo ảnh hưởng sâu đậm vào đời sống của người N hật qua các phương diện như chính trị, kinh tế, giáo dục, nghệ thuật, tư tưởng, văn học, phong tục tập quán, nơi ăn, chốn ở v.v...dẫu có khi dung hòa, có khi xung đột, có khi bị áp chế, cản ngăn, có khi được ủng hộ trở thành vai trò hướng dẫn và chỉ đạo tâm linh. Ở N hật hiện tại có đến 75.000 tự viện Phật Giáo, gần 100.000 tăng sĩ và có 70.000.000 tín đồ thuần thành, có thể nói là gần một ức người. Hầu hết các ngôi chùa N hật đều có lịch sử ngàn năm tồn tại. Không những có không ít các bậc cao Tăng tôn kính mà số lượng Phật Tử thuần thành vô cùng đông đảo. Đã có nhiều nhà chính trị, thương gia, nghệ nhân, văn sĩ, học giả v.v... tin Phật và quy y Tam Bảo; đặc biệt ngày nay Phật Giáo N hật Bản còn truyền sang Âu Châu, Mỹ Châu và nhiều nước khác, đó là điều mà khoảng 10 năm trước, khó có ai tưởng tượng được. Mặt khác, hầu hết người N hật đều tự cho là tín đồ Phật Giáo, tuy nhiên cũng có người nhận xét đến các chùa ở Kinh Đô và N ara chỉ thấy toàn khách tham quan, còn tăng sĩ chỉ lo cúng đám để nuôi thân, không có sinh hoạt Tôn Giáo. Tín đồ đến chùa chỉ vì đi thăm mộ thân nhân trong những ngày lễ Thanh Minh (Ohigan), Vu Lan. Ở N hật, ngày đầu năm, người N hật đến Thần Xã; khi kết hôn, họ chọn nhà thờ Thiên Chúa Giáo. Phải chăng đây là tinh thần dung hòa của Phật Giáo hay chỉ là lòng tin riêng của Tín Đồ Phật Giáo; phải chăng niềm tin Tôn Giáo vốn tồn tại trong tinh thần tự giác của mỗi cá nhân Tín Đồ. Thật ra, đối với thế giới, N hật Bản là một quốc gia Phật Giáo, vì đa số người N hật là tín đồ của Phật Giáo, nhưng với người N hật không hẳn như vậy. Có nhiều lý do, nhưng phải nói rằng lý do chính là sự nổ lực tăng sĩ có đó, nhưng chưa đầy đủ và lý do khác là tín đồ Phật Giáo cũng kém phần tha thiết quan tâm, hẳn nhiên làm cho người ta không thấy Phật Giáo có ảnh hưởng gì cả. Thật sự, không đơn thuần cho Phật Giáo đối với các vấn đề hiện tại khi

mà xã hội ngày càng phức tạp, thế giới ngày càng nhiều vọng tưởng và con người dường như đang bị mê hoặc, đến nỗi cảm thấy bất an, hoài nghi, dao động, thậm chí không biết mình là ai và không biết phải làm sao đây trước văn hóa và văn minh do con người tạo ra. Đó chính là tình trạng đau thương của thế giới, đương nhiên N hật Bản không ra ngoài trạng huống ấy. Thế kỷ 21 được gọi là thế kỷ Tôn Giáo, thời đại Tâm Linh. Phật Giáo tự dưng được nhiều người quan tâm đến. N hiều hiện tượng cho thấy có sự lưu ý của người N hật đối với Phật Giáo như kinh sách Phật Giáo được bày bán nhiều hơn ở hiệu sách, nhiều Chùa thành lập ban nghiên cứu để giảng diễn giáo lý Phật Đà và nhiều phái mới ra đời.... Thế nhưng Phật Giáo N hật Bản vốn có nhiều Tông Phái khác nhau, mỗi Tông Phái có tính chất Tôn Giáo riêng biệt, mà điều nầy được minh chứng qua hình ảnh tăng sĩ, không vị nào không trực thuộc chùa hay tông phái riêng mình, thậm chí tín đồ cũng thế. Thế nên dù thích hay không thích vấn đề lấy gia

đình làm đơn vị, dù hiểu hay không hiểu cũng phải trông chờ nơi tông phái của mình Bản thân tôi (tác giả) không thích về vấn đề phân chia Tông Phái, thích không thuộc Tông Phái nào cả. N ói khác hơn, lập trường của tôi có thể khác với những người học Phật khác, rất tự do khi lưu tâm đến vấn đề Phật Giáo. Thật tế, nhiều người chủ trương như vậy, nhưng không thể xác định khuynh hướng thuộc Tông Phái nào, rốt cuộc chính họ cũng không rõ và bị rơi vào lập trường Tông Phái khác một cách dễ dàng, lúc nào chẳng hay. Vả lại, Phật Giáo N hật Bản chia nhiều Tông Phái biết đâu lại là vấn đề thông thoáng, bởi vì có nhiều góc độ và nhiều cánh cửa để mở khi bước vào ngôi nhà Phật Giáo. Lại một lần nữa nói rằng Phật Giáo N hật Bản là Phật Giáo của các Tông Phái, nhưng thật không hay chút nào khi tăng sĩ và tín đồ thuộc các Tông Phái của Phật Giáo chẳng lưu tâm, cũng chẳng biết mình thuộc Tông Phái nào. Thật ra, trước thời Meiji (Minh Trị), Phật Giáo N hật Bản theo lập trường truyền thống và nghiên cứu học thuật theo lối Âu Châu, biết Đại Thừa chẳng phải do Đức Phật nói, nhưng có lẽ bắt đầu từ đó, ấn tượng chia rẽ xâm nhập vào Phật Giáo khiến Phật Giáo bị phân chia tạo thành các Tông Phái. Một khi chư Tăng đánh mất tự tin, thậm chí còn hàm hồ đả phá Tông Phái mình, sao lại trách đàn na và tín đồ ngày càng thiếu hiểu biết. Thật là phi lý!

Tất cả những buổi diễn giảng giáo lý Phật Đà của các học giả và sách vở viết về Phật Giáo bày bán ở hiệu sách, thật tế chỉ giới thiệu Phật Pháp căn bản mà thôi, thật ra chẳng đủ. Cần phải có những buổi giảng của Chư Tăng như là giáo hóa, trao đổi thể nghiệm mang tính đặc thù riêng của từng cá thể, gần gũi thân cận. Mặt khác cũng cần có phần nghi lễ tâm linh, thần bí siêu nhiên, huyền bí khác v.v... mà những phương diện đó không ngoài phương tiện truyền đạt tâm linh. Tác phNm nầy chỉ bàn về những gì thuộc về phái "Tào Động Tông" của Phật Giáo N hật Bản như là tổng hợp quan điểm để hướng dẫn mà thôi. N ếu kể về số lượng Tăng lữ và tự viện của riêng Tào Động Tông, có thể nói rằng đây là một đoàn thể Phật Giáo lớn nhất của nước N hật, phụng thờ đức Bổn Sư Thích Ca là vị giáo chủ Phật Giáo. Các Thiền Tăng đời Kamakura kính ngưỡng những vị Thiền Sư Đạo N guyên (Dogen), Thiền Sư Oánh Sơn là Cao Tổ và Thái Tổ. Tông chỉ và giáo nghĩa của hai vị Tổ nầy được thiết lập nơi Đại Bổn Sơn tại hai chùa Vĩnh Bình (Eheiji) và chùa Tổng Trì (Sojiji). Dưới tàng cây cổ thụ ấy, có đến 15.000 ngôi chùa, 20.000 Tăng Sĩ và 7.000.000 tín đồ, với lịch sử 700 năm truyền thừa. Trong khả năng có thể, chúng tôi sẽ cố gắng giải thích rõ ràng tất cả những vấn đề lịch sử, Bổn Tôn, Lưỡng Tổ, lưỡng Đại Bổn Sơn, tông chỉ, giáo nghĩa, tự viện, Tăng lữ, nghi lễ, thánh điển, sinh hoạt tín ngưỡng và nhiều phương diện khác thuộc pháp nhơn Tôn Giáo và tông chế của Tào Động Tông, để mọi người liễu tri một cách dễ dàng khi muốn nghiên cứu về tông nầy. Hẳn nhiên, trong điều kiện cho phép, tài liệu nầy cũng là cơ sở căn bản lý giải cho đàn na, tín đồ và những người thuộc Tông Phái khác, khi lưu tâm những vấn đề của Tào Động Tông N hật Bản một cách bao quát hơn, đó cũng chính là điều mà tác giả vô cùng tha thiết vậy. Azuma Ryuushin (Đông Long Chơn)

Chương một: Tôn Giáo của Chúng Ta: Tào Động Tông

II. Tào Động Tông Và Lịch Sử Hình Thành

II.1 Tên gọi Tào Động Tông

Đặc trưng của Phật Giáo N hật Bản là có nhiều Tông Phái.

II.1.1 Phật Giáo N hật Bản là Phật Giáo của Tông Phái.

Từ thời N ara xa xưa, Tông Hoa N ghiêm đã có các chùa Todaiji (Đông Đại Tự); Tông Pháp Tướng có chùa Yakushiji (Dược Sư), chùa Kofukuji (Hưng Phước), chùa Horyuji (Pháp Long) và những chùa thuộc hệ thống Kyomizudera (Thanh Thủy Tự); Luật Tông có chùa Đường Chiêu Đề; N goài ra, còn có các Tông Thành Thật, Tông Tam Luận và Tông Câu Xá (sau nầy ba Tông nầy không còn nữa, nhưng giáo nghĩa của ba Tông ấy lấy ba bộ luận Thành Thật Luận, Tam Luận, Câu Xá Luận làm căn bản Phật Giáo và đối tượng để nghiên cứu). Thời Heian (Bình An) Tông Thiên Thai có chùa Tỷ Duệ Sơn, Diên Lịch Tự; Tông Chơn N gôn gồm có chùa Cao Dã Sơn Kim Cang Phù Tự, Tông Tịnh Độ thời Kamakura có chùa Tri Ân Viện, Tăng Thượng Tự v.v.., hay Tịnh Độ Chơn Tông gồm chùa Đông Bổn N guyện Tự, chùa Tây Bổn nguyện Tự v.v...; Tông Lâm Tế có các chùa Diệu Tâm Tự, Viên Giác Tự v.v...; Tông Tào Động có các chùa Vĩnh Bình Tự, Tổng Trì Tự v.v...; Tông N hật Liên có chùa Thân Diên Sơn Cứu Viễn Tự, Đại Thạch Tự v.v... Thời Tông có chùa Du Hành Tự v.v.. Thời Edo, Tông Hoàng Bích có chùa Vạn Phước Tự v.v... N hư thế có tất cả 13 Tông phân ra 56 phái, được gọi là 13 Tông 56 Phái, thế nhưng các tự viện, giáo đoàn và tông phái độc lập với nhau, cho nên không thể biết chính xác số lượng tăng thêm. Thật ra, 13 tông nầy cũng có sự liên hệ với nhau. Ở N hật, có khoảng 75.000 chùa viện, có 100.000 Tăng N i, có khoảng 75.000.000 tín đồ Phật Giáo trong tổng số nhân khNu là một ức một ngàn vạn, tức 110.000.000 người. Hầu như tất cả tín đồ và đàn gia thuộc các Tông Phái và chùa viện có sự sinh hoạt tín ngưỡng như cử hành nghi lễ, tụng kinh, lễ bái chư Phật, chư Bồ Tát v.v... đặc biệt theo Tông Phái của mình. Từ đó Tông Chỉ, Giáo N ghĩa dần dần thay đổi theo. II.1.2 Phật Giáo và Đức Thích Tôn Đức Thích Tôn là đấng khai Tổ, vị khai sáng Phật Giáo, mà những lời giáo huấn của N gài được xem là giáo pháp, không ai được phép nói khác. Giáo lý nào không phù hợp với lời Phật có thể nói rằng không phải Phật Giáo. Thế nhưng Giáo Pháp vô cùng thậm thâm khó tường, cho nên tạo thành nhiều Tông Phái, mang từng Tông Chỉ và Giáo N ghĩa riêng biệt. II.1.3 Phật Giáo thời kỳ N ara (N ại Lương) và Heian (Bình An)

Thời N ara, chư Tăng mang Phật Giáo từ Trung Hoa và Bán Đảo Triều Tiên vào N hật Bản. Thời ấy, chư Tăng dù có khác nhau về Tông Phái nhưng chưa đông, cùng giao thiệp với nhau để cùng học hỏi và chia sẽ, cho nên ảnh hưởng của Tông Phái chưa mạnh mẽ. Đến thời Heian, có nhiều Tăng sĩ người N hật sang Trung Hoa du học, mang về N hật những tinh hoa Phật Giáo và nối kết các thế hệ trước lại với nhau. Tuy nhiên giống như thời N ara, thời kỳ nầy Phật Giáo được người N hật xem là văn hóa ngoại lai, tiếp nhận một cách miễn cưỡng, dần dần về sau mới phát triển việc học Phật. Thế nhưng, sự liên hệ tu học giữa các Tông Phái vẫn còn tiếp tục. II.1.4 Phật Giáo của thời đại Kamakura (Kiêm Thương) Thời Kamakura (Kiêm Thương), chỉ có Thiền thuộc Tông Lâm Tế và Tào Động không gửi chư Tăng sang Trung Hoa và bán đảo Triều Tiên du học, bởi vì họ có thể tu học tại N ara, Tỷ Duệ Sơn và Cao Dã Sơn, ở đó họ có thể tự chọn phương hướng sáng tạo của riêng mình và do mình quyết định, ngay cả chọn pháp môn và Kinh điển thuần túy thiết thực và phù hợp mục đích giải thoát, cho nên khi đó hình thức Tông Phái thật sự vẫn còn phôi thai và sự học hỏi trao đổi với nhau trở nên

vô cùng cần thiết. N hững nguyên nhân hình thành và năng lực thúc đNy xã hội, những tánh cố hữu của con người, những yêu cầu tâm lý quần chúng..., trong bối cảnh lịch sử thời đó, được chư vị Tổ Sư nhận thức một cách rõ ràng và tùy duyên với hoàn cảnh và đời sống xã hội, xây dựng và phát triển Phật Giáo N hật Bản. Đặc biệt, thế hệ sau luôn luôn niệm ân và tôn kính chư vị Tổ Sư tiền bối, xây dựng Tông phong. Xa hơn nữa, người N hật bao giờ cũng có tâm sùng bái Tổ Tiên do vậy nhiều khi, với người N hật, hình ảnh đức Thế Tôn còn mờ nhạt hơn cả chư liệt vị Tổ Sư, dù rằng khởi nguyên của Phật Giáo ở Ấn Độ và trải qua hơn 2.000 năm lịch sử, Phật Giáo được truyền sang các nước khu vực Á Châu rồi bây giờ lan đến Âu Châu và Mỹ Châu nữa. Thật ra, trong quá trình mở rộng đến 360 độ với nhiều góc cạnh, Phật Giáo đã tạo nhiều ảnh hưởng trong đời sống của con người, ở mọi lãnh vực như: tư tưởng, kỹ thuật, chính trị, kinh tế, tôn giáo v.v... mà qua nghiên cứu có thể nói rằng Phật Giáo rất đa dạng. II.1.5 Tính Chất Độc Thiện Của Tông Phái Được gọi là Phật Giáo Tông Phái, bởi vì Phật Giáo N hật Bản hiển lộ nguyên vẹn tính chất thứ bậc trong nhiều phương diện của Phật Giáo. N gười N hật, có thể nói rằng, đến với Phật Giáo là dung hợp

tinh thần Phật Giáo vào nhân cách của mình, mà nhờ vậy hơn 1000 năm kể từ thời đại N ara, thời đại Heian, thời đại Phật Giáo được xem là thịnh hành nhất cho đến nay, Phật Giáo vẫn còn tồn tại. Phải chăng đó là điểm đáng chú ý của người N hật. N ói chung, tất cả các Tông Phái Phật Giáo đều được tôn trọng ở N hật cho nên những vấn đề như dễ dãi hay bài bác, thuần thiện hay ngăn cản cũng lệ thuộc vào đó. Câu nói người N hật là: “Dẫu Tông luận thua ai đi nữa cũng xấu hổ đức Phật Thích Ca” nghĩa là một khi niềm tin đã đặt vào Tông Phái mà tự mình đã chọn, thì con đường tuyệt vời duy nhất ấy không thua các Tông Phái nào cả. Chính điều ấy đưa đến chỗ tranh cãi vô ích, để rồi đánh mất lập trường của mình lúc nào không hay. Thế nên đủ biết rằng vấn đề so sánh các Tông Phái được xem như quyết định cần thiết bởi vì nhằm xác chứng tính ưu việt và độc lập của Tông Phái mình. Thật sự, trong quá khứ Phật Giáo N hật Bản mang đầy màu sắc tranh luận giữa các Tông Phái. Có rất nhiều cuộc tranh luận khác nhau đã xãy ra và mỗi lần tranh luận đều mang ý nghĩa khác nhau. N ói chung, Tông Phái nầy khó có thể thừa nhận điểm nổi bật của Tông Phái khác. Thỉnh thoảng, còn đi ngược lại bản chất vốn thiện của mình, để rồi bất chợt một lúc nào đó quên hẳn và đi xa khỏi điểm căn bản của Phật Giáo, trở thành một biến thái của lòng tin, mà cho rằng chẳng qua tất cả đều do Tâm tạo. II.1.6 Đạo N guyên Thiền Sư Phủ Định Về Tông Phái Trong các Tông Phái Phật Giáo N hật Bản, Thiền Tông có đến ba tông đó là: Tông Lâm Tế, Tông Tào Động, và Tông Hoàng Bích, gọi là Tam Tông. Trong đó, Tông Lâm Tế và Tông Tào Động do chư Tăng N hật Bản từ Trung Hoa mang về quê hương vào thời Kamakura. Còn Tông Hoàng Bích do chư Tăng người Trung Hoa mang đến vào thời Giang Hộ. N gài Đạo N guyên (Dogen) được xem là vị Tổ khai sáng Tông Tào Động, một phái nhỏ thuộc Tông Thiền. Thế nhưng, điều oái ăm, chính N gài Đạo N guyên lại bài bác và phủ nhận danh hiệu của Tông Phái. Sau đó, mỗi Tông phái, tự suy tôn những vị Tăng đạo cao, đức trọng trở thành Tông Tổ và tự đặt danh xưng cho Tông Phái của mình. Về sau, việc nầy rất thịnh hành nhưng với Thiền Sư Đạo N guyên lại triệt để phủ nhận. II.1.7 Lập Trường Của N gài Đạo N guyên N gài Đạo N guyên thực hành tọa Thiền,

pháp môn chính yếu của Phật Giáo, khởi nguyên từ thời đức Thích Tôn, đấng giáo chủ Phật Giáo. N gài xưng tán đức Thích Tôn là Phật Đà, (bậc giác ngộ),

xem Thiền là pháp môn đặc biệt phù hợp căn cơ chúng sanh (khế cơ), bởi vì chính đức Phật thực hành Thiền ngay trên mặt đất nầy, hoằng dương Giáo Pháp tại đây. Thiền vừa là suối nguồn tâm linh của Phật Giáo về mặt lịch sử, vừa là môn học thuần túy chân chánh, về mặt truyền thừa, được lưu truyền từ Phật đến chư vị Tổ Sư. Mặt khác, Thiền là pháp môn chính thống của Phật Giáo N guyên Thỉ có nhiều loại như: Thiền chỉ; thiền quán. Phương pháp Tọa thiền là pháp hành trong Phật Giáo, chính đức Phật chỉ dạy và được truyền thừa qua nhiều thế hệ, mà đây là sự thật lịch sử, không ai không thừa nhận đây là một Tông Phái được gọi là Thiền Tông. Ở N hật, pháp môn Thiền cũng có thể gọi là Phật Tâm Tông hay Thiền Tông; hoặc Tào Động Tông, mà những danh hiệu ấy, chắc chắn N gài Đạo N guyên Thiền Sư biết đến, nhưng vào thời đó, N gài không gọi Thiền Tông bằng các danh hiệu Phật Tâm, Thiền Tông hay Tào Động Tông. Với N gài Thiền sư Đạo N guyên, Thiền không riêng của Tông Phái nào, bởi vì nền tảng căn bản giáo lý chung của các Tông Phái là Thiền. Thật tế, trong đạo Phật phương pháp tọa Thiền là phương pháp chỉ quán đả tọa, không phải sở hữu riêng của bất cứ Tông Phái nào, vì thế đề cập Thiền như một Tông Phái riêng là điều tuyệt đối không nên. II.1.8 Việc Gọi Tên Tông Phái Bắt Đầu Trong Tông Mình Cho đến thời Thiền Sư Oánh Sơn (Keizan) , đệ tử đời thứ tư của Thiền sư Đạo N guyên, vấn đề xác định Tông Danh vẫn chưa rõ ràng, nếu không muốn nói là chẳng có gì cả. Thế nhưng, về phương diện sử liệu, trong khi các môn nhân đệ tử của N gài Đạo N guyên Thiền Sư giữ vững lập trường của chính mình, thì những Tông Phái khác lại lưu tâm đến N gài Đạo N guyên và môn đệ của N gài Đạo N guyên, cho rằng Tông Tào Động là một phái thuộc về Thiền Tông, mà ý nghĩ nầy mãi về sau vẫn không thay đổi, làm cho môn đệ của N gài Đạo N guyên tự xưng mình là Tào Động Tông lúc nào không hay, song chắc chắn phải sau thời Thiền Sư Oánh Sơn, có thể suy đoán là thời Thiền Sư N ga Sơn Thiều Thạc (Gasanjosehi) , cao đệ của Thiền sư Oánh Sơn, thời đại phân ly của N am Bắc triều . Về sau, các môn đệ tiếp tục kế thừa theo truyền thống của Thiền Sư Đạo N guyên, giáo huấn và xiển dương ngày càng rộng rãi hơn. Đồng thời, ở N hật, giáo đoàn, chùa viện Phật Giáo có lúc phát

triển một cách mạnh mẽ. Phật Pháp cũng như phương pháp tọa Thiền đã phổ cập, dần dần Tào Động trở thành danh hiệu của Tông, dù lập trường không cần nêu rõ và không có gì khó khăn cản trở. Từ đó cho đến hôm nay, Tông Tào Động mang danh hiệu một cách tự nhiên và các Tông Phái khác cũng gọi như vậy. Thật không sai nếu cho rằng lập trường của Thiền Sư Đạo N guyên phủ định danh hiệu của Tông mình, nhưng người khác lại gọi môn nhân đệ tử của Thiền Sư Đạo N guyên là Tông Tào Động, thế nhưng danh hiệu ấy có sớm lắm là giữa thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ thứ 7. Từ đó cho đến bây giờ, về phương diện lịch sử cũng như phương diện xã hội, đó là việc đã rồi, không thể chối bỏ được. Trong quy chế của Tông Tào Động quy định rằng: “Tông chính là Tông Tào Động”. II.1.9 Ý nghĩa Danh Xưng Của Tông Tông Tào Động nghĩa là kết hợp hai chữ Tào và Động, mà cả hai đều là chữ đầu của tên các Thiền Sư Trung Quốc. Chữ Tào lấy từ chữ Tào Khê Sơn của bậc Đại Thánh Giả Thiền Sư Huệ N ăng (Sokeizan Eino Zenshi)

thuộc Tào Khê Sơn. Thiền Sư Huệ N ăng được mọi người tôn kính là Lục Tổ Đại Sư, vị Tổ Sư thứ 6 từ Bồ Đề Đạt Ma Sơ Tổ , người từ Ấn Độ sang. Chữ Tào còn mang ý nghĩa xác nhận cội Thiền được cắm rễ tại đất Trung Hoa. Còn Động, theo Thiền Tông Trung Hoa, chỉ cho Thiền Sư Động Sơn Lương Giới (Tozan Ryokai Zenshi) – vị Tổ của Tông Tào Động và Tông Động Sơn. Đệ tử lớn của Thiền Sư Động Sơn là Thiền Sư Động Sơn Bổn Tịch (Sozan Honyaku Zenshi) - còn gọi là Kiệt Tăng, vị Tăng ưu tú, đã lấy chữ Tào nơi Tào Sơn kết hợp với chữ Động từ sự ngưỡng vọng Thiền Sư Động Sơn và Thiền Sư Tào Sơn, tạo thành danh hiệu của một phái của Thiền Tông gọi là Động Tào Tông hay Tào Động Tông. Về sau, Tông Tào Động được truyền sang N hật, cho nên có hai giả thuyết cho rằng, đó là kết hợp từ hai vị Tổ Thiền Sư Huệ N ăng thuộc Tào Khê Sơn và Thiền Sư Động Sơn Lương Giới, và đó là sự kết hợp từ hai chữ đầu tên của hai vị Tổ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới và Thiền Sư Tào Sơn Bổn Tịnh, gọi tên cho Tông mình. II.1.10 Sự Liên Tục Giữa Tào Khê và Động Sơn Từ kết luận trên có thể suy đoán rằng "Tào Động Tông" N hật Bản, lấy hai chữ đầu của Thiền Sư Huệ N ăng - Tào Khê Sơn và Thiền Sư Lương Giới - Động Sơn kết hợp lại mà thành.

Thật sự, theo Thiền Sư Đạo N guyên, Thiền bắt đầu từ khi đức Thích Tôn tĩnh tọa và truyền thừa cho Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp, (Maha Kasho Sonja) , đệ tử thứ nhứt của Đức Thích Tôn, sau đó lần lượt lưu truyền cho đến Đại Sư Bồ Đề Đạt Ma, vị Tổ thứ 28, người mang Thiền truyền sang Trung Hoa, trở thành Sơ Tổ Thiền Tông. Sau đó, có N hị Tổ là Thiền Sư Huệ Khả . Tam Tổ là Thiền Sư Tăng Xán . Tứ Tổ là Thiền Sư Đạo Tín . N gũ Tổ là Thiền Sư Hoằng N hẫn . N gười kế thừa tiếp tục là Lục Tổ Thiền Sư Huệ N ăng. Sau đó, có Đại Thiền Sư Thanh N guyên Hành Tư (Seigen Gyoshi) , Thiền Sư N am N hạc Hoài N hượng (N angaku Eijo) , chia ra làm hai hệ phái. Thiền Sư Đạo N guyên được truyền thừa theo Pháp hệ từ Thiền Sư Thanh N guyên Hành Tư đến Thiền Sư Thạch Đầu Hi Giá (Sikito Kisen Zenshi) , đến Thiền Sư Dược Sơn Duy N ghiêm (Yakusan Igen Zenshi) , Thiền Sư Vân N ham Đàm Thịnh (Ungan Donjo Zenshi) , Thiền Sư Động Sơn Lương Giới, đến Thiền Sư Vân Cư Đạo Ưng (Undo Dojo Zenshi), đến Thiền Sư N hư Tịnh (N yojo Zenshi) . Thiền Sư Tào Sơn Bổn Tịch cũng là đệ tử của Thiền Sư Vân Cư Đạo Ưng, nhưng sau đó một số đời tiếp theo pháp hệ của Thiền Sư Tào Sơn Bổn Tịch bị thất truyền. Thiền Sư Đạo N guyên không thuộc sự truyền thừa của Pháp hệ Thiền Sư Tào Sơn Bổn Tịch, mà trực thuộc Pháp hệ của Thiền Sư Vân Cư Đạo Ưng. Do đó, N gài không những không liên hệ trực tiếp với Thiền Sư Tào Sơn Bổn Tịch, mà thường phê phán giáo thuyết và Thiền phong của Thiền Sư Tào Sơn Bổn Tịch, nhiều khi không chấp nhận nữa. Thiền Sư Đạo N guyên cho rằng theo Pháp hệ Tào Khê Sơn của Thiền Sư Huệ N ăng "Bây giờ Chư Phật truyền thừa Phật Giới cho chư Tổ, rồi chư Tổ truyền cho nhau một cách chính thức, như năm lần chấn động truyền thừa chính là Tào Khê Cao Tổ". Giáo thuyết và thiền phong đó rất cảm kích, tán dương hâm mộ. Thiền Sư Động Sơn Lương Giới cũng được ngưỡng mộ là vị Cao Tổ, không chỉ được kính ngưỡng mà còn được tán dương bằng lời là "Động Sơn Tông". Rõ ràng Thiền Sư Đạo N guyên vô cùng kính ngưỡng Thiền Sư Huệ N ăng và Thiền Sư Động Sơn, mà chỉ riêng việc nầy thôi, cũng cho thấy toàn bộ nội dung của Tông Tào Động, nếu tư duy lập trường của Thiền Sư Đạo N guyên cho thấy điều làm cho Thiền Sư Đạo N guyên kính mộ đó là Pháp hệ

Tào Khê của Thiền Sư Huệ N ăng và Thiền Phong của Thiền Sư Động Sơn.

II.1.11 Động Sơn Tông Và Tào Động Tông Thiền Sư Đạo N guyên cung kính tán dương Thiền Sư Động Sơn là Cao Tổ và Thiền phong của Tông Động Sơn rất cao vời, như đã trình bày ở trên, làm cho chư Tăng về sau cho rằng họ không phải Tông Tào Động, mà cho rằng "Động Gia" hay "Động Sơn Chánh Tông" v.v..Một lý do khác được ghi lại rằng, "N gũ Vị Thuyết" là lý luận đặc biệt được sử dụng ở N hật bắt đầu từ thời N am Bắc Triều kéo dài mãi cho đến thời kỳ Edo, bởi vì sự thoái hóa tư tưởng đã xuất hiện trong Tông Môn, khởi đầu từ Thiền Sư Đạo N guyên phê phán về "N gũ Vị Thuyết", nhưng một số chư Tăng trong Tông Môn nghiên cứu "N gũ Vị Thuyết" để giải thích về Thiền, thậm chí không sử dụng chữ Tào Động Tông là danh hiệu của Tông ấy. Thật tế, dù gì đi nữa, Tào Động Tông vẫn là tên ghép của Tào Sơn và Động Sơn. Hẳn nhiên vẫn có nhiều nghi vấn xuất hiện về Tào Khê, Động Sơn là Tông Tào Động. II.1.12 Phương Cách Thọ N hận Tông Danh Một yếu tố rất quan trọng đó là nếu lý luận theo ngôn ngữ một chiều: "Danh hiệu là biểu thị cho hình tướng" thì Tông Danh chính là căn cứ để chỉ cho sự tồn tại của giáo đoàn vậy. Thế nhưng, sự thật lịch sử là Tông Danh ấy lại bị Thiền Sư Đạo N guyên phủ nhận, mà chỉ được thực hiện bởi giáo đoàn về sau. Rõ ràng đây là một vấn đề lớn. Thật ra, như đã đề cập ở trên, yêu cầu cần thiết của giáo đoàn trong bối cảnh lịch sử như vậy, dù có hay không có danh hiệu Tào Động Tông đi nữa, mọi người trong giáo đoàn Tào Động Tông vẫn nương vào pháp môn "chỉ quán đả tọa" làm Tông chỉ, không vượt ra ngoài phạm vi cốt tủy nầy. II.2 Bổn Tôn – Đức Phật Thích Ca Mâu N i II.2.1 Bổn Tôn là gì? Tông Tào Động kính ngưỡng Bổn Tôn là Đức Thích Tôn, bậc khai Tổ của Phật Giáo. Trong tác phNm "Tào Động Tông Chế", chương "Tào Động Tông Hiến"ghi rằng: "Bổn Tôn chính là Đức Thích Ca Mâu N i Phật", nói rõ hơn Đức Thích Ca N hư Lai là vị Đại Hòa Thượng. Thật ra, các Tông phái khác cũng dùng chữ Bổn Tôn, như N gài N hật Liên Thánh N hơn (N ichiren Shonin) viết về ý nghĩa của chữ nầy thành một quyển sách rất nổi tiếng đó là "Quán Tâm Bổn Tôn Sao". Đặc biệt, với Mật Giáo, Bổn Tôn là Đức Phật, tọa vị giữa Mạn Đà La, thế nhưng với Thiền Tông, đặc biệt Tông Tào Động, danh từ nầy trước đây, ít được sử dụng, bằng chứng không

thấy xuất hiện trong những trước tác của Thiền Sư Đạo N guyên, mà mãi đến giữa thời Minh Trị (Meiji), Tông Tào Động phân tích tác phNm "Tu Chứng N ghĩa" của Thiền Sư Đạo N guyên thành bộ Chánh Pháp N hãn Tạng, 95 quyển, xoay quanh những chủ đề về tín ngưỡng, trước nhất là vấn đề Bổn Tôn. Ở đây, Bổn Tôn không có nghĩa là đối tượng lễ bái tín ngưỡng mà thâm sâu hơn là đức Phật được tín thành như là trung tâm tôn kính. Có nhiều loại Bổn Tôn của Tông Phái như Bổn Tôn cá nhân, điển hình những hình tượng tháp của đàn tràng. Bổn Tôn của Tông Phái là vị giáo chủ, mà các Tông Phái Phật Giáo N hật Bản đều có Bổn Tôn riêng, nhiều khi không phải là giáo chủ, ví dụ: Bổn Tôn của Tông Hoa N ghiêm là Kinh Hoa N ghiêm, do Đức Phật Tỳ Lô Giá N a thuyết. Bổn Tôn của Thiên Thai Tông là PhNm N hư Lai Thọ Lượng của Kinh Pháp Hoa, do Đức Phật Thích Ca Mâu N i thuyết. Bổn Tôn của Tông Chơn N gôn là Kinh Đại N hật, do Đại N hật N hư Lai thuyết. Bổn Tôn của Tông Tịnh Độ hay Tịnh Độ Chơn Tông, Thời Tông là Ba Kinh Tịnh Độ, do Đức A Di Đà N hư Lai thuyết. Bổn Tôn của Tông Dung Thông N iệm Phật lấy Đức A Di Đà N hư Lai làm trung tâm và mỗi mỗi vị Trời sẽ

thành N hư Lai. Bổn Tôn của Tông Lâm Tế, Tông Hoàng Bích là Đức Phật Thích Ca Mâu N i. Bổn Tôn của Tông N hật Liên là Kinh Pháp Hoa, do Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu N i Phật thuyết vào thời rất xa xưa. II.2.2 Bổn Tôn Lấy Đức Thích Ca Mâu N i Làm Đại Hòa Thượng Xin lập lại, Bổn Tôn của Tông Tào Đông là Đức Thích Ca Mâu N i N hư Lai, Đại Hòa Thượng, bởi vì Thiền Sư Đạo N guyên viết: “Đức Phật Thích Ca Mâu N i, vị Đại Hòa Thượng là giáo chủ thế giới Ta Bà”. Thật ra, Tông Tào Động cung kính Đức Phật Thích Ca Mâu N i là Hòa Thượng, cho nên từ đó về sau chỉ xưng Phật là Thích Tôn. Thế nhưng, dù Thiền sư Đạo N guyên có quan điểm “Thích Tôn”, song trong tác phNm của ngài hầu như không nói về Bổn Tôn, cũng không viết về Bổn Tôn, trong khi những quan niệm về Thích Tôn, về Phật Thân luôn luôn phải thấy Thích Tôn và nhìn theo cái nhìn của Đức Phật. Điều nầy phải thừa nhận rằng, những quan niệm ấy ở phương diện và góc độ khác nhau, nếu chỉ căn cứ vào định nghĩa một chiều nào đó, thì thật là khó lãnh hội, hay nói cách khác, cho dù Bổn Tôn của Tào Động Tông là Đức Thích Tôn,

phải chăng chư Phật đều giống như Thích Tôn? Lý giải vấn đề thật không đơn thuần tí nào. Đa số các học giả của Tào Động Tông đều cho rằng Bổn Tôn của một tôn là Đức Thích Tôn song lý giải có mỗi cách trình bày riêng biệt quá đơn giản làm thay đổi quan niệm về Bổn Tôn. II.2.3 N hiều Cách Giải Thích Về Bổn Tôn Thứ nhất, có thuyết cho rằng Bổn Tôn, theo Thiền Sư Đạo N guyên, Pháp Thân Phật cũng là Bổn Tôn của mình, bởi vì Pháp Thân Phật tròn đầy mọi nơi, vượt khỏi thời gian, không gian, không có bắt đầu, cũng không có cuối cùng, không có hình dạng, màu sắc. Có thể hiểu đơn giản rằng Pháp Thân Phật chính là đời sống của toàn vũ trụ, mà con người đang sống ở trong đó, như quan niệm Đức Tỳ Lô Giá N a Phật của Tông Hoa N ghiêm và Đức Đại N hật N hư Lai của Tông Chơn N gôn. Thứ hai có thuyết cho là Ứng Thân Phật của Đức Thích Tôn. Ứng Thân Phật có nghĩa là vì cứu khổ cho chúng sanh, vì gia trì cho những người tu hành chưa thuần thục mà Đức Thích Tôn thị hiện làm Phật. Thật ra, nếu so sánh với Pháp Thân Phật, Ứng Thân Phật thấp hơn nhiều, song Phật không phải chỉ có Ứng Thân mà còn có Pháp Thân và Báo Thân nữa. Báo Thân là thân thọ nhận kết quả tu hành trong quá khứ. Tuy nhiên, gọi là Ứng Thân trong ba thân chỉ là một cách nói về sự thị hiện của Đức Thích Tôn mà thôi. N goài ra, trong ba thân đó lấy bất cứ thân Phật nào làm Bổn Tôn, những Tôn khác cũng được đề xướng như nhau. Đây là điểm chung, cũng có thể hiểu rằng, không phải là điều cá biệt của Tào Động Tông. Thứ ba, về sau, tín đồ Phật Giáo căn cứ vào quan điểm Thích Tôn và Phật Thân để giải thích, lý luận về thân Phật, song theo lối giải thích trước, không cần phải phân chia ba thân của Đức Thích Tôn, thân nào là Bổn Tôn, bởi vì không những chỉ có Pháp Thân Phật, chẳng phải chỉ có Báo Thân Phật, mà cũng không hẳn là Ứng Thân Phật. Hơn nữa, không dựa vào quan niệm Phật Thân mà căn cứ vào lịch sử để lý giải quan niệm Thích Tôn là Bổn Tôn. Thứ tư, dù trong lịch sử có đức Thích Tôn tọa thiền dưới cội Bồ Đề, giác ngộ tuệ giác siêu việt, song có thuyết lại cho rằng thị hiện của Đức Thích Tôn là Đức Phật cho nên vị Thầy giảng dạy hiện tại cho chúng ta cũng là Bổn Tôn. Cụ thể hơn, thân thể phàm tình của vị Thầy đang tu hành, trụ trì chùa và giảng pháp là Bổn Tôn thật của chúng ta.

Thứ năm, có thuyết cho rằng dù Tông Chơn N gôn, Tông Thiên Thai, Tông Tịnh Độ, Tông Tịnh Độ Chơn Tông, tọa thiền vẫn là phương pháp tu hành căn bản của Phật Giáo,

do vậy Bổn Tôn của Tông Tào Động cũng là tọa thiền. Tóm lại, có nhiều luận thuyết về Bổn Tôn được đề cập, song dù thế nào đi chăng nữa, tác phNm của Thiền Sư Đạo N guyên đã vẽ ra cho chúng ta con đường giải thoát rất hiện thực, qua các quan điểm như Phật Thân, Thích Tôn vô cùng sâu rộng. Hẳn nhiên, không đơn giản để kết luận cái nào đúng, cái nào sai một cách phiến diện được. II.2.4 Với Việc Tọa Thiền Bổn Tôn Là Đức Thích Tôn N guyên bản chương "Biện Đạo Thoại" của tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng" bằng thể văn vấn đáp còn sót lại tại chùa Chánh Pháp (Shoboji), thành phố Mizuzawa thuộc tỉnh Iwate, cho biết rằng Thiền Sư Đạo N guyên có lý giải về Bổn Tôn ở phần giáo chủ luận, thật là hy hữu. Căn cứ vào đó cho thấy quan điểm của Thiền Sư Đạo N guyên về Bổn Tôn rằng: Đức Thích Tôn ngồi thiền dưới gốc cây Bồ Đề, chứng đắc giác ngộ hoàn toàn. Hơn nữa, quan niệm thông thường cho rằng Ứng Thân Phật chính là Đức Thích Tôn, song theo Thiền Sư Đạo N guyên Ứng Thân Phật không phải là Đức Thích Tôn. Ứng Thân Phật cũng phải thọ lãnh giới một cách nghiêm mật. N hư vậy, lối giải thích ba thân không rời nhau chỉ cho Đức Thích Tôn lịch sử hoàn toàn không phù hợp. Tuy nhiên, nên lưu ý rằng dù Đức Thích Tôn lịch sử ám chỉ Đức Thích Tôn có tính cách nhân gian đi nữa, Đức Thích Tôn ấy vẫn không thoát ra khỏi sự khổ não có tính cách thế gian ấy, bởi vì trên phương diện siêu việt tuyệt đối, Phật không phải chỉ duy nhất có tính cách thần linh mà Phật là bậc trí tuệ, từ bi, là một con người siêu việt, có nhân cách cao tột. Đức Phật là Đức Thích Tôn, mà Bổn Tôn Đức Thích Tôn phải có lòng từ vô biên như đấng cha lành; Phật là Thích Tôn, một bậc Thầy vĩ đại; Phật là vị Đại Hòa Thượng, bậc Tiền Bối, xa hơn Phật là mục tiêu và lý tưởng hướng đến; Phật chính là Đức Thích Ca Mâu N i N hư Lai vậy. II.2.5 Bổn Tôn Đang Sinh Động Đặc biệt, sùng bái, tín ngưỡng, lễ bái không phải là Bổn Tôn, mà chỉ lễ nghi ấy biểu hiện được Đức Thích Ca Mâu N i Phật mà thôi. Có một bài ca của Thiền Sư Đạo N guyên được truyền lại như sau: "Sắc màu của núi, tiếng động của suối,

tất cả đều là Thích Ca Mâu N i của chúng ta. Âm thanh cũng như vậy". N hững câu nầy được ngâm vịnh ở chùa Vĩnh Bình, bởi vì Thiền Sư Đạo N guyên có thời gian tu tập ở chùa Vĩnh Bình, cho nên ca ngợi Chùa Vĩnh Bình là nơi đầy đủ nhân duyên cảm ứng âm thanh và hình tướng Đức Phật Thích Ca Mâu N i. Có một bài thơ khác còn sót lại của Thiền Sư Đạo N guyên là: "Cỏ trong am, dẫu ngủ hay thứ, cũng lên rạng ngời, N am Mô Thích Ca Mâu N i Phật". N hững vần thơ nầy cũng thường được ngâm ở chùa Vĩnh Bình. Có thể trong thời gian tu tập ở Chùa Vĩnh Bình, dù ngủ hay thức hầu như tâm thức N gài lúc nào cũng đầy ắp câu niệm N am Mô Thích Ca Mâu N i Phật, cho nên có những vần thơ ấy. Tông Tào Động thực hành pháp niệm danh hiệu Bổn Tôn, hoặc niệm Phật, mà như trên đã thuật, câu niệm ấy rõ ràng là danh hiệu N am Mô Thích Ca Mâu N i Phật. II.2.6 Bổn Tôn Không Rời Khỏi Thân N ầy Thiền Sư Đạo N guyên xây dựng Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự tại huyện Fukui, bởi vì bổn sư của N gài là Thiền Sư N hư Tịnh, người Trung Hoa cho nên cách trang trí và thờ tự chùa N hật lấy nguyên mẫu của chùa Cảnh Đức (Thiên Đồng Sơn Cảnh Đức Tự) ở Trung Hoa. Với Thiền Sư Động Sơn, Chùa Vĩnh Bình là Tiểu Thiên Đồng vậy. Trên đòn dông tại La Hán Đường của Thiên Động Sơn Cảnh Đức Tự có viết rằng: "Đây là chốn Tuyết Sơn". Tuyết Sơn là dãy núi thuộc Hi Mã Lạp Sơn ở Ấn Độ, song với họ, không phải chỉ giới hạn ý nghĩa dãy núi ở Ấn Độ mà

là tượng trưng cho Đức Thích Tôn. Hơn nữa, Thiên Đồng Sơn Cảnh Đức Tự, với người Trung Hoa, là Thánh Địa của Đức Thích Tôn. N hư vậy, cũng có thể nghĩ rằng Chùa Vĩnh Bình là Thiên Đồng Sơn của N hật Bản tương đương Thánh Địa của Đức Thích Tôn tại N hật. Thiền Sư Oánh Sơn xây dựng Động Cốc Sơn Vĩnh Bình Tự tại huyện Ishikawa, thuộc phố Hanesaku, gọi N gũ Lão Phong là Thánh Vực. N gũ Lão Phong là nơi thờ phụng năm vị Tổ, đều có ngày kỵ đó là: Thiền Sư N hư Tịnh; Cao Tổ Thiền Sư Đạo N guyên, đệ tử của Thiền Sư N hư Tịnh Thiền Sư Hoài Tráng (Eijo), đệ tử của Thiền Sư Đạo N guyên

Thiền Sư N ghĩa Giới (Gikai), đệ tử của Thiền Sư Hoài Tráng Thiền Sư Oánh Sơn, đệ tử của Thiền Sư N ghĩa Giới. Ở chùa Vĩnh Bình từ xưa đã gọi N gũ Lão Phong nầy là Thiên Đồng Sơn, mà Cao Tổ là Thiền Sư N hư Tịnh. Chùa Vĩnh Bình là chi nhánh của Thiên Đồng Sơn Cảnh Đức Tự, mà Thiên Đồng Sơn, được xem như có liên hệ trực tiếp với Đức Thích Tôn ở Ấn Độ. N ơi khởi nguyên giáo đoàn Tông Tào Động là chùa Vĩnh Bình và chùa Vĩnh Quang và Bổn Tôn chính là Đức Thích Tôn cho nên nơi đó được xem như là Thánh Địa, đến đó lễ bái và thực hành những lời Phật dạy, tự thân rất dũng mãnh và tinh tấn. Với tôi (tác giả) bao giờ và ở đâu cũng hoài mong sống chân thật để thực hành lời Bổn Tôn – Đức Thích Tôn dạy và tâm niệm rằng dù với ai đi nữa cũng phải trực nhận ở họ có một sự vĩ đại đang biểu hiện qua thân nầy. II.3 Lưỡng Tổ Đại Sư • Thiền Sư Đạo N guyên • Thiền Sư Oánh Sơn II.3.1 Lưỡng Tổ Giống như những Tông Phái khác, Tông Tào Động gọi Tổ Sư là Lưỡng Tổ. Tác phNm "Tào Động Tông Tông Chế" cho rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu N i là Bổn Tôn. Cao Tổ Thừa Dương Đại Sư (Jojo Daishi) và Thái Tổ Thường Tế Đại Sư (Josai Daishi) là Lưỡng Tổ. Điểm đặc biệt của Tông Tào Động là một Tông có hai vị Tổ cho nên gọi là Lưỡng Tổ, không sử dụng thuật ngữ Tông Tổ. Lưỡng Tổ, theo văn tự, nghĩa là hai vị Tổ Sư, khai sáng Tông Tào Động. Thiền Sư Đạo N guyên, còn gọi là Thừa Dương Đại Sư, do Minh Trị Thiên Hoàng sắc phong Đại Sư, được truy phong là Cao Tổ. Thiền Sư Oánh Sơn, do Minh Trị Thiên Hoàng sắc phong là Thường Tế Đại Sư, người xiển dương và quảng bá giáo điển của Thiền Sư Đạo N guyên nên được gọi là Thái Tổ. Trong tác phNm nầy, không gọi Thiền Sư Đạo N guyên là Đại Sư, Cao Tổ mà chỉ gọi là Thiền Sư Đạo N guyên, cũng không gọi Đạo Hiệu Đại Sư của Thái Tổ, mà chỉ gọi là Thiền Sư Oánh Sơn mà thôi, thậm chí cũng chẳng dùng chữ Thừa Dương Đại Sư để xưng tán Thiền Sư Oánh Sơn, có lẽ gọi như thế để cho mọi người dễ cảm hơn, thân thiện hơn và gần gũi hơn và biết đến nhiều hơn. Cao Tổ là tổ phụ, Tổ phụ của Tổ phụ gọi là Cao Tổ Phụ, còn có nghĩa là Tiên Tổ, những đời trước xa thật là xa. N hững vị Thiên Tử đầu tiên của

Trung Hoa khai mở những vương triều cũng được gọi là Cao Tổ, như Hán Cao Tổ (Hán Lưu Bang); Đường Cao Tổ (Đường Lý N guyên) rất là nổi tiếng. Mỗi Tông mỗi phái đều có vị khai Tổ được gọi là Cao Tổ như Cao Tổ Hoằng Pháp Đại Sư; Cao Tổ N hật Liên Đại Bồ Tát v.v... Thái Tổ là vị khởi sự kế thừa, mà vốn chỉ cho những vị Đế Vương đời kế thừa đầu tiên, ở Trung Hoa và bán đảo Triều Tiên như thời Hậu Lương có Châu Toàn Trung, thời N guyên có Jingisukan Thành Cát Tư Hản, ở Cao Ly có Vương Kiến v.v... được gọi là Thái Tổ. N goài ra, có một số Tông Phái có một vị Cao Tổ còn gọi là Thái Tổ, như Thái Tổ Thân Loan Thánh N hơn được xưng tán rất là quen thuộc. Dù được gọi là

Cao Tổ hay Thái Tổ, đều là bậc trưởng thượng, những vị Tổ đời trước là những vị Thỉ Tổ vậy. N hưng danh hiệu tuyên xưng như Cao Tổ hay Thái Tổ được chấp nhận và quyết định tại hội nghị Đại Bổn Sơn Quản Thủ vào năm Minh Trị thứ 10 . Tông Tào Động còn gọi các vị Tổ Sư như Cao Tổ là N ghiêm Phụ còn Thái Tổ là Từ Mẫu. II.3.2 Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư N ếu cho rằng mỗi Tông có mỗi Tổ Sư, đặc biệt với Tông Tào Động hoàn toàn không phải, mà gọi là Lưỡng Tổ. Tại sao có đến hai vị Tổ? Bởi vì giáo đoàn Tông Tào Động do hai vị Thiền Sư Đạo N guyên và Thiền Sư Oánh Sơn thành lập, hay nói cách khác nếu không có hai vị Thiền Sư Đạo N guyên và Thiền Sư Oánh Sơn thì không có Tông Tào Động. Thiền Sư Đạo N guyên là vị Tổ Sư được truyền thừa gián tiếp từ Đức Thích Ca ở Ấn Độ, qua các vị Tổ Trung Hoa, cuối cùng thực hành pháp môn tọa thiền, từ đó mạng mạch Phật Pháp được truyền thừa vào N hật và tạo thành phong cách riêng biệt. Hơn nữa, Thiền Sư Đạo N guyên soạn tác phNm "Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi" giảng rõ ý nghĩa và phương pháp tọa thiền dựa trên căn bản người N hật. Vấn đề tại sao Tọa Thiền là đúng chánh pháp được giải thích rõ ràng hơn trong tác phNm "Biện Đạo Thoại". Ở N hật ngôi Chùa chủ trương thành lập đạo tràng tọa Thiền đầu tiên đúng chánh Pháp là Chùa Hưng Phước Tự, Kyoto, phương pháp hành trì như thế nào được ghi rõ trong tác phNm "Học Đạo Dụng Tâm Tập", ngay cả sáu tác phNm "Vĩnh Bình Thanh Quy" (Eihei Shingi) cũng ghi lại những vấn đề như truyền thống hành trì, sinh hoạt Chùa Viện, pháp môn tọa Thiền ở N hật và những Thanh Quy, quy củ trong đạo tràng v.v... N hật Bản cũng là quốc gia cử hành lễ Phật

Thành Đạo, kỷ niệm ngày giác ngộ của Đức Thích Tôn, một việc làm vô cùng ý nghĩa về phương diện lịch sử, minh xác nguồn gốc Phật Giáo. N goài ra, tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng" gồm 95 quyển giải thích rõ những pháp môn tọa Thiền nguyên thỉ, thuần túy Phật Giáo ở N hật. N hư vậy, Thiền Sư Đạo N guyên minh định Phật Pháp có chỗ đứng rất thuần túy và chính thống ở N hật. Thời N gài, thế hệ đệ tử đầu tiên như Hoài Tráng được chăm sóc kỹ lưỡng để tiếp tục kế thừa mạng mạch Phật Pháp, những chùa như Hưng Thánh Tự, Vĩnh Bình Tự ở huyện Fukui được xây dựng thật đẹp. Do vậy, phải nói rằng Thiền Sư Đạo N guyên xứng đáng được tôn xưng là một vị Tổ Sư chính thống. II.3.3 Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư Thiền Sư Đạo N guyên viên tịch lúc mới 54 tuổi. Chùa Vĩnh Bình xảy ra nhiều điều không vui trong một thời gian khá lâu, suốt thời Thiền Sư Hoài Tráng, đời thứ hai và Thiền Sư N ghĩa Giới, đời thứ ba, Tăng Đoàn bị hỗn loạn về tư tưởng, bè phái và tình cảm v.v... nội bộ xảy ra những cuộc tranh chấp kịch liệt, thời gian được gọi là "Vĩnh Bình Tự Tam Đại Tương Luận" hay "Vĩnh Bình Tự N ội Bộ Phân Tranh". N gười chứng kiến tất cả ngọn ngành của thời gian nầy là Thiền Sư Oánh Sơn, đệ tử dễ thương của Thiền Sư N ghĩa Giới. Thiền Sư Oánh Sơn là người có căn cơ khế hợp, chịu khó lắng nghe và lãnh thọ kinh nghiệm truyền thừa đúng Chánh Pháp của Tông Phong Vĩnh Bình Đạo N guyên. Thế cho nên không những N gài ổn định được mọi sự tranh chấp đối lập mà còn dung hòa thống nhất tất cả mọi quan điểm với hoài mong tiếp nối sứ mệnh người xưa, duy trì mạng mạch Phật Pháp và làm sao cho Phật pháp duy trì được xiển dương quảng bác. N gài còn nhận lãnh trách nhiệm từ Thiền Sư N ghĩa Giới, mở chùa Đại Thừa, huyện Ishikawa về sau trở thành đời thứ hai. N gài còn mở chùa Vĩnh Quang Tự, Tổng Trì Tự - Sojiji, nguyên thỉ ở huyện Ishikawa,

phát triển một số việc làm cụ thể như: Thứ nhứt, tiếp nối việc hành trì pháp môn Tọa Thiền như là căn bản của Tông phong, mà Thiền Sư Đạo N guyên truyền lại. Tự bản thân N gài tinh tấn thực hành Thiền Tọa rất nghiêm mật, chính trong tác phNm "Động Cốc Ký" N gài tự thuật rằng: "Cuộc đời suốt 41 năm dài kể từ khi xuất gia, chưa bao giờ nghỉ tọa Thiền một ngày nào cả".

Thứ hai, lãnh thọ pháp môn tọa thiền của Thiền Sư Đạo N guyên trong "Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi", ghi lại tất cả những điều vi diệu, những sở đắc trong thời gian tinh tấn thực hành Thiền định, trong tác phNm "Tọa Thiền Dụng Tâm Ký" khiến cho nhứt thời Thiền tọa phổ biến khắp mọi nơi. Thứ ba, căn cứ "Vĩnh Bình Thanh Quy", thanh quy lý tưởng và dựa vào nguyên tắc thích hợp, để bổ sung thêm và biên soạn tác phNm "Oánh Sơn Hòa Thượng Thanh Quy", mà trong Thanh Quy nầy phân định rõ ràng những công việc lễ bái từng ngày, từng tháng và từng năm một cách cụ thể. Tác phNm "Oánh Sơn Hòa Thượng Thanh Quy" về sau hầu như được ứng dụng trong các đạo tràng tu hành của những tự viện thuộc Tông Tào Động, được xem như quyển sách gối đầu để thực hành, không ai mà không biết đến. Thứ tư, lập trường của Thiền Sư Đạo N guyên rất chính thống, thuần túy và nhứt quán được ghi lại trong tác phNm "Truyền Quang Lục". Tác phNm nầy giải thích rõ những vấn đề truyền thống, lịch sử, tâm linh v.v... của tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng". Thứ năm, căn cứ nguyên bản "Chánh Pháp N hãn Tạng" của Thiền Sư Đạo N guyên, cả Tông môn nổ lực sưu tập, chỉnh lý, nghiên cứu học tập, kế thừa tông chỉ, không cho thất lạc. Thứ sáu, góp nhặt những mẫu chuyện đời của Thiền Sư N hư Tịnh, bổn sư của Thiền Sư Đạo N guyên và Thiền Sư Đạo N guyên, Thiền Sư Hoài Tráng, Thiền Sư N ghĩa Giới viết thành các tác phNm như "Tam Đại Tôn Hành Trạng Ký", "Động Sơn Truyền Đăng Viện N gũ Lão N gộ Tắc Tịnh Hành N ghiệp Lược Ký", trùng tu các mộ tháp chư vị Tổ Sư ở chùa Vĩnh Thừa và Vĩnh Quang. Đặc biệt, tại khai sơn đường của chùa Vĩnh Quang, Thiền Sư Oánh Sơn ghi lại sự nghiệp vĩ đại, công hạnh xử trí và việc điều hành giáo đoàn. Thứ bảy, như trên đã nói, không chỉ đối với Tăng lữ phải hòa hợp mà người tại gia cũng được N gài khuyên nên vui hòa với nhau. Đa phần tín đồ thuộc tầng lớp nông dân địa phương cho nên phải có sự hòa hợp, hòa kính tin thân nhau. N goài ra, N gài còn soạn thảo nhiều tác phNm ghi chú, hướng dẫn các chùa viện điều hành và giải quyết vấn đề ổn thỏa những vấn đề trong chùa, bởi vì nếu không có sự hộ trì của đàn na tín thí, Tăng đoàn khó có thể tu hành trong các tự viện được. Hơn nữa, N gài cho rằng: "Phải kính tín đồ như Phật", mà quan điểm nầy, ngay cả N gài Đạo N guyên Thiền Sư cũng chưa trọn vẹn.

Thứ tám, tiếp tục duy trì thành phần nữ giới trong các Phật sự, tôn trọng chư N i như kính trọng Tăng, đặt pháp tự cho N i và giao cho chức trụ trì nữa, mà phải nói rằng đây là những việc làm mới nhất, ngay cả khi Thiền Sư Đạo N guyên còn sanh tiền không thực hiện được. Thứ chín, xây dựng rất nhiều chùa, chăm lo việc đào tạo thế hệ đệ tử. Thiền Sư Đạo N guyên chỉ xây được hai ngôi chùa, nuôi được ba vị đệ tử. N hưng Thiền Sư Oánh Sơn tạo ra bảy ngôi chùa và có hơn sáu người đệ tử tiếp tục kế truyền. Sau đó chẳng bao lâu, Thiền Sư Minh Phong (Meiho) đệ tử lớn nhất của Thiền Sư Oánh Sơn phát triển thêm 12 chùa. Đến thời Thiền Sư N ga Sơn (Gasan) cội cây được chiết thành 25 cành, cứ như thế lần lượt các môn hạ phát sanh cho đến thời Thiền Sư N ga Sơn,

Chùa Tổng Trì, đệ tử được rải đều khắp toàn quốc. Bây giờ tổng cộng là 15.000 ngôi chùa, trong số đó 70 phần trăm là những tự viện thuộc Tào Động Tông mà Thiền Sư Oánh Sơn và Thiền Sư N ga Sơn là những vị Tổ kế thừa và trực tiếp điều hành. Với sự phát triển rất thiết thực ấy, Thiền Sư Oánh Sơn được tôn kính là vị Tổ trong giáo đoàn. II.3.4 Cuộc Đời Của Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư II.3.4.1 Sinh Trưởng Tại Kyoto Thiền Sư Đạo N guyên, Cao Tổ là người N hật, sanh ra trong một giai cấp thượng lưu, tại Cửu N gả Áp (Koganosho), Kyoto giữa thời đại Kamakura, thời đại mà xã hội chính trị bước sang thời kỳ quá độ, giai cấp quý tộc phải đối đầu với giai cấp Võ Sĩ. N gài sinh năm thứ 2 Chính Trị - Seiji. Thân phụ là N ội Các Đại Thần, Cửu N gã Thông Thân (Gamichichika) và thân mẫu là con gái của N hiếp Chính Quan Bạch Đằng N guyên Cơ Phòng (Fujiwara Motofusa). II.3.4.2 Xuất Gia và Tu Hành N ăm lên ba tuổi, N gài mồ côi cha và tám tuổi mồ côi mẹ. Trước tình cảnh đau thương như thế, N gài cảm nhận cuộc đời vô thường, đầy đớn đau. N ăm lên 14, năm Kiến Bảo N guyên N iên, N gài xin phép Thúc phụ đến Tỷ Duệ Sơn, xuất gia với Tăng Chánh Công Viên (Koen), tọa chủ Tông Thiên Thai, trở thành Tăng Sĩ của Tông Thiên Thai, một Tông Phái dành cho con cái của những nhà quyền quý đương thời, thường hay đến xuất gia học đạo tại các chùa như Tỷ Duệ Sơn, Cao Dã Sơn, chùa ở N ara. Trong thời gian tu học tại Tỷ Duệ Sơn, N gài cưu mang hoài nghi rằng nếu từ lúc sanh ra, con người vốn có Tánh Phật song tại sao

phải tu hành, bởi vì giáo học của Tông Thiên Thai thuộc giáo lý Đại Thừa Phật Giáo cho rằng ai cũng là Phật, thế thì đã là Phật tại sao phải tu. Thật ra, hoài nghi nầy không phải chỉ riêng N gài mà dường như là một phong trào ưu tư về lý tưởng thành Phật và pháp môn tu hành để thành Phật. N ói theo ngôn ngữ bây giờ, ưu tư con người là gì? Và tại sao con người phải sống, thọ nhận những sự khổ não như vậy? Thế nhưng tại Tỷ Duệ Sơn chẳng có ai giải đáp cho Thiền Sư Đạo N guyên thỏa mãn. N ăm 15 tuổi, năm Kiến Bảo thứ 2, N gài hạ sơn đến tham bái với Tăng Chánh Công Dận (Koin), chùa Tam Tỉnh song cũng không được giải thích thấu đáo. Thời gian N gài lưu lại chùa Tam Tỉnh, có một sự kiện xảy ra là Tăng đồ của Tỷ Duệ Sơn tranh chấp xảy ra hỏa hoạn thiêu rụi Đường Tháp, N gài nhận thấy ở với Công Dận Tăng Chánh cũng khó có thể duy trì chánh tín. N gài Công Dận Tăng Chánh là bạn của Thiền Sư Vinh Tây (Eisai), chùa Kiến N hân (Kennin) tại Kyoto, mà Thiền Sư Vinh Tây là Tăng của Thông Thiên Thai, người thổi ngọn gió Thiền đến N hật truyền thừa cho N gài Xán Tăng, viên tịch năm thứ 3 Kiến Bảo. N ăm Kiến Bảo thứ 5, N gài 18 tuổi, được sự giới thiệu của Thiền Sư Công Dận, N gài trở thành đệ tử học Thiền Lâm Tế với Hòa Thượng Minh Toàn (Myozen), một trong những vị đệ tử của N gài Vinh Tây, bởi vì Thiền Sư Đạo N guyên nghĩ rằng đương thời Thiền là thời kỳ cuối của Phật Giáo, nên chọn Hòa Thượng Minh Toàn học Thiền. Gặp N gài, Hòa Thượng Minh Toàn biết là một vị Tăng nhiệt tâm cầu đạo, liền hứa khả tận tâm truyền trao áo nghĩa của Thiền, song cho đến năm sau, N gài vẫn không sao giải tỏa những hoài nghi của mình cho nên lúc 24 tuổi, N ăm Trinh Ứng thứ 2, N gài từ giả Hòa Thượng Minh Toàn lên đường sang Trung Hoa cầu học. II.3.4.3 Vị Thầy Chính – N hư Tịnh Thiền Sư Văn hóa N hật phát triển từ Trung Hoa, một trong những nơi được xem là chiếc nôi Phật Giáo. Thời đó, ai ai về chốn Tổ ở Trung Hoa, cũng vì mục đích cầu đạo, tìm con đường Phật pháp chơn chánh. Thế nhưng lúc bấy giờ Thiền môn Trung

Hoa, chư Tăng đã sa đọa, có quá nhiều hạng người vô danh tiểu tốt, tiếp tay với quyền hành thế gian, không còn bổn nguyện, còn những bậc đạo cao đức trọng dường như bị nhận chìm vào thế tục. Trước hoàn cảnh như vậy, Thiền Sư Đạo N guyên ngán ngẫm, nhiều lúc có ý định trở về quê nhà. Tình cờ gặp Thiền Sư N hư Tịnh, đời thứ 31

thuộc Thiên Đồng Sơn Cảnh Đức Tự, tại N inh Ba, tỉnh Chiết Giang, N gài liền phát nguyện tinh tấn tu hành một cách mãnh liệt suốt thời gian khá dài cho đến năm Gia Lục nguyên niên, năm N gài 26 tuổi, chứng đắc "thân tâm thoát lạc". Đối với Thiền Sư Đạo N guyên, Thiền Sư N hư Tịnh là một ân nhân vạch ra con đường giải thoát chân chánh, thật chứng để N gài Đạo N guyên đi suốt cuộc đời của mình. Trong lịch sử Phật Giáo Trung Hoa, Thiền Sư N hư Tịnh là người không có danh vị, cả đời che thân chỉ một chiếc áo gai, ngồi thiền miên mật, tu hành không thối chuyển. Khi gặp Thiền Sư N hư Tịnh lần đầu tiên, Thiền Sư Đạo N guyên liền nhận ra một Thiền Sư khả kính đầy ấn tượng, nghe trong lòng dâng lên một niềm cảm kích và tự nói rằng "gặp được thánh nhân". Hơn nữa, qua cuộc đời hành đạo của Thiền Sư Đạo N guyên, có thể nói rằng danh của Thiền Sư N hư Tịnh được lưu truyền cho hậu thế. II.3.4.4 Thân Tâm Thoát Lạc "Thân Tâm Thoát Lạc" nghĩa là thân tâm được giải thoát hoàn toàn, bởi vì cởi bỏ tất cả những gì trói buộc và cột chặt từ xưa. Thật ra, ai cũng có thể là con người thân tâm thoát lạc, bởi vì dẫu ở đâu, bất cứ lúc nào, sống cuộc sống an nhiên là tự do rồi. Một khi đã rõ biết, Phật cũng chẳng phải có mà phàm phu cũng không, chẳng phải tu hành mới được chứng đắc giải thoát. Mỗi cánh tay cử động, mỗi bước chân đi, mỗi hơi thở trong từng khoảng thời gian ấy, chính là hành trạng của một vị Phật đang sống. Chỉ điều nầy thôi, bất cứ vật gì cũng phải lưu tâm và tất cả đều bắt đầu từ đây và từ đây tiếp nhận vào, ngoài ra hầu như không có việc khác. Tất cả là hư ngôn, là những giả tưởng, cho nên sau khi Thiền Sư Đạo N guyên về nước, tiếng nói đầu tiên của N gài là "mắt vẫn nằm ngang ngay trên sống mũi" và "không thủ hoàn hương" (tay không trở lại cố hương). Thật tế, thâm tâm thoát lạc chẳng phải là điều gì đặc biệt giống như mắt bao giờ cũng nằm ngang trên mũi rất tự nhiên ai ai cũng biết, chẳng có gì đặc biệt cả, do vậy nói rằng trở về quê hương bằng hai tay không. II.3.4.5 Hưng Thánh Tự N ăm lên 28 tuổi là năm An Trinh nguyên niên, Thiền Sư Đạo N guyên lên bờ tại Kyushu. Trở về cố hương Kyoto với bộ cà sa của người du Tăng, N gài đến thăm chùa Kiến N hân trước nhất. Hòa Thượng Minh Toàn đã viên tịch khi Thiền Sư Đạo N guyên còn ở Trung Hoa. N gài đến chùa Cực Lạc ở trong một thảo am,

sau đó N gài qua An Dưỡng Viện. N ăm 34 tuổi, năm Thiên Phước nguyên niên N gài bắt đầu xây chùa Hưng Phước, tại đó N gài xây Tăng Đường trang nghiêm như Tăng Đường ở Trung Hoa. N gài ở chùa Hưng Phước tổng cộng 10 năm dạy Phật Pháp và Thiền cho trên 2000 người thọ giới. N gài còn tạo hàng trăm cơ sở khác. Đặc biệt, N gài biên soạn nhiều tác phNm như "Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi"; "Biện Đạo Thoại", "Học Đạo Dụng Tâm Tập", "Điển Tọa Giáo Huấn", đặc biệt tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng". Với tình thầy trò, Thiền Sư Hoài Tráng, cao đệ của N gài cũng ghi chép lời thầy giảng lại thành tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng Tùy Văn Ký", trong thời gian Thiền Sư Đạo N guyên ở chùa Hưng Thánh vừa tọa thiền, vừa xiển dương Phật pháp giáo hóa rất nhiều người. Thế nhưng, lập trường của Thiền Sư Đạo N guyên thuộc tân hưng Phật

Giáo (Phật Giáo cải cách) giống như tân hưng Phật Giáo Tịnh Độ N iệm Phật, cho nên Tỷ Duệ Sơn được thành lập trước tiên rồi cả một tăng đoàn tại Kyoto mới được thành lập, sau nầy tất cả đều nhận lãnh sự đàn áp bách hại và chùa Hưng Thánh bị thiêu rụi hoàn toàn. II.3.4.6 Vĩnh Bình Tự N ăm N gài 44 tuổi nhằm năm Khoan N guyên nguyên niên, N gài rời chùa Hưng Thánh đến Chỉ Tỷ Áp (Binosho) ở Việt Tiền, nơi có những tín đồ tin lục độ Ba La Mật, góp tiền dâng cúng đất ở Việt Tiền để làm việc nghĩa. Địa danh ấy cũng gọi là Việt Châu, giống như tên địa danh mà Thiền Sư N hư Tịnh xuất thân. N ghe tin ấy, N gài cảm động vô cùng. Ở Việt Tiền, N gài ở những chùa cổ như Kiết Phong Tự, Thiền Sư Phong Tự v.v... và kiến tạo Đại Phật Tự (Daibutsuji). Sau nầy, Đại Phật Tự đã đổi thành Vĩnh Bình Tự vào năm Khoán N guyên thứ 3, lúc N gài 46 tuổi. Thiền Sư Đạo N guyên ở chùa Vĩnh Bình trước sau là 10 năm, chuyên chú hoàn thành tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng", đồng thời chế định thanh quy của Tăng Đoàn. N gài vừa dạy dỗ đệ tử xuất gia vừa giáo hóa cho những đệ tử tại gia tại Kamakura. Thiền Sư Đạo N guyên xem Chùa Vĩnh Bình như chỗ Nn cư tránh mọi giao tiếp với bên ngoài, song không phải sống cô độc. Dẫu sao đi nữa, N gài mở rộng con đường đạo cho nhiều người, mà hầu hết những người kế thừa N gài đều tu đúng chánh pháp. Phải nói rằng đó chính là kết quả từ nổ lực của N gài. II.3.4.7 Thị Tịch Lúc 54 Tuổi

Thế nhưng, thời kỳ vô thường biến hoại của Thiền Sư Đạo N guyên cũng đến. Thân thể N gài bị ung nhọt, hành hạ N gài ác liệt. Vì yêu mến chùa Vĩnh Bình, N gài không muốn rời xa cho nên N gài thệ rằng mãi mãi không rời nơi đây, song N gài phải nhận lời thỉnh cầu của tín đồ về Kinh Đô (Kyoto). Cư sĩ Giác N iệm, đệ tử tại gia với Thiền Sư Hoài Tráng cao đệ và môn đồ hết lòng phụng dưỡng chữa trị song trải qua 20 ngày nghỉ ngơi, N gài thị tịch ngày 28 tháng 8 âm lịch, nhằm Kiến Trường năm thứ 5 với tuổi đời là 54. II.3.5 Cuộc Đời Của Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư II.3.5.1 Sống ở Việt Tiền Sau khi Cao Tổ - Thiền Sư Đạo N guyên viên tịch, Thái Tổ - Thiền Sư Oánh Sơn lưu lại Việt Tiền đến năm Văn Vĩnh thứ 5 , sau thời Kamakura tổng cộng 15 năm. Lúc bấy giờ sứ giả Mông Cổ đến Phủ Tể Tướng cấm việc giao thông làm cho chính quyền Bắc Điều Thời Tông kháng cự lại, đất nước đến lúc lâm nạn thật gian nan khổ sở. Thiền Sư Hoài Tráng, trưởng tử của Thiền Sư Đạo N guyên là đời thứ 2 của Chùa Vĩnh Bình, Thiền Sư N ghĩa Giới, đệ tử Thiền Sư Hoài Tráng là đời thứ 3 của Chùa Vĩnh Bình, Thiền Sư Oánh Sơn là tổ thứ 4 kể từ Thiền Sư Đạo N guyên. Có một nhân duyên cảm ứng bất khả tư nghì, Thiền Sư Oánh Sơn sinh tại Đa N hĩ (Tane), nằm dưới chân chùa Vĩnh Bình. Thân phụ của N gài là Liễu N hàn Thượng Tọa (Kyokan Joza) thật, hư không rõ. Thân mẫu N gài là Hoài Quán Đại Tỷ (Ekan Daishi). Thật ra, việc nầy không rõ ràng lắm. Tuy nhiên một điều chắc chắn rằng N gài không xuất thân từ giai cấp quý tộc như Thiền Sư Đạo N guyên. N gài có nhân duyên rất ít đối với thân phụ, nhưng lại có nhiều với Thiền Sư Đạo N guyên. II.3.5.2 Xuất gia và Tu Hành Ưu Bà Di Minh Trí (Myochi), bà ngoại của Thiền Sư Oánh Sơn là người mà Thiền Sư Đạo N guyên gặp đầu tiên lúc từ Trung Hoa về lập Chùa Kiến N hân, Kyoto. N ói cách khác, bà N goại của N gài rất kính tín Thiền Sư Đạo N guyên, trước khi N gài ra đời, phải chăng đây là duyên Phật của N gài, cũng có thể gọi là túc duyên sẵn có, bởi vì gia đình N gài rất sùng tín Tam Bảo, bà N goại, Ưu Bà Di Minh Trí và mẹ, Hoài Quán Đại Tỉ đều sùng tín Đức Quan Âm. N ăm vừa lên 8, nhằm

năm Kiến Trị nguyên niên, N gài theo N goại đến chùa gặp Thiền Sư N ghĩa Giới, Tổ thứ 3 của chùa Vĩnh Bình, liền xin xuất gia làm đệ tử Phật. Thiền Sư N ghĩa Giới cũng sanh ra ở Việt Tiền, là người đồng hương của Thiền Sư Oánh Sơn. Từ năm

8 tuổi vào chùa Vĩnh Bình của N gài Đạo N guyên cho đến năm 58 tuổi N gài viên tịch vẫn kiên giữ một phái duy nhất và tắm gội trong dòng pháp của Thiền Sư Đạo N guyên, cho nên môn hạ của Vĩnh Bình cho rằng Thiền Sư Oánh Sơn thuần huyết thống, nếu không muốn nói là giống như đúc. II.3.5.3 Ba Vị Tổ Sư: N ghĩa Giới, Hoài Tráng, Tịch Viên Thiền Sư N ghĩa Giới lúc nào cũng muốn nối kết nhân duyên với Thiền Sư Đạo N guyên, để được thân cận trong mọi điều kiện có thể. Thiền Sư Hoài Tráng và Thiền Sư Oánh Sơn cũng vậy. Riêng Thiền Sư Hoài Tráng là đệ tử sau cùng vào năm Hoằng An thứ 3. Tuy nhiên, khi Thiền Sư Oánh Sơn mới 13 tuổi mà Thiền Sư Hoài Tráng đã 82 rồi. Lúc Thiền Sư Hoài Tráng viên tịch, Thiền Sư Oánh Sơn xem như không còn lãnh thọ tôn chỉ Thiền Sư Đạo N guyên trực tiếp nữa, bởi vì Thiền Sư Đạo N guyên chỉ có 2 người đệ tử đặc biệt mà thôi. N hờ nối kết được Phật duyên sâu xa như vậy, sau nầy Thiền Sư Oánh Sơn đương nhiên trở thành Tổ Sư, không ai khác hơn được. Thiền Sư Tịch Viên cũng là đệ tử của Thiền Sư Đạo N guyên từ lúc N gài ở Trung Hoa về, kiến lập chùa Bảo Khánh (Hokyo) tại Ono. Lúc đó N gài Tịch Viên mới có 19 tuổi rời cuộc sống thế gian xuất gia tu hành nghiêm túc, chứng ngộ giải thoát. N gài Đạo N guyên viên tịch, nội bộ chùa Vĩnh Bình bất ổn, Thiền Sư N ghĩa Giới và Thiền Sư Oánh Sơn tiễn đưa Thiền Sư Tịch Viên quy Nn. II.3.5.4 Bình Thường Tâm Thị Đạo N ăm 22 tuổi nhằm vào năm Chánh Ứng thứ 2, N gài giã từ Thiền Sư N ghĩa Sơn hạ sơn đến cư trú tại chùa Đại Thừa ở Gia Hạ, quyết tâm ngồi thiền đến chứng ngộ. N ăm 27 tuổi nhằm vào năm Vĩnh N hân thứ 2, N gài học về Thiền Công Án (đề tài) “Bình Thường Tâm Thị Đạo” liền khai ngộ, được Thiền Sư N ghĩa Giới ấn chứng. “Bình thường tâm thị đạo” là một công án hỏi đáp rất nổi tiếng của hai vị Thiền Tăng đời nhà Đường ở Trung Quốc, đó là Thiền Sư N am Tuyền Phổ N guyện và đệ tử là Thiền Sư Triệu Châu Tòng N iệm . Triệu Châu hỏi rằng: “Cốt tủy của Phật giáo là gì?” N am Tuyền Thiền Sư đáp: “Tâm bình thường là đạo”. Tâm bình thường là đạo nghĩa là tâm bình thường là cốt tủy của Phật đạo vậy. Bình thường tâm chúng ta rất tự tại, không lưu tâm, tâm đó được gọi là tâm bình thường, tâm uyên nguyên, ngay thẳng. Thiền Sư Oánh Sơn đã lãnh hội tâm bình thường, cho nên Thiền Sư N ghĩa Giới ấn chứng là người kế thừa Đại Thừa vậy.

II.3.5.5 Khai Mở Chùa Vĩnh Quang và Chùa Tổng Trì N ăm 28 tuổi nhằm năm Vĩnh N hân thứ 4, N gài xây dựng Chùa Thành Mãn (Joman) ở Aba, huyện Tokushima. Có năm người đệ tử thọ giới với N gài, sau đó có đến 70 người thọ giới. Thời gian ấy, Thiền Sư N ghĩa Giới cũng đã lớn tuổi cần người thị giả, nên N gài phải về chùa Đại Thừa. N ăm 35 tuổi, nhằm năm Càn N guyên nguyên niên, N gài trở thành vị trụ trì thứ 2 chùa Đại Thừa, đề xướng “Truyền Quang Lục”, và biên soạn tác phNm “Tọa Thiền Dụng Tâm Ký”. N ăm 46 tuổi, nhằm năm Chánh Hòa thứ 2, N gài khai sáng Chùa Vĩnh Quang, tại phố Hakui, thuộc N ăng Đăng, soạn tác phNm “Oánh Sơn Hòa Thượng Thanh Quy” và sao chép “Đồng Cốc Ký”. Hầu như tất cả các tác phNm chú văn, trí văn đều làm ở đây (ghi chú các câu văn và phối trí lại lời văn). N gài còn kiến tạo N gũ Lão Phong, nuôi dưỡng nhiều đệ tử tại đây. N goài ra, N gài còn thành lập nhiều chùa viện ở nơi khác.

Sau nầy, Thiền Sư Minh Phong, cao đệ của N gài, hộ trì và bảo quản Chùa Đại Thừa cũng như những cơ sở khác. N ăm 57 tuổi, nhằm năm Chánh Trung nguyên niên, N gài khai sáng Chùa Tổng Trì, huyện Ishikawa, quận Phụng Chí (Fugeshi) thuộc N ăng Đăng. Chùa Tổng Trì, về sau được Thiền Sư N ga Sơn, Cao Đệ hướng dẫn dần dần nơi đây trở thành chiếc nôi phát triển mạnh mẽ thành giáo đoàn Tông Tào Động, gọi là Đại Bổn Sơn Tông Tào Động, môn phong ấy là gạch nối cho thiên hạ ngồi chung lại với nhau. Phải nói rằng nếu không có Thiền Sư Oánh Sơn đăng trường (nhập cuộc), giáo đoàn Tông Tào Động không thể được như bây giờ. II.3.5.6 Viên Tịch Tại Chùa Vĩnh Quang Sinh ra và lớn lên ở miền Bắc và nửa đời hoạt động của N gài cũng ở miền Bắc, dù phạm vi hoạt động không rộng lắm, nhưng rất thỉ chung. Sau nầy, Tông phái phát triển và mở rộng vượt qua ranh giới, khai sơn phá thạch đến các địa bàn khác và lan truyền ra toàn cõi N hật Bản. Vào ngày 15 tháng 8 âm lịch, năm Trung Chánh thứ hai , sau khi giao lại trách nhiệm cho Thiền Sư N ga Sơn tại chùa Tổng Trì, Thiền Sư Oánh Sơn trở về Chùa Vĩnh Quang, ngôi chùa trở thành nơi an nghỉ ngàn thu của Thiền Sư Oánh Sơn cũng như lưu giữ tro cốt của N gài. II.4 Lịch Sử Tào Động Tông

II.4.1 N gay Sau Thời N gài Đạo N guyên Thiền Sư – Giữa Thời Kỳ Kamakura (Kiêm Thương) Lịch sử của Tông Tào Động rất đặc biệt, phải nói rằng khởi nguyên từ Thiền Sư Đạo N guyên, hoằng dương pháp môn Tọa Thiền. N gài có 80 đệ tử, nhưng sách vở ghi lại chỉ năm, sáu vị hữu danh mà thôi. Thiền Sư Hoài Tráng là người trụ trì thứ hai Chùa Vĩnh Bình. Thiền Sư N ghĩa Giới là người trụ trì thứ ba và khai sơn Chùa Đại Thừa. Thiền Sư N ghĩa Diễn (Gien). là người trụ trì thứ tư Chùa Vĩnh Bình. Thiền Sư Hàn N ham N ghĩa Doãn (Kangan Giin) khai sơn chùa Đại Từ ở huyện Kumamoto.Thiền Sư Tịch Viên khai sơn Chùa Bảo Khánh ở Việt Tiền, huyện Fukui, phố Đại Dã. Thiền Sư Thuyên Huê (Senne) khai sơn Chùa Vĩnh Hưng, Kyoto và Thiền Sư Kinh Hào (Kyogo) v.v... Sau khi Thiền Sư Đạo N guyên viên tịch, Thiền Sư Hoài Tráng kế thừa trù trì Chùa Vĩnh Bình 50 năm. Chân thành niệm ân đức và để bày tỏ lòng hiếu kính đối với Thiền Sư Đạo N guyên, N gài chỉnh lý lại trên 110 tác phNm mà N gài Đạo N guyên biên soạn để lưu truyền cho hậu thế cho đến ngày nay. Thiền Sư N ghĩa Giới kế thừa trách nhiệm trụ trì Chùa Vĩnh Bình từ Thiền Sư Hoài Tráng, thời gian N gài Trụ Trì, bề ngoài trông thấy vẽ tốt đẹp nhưng bên trong nội bộ Chùa Vĩnh Bình có nhiều vấn đề, thật nhiều khổ tâm, phiền muộn chung quy cũng chỉ vì cảm tình, bè phái, ganh tỵ, hiềm khích v.v.., ảnh hưởng cuộc chiến Trung – N hật. Chính những điều đó khiến cho N gài phải rời Chùa Vĩnh Bình hạ sơn khai sơn Chùa Đại Thừa ở Gia Hạ, huyện Ishikawa, trở thành vị Sơ Tổ chùa nầy. Thiền Sư N ghĩa Diễn kế nhiệm chức vụ Trụ Trì Chùa Vĩnh Bình từ Thiền Sư N ghĩa Giới vào thời kỳ đầy khó khăn mà kết quả những cuộc phân tranh đưa đến như thiếu sự cúng dường ủng hộ của đàn na tín thí, kinh tế sa sút, đời sống thiếu thốn. N hờ Thiền Sư Hàn N ham N ghĩa Y, người có đến hai lần sang Trung Hoa tu học. Về N hật, N gài khai sơn Chùa Đại Từ, vận động Phật Tử cúng dường thiên Tăng (1000 vị tăng) ở Giá Kiều, Can Thạch. N gài dấn thân vào mọi hoạt động phúc lợi cho dân chúng, giương cao ngọn đuốc Thiền tại Kyushu. Thiền Sư Tịch Viên (Jakuen) là người Trung Hoa, quy y Tam Bảo xuất gia trở thành Tăng. Sau khi Thiền Sư Đạo N guyên viên tịch, N gài quy Nn trong núi cao vắng vẽ suốt 30 năm. Sau đó, ra khai sơn

chùa Bảo Khánh. N gài là người nổi tiếng gìn giữ Tông phong,

sống đời sống xuất gia thuần tịnh cao khiết. N hờ phong cách thanh tịnh của Thiền Sư Tịch Viên, Chùa Vĩnh Bình được duy trì trải qua một thời gian dài hơn 300 năm suốt thời Giang Hộ (Edo). Thiền Sư Thuyên Huệ và Thiền Sư Kinh Hào đến Kyoto sáng lập Chùa Vĩnh Hưng nghiên cứu tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng", để giảng dạy tư tưởng Phật học của Thiền Sư Đạo N guyên cho tín đồ Kyoto. Hai N gài để lại 30 tác phNm phân tích "Chánh Pháp N hãn Tạng N gự Sao", những tác phNm nầy được xem là xưa nhất, bình giải "Chánh Pháp N hãn Tạng", được đời sau vô cùng trân quý. N hư vậy, những vị đệ tử cốt cán nầy của Thiền Sư Đạo N guyên đã hoằng dương chánh pháp và truyền bá lập trường sinh hoạt hơn 700 năm kể từ khi Bổn Sư viên tịch, cho đến ngày nay, mạng mạch ấy vẫn còn tiếp tục lưu truyền. II.4.2 Lập Trường Của N gài Oánh Sơn Thiền Sư – Thời Kỳ sau Thời Kamakura Thiền Sư Oánh Sơn, như trên đã nói, là người kế thừa mạng mạch và tô bồi cho Tào Động Tông ngày càng rõ nét. Thiền Sư Oánh Sơn đã đăng trường như là một đệ tử ưu tú, hết lòng kính yêu Bổn Sư, Thiền Sư N ghĩa Giới, vị trụ trì đời thứ 3 Chùa Vĩnh Bình, khai sơn chùa Đại Thừa, xa hơn kế tục tinh thần của Thiền Sư Hoài Tráng, trụ trì đời thứ 2 chùa Vĩnh Bình. Thiền Sư Oánh Sơn cũng kế thừa Phật sự tại Chùa Đại Thừa, xây dựng Chùa Vĩnh Quang, Chùa Tổng Trì, đặc biệt sử dụng hai Chùa Vĩnh Quang và Tổng Trì làm cơ sở hoằng pháp và tu học. N gài vừa giữ gìn giáo huấn của Thiền Sư Đạo N guyên vừa dấn thân vào những phương diện quần chúng một cách tế nhị và sâu sắc. Hai đệ tử của N gài là Thiền Sư Minh Phong và Thiền Sư N ga Sơn, được huấn dục và tích tập công đức tu tập vô cùng to lớn. Thiền Sư Minh Phong có đến 26 người đệ tử, trong đó có khoảng 12 đệ xuất sắc, còn gọi là 12 môn phái của Thiền Sư Minh Phong. Chùa Đại Thừa tự và Vĩnh Quang tự trở thành trung tâm của Tông Phái, xung quanh có nhiều tự viện khác hổ tương cho nhau. N hững địa phương như Bắc Lục, Đông Bắc, Cửu Châu v.v... Tông Phái cũng được phát triển một cách mạnh mẽ trong việc giảng dạy Phật Pháp và hướng dẫn pháp môn Tọa Thiền bằng tiếng N hật. Thiền Sư N ga Sơn giữ trách nhiệm trụ trì Chùa Tổng Trì hơn 40 năm, nuôi dưỡng 25 đệ tử (còn gọi là N ga Sơn có 25 nhánh) thành đạt. Thời N gài, Chùa Tổng Trì được xem là trung tâm chính. N hư

Thiền Sư Minh Phong, N gài cũng quy định xây dựng cơ sở Chùa Viện theo quy cách thích hợp nhất định. Tại Chùa Tổng Trì, lập trường của Thiền Sư N ga Sơn cũng được tôn trọng như Thiền Sư Oánh Sơn, có khi xưng tán: "Oánh N ga Sơn Lưỡng Tôn". N hư Thiền Sư Oánh Sơn, Thiền Sư N ga Sơn hoằng dương giáo lý cũng như tư tưởng và hướng dẫn pháp môn Tọa Thiền của Thiền Sư Đạo N guyên. N hư Thiền sư Minh Phong, một mặt N gài đem đạo Pháp trồng sâu vào đời sống tâm linh, một mặt dùng tiếng N hật phân tích, lý giải Thiền Tào Động qua "Thuyết N gũ Vị" của Trung Hoa, để duy trì Chùa Viện, tạo mối quan hệ vững chắc với tín đồ. Giáo nghĩa Thiền được đại chúng hóa, nhưng không bị quyền lực thế gian chi phối. Về sau, giáo đoàn Tào Động được gọi là "Tào Động Thổ Dân", động cơ chính tạo thành phong thái cơ bản của giáo đoàn. N hững đệ tử của Thiền Sư N ga Sơn ở Chùa Tổng Trì chia nhau đi hoằng hóa các nơi, trước tiên là vùng Bắc Lục, Bắc Hải Đạo, rồi đến Đông Bắc, Quan Đông, đến tận miền Trung như Cận Kỳ, Trung Quốc, Tứ Quốc, Cửu Châu v.v...dần dần đi khắp nước N

hật, phát triển thật quy mô, phải nói rằng, giáo đoàn phát triển nhanh và rộng không thể tưởng được. Từ xưa, Tông Tào Động vẫn truyền với nhau câu tán dương "N ói đến Pháp, có Minh Phong, nói đến Tông (Già Lam), có N ga Sơn". Trước Thiền Sư Oánh Sơn, giáo đoàn của Thiền Sư Đạo N guyên chọn Chùa Vĩnh Bình làm trung tâm, như một xã hội được thu nhỏ và tồn tại. Dù đôi khi có nguy cơ hoại diệt, song Thiền Sư Oánh Sơn lúc nào cũng "lo nghĩ sâu xa" (thâm lự viễn mưu). Thiền Sư Minh Phong và Thiền Sư N ga Sơn nổ lực không ngừng chấn hưng Phật pháp mà giáo đoàn Vĩnh Bình Đạo N guyên vẫn bất tử như tiếng chim hót vang, không gián đoạn. Thời kỳ nầy có thể gọi là thời kỳ mà số chùa viện khá nhiều và phong phú. II.4.3 Minh Phong, N ga Sơn Thiền Sư – Thời Đại N am Bắc Triều, An Thổ và Đào Sơn Từ trung tâm, Chùa Tổng Trì tự những vị đệ tử của Thiền Sư N ga Sơn như Thiền Sư Đại N guyên Tông Chơn (Daigen Soshin), Thông Huyển Tịch Linh (Tsugen Yakurei), Vô Đoan Tổ Hoàn (Mutan Sokan), Đại Triệt Tông Lệnh (Daitetsu Sorei), Thật Phong Lương Tú (Jitsubo Ryoshu).., chia nhau đi hoằng hóa các nơi trở thành 5 vị Tổ của 5 nhánh, bởi vì mỗi vị khai sơn ra một nhánh tự viện khác nhau. Cũng từ 5 viện nầy phân ra thành nhiều phái và có

đến 70 tự viện nhỏ và trao đổi chư Tăng trong 5 viện để trụ trì 339 ngôi chùa, mà Thiền Sư Oánh Sơn, Thiền Sư N ga Sơn và những người kế tục Thiền Sư N ga Sơn khai sáng. Dưới tàng che trực tiếp của Chùa Tổng Trì, có tất cả 36 chi nhánh, mà từ đó lan truyền khắp nước N hật, đâu đâu cũng cố gắng phát triển Chùa Viện, kể từ thời N am Bắc Triều đến An Thổ rồi thời đại Đào Sơn. Điều ngạc nhiên, suốt ba trăm năm Chùa Tổng Trì vẫn là Bổn Sơn của Tông Tào Động dù có nhiều tự viện khác được liên tục xây dựng mà Thiền Sư Thông Huyển Tịch Linh cho rằng Phật sự vô cùng ý nghĩa. Theo sự điều tra vào năm Diên Bảo thứ 9 của thời kỳ Giang Hộ, số tự viện của Tông Tào Động lúc ấy là 17.549 ngôi, trong đó có 1.370 ngôi chùa thuộc Chùa Vĩnh Bình và 16.173 ngôi chùa thuộc Chùa Tổng Trì. Thực tế, những chùa thuộc chùa Tổng Trì nhiều gấp 12 lần số chùa thuộc Chùa Vĩnh Bình. Gần đây, theo sự điều tra của Tông Vụ Sảnh về các tự viện và pháp hệ trên toàn quốc về pháp hệ, Tông Tào Động có 1.000 chi phái ghi rõ trong tác phNm "Tào Động Tông Toàn Thư", trong đó, pháp hệ Chùa Vĩnh Bình có 30 chi (gồm 5 chi của phái Tịch Viên và 25 chi của phái Hàn N ham), pháp hệ Chùa Tổng Trì có 971 chi (gồm 279 chi thuộc phái Minh Phong, 692 chi thuộc phái N ga Sơn, mà trong phái N ga Sơn có 383 chi thuộc phái Thông Huyễn). N hư vậy, Tông Tào Động từ thời kỳ N am Bắc Triều đến An Thổ, Đào Sơn, tự viện và pháp hệ thuộc phái Thiền Sư Oánh Sơn, mà trong đó phái Thiền Sư N ga Sơn nắm vai trò quan trọng, rồi trong phái Thiền Sư N ga Sơn, phái Thiền Sư Thông Huyễn chiếm hơn một nữa. N gay cả, các trung tâm hành chánh đương thời như Tokyo, N ara, Kamakura v.v... cũng khó hơn được. Lạ thay, những đệ tử Tông Tào Động thuộc giai cấp hoàng gia chẳng hề trụ trì ngôi tự viện nào cả, mà hầu hết những tu sĩ đều thuộc giai cấp thấp ở nông thôn tại địa phương và giai cấp võ sĩ tiếp nối nhau truyền thừa. Lúc bấy giờ ở những địa phương khác như Bắc Hải Đạo (Hokkaido), Tứ Quốc (Shikoku), Xung Thằng (Okinawa), ngay cả hải ngoại cũng chưa kiến tạo được nhiều tự viện như thế. Tông Tào Động phát triển bộc phát mạnh mẽ và rộng rãi như vậy nhờ tư tưởng thuần khiết của tông phong, nhất là ảnh hưởng của Thiền Sư Đạo N guyên và Thiền Sư Oánh Sơn. Tuy nhiên đằng sau cũng có những điểm

suy thoái, nhưng đó là điều tự nhiên trong lịch sử phát triển giáo đoàn, bởi vì sự phát triển nào cũng gắn liền

với xã hội, mà đó là những nguyên nhân bên ngoài vô cùng quan trọng. Dẫu nói thế nào đi nữa, động lực phát triển chính vẫn là tấm lòng tha thiết hoằng dương chánh pháp của chư Tăng trong tất cả mọi Phật sự, nhờ đó duy trì niềm tin và tín ngưỡng của tín đồ, có lẽ đó là lý do cụ thể nhất vậy. Tiếp theo đây là những lý do có thể suy đoán được. Thứ nhất, dưới thời Thiền Sư N ga Sơn, việc bổ nhiệm trụ trì và cử giáo thọ luân phiên giảng dạy đồ chúng được tuyển chọn và quyết định từ hội nghị của N ăm Viện, mà N ăm Viện nầy được xem là cơ sở trung tâm của mọi Phật sự hoằng dương quảng bá và tổ chức quy mô trên toàn quốc. Thứ hai, liên lạc với những vị chức sắc hào tộc địa phương, mời họ tham gia vào công cuộc kiến tạo chùa viện và kêu gọi sự ủng hộ của họ cũng như của tín đồ. Thứ ba, cải cách tất cả những điều luật quy định cổ xưa trong tông môn, tự viện như Tông Chơn N gôn, Tông Thiên Thai, đặc biệt bỏ bớt những lễ nghi rườm rà và hướng dẫn cho mọi người một cách nhiệt tình và rõ ràng. Thứ tư, dung hợp một cách bao dung tất cả các tôn giáo như Thần Giáo, N ho Giáo, Đạo Giáo v.v... và những tín ngưỡng dân gian, thờ cúng Tổ Tiên, thờ phụng thần linh v.v.. Thứ năm, dùng N gũ Vị Thuyết và dùng chữ quốc ngữ để nói pháp cho phổ cập đến các nơi, đồng thời duy trì một cách tích cực những nghi lễ ma chay. Dạy dỗ hướng dẫn một cách linh hoạt như mở các hội thọ giới, hội du lịch v.v... Đời sống của Tăng Sĩ tại chùa có tính cách mô phạm đó đã thâm nhập vào đời sống hằng ngày của dân chúng. Thứ sáu, xiển dương công án, khán thoại đầu kiến tánh, truyền bá Tông Tào Động khắp trong nhân gian và liên lạc thâm tình với Tông Lâm Tế. Thứ bảy, khất thực hay hành cước là điều kiện đáp ứng những nguyện vọng thiết thực của người dân trong mọi lãnh vực cả vật chất cũng như tinh thần như: đường sá, cầu cống, khai thác suối nước nóng, y dược, giếng nước, canh tác, cưới hỏi... cho đến những vấn đề lớn như: quân sự, chính trị, học vấn, sinh hoạt v.v... II.4.4 Phục Hưng Tông Học và Vô Hiệu Hóa Tông Đoàn Thời Kỳ Giang Hộ (Edo)

Từ thời Tokugawa, đã có phương pháp quản lý tự viện, tự xã thống nhất trên toàn quốc, Tông Tào Động cũng dựa trên căn bản đó mà quản lý tự viện, có chức vụ Tăng Lục giám sát Chùa Viện trong toàn quốc và thiết lập chế độ đàn gia tín đồ, theo đơn vị tín ngưỡng từng gia đình cố định. Hơn nữa, quy định chế độ của hai Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự và Tổng Trì Tự, sát nhập các Bổn Sơn như Đại Từ Tự, Đại Thừa Tự vào chùa lớn như Vĩnh Bình Tự và sát nhập các chùa Vĩnh Quang, chùa Chánh Pháp vào trong sự điều hành của Chùa Tổng Trì. Về nội bộ Tông Đoàn, hợp thức hóa trên hết là hai Bổn Sơn, dưới là các Chùa Viện địa phương, nhằm xử trí những việc đối lập lại, vô hiệu hóa những khinh xuất của chư Tăng giáo hóa truyền đạo, tránh sự tranh đoạt quyền lợi và buôn bán như thế gian làm lệch hướng phát triển của Tông Phong. Thế nhưng, điều đáng lo là vừa phải thực hiện đúng Tông Phong, vừa vận động duy trì phục cổ. Thiền Sư N guyệt Đan Tông Hồ (Getsushyu Soko), Thiền Sư Vạn Sơn Đạo Bạch (Manzan Dobaku) thống chế và quản lý hóa Tông Đoàn với hình thức như chủ trương. N hững Thiền Sư một thời được xem như Thánh Tăng, như Linh Mộc Chánh Tam (Suzuki Shosan), Đào Thủy (Tosui), Lương Khoan (Ryokan), Phong N goại (Fugai), Vật N goại

(Motsugai) đã sống trọn vẹn với bản tánh và lối sống thanh bần, chân chất, vững chãi trước khen chê, khờ khạo trước bàng dân thiên hạ v.v... Chúng ta cũng không thể quên rằng trong lịch sử, có nhiều người vô danh tu trong những ngôi chùa nghèo nàn, giá lạnh, phụng sự chúng sanh, nuôi dạy đệ tử, hoằng hóa độ sanh, mà hầu hết họ là những Tăng sĩ bình thường, nhờ vậy Tông Đoàn mới duy trì được. N hờ vận động phục cổ trong Tông Phong và do chính sách Học Vấn Tường Hòa của Mạc Phủ, nghiên cứu liên hệ với Tông Tào Động khởi lên rầm rộ. Dưới thời kỳ Giang Hộ (Edo) những chùa Thanh Tùy, Thuyền N hạc, Tăng Lâm v.v... trở thành các trung tâm tu học nổi tiếng, có nhiều tăng sinh trên toàn quốc đến trọ học. N hững truyền ký, trước tác, nghiên cứu tư tưởng Thiền Sư Đạo N guyên và Thiền Sư Oánh Sơn, cũng như Pháp Tự, Thiền Giới, Thanh Quy, N gũ Vị Thuyết v.v... được các học Tăng nghiên cứu, phân tích, bình giải và thảo luận sôi nổi trong các khóa học. Bấy giờ, kinh điển, những tác phNm tra cứu, trích lục liên quan cuộc đời và hành đạo của chư Tổ cũng được ấn hành đều đặn. Tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng" được chư vị Thiền Sư học vấn trác tuyệt giảng giải như: Thiền Sư Thiên Quế Truyền Tôn

(Tenkei Denso), Thiền Sư Diện Sơn Đoan Phương (Menzan Zuiho), Thiền Sư Chỉ N guyệt Huệ Ấn (Shigetsu Hein) v.v... Đại diện cho những bậc chứng đắc giác ngộ có Thiền Sư Thiên Quế Truyền Tôn. Đại biểu cho những bậc thể nghiệm sự giác ngộ có Thiền Sư Diện Sơn Đoan Phương, mà cho đến ngày nay hai đại tư trào ấy vẫn còn kéo dài bất tận. Thiền Sư Vô Trước Đạo Trung (Mujaku Dochyu), học Tăng của Tông Lâm Tế, người thật chứng về thủ pháp đi đầu trong việc nghiên cứu tường tận và phê bình rốt ráo tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng", bởi vì có tác phNm ngụy thơ "Chánh Pháp N hãn Tạng" đang phổ biến đó đây. Thiền Sư Huyền Tú Tức Trung (Gento Sokuchuyu) phát tâm in tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng" sau 13 năm tu khổ hạnh. Thiền Sư Phật Châu Tiên Anh (Butsuchyu Senei) đề xướng sưu tập những bản "Truyền Quang Lục" của Thiền Sư Oánh Sơn. Thế nhưng, Phật sự trọng tâm của thời kỳ hưng thịnh Tông Học dưới thời Giang Hộ (Edo) là tô bồi giải thích những lời giáo huấn sao cho thật chuyên môn trong vấn đề luận nghị, vẫn làm cho việc giáo hóa tín đồ trở nên trì trệ. Do vậy, Thiên Chúa Giáo và tư tưởng Tây Âu cũng như N ho Giáo tự nhiên trở thành quốc học, mà chẳng có ai lo đối ứng. Phải chăng đây là do sự lơ là về vấn đề phát triển của từng thời đại. II.4.5 Giáo Đoàn Hướng Về Thời Cận Đại – Minh Trị (Meiji), Đại Chánh (Taisho), và Thời Đại Chiêu Hòa (Showa) Thời cận đại, chính phủ Minh Trị thay đổi chính sách, một mặt theo đuổi chủ nghĩa Tây Âu, một mặt theo chủ nghĩa phú cường, để phát triển đất nước giàu mạnh, đồng thời chủ trương chính sách tách rời Thần Phật. Giáo Đoàn Phật Giáo cũng thức tỉnh sau cơn sa đọa triền miên, tìm cầu chủ nghĩa quốc gia, cải cách để khế lý và khế cơ. Theo báo cáo của quan Thái Chính, chính phủ công nhận Tăng sĩ được tự do ăn thịt, kết hôn và sống đời sống như người thế tục, vì thế Tăng Phong gần như biến dạng, Giáo Đoàn bỗng nhiên bị thế tục hóa. Tông Tào Động cũng không ngoài lệ ấy. Giáo Đoàn Tông Tào Động cải cách chế độ Tăng Lục, công bố Tông Chế, thiết lập Tông Vụ, xây dựng lưỡng Đại Bổn Sơn, thành lập đại học và Tăng Đường theo cơ chế giáo dục, tiếp tục nghiên cứu, bình giải tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng", thành lập "N hãn Tạng Hội" tại Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự, lý giải tường tận

những phong hóa cổ xưa theo Thiền Sư Đạo N guyên. N goài ra,

còn biên soạn sách hướng dẫn những người tại gia tu học, tổng kết thành "Tu Chứng N ghĩa", phát hành tạp chí bàn về các tín ngưỡng khác, để đối phó tư trào thời đại và tư tưởng Tây Âu, ấn hành các tác phNm bằng Anh ngữ dành cho sinh viên chuNn bị du học, xúc tiến thành lập Tự Viện để truyền đạo, thực hiện nghi thức Hôn lễ theo Phật Giáo. Bước vào thời Minh Trị chẳng bao lâu, Tăng Đoàn trở thành nền tảng chính của chư Tăng và Tông Đoàn chuyển đổi thành Giáo Đoàn hòa hợp với Đàn na tín đồ, thế nhưng, ảnh hưởng chế độ phong kiến và những phong tỏa thời Giang Hộ (Edo), không dễ gì một sớm một chiều mà thay đổi hết được. Chính sách nước giàu binh mạnh và chế độ quân chủ áp đặt, khiến cho tài sản của chùa không phát triển, mọi hoạt động bị ngưng trệ, không bắt kịp thời đại đành khoanh tay ngồi nhìn thời thế đổi thay. Hội nghị tại Hokkaido cho biết hầu hết Tăng sĩ hài lòng với những công việc ma chay, tang lễ cho Tín Đồ, không còn tích cực giảng dạy và thuyết pháp cho tín đồ nữa. Cuối thời Minh Trị, có sự kiện Hạnh Đức Thu Thủy phản nghịch, nhiều Tăng sĩ liên can đến vụ nầy đều bị tử hình. Điều nầy cho thấy ý thức xã hội quá thấp, không thể phân biệt giữa thiện và ác. Có một giáo đoàn mới ra đời cứu thế, cổ xúy tín ngưỡng Quan Âm làm cho nhiều vị trong giáo đoàn phá rào xin gia nhập vào đó. Giáo đoàn miễn cưỡng áp dụng chế độ đàn gia. Tất cả chỉ được miễn cưỡng áp dụng, phải xúc tiến việc hoạt động tín ngưỡng. Đây là những đề tài được vận động sôi nổi. Đến thời kỳ Đại Chánh, hầu như toàn thể tăng sĩ trong giáo đoàn an phận với thể chế chủ nghĩa quốc gia, chỉ lo nghi lễ tống táng cho Đàn Gia Tín Đồ. "Chánh Pháp N hãn Tạng" được giới trí thức bắt đầu nghiên cứu, mong muốn duy trì tư tưởng thiền tịch (thanh tịnh của Thiền Tăng), sửa đổi hình thức của Tông mình, tự tin nghiên cứu học hỏi. Cuộc đời và tư tưởng Thiền Sư Đạo N guyên và Thiền Sư Oánh Sơn cũng được nghiên cứu học tập để thích hợp với thời cận đại. Các Tông phái phát hành tác phNm chú thích về "Tu Chứng N ghĩa", trao truyền những lời khuyên người phụ nữ, những bài ca tán dương Phật. Từ đó, bắt đầu mở rộng việc truyền bá giáo hóa người cư sĩ tại gia. Cuối thời Đại Chánh, Tông môn quyết định chính thức xưng tán nhị vị Tổ Sư đó là: Cao Tổ Thừa Dương Đại

Sư (tức Thiền Sư Đạo N guyên) và Thái Tổ Thường Tế Đại Sư (tức Thiền Sư Oánh Sơn). Thời Chiêu Hòa, vào năm Chiêu Hòa thứ 20 nước N hật lâm vào tình trạng chiến bại của đệ nhị thế chiến, Giáo Đoàn cũng bị thay đổi theo. Khoảng 20 năm trước khi chiến tranh chấm dứt, tình huống chiến tranh lan tràn khắp hoàn cầu, N hật Bản theo chủ nghĩa quân chủ một cách triệt để làm cho nội bộ của Giáo Đoàn dần dần phân hóa và tách khỏi chủ trương nhiều quốc gia. Thời ấy, chỉ cho in 20 tác phNm "Tào Động Tông Toàn Thư" liên quan đến Thiền Sư Đạo N guyên và một số tác phNm của chư Tăng khác. Lễ Sinh N hật Thiền Sư Đạo N guyên không còn nữa, song đổi sang cử hành ở các địa phương lễ N hãn Tạng. Lễ kỷ niệm 700 năm thành lập Tông Tào Động truyền sang N hật Bản tổ chức rất long trọng. Lễ kỵ nhị vị Tổ Sư Quốc Sư 650 năm được tổ chức trọng thể tại Chùa Vĩnh Bình. Cuối thời Đại Chánh đến đầu thời Chiêu Hòa, có nhiều Tăng sĩ không xuất thân từ Tăng lữ của Tông Tào Động phát hành các tạp chí như Đại Thừa Thiền và Đại Pháp Luân phổ cập, mà trải qua hơn nửa thế kỷ cho đến ngày nay những tạp chí được xem như đại biểu cho Phật Giáo nầy, vẫn còn tiếp tục phát hành

với những ngòi bút chân thật và trung thực. Hơn nữa, lấy cơ quan giáo dục làm tiêu chuNn, để phát triển kinh doanh cho hai Đại Bổn Sơn, cho nên thành lập Komazawa Gakkuen, Sojiji Gakkuen v.v... Sau khi thua trận, chính phủ ban hành hiến pháp mới, chế định Tôn Giáo Pháp N hơn, giải phóng đất đai, Giáo Đoàn cũng dựa theo đó mà chế định và công bố Tào Động Tông Tông Hiến và Tông Chế. Các giáo đoàn địa phương khuyến khích dựa vào nguồn kinh tế nông thôn. Chẳng bao lâu sau, tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự khai diễn "Truyền Quang Hội" và tham cứu "Truyền Quang Lục" của Thiền Sư Oánh Sơn. N goài ra, còn tổ chức kỷ niệm750 năm ngày sanh N hật của Thiền Sư Đạo N guyên, lễ Đại Hiệp kỵ 700 năm cho các vị Tổ Sư Thiền Sư khác, trùng tu di tích Thiền Sư Đạo N guyên, tu bổ lại những chỗ bị hư hại, xuất bản và nghiên cứu "Chánh Pháp N hãn Tạng" của Thiền Sư Đạo N guyên. Thời gian đó, Đại Học Komazawa cũng tổ chức những cuộc hội thảo nghiên cứu về Tông Học và sự truyền bá, thành lập trung tâm nghiên cứu giáo học hiện đại của Tông Tào Động, thành lập "Sư Gia Dưỡng Thánh Sở" và "Tông Lập Tăng Đường". Giáo Dục Đạo cũng tổ chức nêu rõ những hoạt động trên mọi phương diện của Tông phái, tổ chức trọng thể lễ húy kỵ 650 năm của Thiền Sư

Oánh Sơn, 600 năm của Thiền Sư N ga Sơn và lễ kỵ giỗ 700 năm của Thiền Sư Hoài Tráng. Ở Mỹ Châu, Âu Châu, Á Châu v.v... các Hội Truyền Đạo hải ngoại nhất loạt thành lập và hoạt động. Trung tâm hành chánh của giáo đoàn đặt ở Trung Tâm Tokyo như: Cảng Khu Chi, Đinh Mục, Tào Động Tông Tông Vụ Sảnh (Soto Building). Có tất cả là 66 cơ sở Tông Vụ như thế trên khắp các miền đất nước từ đô, thôn, phủ, huyện. Ở dưới có tất cả là 777 giáo khu. Tông Vụ Sảnh chỉ đạo về hành chánh, điều tra, chỉnh lý gồm các phương diện như: Hộ Trì Hội của Tào Động Tông Tông Môn, Đàn Tín Đồ N ghiên Tu Hội, Mai Hoa Lưu Vịnh Tán Ca, Tào Động Tông Phụ N hơn Hội, Thanh N iên Hội Đông N am Á Châu và các lãnh vực hoạt động như cứu trợ nạn nhân, hoạt động xuất bản, quản lý việc truyền bá. Các tổ chức khác như Hải N goại truyền giáo, khai giáo v.v... cũng hoạt động nhằm mục đích truyền bá và giáo hóa. Lưỡng Đại Bổn Sơn gồm Bổn Sơn Tăng Đường, Chuyên Môn Tăng Đường có 30 tăng đường chuyên môn, hơn 100 cơ quan tham thiền trên toàn quốc và nhiều Đại Học như: Đại Học Komazawa, Đại Học Aichi Gakkuen, Đại Học Tohoku Fukushi, Học Viện Tataryo, Học Viện Setatani, Komazawa Gakkuen, Soji Gakkuen v.v... N goài ra, ở các địa phương cũng thiết lập những cơ sở giáo dục liên quan về vấn đề giáo dục của Tông Môn và Tông lập, với nguyện vọng tiến đến con đường quốc tế, phát triển của văn minh khoa học, thế giới hòa bình, an lạc. Đó cũng là nguyện vọng thiết thực hiện tại, mà Giáo Đoàn tổ chức những khóa tu hiện đại khắp đó đây. Thế nhưng, Phật Pháp đang ở vào thế kỷ thứ 21, Giáo Đoàn không thể thiếu sứ mệnh hướng dẫn, phải tự tin, phải hợp lực mạnh mẽ hướng đến phía trước để đáp ứng nhu cầu thời đại.

Chương hai III. Tự Viện, Tăng Lữ, N ghi Lễ III.1 Lưỡng Đại Bổn Sơn III.1.1 Tào Động Tông Không Có Tổng Bổn Sơn Tông Tào Động đặc biệt chỉ có hai Đại Bổn Sơn cũng có lúc gọi là Lưỡng Đại Bổn Sơn hay gọi tắt là Lưỡng Sơn, không gọi là Tổng Bổn Sơn, Biệt Cách Bổn Sơn hoặc Bổn Sơn. Có tất cả 15.000 ngôi chùa thuộc hai Đại Bổn Sơn nầy, cho nên cũng có thể nói rằng chỉ có một Tông Tào Động mà thôi, không có phái riêng như trường

hợp của Tịnh Độ Chơn Tông. Tông Tào Động là một Giáo Đoàn lớn đại biểu trong các Tông phái Phật Giáo N hật Bản, trong khi đó Tịnh Độ Chơn Tông có tất cả 10 phái nhỏ như: phái Otani, phái Honganji, phái Takada v.v... N ếu so sánh với các Tông phái khác, Tông Tào Động dù không có phái song cũng có thể gọi chung là Tông, mà hai Đại Bổn Sơn được xem là trung tâm bậc nhất, có khoảng 15.000 ngôi chùa chung quanh, đặc biệt không chia một phái nào cả. Hai Đại Bổn Sơn: chùa Vĩnh Bình ở Huyện Fukui, phường Fukuiji và chùa Tổng Trì ở huyện Kanagawa, thành phố Yokokamawa, Hạc Kiến. N ếu Chùa Vĩnh Bình là nơi phát xuất của Tông Môn, là Đại Bổn Sơn có chiều dài lịch sử lâu đời, thì Chùa Tổng Trì chính là nơi phát triển của giáo đoàn, là cơ sở Đại Bổn Sơn vô cùng to lớn. III.1.2 Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự Chùa Vĩnh Bình, Đại Bổn Sơn Kiết Tường Sơn của Tông Tào Động tọa lạc ở Ba Đa Dã N ghĩa Trọng, huyện Fukui, quận Yoshida, phố Eheji Chí Tỉ, do Thiền Sư Đạo N guyên khai sơn vào năm Khoan N guyên nguyên niên . Thuở ấy, Thiền Sư Đạo N guyên rời chùa Hưng Thánh, trong rừng sâu của Kyoto ra Việt Tiền (Etsugo), lưu trú tại Chùa Kiết Phong và Chùa Tản Tùng Phong. Tháng 7, năm Khoan N guyên thứ hai, N gài bắt đầu xây dựng Chùa Tản Tùng Phong Đại Phật Tự cho đến tháng 6 năm Khoan N guyên thứ 4 đổi Đại Phật Tự thành Vĩnh Bình Tự. Tháng 11 năm Bảo Trị thứ 2 đổi Tản Tùng Phong thành Kiết Tường Sơn, bởi vì Thiền Sư Đạo N guyên cho rằng Vĩnh Bình chính là phương danh truyền thừa chánh pháp thiết thực từ Đức Thích Tôn, từ đó trở thành Tổng Bổn Sơn của Phật Giáo N hật Bản, một đạo tràng trang nghiêm, lợi lạc và vĩnh cữu của Thiền. Bao bọc ba bên Chùa Vĩnh Bình là núi. Có con sông nhỏ nước chảy êm đềm trông giống như một cảnh tiên ở phía nam. Vườn chùa rộng khoảng 330.000 mét vuông (100 mẫu), trong đó có tất cả 70 cơ sở, xây dựng khang trang. Mô hình kiến trúc Chùa gồm có Sơn Môn, Phật Điện, Pháp Đường, Tăng Đường, Khố Viện, Dục Thất, Đông Ty và Thất Đường Già Lam. N goài ra còn có Thừa Dương Điện (nơi thờ Thiền Sư Đạo N guyên), Chúng Liêu (chỗ đọc sách của học Tăng), Tiếp Tân (nguyên thỉ là nơi tiếp khách, bây giờ là nơi cư trú của chư Tăng đến tham học), Bất Lão Các (phòng trụ trì). Ở chùa Vĩnh Bình nơi ở của vị Trụ Trì gọi là

Bất Lão Các, Diệu Cao Đài (phòng của vị trụ trì tiếp khách quý), Đại Quang Minh Tạng nơi gặp gỡ của Tín Đồ với vị Trụ Trì. N ơi đây có phòng rộng để thuyết pháp. Tản Tùy Các (phòng rộng để tham bái), Bồ Đề Tọa (chỗ lãnh đạo của vị Tăng, nơi đề xướng việc giảng nghĩa tu hành cho các vị Tăng), Từ Đường Điện (nơi để thờ bài vị của Tín Đồ), Xá Lợi Điện (nơi để cốt của Đàn Tín Đồ), Kiết Tường Các (phòng nghiên cứu tu học của Tín Đồ), N hứt Hoa Tạng (kho để đồ quý báu), Kinh Tạng (tất cả các Kinh và các Kinh bản Thiên Hải để ở đây), Sắc Sứ Môn (nơi đón khách, cửa ra vào của vị Trụ Trì). N goài ra còn có lầu chuông và những tòa nhà khác nữa. Diện tích toàn ngôi vườn là 450 mẫu. Trải qua lịch sử 700 năm, không biết bao nhiêu lần tang thương tuế nguyệt, hỏa tai, chiến loạn, nhưng ngôi chùa vẫn còn đó như dương cao ngọn pháp đăng bất tuyệt, được 70 đời Trụ Trì. Tại đó, dòng thời gian vẫn trôi qua như mây nước mênh mang lưu ảnh hơn 200 đời sống tu hành phạm hạnh. Có tấm hoành "Tào Động Tông Đệ N hất Đạo Tràng", do Thiên Hoàng Hậu Viên Dung thời Bắc Triều đời thứ 5 , sắc chỉ, treo trên lầu của Sơn Môn (Tam Quan). Huy hiệu của chùa là Thế Long Đảm cũng là huy hiệu của Komazawa Gakkuen, được làm từ thời Meiji, mà Thế Long Đảm thuộc Cửu N gã Long

Đảm (Koga Rindo), chính là ngôi nhà mà Thiền Sư Đạo N guyên sanh ra. Bảo vật trân quý của Chùa là bút tích "Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi" của Thiền Sư Đạo N guyên, ngày nay trở thành quốc bảo. Có một Đại Hồng Chung đúc vào năm Gia Lịch (Karyaku) thứ 2 bây giờ trở thành di sản văn hóa của quốc gia. Chùa còn lưu giữ 572 bản khắc gỗ của 95 quyển "Chánh Pháp N hãn Tạng", gọi là "Thiên Hải Bản N hứt Thiết Kinh" gồm 6323 quyển. N goài ra, còn có bức họa "Thú Dã Thâm U Bút Tứ Quý Hoa Điểu Đồ" (thú rừng u tịch vẽ hoa chim bốn mùa) và nhiều tranh họa trong bốn mùa khác nữa. Từ đó đến nay, có rất nhiều vị Tăng hoặc từ nước ngoài đến hoặc ở trong nước thuộc Tông Tào Động đã du hành khắp nơi để hoằng hóa khai sơn và khuyến tấn mọi người nổ lực tu hành và sống Đạo, do vậy phải công nhận rằng Chùa Vĩnh Bình chính là ngôi tự viện nhiệm mầu để mọi người đến tu học, tham thiền, mà cửa Chùa luôn luôn rộng mở đón chào những ai đang cần tu học. Ở Tokyo, có Biệt Viện thuộc Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự tên là Tokyo Betsuen, Trường Cốc Tự Chokokuji, Tokyoto Minatonku N ihimafu. Tại N agoya, có N agoya Biệt Viện, Hộ Quốc Viện

(Gokokkuin), N agoyashi, Higashinku Boikecho, thuộc Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự. N goài ra, còn có các trung tâm Học hiệu như trường Komazawa Gakkuen (Komazawa, N ữ Đại Học ngắn hạn, trong đó có Ấu Trỉ Viên = Vườn Trẻ); Komazawa Gakkuen N ữ Trung Học đệ nhị cấp; Komazawa N ữ Đại Học ngắn hạn (2 năm); Komazawa N ữ Đại Học nằm tại Tokyoto, Waragiyoshi, Itahama), những nơi nầy dành riêng cho nữ sinh đủ mọi ngành (tất cả các Gakkuen = học viên). III.1.3 Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự Đại Bổn Sơn của Tông Tào Động là Chùa Chư N hạc Sơn Tổng Trì, Kanagawaken, Yokohamashi, khu Hạc Kiến, Hạc Kiến, do Thiền Sư Oánh Sơn Thiệu CNn (Keizan Jokin) khai sơn. Trước đó, là chùa nhỏ tên là Chư Khâu Quán Âm Đường của Luật Sư Đinh Hiền (Joken) đệ tử của Tông Chơn N gôn cúng, sau đó tên Chùa đổi theo tên núi gọi là Tổng Trì Tự. Chùa thành lập năm N guyên Hưởng (Genko) nguyên niên vốn thuộc huyện Ishikawa, quận Fugeshi Monmaecho. Đến năm Minh Trị thứ 31 Chùa bị cháy, cho nên thiên di đến địa điểm hiện tại vào năm Minh Trị thứ 40 có khuôn viên rộng 300.000 mét vuông (độ khoảng chừng 100 mẫu) và có 10 tòa nhà được xây dựng. N ơi đây có 200 học tăng tu hành thường nhật tạo nên không gian Thiền rất nổi bật ở vùng Kanto. N goài ra, hoạt động của Chùa cũng có tính cách thế giới nữa. N ét kiến trúc của Chùa mô phỏng và phục hoạt theo nét Chùa xưa ở Kanagawaken. Được gọi là Tổ Viện Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự của Tông Tào Động vì thờ Tổ Sư Oánh Sơn ngay gian trước cửa vào. Chùa thật trang nghiêm, u Nn, yên tĩnh, có nhiều Vân Thủy Tăng (Tăng hành cước) lui tới để lễ bái và tưởng niệm Tổ khai sơn. N gược lại với Chùa Vĩnh Bình, Chùa Tổng Trì nằm ở địa phương Hạc Kiến, ngay trong khu đô thị của phố Yokohama có tính cách quốc tế, nơi được nhiều người đến, nhưng tầm quan trọng và ý nghĩa của hai Đại Bổn Sơn, phải nói rằng, đều có ảnh hưởng tốt đẹp như nhau. Kiến trúc Sơn Môn, Phật Điện, Pháp Đường, Tăng Đường, Khố Viện, Dục Thất, Đông Ty..., của Chùa Tổng Trì đều mang phong cách đặc biệt. Duy chỉ có Pháp Đường của Tổng Trì đặc biệt gọi là Tổ Sư Đường có kiến trúc vĩ đại với chiều dài 55,5 mét, chiều ngang 47,2 mét, có một tầng trên và một tầng hầm nằm dưới mặt đất, tổng diện tích 6.611 mét vuông, có trải 1000 chiếc chiếu (Tatami), chiều cao từ dưới sàn nhà đến đòn dông là 36 mét. Gian giữa thờ vị khai sơn Tổ Sư

Oánh Sơn. Hai bên thờ chư liệt vị

Tổ Sư kế thừa, mà đây cũng là giảng đường thuyết pháp thật là to lớn. N goài ra, còn có Truyền Đăng Viện (nơi thờ N gài Oánh Sơn Thiền Sư), Phóng Quang Đường (nơi thờ bài vị của Đàn N a Tín Đồ), Thường Chiếu Điện (nơi thờ cốt của Đàn N a Tín Đồ), N gự Linh Điện (nơi thờ Hậu Đề Hồ Thiên Hoàng và 8 đời Thiên Hoàng của N am Triều). Tử Vân Đài (phòng khách để Trụ Trì tiếp các vị Trụ Trì cũng như Phật Tử Tín Đồ trên toàn quốc, tiếp các công chức). Khiêu Long Thất (phòng vị Trụ Trì tiếp khách), Thiên Chơn Các (phòng khách), Đài Phụng Quán (nơi ở tạm của khách), Tam Tùng Các (nơi nghiên cứu của Phật Tử Tín Đồ). Chúng Liêu, Bảo Vật Điện, Chung Cổ Lầu, Sắc Sứ Môn v.v... N ăm N guyên Hưởng thứ 2 đời thứ 96, Hậu Đề Hồ Thiên Hoàng Chùa được vua ban hiệu là "N hật Bản Tào Động Sắc Tử Xuất Thế Chi Đạo Tràng". Tông Tào Động có tất cả 15.000 ngôi chùa trực tiếp thuộc Chùa Tổng Trì của N gài Oánh Sơn Thiền Sư. Vật trân quý của chùa là nét bút "Tổng Trì Tự Trung Hưng Duyên Khởi" của Oánh Sơn Thiền Sư cũng là bảo vật văn hóa quốc gia. N goài ra, còn có bức tượng Thiền Sư Oánh Sơn, do ông Maeda Richa họa. Còn có bức họa như Lạc Tú Đại Pháp Bị, Cao Ly Phật Họa Đề Bà Đạt Đa rất quý, là những bảo vật di sản văn hóa và nhiều vật quý giá không thể tả hết, ngày nay tất cả đều được cất giữ trong Bảo Vật Điện. Huy hiệu của chùa là 57 cây ngô đồng, không ai biết nguyên do và xuất xứ thế nào, song được bảo tồn kỹ lưỡng. Truyền thuyết cho rằng Thiền Sư Oánh Sơn thọ nhận pháp y từ N gài N ga Sơn tại chùa Tổng Trì cho nên mô phỏng theo màu "Đồng Trúc Lăng Cáp Sắc", tức là màu trà nhạt, lông chim bồ câu. Cũng có truyền thuyết khác cho rằng Tổng Trì Tự đã được sắc phong từ đời Hậu Đề Hồ Thiên Hoàng. III.1.4 Chùa có các Biệt Viện - Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự Tổ Viện thuộc Ishikawaken, quận Phụng Chí, Môn Tiền Đinh, huyện Ishikawa, - Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự Bắc Hải Đạo Biệt Viện và Pháp N guyên Tự - Bắc Hải Đạo, quận Tùy Tiền, phố Tùng Tiền, Bắc Hải Đạo (Hokkaido) - Truyền TNu Viện (Densoen), nơi làm việc tại Cảng Khu, Chi Ái Thạch Đinh,Tokyo - Học Hiệu Pháp N hơn Tổng Trì Tự Gakkuen gồm có: Tam Tùng Ấu Trỉ Viên, Hạc Kiến N ữ Tử Trung Học Hiệu, Hạc Kiến N ữ Tử

Cao Đẳng Học Hiệu, Học Kiến N ữ Tử Thành N hơn Học Hiệu, Hạc Kiến N ữ Tử Đoản Kỳ Đại Học, Hạc Kiến Đại Học. Tổng Trì Tự Bảo Dục Viên, Hạc Kiến Tổng Hợp Bệnh Viện, Mẫu Tử Liêu, Hội Tham Thiền ngày Chủ N hật v.v... với mục đích phụng sự và xây dựng một xã hội tự do bình đẳng và mọi người được cống hiến. III.2 Thất Đường Già Lam III.2.1 Sự Thay Đổi Kiến Trúc Của Tự Viện Già Lam, nguyên ngữ bằng tiếng Sanscrit cổ, Ấn Độ là Shangarama, còn gọi là Tinh Xá, Chùa, Tự Viện. Kiến trúc Tự Viện N hật Bản ảnh hưởng trực tiếp từ bán đảo Triều Tiên, gián tiếp từ Trung Hoa. Từ thời Bình An (Heian), mỹ thuật kiến trúc N hật Bản mô phỏng theo hai dạng mỹ thuật kiến trúc Triều Tiên có từ thời Phi Điểu, và mỹ thuật Trung Hoa từ thời nhà Đường. Đến thời Kamakura, lối kiến trúc đó bị loại bỏ đi thay bằng lối kiến trúc thời Tống (Trung Hoa) hòa với lối kiến trúc thời Thất Đinh. Đến thời Đào Sơn mỹ thuật kiến trúc trở nên đẹp vô cùng, tạo nên phong cách mỹ thuật đặc biệt của thời đại nầy. Còn thời đại Giang Hộ (Edo), lại theo phong cách đơn giản, hiện đại và độc lập, theo lối phong cách Âu Châu. Kiến trúc Chùa, đặc biệt vào thời Kamakura thể hiện trọn vẹn phong cách Thiền ảnh

hưởng mô thức Trung Hoa thời Đường, còn gọi là phong cách Thiền Tông, có nhiều điểm giống Lâm Tế Tông, Hoàng Bích Tông, Tào Động Tông, hẳn nhiên cũng không thiếu nhiều điểm khác biệt đặc thù. III.2.2 Già Lam Của Tào Động Tông Là N ơi Chính Để Tu Hành Thiền Sư Đạo N guyên phối hợp những phiên bản Tự Viện Trung Quốc và Ấn Độ, suy nghĩ kiến tạo đạo tràng trang nghiêm của Tông Tào Động. Chùa Vĩnh Bình kiến tạo mô phỏng theo Chùa Thiên Đồng Sơn Cảnh Đức ở tỉnh Chiết Giang, Trung Hoa (bây giờ gọi là Thiên Đồng Tự). Tông Tào Động vẫn sử dụng từ "Thất Đường Già Lam" có lẽ từ thời Giang Hộ (Edo), không có căn cứ nào chỉ cho nguyên thỉ của chữ nầy. Song cũng có thuyết cho rằng Tông Tào Động gọi là Thất Đường Già Lam cho những ngôi Chùa đầy đủ 7 gian như: Sơn Môn, Phật Điện, Pháp Đường, Khố Viện, Tăng Đường, Dục Thất và Đông Ty. N goài ra, Chùa còn có tháp 3 tầng, tháp 5 tầng hay Đa Bảo Tháp, Xá Lợi Tháp v.v... những tháp nầy không gồm chung trong Thất Đường Già Lam. Chùa Thiền hay đặc biệt là Chùa của Tào Động Tông không có Tháp, nếu có,

tháp được xây sau hoặc là xây với lý do nào đó, còn Chùa thuộc Tông Pháp Tướng và Tông Chơn N gôn có xây tháp. Hình thức Thất Đường Già Lam của Tông Tào Động theo thứ tự từ bên ngoài đi vào là: Sơn Môn, Phật Điện, Pháp Đường, bên mặt là Khố Viện, trước có Dục Thất (phòng tắm rửa), bên trái là Tăng Đường, trước có Đông Ty (nhà vệ sinh). Tất cả đều có hành lang bao bọc xung quanh trở thành một hình vuông vức. N goài Thất Đường còn có những tòa nhà liên quan được xây dựng thêm. Càng về sau, ở những ngôi chùa nhỏ Thất Đường đơn giản chỉ còn Bổn Đường (Chánh Điện), Khố Lý (nhà kho), Khai Sơn Đường (Chỗ Thờ Tổ), Vị Bia Đường (nơi thờ vong). Cũng có nhiều hình thức biến dạng khác như thêm lầu chuông hay cổng tam quan, song chỉ là những trường hợp riêng biệt mà thôi. N ói chung các chùa đều giống nhau như thế, bởi trước nhất phải hợp với khả năng cho nên phải đơn giản, sẽ giải thích rõ về Thất Đường Già Lam dưới đây. III.2.3 Sơ Lược Về Thất Đường Già Lam Sơn Môn vừa chỉ cho cổng chính vào Chùa, vừa chỉ cho thế giới thanh tịnh, không có phiền não khổ đau. Cổng chùa thường có ba cửa, cửa lớn ở chính giữa, hai cửa nhỏ ở hai bên, còn gọi là Cổng Tam Quan, cũng gọi là Tam Môn. N goài ra, còn có những tên khác là: Quán Mộc Môn, Dược Y Môn, Anh Môn, N hị Trọng Môn v.v... Tông Tào Động thường dùng Anh Môn và N hị Trọng Môn. Ở phần hai bên trước cổng, thường an trí các vị N hơn Vương. Trên Anh Môn (lầu) thường đặt tượng Phật, Bồ Tát hay các vị La Hán. Trên cao, treo một Phạn Chung (Đại Hồng Chung). N ếu chùa lớn, ngoài Sơn Môn còn có Tổng Môn (chỉ có một cửa ra vào), Tam Tùy Quan, Đống Môn, Dược Y Môn và Sắc Sứ Môn còn gọi là Hương Đường Môn. Điện Phật còn gọi là Đại Hùng Phong Điện, Đại Hùng Điện, Đại Điện v.v... tọa lạc ngay chính giữa, trong đó có Tu Di Đàn thờ Đức Bổn Tôn Thích Ca Mâu N i ngay trung tâm, hai bên trái phải của Phật, mỗi bên an trí một tượng Bồ Tát. Đa phần, thờ Đức Phật Thích Ca ở giữa (vị khai Tổ của Phật Giáo). Tôn Giả Ca Diếp trưởng tử Phật, Sơ Tổ Thiền Tông. Tôn Giả A N an đệ tử thị giả của Đức Phật Thích Ca, vị Tổ Sư thứ hai, thị giả hầu Phật được nghe nhiều lời giảng nhất. N goài ra, còn thờ Tam Tôn Phật: Đức Phật Thích Ca Mâu N i (biểu hiện Đức Phật trong hiện tại), Đức A Di Đà N hư Lai (biểu hiện Đức Phật trong quá khứ). Đức Di Lặc N hư Lai (biểu hiện Đức Phật trong tương lai). Tam Tôn Phật cũng

còn được hiểu là: Đức Phật Thích Ca Mâu N i, Bồ Tát Văn Thù (biểu trưng cho trí tuệ Phật) và Bồ Tát Phổ Hiền (biểu trưng hạnh nguyện Phật). Phía đông của Phật Điện (từ ngoài nhìn vào phía bên mặt) thờ Đàn Thổ Địa hay thờ Bồ Tát Chiêu Bảo Thất Lang Đại Quyền Tu Lý. Phía Tây (phía trái từ ngoài nhìn vào) là Tổ Sư Đàn, thờ Sơ Tổ Đạt Ma. Thông thường bàn thờ làm bằng gạch hay đá, có chỗ để bày dâng lễ cúng. Đặc biệt, phần nghi lễ được tổ chức tại Phật Điện. Pháp Đường là nơi vị Trụ Trì thuyết Pháp cho Tăng sĩ đang tu tập. Khi thuyết Pháp vị Trụ Trì được cung kính như đại diện chư Phật, chư vị Tổ Sư có trách nhiệm truyền trao giáo Pháp cho thính chúng, cho nên trong Pháp Đường không thiết tượng Phật nào cả. Tại Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự, có đặt tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát biểu trưng tâm từ bi bao la của Phật, một lý do khác, như đã trình bày ở trước, ở Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, Tổ Đường chính là Pháp Đường, nơi đó là Đại Tổ Đường được xem là một Đạo Tràng thuyết pháp của Tổ khai sơn Thiền Sư Oánh Sơn. Giữa Tổ Đường là Pháp Đường cũng còn có ý nghĩa là tôn trọng giữ gìn lời giáo huấn của Tổ. Tại Đại Tổ Đường nầy, đàn trên cao ở chính giữa, thờ tượng Tổ khai sơn Thiền Sư Oánh Sơn, hai bên trái phải thờ Thiền Sư Đạo N guyên, Cao Tổ và thờ Thiền Sư N ga Sơn Chiêu Thạc, vị Tổ thứ hai của Tổng Trì Tự. N goài ra, các tượng của chư vị Tổ Sư cũng được thờ tại đây. Tại Pháp Đường thường có những thời Kinh sáng, trưa, tối và hầu như tất cả nghi lễ quan trọng đều cử hành tại đây. Khố Viện hay Khố Lý thờ tượng Vi Đà Thiên và tượng Đại Hắc Thiên còn gọi là Đài Hương Tích, vừa là nơi chứa thực phNm cho chư Tăng thường trụ và khách Tăng, vừa là nơi thâu nhận thực phNm cúng dường, cũng là chỗ xay thóc. Dục Thất, nhà tắm, có thờ tượng Tôn Giả Bạt Đà Bà La. Trong Chùa, Tăng Đường, Đông Ty và Dục Thất là ba nơi cần phải giữ thật trang nghiêm yên tĩnh, tuyệt đối cấm không được cười đùa, nói chuyện riêng tư, không được tạo ra âm thanh ồn ào. N gay cả, tắm rửa kỳ cọ thân thể cho thanh tịnh cũng quan trọng như những việc tu hành khác. Tăng Đường có nơi gọi là Vân Đường, cũng còn gọi là Tuyển Phật Trường, mà những chữ nầy được treo ngay ở chính giữa. Thông thường người ta còn gọi nơi nầy là Tọa Thiền Đường nhưng Tông Tào Động không gọi là Tọa Thiền Đường vì gọi như thế nghĩa là

phân biệt chỗ hành thiền khác với nơi ăn uống. Tăng Đường là nơi mà chư Thánh Tăng và chư Bồ Tát thường lui tới, vốn gọi là Thánh Tăng Đường. Trong Thất Đường Già Lam của Tông Tào Động cũng có những nơi quan trọng biểu trưng hiện hữu của Thần Thánh, cũng có thể gọi là nhiệm mầu thiêng liêng, mà tuyệt đối không ai, cả người trong Chùa lẫn người ở ngoài tự ý vào được. Đồng thời, Tăng Đường chia làm hai phần, bên ngoài là nơi dùng cơm, uống nước của chư Tăng, bên trong còn gọi là N ội Đường hay Đường N ội thờ chư vị Thánh Tăng như Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Quan Thế Âm, cũng có Chùa thờ Tôn Giả Kiều Trần N hư, trên cái Trang ngay chính giữa. Bên dưới thiết kế những chỗ ngồi thiền, gọi là Trường Liên Sàng, là những cái đơn cao chừng một mét, rộng chừng một chiếc chiếu (Tatami), để ngồi Thiền mặt hướng vào tường hoặc cửa sổ. Còn có những cái Đơn khác gọi là Hàm Quỹ, mặt bằng độ chừng 30 cm làm bằng gỗ, bên trong Hàm Quỹ (cái rương) đựng y áo và bình bát, phía dưới trải ra làm chỗ nghỉ, còn gọi là Tịnh Duyên, bởi vì chỗ nầy, vật nầy cũng dùng để làm nơi ăn uống. Tịnh Duyên có ý là ăn uống trong sạch thanh tịnh. N gay cả ở bên ngoài cũng có kê những

chiếc Đơn như thế. Bên ngoài còn có những giá treo chuông gọi là Tăng Đường Chuông, N goại Đường Chuông và có cả Pháp Cổ (trống) cũng như những pháp cụ khác để báo hiệu khi cần thiết. N hững việc như đọc sách, viết lách, cạo tóc, khâu vá v.v.., đều thực hiện trong liêu chúng. Mô hình liêu chúng là giữa liêu đặt tượng Bồ Tát Quan Thế Âm, hoặc tượng Hư Không Tạng Bồ Tát, chỉ có Hàm Quỹ (cái rương) và Tịnh Duyên (chỗ ăn) và liêu chúng gần Tăng Đường. Đông Ty là Tiện Sở (cầu xí) cũng còn gọi là Tây Tịnh, nhưng chữ nầy bây giờ không còn dùng đến nữa, ở nơi nầy thường để tượng Điểu Sô Sa Ma Minh Vương. III.2.4 Trường Hợp N hững Tự Viện Thông Thường Tóm lại, các vấn đề xây dựng như thế nào, ai xây, xây ở đâu, khi nào của các chùa thuộc Tông Tào Động lệ thuộc vào vấn đề xã hội địa phương và nguyện vọng của mọi người nữa. Thật ra, mỗi chùa có mỗi điều kiện, mỗi tính cách và mỗi mục đích khác nhau, không thể phán đoán chung chung được, tuy nhiên, có thể phân loại ra như sau: Thứ nhất, Tu Hành Tự là tự viện như một đạo tràng dùng để tu tập và tọa thiền. N hững tự viện nầy vốn có liên hệ với Tông Tào Động

từ xưa, như Lưỡng Đại Bổn Sơn, mà dù cho chùa ấy có gì đặc biệt đi chăng nữa, thì vấn đề căn bản vẫn là chỗ để tu hành theo Tông Tào Động Thứ hai, Bồ Đề Tự là tự viện để lễ bái và phụng thờ N gài Hoằng Pháp Đại Sư, N gài Quan Thế Âm, Thất Phước Thần, Linh Trường, thường thấy nơi các chùa thuộc Tông Pháp Tướng, Tông Hoa N ghiêm, Tông Thiên Thai, Tông Chơn N gôn v.v... về sau dù đã đổi sang Tông Tào Động nhưng vẫn còn giữ tôn phong cũ. Thứ ba, Kỳ Thọ Tự là chùa thờ Đức Quan Âm, N gài Dược Sư, N gài Địa Tạng, N gài Bất Động, các vị Tổ Sư, Thần Lúa, Thiên CNu v.v... vì nhu cầu của mọi người đến tự viện lễ bái cầu nguyện. Thứ tư, Quán Quan Tự là chùa lịch sử danh lam thắng cảnh, gần gũi mọi người và cảnh trí đẹp, được nhiều người tới lui vãn cảnh. Tuy nhiên, trừ Lưỡng Đại Bổn Sơn và những tự viện lớn, còn các chùa thuộc Tông Tào Động về hình thức căn bản là những Già Lam theo mô hình: Sơn Môn, Bổn Đường, Khai Sơn Đường, Vị Bi Đường, Khố Lý, Chung Lầu, Tọa Thiền Đường v.v... mà chúng ta lần lượt tiếp xúc với những phần nầy. Sơn Môn thờ tượng N hân Vương, trên lầu cao thờ tượng Phật, Bồ Tát, nhưng cũng có nơi không có, bởi vì những chùa nhỏ nhiều khi không có Sơn Môn (cửa ra vào) nữa, đôi khi chỉ khắc tên chùa trên phiến đá thay cho cổng tam quan. Bổn Đường cũng còn gọi là Phật Điện hay Pháp Đường, bên trong thờ Bổn Tôn, Đức Phật Thích Ca Mâu N i, hoặc thờ Tam Tôn, song chính giữa vẫn là Đức Phật Thích Ca Mâu N i. Thế nhưng, tùy theo sự thành lập của tự viện, có những đặc thù riêng, không phải hoàn toàn giống nhau, có chùa thờ Đức A Di Đà N hư Lai, Đại N hật N hư Lai, Dược Sư N hư Lai v.v... có chùa thờ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Bất Động Minh Vương, Biện Tài Thiên và cũng còn nhiều tượng khác nữa. Tựu trung vẫn là hình tượng chư Phật và chư Bồ Tát mà ở đây có thể rõ thêm rằng đó là đặc trưng Phật tánh của Đức Phật Thích Ca Mâu N i rộng lớn bao la như thế. Trên bốn bức tường chung quanh Bổn Tôn trong Chánh Điện thường có 18 vị A La Hán. Hai bên tả hữu của Bổn Tôn thường thờ tượng Chiêu Bảo Thất Lang Đại Quyền Tu Lý Bồ Tát và tượng Đạt Ma Đại Sư. Sau Chánh Điện ngăn ra hai bên phải trái thờ linh vị của Tín Đồ Phật Tử.

Tại Bổn Đường (Chánh Điện) sáng, trưa, tối đều có tụng Kinh, nơi đây thường cử hành những nghi lễ cầu an, cầu siêu, thuyết pháp, lễ hằng thuận v.v... Khai Sơn Đường tiếp giáp sau Bổn Đường, ở giữa thờ N gài Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư hay Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư. N goài hai vị Tổ Sư, còn thờ tượng bằng gỗ của vị Hòa Thượng khai sơn chùa ấy nữa. Hai bên phải trái thờ tượng của các vị Trụ Trì, linh vị của những người sáng lập chùa, nơi đây cũng thờ linh vị Tín Đồ nữa, miễn sao ở giữa có nơi làm lễ là được. Phía trước còn bàn kinh, có gối để lạy, có chuông mõ hai bên. Vị Bi Đường là nơi linh vị Tín Đồ. Thông thường có thể thờ ở phía sau Chánh Điện hay Khai Sơn Đường, nhưng tùy địa phương Vị Bi Đường được xây riêng một nơi biệt lập bên ngoài Bổn Đường hay Khai Sơn Đường. Ở giữa, thờ tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Mỗi gia đình có mỗi bàn thờ nhỏ và tự quản lý, cúng dường và tự mỗi gia đình đến chùa chăm sóc lấy. Khố Lý được xây dựng ở bên phải Chánh Điện và mặt hướng về Chánh Điện. N ơi đây gồm có hành lang, phòng tiếp lễ vật, phòng khách, phòng ở của vị Trụ Trì, phòng ở của gia đình Trụ Trì, phòng sinh hoạt, phòng chuNn bị, phòng ăn, phòng tắm, nhà vệ sinh v.v... Tùy theo chùa, Khố Lý lớn hay nhỏ, có chùa Khố Lý còn lớn hơn Chánh Điện nữa. Tọa Thiền Đường được xây dựng phía bên trái hướng về Chánh Điện, đối diện tương xứng với khố lý. Cũng tùy điều kiện đất đai, đôi khi được thiết lập ngay tầng dưới của Khai Sơn Đường, những chùa không có Tọa Thiền Đường, có thể dùng Chánh Điện hay Khai Sơn Đường thay thế. Lầu Chuông được thiết kế ở một góc vườn. Mỗi sáng tối thỉnh chuông nhứt định vào một thời điểm nào đó. Chùa nào không có lầu chuông, thường treo chuông bên ngoài cửa hay bên trong Chánh Điện. N goài ra, trong vườn còn xây những nơi như: Đại Sư Đường, Trấn Thủ Đường, Đạo Hà Đường (nơi thờ Thần Lúa), Thần Xã, Sáng Khố v.v... III.2.5 Công Việc Của Các Vị Tăng Già Lam không phải chỉ thờ Phật, mà với người sống, nơi đây là những Đạo Tràng tu hành để thành Thánh, thành Phật. Già Lam của các chùa tu Thiền, như đề cập ở trên, được tổ chức theo thể thức sinh hoạt cộng đồng với mục đích tu hành. Riêng Thiền Tông,

đặc biệt Tào Động Tông, có sự phối trí khác biệt. Chư Tăng ở chùa tu hành, tất cả nhất định phải phân công công việc để làm, không ai không làm việc, những công việc từ thời Lưỡng Tổ Đại Sư cho đến bây giờ vẫn thế. Được gọi là người tu, việc đầu tiên ở chùa, phải có khả năng làm việc hiệu quả. Không những chỉ riêng người tu ở chùa Tu Hành Tự, mà cho tất cả những tự viện lấy chùa Tu Hành Tự làm căn bản. Chư Tăng trong chùa phải làm việc được giải thích như sau: Trụ Chức nghĩa là viết tắc của Chức Trụ Trì, người có trách nhiệm lớn lao đối với chùa. Với tư cách là "Tôn Giáo Pháp N hơn" đại biểu cho chùa đó. N ếu chùa lớn, cũng còn xưng là Sơn Chủ thay cho Trụ Trì, đôi khi thay đổi gọi là Đường Đầu Hòa Thượng, mà thông thường gọi là Phương Trượng, Đường Đầu hoặc Hòa Thượng. Có nơi gọi vị Trụ Trì là Ojutsusan và Hòa Thượng là Ossan. Quản Thủ là Chức Vụ của hai đại Bổn Sơn, cũng còn gọi là Quản Thủ Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự và Quản Thủ Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự. Ở hai Đại Bổn Sơn còn có vị Phó Quản Thủ, vị thứ hai sau Quản Thủ nữa. Tây Đường là nơi ở của những vị Cao Đức do vị Trụ Trì cung thỉnh đến để chỉ đạo các Phật sự, bình thường vị Tăng nầy đứng sau vị Trụ Chức. Giám Viện nghĩa là người thay thế vị Trụ Trì, làm Tổng Quản quán sát tất cả những công việc và mọi vấn đề hành chánh của chùa. Trước đây, vị nầy

đứng đầu trong bảng Lục Hòa, mà có nơi gọi là Giám Tự. N goài ra còn có Phó Giám Viện thay thế việc điều hành mỗi khi vị Giám Viện vắng mặt . Hậu Đường là chỗ hành trì của vị Tăng trực tiếp chỉ đạo. Đơn Đầu là ngôi vị thứ hai của vị Tăng ở Hậu Đường đang hành trì và trực tiếp chỉ đạo. Phó Tự là vị Tăng lo việc chi tiêu của chùa, lo trọn một trong 6 phép hòa kính. Tri Khố là vị Tăng lo quản lý thức ăn, tiền bạc và giúp đỡ cho vị phó Trụ Trì. Duy N a là người giúp đỡ cho vị Hậu Đường và Đơn Đầu, chỉ đạo và hướng dẫn chư Tăng tu hành, quản lý Tăng Đường, tụng khai Kinh và hồi hướng mỗi thời tụng Kinh, giữ vững kỷ cương một trong 6 phép hòa kính, tuy nhiên, có chùa xem đây là việc của vị

Giám Tự.

Duyệt Chúng là vị giúp đỡ cho Duy N a, phần vụ thủ mõ. Đường Hành cũng là nhiệm vụ của Duy N a và Duyệt Chúng, phải gõ khánh, tụng khai Kinh và hồi hướng trong mỗi thời công phu tụng Kinh. Điển Tọa là vị Tăng lo việc ăn uống vâng giữ một trong 6 phép lục hòa. Phó Điển còn gọi là Phạn Đầu, vị Tăng hổ trợ giúp việc cho Điển Tọa. Trực Tế là vị Tăng chuyên lo việc chấp tác, trùng tu sửa chữa Già Lam, chữa đường sá, cũng là người vâng giữ một trong 6 phép lục hòa. Tri Khách là vị Tăng lo việc tiếp đón khách. Thị Chơn là vị Tăng chăm sóc chỗ thờ Tổ Khai Sơn. Cúng Chơn là vị Tăng giúp đỡ Thị Chơn, cũng gọi là Truyền Cúng. Tri Điện là vị Tăng quản lý Phật Điện và Pháp Đường. N gười phụ tá gọi là Diện Hạnh. Thượng Sự là vị Tăng lo việc thư ký, bảo quản văn thơ giấy tờ. Tri Dục cũng còn gọi là Dục Chủ, vị Tăng quản lý nhà tắm. Thị Cục Trưởng là vị Tăng thân cận, chăm lo và giúp đỡ vị Trụ Trì. Ở hai Đại Bổn Sơn những vị nầy hổ trợ vị Quản Thủ. Thị Giả là vị Tăng thân cận hầu hạ vị Trụ Trì và Chư Tôn Đức đến thăm chùa. Có 5 loại Thị Giả chánh thức như: Thiêu Hương Thị Giả, là người có trách nhiệm lo việc hương đăng và dâng hương cho vị Trụ Trì, mỗi khi có lễ. Thư Trạng Thị Giả là vị lo vấn đề thư từ cho vị Trụ Trì. Thỉnh Khách Thị Giả là vị Tăng lo ứng đối tiếp đãi khách của vị Trụ Trì. Y Bát Thị Giả là vị Tăng lo Pháp Y cho vị Trụ Trì. Thang Dược Thị Giả là vị Tăng lo thức ăn và thuốc men cho vị Trụ Trì. Thông thường chỉ hai hay ba vị kiêm nhiệm luôn. Thị Thánh nghĩa là Thị Giả của chư Thánh Tăng thờ tại Tăng Đường (như N gài Văn Thù Bồ Tát), lo việc cúng dường nước hoặc trà nóng lên Bồ Tát. Giảng Sư nghĩa là vị Thầy thường giảng nghĩa và thuyết pháp cho Chư Tăng và Tín Đồ.

Tạng Chủ tức là vị quản lý tạng Kinh và điện thờ có nhiều bảo vật. Tịnh Đầu là vị Tăng quản lý Đông Ty (nhà xí). Tấu Giả là vị Tăng có trách nhiệm thông tin cho khách hoặc những liêu xá, khi có những việc cần thiết. Thủ Tọa là địa vị cao nhất của chư Tăng, còn gọi là Thượng Tọa. Thư Ký nguyên là chức vụ Thị Giả Thư Trạng, phụ trách những công việc phụ giúp vị Thủ Tọa liêu, thường ngồi ở vị trí thứ hai sau Thượng Tọa. Biện Sự là vị Tăng còn trẻ luôn ở bên vị Thư Ký, Thủ Tọa, nơi liêu Thủ Tọa. Hành Giả là vị Tăng còn đang tu học, gần gũi thân cận, làm các công việc. N goài ra, ở Điện Đường, Điện Ty, Đường Ty, Phật Điện, Pháp Đường khi có lễ, vị thỉnh chuông gọi là Chung Ty, vị lo công việc trong Tăng Đường gọi là Trực Đường, vị lo việc dọn dẹp gọi là Thanh Tảo Đương Phiên v.v... nhiều lắm không thể ghi chi tiết ra đây hết. Vả lại, còn có khá nhiều

công việc như xuất bản, bố giáo, và nhiều việc không cần có chức vụ ở Lưỡng Bổn Sơn nữa, song tùy theo tính chất quy mô hay đơn giản của chùa, tùy theo địa phương, tùy theo xã hội mà công việc có thể tùy nghi sửa đổi thêm hay bớt. III.3 Bổn Tôn, Phật Tượng Và Pháp Cụ III.3.1 Già Lam và Bổn Tôn Trong Già Lam tự viện của Tông Tào Động, an trí tôn tượng Phật ngay chính giữa Chánh Điện, tất nhiên cách phối trí sao cho phù hợp với không gian và hoàn cảnh, để người lễ Phật và khách tham quan dễ nhìn, hẳn nhiên không đơn thuần cho việc lễ bái, mà còn Nn tàng cả một triết lý cao siêu nữa. Bởi vì, như trước đã nói, Bổn Tôn của Tào Động Tông là Đức Phật Thích Ca Mâu N i (Thích Tôn). Thật không sai nếu cho rằng Điện Phật là Trung Tâm của Già Lam, tất nhiên phải thờ tượng Phật ở tại Bổn Đường (Chánh Điện). Ở Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự, tôn tượng Đức Phật Thích Ca Mâu N i (Phật Hiện tại) thờ ở giữa, hai bên trái và phải thờ Phật A Di Đà (Phật quá khứ) và Phật Di Lặc (Phật vị lai). Tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự thờ Phật ở chính giữa và hai bên thờ Tôn Giả Ca Diếp và Tôn Giả A N an. Tại Đại Thừa Tự, huyện Ishinakawa, phố Kanezawa thờ Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền ở hai bên. Tại

Chùa Vĩnh Quang, Ishikawa, phố Hakui thờ Bồ Tát Quan Âm, Bồ Tát Hư Không Tạng ở hai bên. Các tự viện thuộc Tông Tào Động vốn thờ tôn tượng Phật song không hầu hết như thế. Tại Phật Điện chỉ an trí Bổn Tôn, Đức Phật Thích Ca Mâu N i và Tam Tôn, tại Sơn Môn thờ tượng N hân Vương, La Hán v.v... tại Tăng Đường thờ Bồ Tát Văn Thù, tại chỗ tắm thờ Bạt Đà Bà La Tôn Giả, tại Đông Ty (nhà xí) thờ Điểu Sô Sa Ma Minh Vương v.v... đại loại như thế để phân biệt rõ đâu là Chánh Điện, không phải là Pháp Đường hoặc liêu xá, hoặc nhà Từ Đường. N hững tôn tượng Phật và các tượng khác v.v... cũng đổi thay tùy theo lịch sử và điều kiện của tự viện nữa, từ đó các loại Điện Đường thành hình ngày càng trở nên đa dạng như vậy. Song dù sao đi nữa, ý nghĩa tôn thờ Tôn Tượng không có gì khác ngoài sự biểu lộ tâm thành của người lễ bái. Khi thành tâm lễ bái, ta phải hiểu rằng, những tôn tượng Phật trở nên sống động đối với người lễ và những tôn tượng Phật hàm dung một ý nghĩa vô cùng quan trọng. III.3.2 Tượng Phật Tôn tượng Phật thật tế có nhiều loại như tượng N hư Lai (Phật), tượng Bồ Tát, tượng Minh Vương, tượng Thiên Thần, về hình thức, có nhiều hình dáng khác nhau, có nhiều tượng đứng, tượng ngồi mỗi tượng hàm chứa ý nghĩa mỗi khác. Tôn tượng Đức Thích Ca Mâu N i Phật, vị Giáo Chủ, khai Tổ của Phật Giáo, tọa Thiền tay bắt ấn kiết già luôn luôn thờ chính giữa trên Phật Điện hay trong Bổn Đường. N goài ra, ngày lễ Phật Đản (mồng 8 tháng 4 gọi là Hanamatsuri) và lễ N hập N iết Bàn (nhằm ngày 15 tháng 2), thường treo thêm tranh họa Phật đản sanh hay cảnh nhập Phật N iết Bàn. Tôn Tượng A Di Đà N hư Lai, vị Giáo Chủ của cõi Tây Phương Cực Lạc tượng trưng Phật trong quá khứ, thờ một bên Đức Thích Ca Mâu N i trong Phật Điện Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự. Còn tôn tượng Thập Tam Phật gồm Đức Thích Ca, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát là 3 vị ở chính giữa và 10 vị Phật khác phối trí thờ thêm vào, song đa phần tượng tranh, được tôn thờ vào các ngày cầu siêu như: • Tượng Bất Động thờ vào ngày cúng sơ thất • Tượng Thích Ca thờ vào ngày cúng nhị thất • Tượng Văn Thù thờ vào ngày cúng tam thất • Tượng Phổ Hiền thờ vào ngày cúng tứ thất

• Tượng Địa Tạng thờ vào ngày cúng ngũ thất • Tượng Di Lặc thờ vào ngày cúng Lục thất • Tượng Dược Sư thờ vào ngày cúng chung thất • Tượng Quan Âm thờ vào ngày cúng bách N hật • Tượng Thế Chí thờ vào ngày cúng giáp năm • Tượng Di Đà thờ vào ngày cúng 3 năm • Tượng A Súc Phật thờ vào ngày cúng 7 năm • Tượng Đại N hật thờ vào ngày cúng 13 năm • Tượng Hư Không Tạng thờ lễ cúng 33 năm. Bồ Tát Văn Thù biểu trưng trí tuệ của Phật, hình dáng là một vị Tăng cỡi Sư Tử đang nằm, thờ tại Tăng Đường, như một vị Bổn Tôn. Bồ Tát Quán Thế Âm biểu tượng cho trí tuệ và từ bi của Phật, mà đặc biệt mọi người ai ai cũng biết đến N gài, thờ tại liêu chúng xuất gia như một vị Bổn Tôn. Bồ Tát Hư Không Tạng biểu trưng cho công đức trí tuệ và từ bi của Phật vô cùng rộng lớn và cao cả như hư không, thờ tại liêu của chúng Tăng như một vị Bổn Tôn. Bồ Tát Phóng Quang chỉ cho Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và Địa Tạng Vương Bồ Tát hợp thành, mà không phải riêng Bồ Tát nào. Còn Bồ Tát Địa Tạng, có thệ nguyện rộng sâu, có hạnh nguyện quảng đại siêu việt an định đại địa. Trên lầu Sơn Môn của Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, có thờ hai tượng Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Địa Tạng. Còn tại Phóng Quang Đường ở Tổ Viện, thờ vị Bồ Tát Phóng Quang, là Địa Tạng Bồ Tát. Còn tại Phóng Quang Đường của Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, thờ tôn tượng Phật Thích Ca Mâu N i. Tại Thường Chiếu Điện, thờ tượng Bồ Tát Quan Thế Âm như vị Bổn Tôn. Vả lại, các tự viện địa phương thuộc Tông Tào Động, thờ Bồ Tát Địa Tạng, bởi vì có nhiều người tin và thường đến đó để lễ bái nguyện cầu. Bồ Tát Di Lặc, còn gọi là Phật Vị Lai bởi vì Bồ Tát sẽ hạ sanh thành Phật, sau Đức Thích Tôn nhập diệt vào khoảng 56 triệu bảy ngàn vạn năm, nơi thế giới nầy một lần nữa. Tại Phật Điện Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự, thờ bên cạnh Đức Thích Ca Tam Tôn. Bồ Tát Phổ Hiền, vị Bồ Tát có bổn nguyện biểu trưng cho đức của Phật. N ếu Bồ Tát Văn Thù biểu trưng cho Trí Tuệ, Bồ Tát Phổ Hiền chỉ cho Hạnh N guyện. Tại Phật Điện chùa Đại Thừa, huyện Ishikawa, thờ bên cạnh Thích Ca Tam Tôn.

Bồ Tát Chiêu Bảo Thất Lang Đại Quyền Tu Lý là Thần Hộ Pháp thờ tại chùa A Dục Vương Quảng Lợi Tự, núi Chiêu Bảo Sơn, tỉnh Chiết Giang, Trung Hoa cho nên có tên như vậy. Truyền thuyết kể rằng lúc Thiền Sư Đạo N guyên về lại N hật sau thời gian du học ở Trung Hoa, có một người tùy tùng theo hộ trì giúp đỡ cho Phật pháp phát triển và bảo hộ thân mạng cho Thiền Sư, cho nên đối diện với bàn thờ Bổn Tôn trên Phật Điện hoặc Bổn Đường, an trí tôn tượng vị Bồ Tát nầy, với y phục của bậc Đế Vương, tay phải đưa lên ngang trán, nhìn lên, mặt hướng vào bên trong, xoay lưng ra bên ngoài. Bồ Tát Bạt Đà Bà La (Tôn Giả) ngộ đạo khi đi tắm cho nên trở thành Bổn Tôn của phòng tắm. Bồ Tát Điểu Sô Sa Ma Minh Vương là bậc Minh Vương nguyện diệt trừ dơ nhớp nên trở thành Bổn Tôn của Đông Ty (nhà xí). Còn Bất Động Minh Vương tùy tùng Đại N hật N hư Lai, giải trừ những việc ác. Không phải chỉ riêng vị Minh Vương nào đó có duyên với Tông Tào Động song hầu như tất cả các tự viện thuộc Tông Tào Động đều thờ vị Bất Động Minh Vương. Vi Đà Thiên vốn là vị Thần trong Thần Thoại Ấn Độ, về sau được Phật Giáo nhập chung vào trở thành vị Thần hộ pháp Già Lam, lo phụng sự, bảo hộ giữ gìn thực phNm cho chư Tăng. Truyền thuyết kể rằng N gài mặc áo giáp, đeo kiếm báu trên vai, hai tay chấp lại, rất hảo tướng, hộ trì Phật Pháp, đánh dẹp tà ma chạy về cõi Trời Vi Đà. Thường thường tôn tượng của N gài an trí tại nhà Kho. Sáng mồng năm mỗi

tháng, có hồi hướng kinh văn cho N gài Vi Đà Thiên nầy trong thời tụng Kinh. Long Thiên là những vị Long Thiên Hộ Pháp, còn Đại Thiện Thần là những vị Thần bảo hộ Phật pháp. Chư Tăng và những vị Thầy cúng thường viết trên bài vị hai hàng: "Phụng Thỉnh Long Thiên Hộ Pháp Đại Thiện Thần – Bạch Sơn Diệu Lý Đại Quyền Hiện", rồi để trên sàn nhà trong phòng ở, khi lễ bái đọc Kinh xong thường cầu nguyện mong Phật sự thành tựu viên mãn. Biện Tài Thiên nói tắt là Biện Thiên, vị Thần trong thần thoại Ấn Độ trong hình thức người nữ, giỏi âm nhạc, giỏi biện thuyết, tài phước, trí tuệ và Phật pháp. Trà Chỉ N i Thiên cũng là vị Thần trong thần thoại Ấn Độ, về sau được thờ chung với con cáo trắng và Thần Lúa, gọi là Thần Đạo Hà. Khi Thiền Sư Đạo N guyên về quê hương vị Thần Đạo Hà của N hật hiện ra, được truyền tụng chữa được nhiều bệnh hiểm nghèo.

Ở chùa Diệu N ghiêm Tự (Myogonji), huyện Aichi, phố Phong Xuyên có thờ và trên toàn nước N hật ai cũng biết Thần Phong Xuyên Đạo Hà nầy. Tứ Thiên Vương là những vị Thần từ cõi trời đến để hộ trì Phật Pháp ở khắp bốn phương, vốn cũng là vị Thần trong thần thoại Ấn Độ. Phương Đông có vị Trì Quốc Thiên. Phương N am có vị Tăng Trưởng Thiên. Phương Tây có vị Quảng Mục Thiên. Phương Bắc có vị Đa Văn Thiên hay còn gọi là Tỳ Sa Môn Thiên. Đặc biệt, không có tượng Tứ Thiên Vương để thờ, nhưng khi lễ Vu Lan, trong Trai Đàn Đại Thí Cô Hồn, thấy tên của bốn vị Thiên Vương nầy viết lên trên lá phang treo phía trước. Đại Hắc Thiên, vị thần hộ trì việc ăn uống và phước đức, cũng là vị Thần theo truyền thống thần thoại của Ấn Độ. Về sau, được thờ chung với Đại Quốc Chủ Thần, một trong 7 vị thần ban phước và gọi là Phước Thần. Tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, thờ vị Đại Hắc Thiên nầy trong Khố Viện. Tam Bảo Đại Hoang Thần còn gọi là ông Táo, là vị Thần hộ trì Phật pháp, trừ khử việc bất tịnh. Tại chùa Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, vị thần nầy được thờ trong Tổ Viện với Đại N hật N hư Lai, A Di Đà N hư Lai, được xem như là hóa thân quyền hiện của Bồ Tát Văn Thù giải trừ bảy nạn và chứng minh gia hộ cho người cầu phước thọ linh nghiệm. N hân Vương là vị Thần đứng ngoài cổng Sơn Môn, bên trái là Mật Tích Kim Cang và bên phải là N a La Diên Kim Cang. Mật Tích Kim Cang biểu trưng lý Đức, với hình dáng khuôn miệng của người nữ mở ra (A). N a La Diên Kim Cang biểu trưng trí của Đức với hình dáng khuôn miệng của người nam ngậm lại (Hồng). Thập Lục Thiên Thần phát xuất từ Kinh Bát N hã, nguyên do khi Đức Phật Thích Ca giảng Kinh Bát N hã, có 16 vị Thần hiện ra phát tâm bảo hộ và giữ gìn Kinh Bát N hã. Tết đến có lễ hội cầu nguyện Bát N hã, tranh tượng được treo lên và Kinh Bát N hã được thọ trì. Trong bức tranh đó, Đức Thích Tôn an vị tại chính giữa, hai bên là Bồ Tát Thường Đề và Bồ Tát Pháp Dũng, chung quanh có 16 vị Thiện Thần vây quanh thủ hộ. Khi dịch Kinh Bát N hã, Pháp Sư Huyền Trang Tam Tạng cho họa và treo thêm hình của Thâm Diệu Đại Tướng nữa.

Thập Bát Thiện Thần: N goài 16 vị Thiện Thần, còn có hai vị Phạm Thiên và Đế Thích Thiên, những vị Thần giữ gìn Già Lam và hộ trì Phật Pháp. Thổ Địa Thần, không nhất thiết là thần giữ gìn đất đai và vườn tược của chùa, song có thể nghĩ là một trong những Chư Thiên Thiện Thần. Già Lam Thần không nhất thiết là thần bảo hộ những kiến trúc chùa. N hư trước đã nói, Có 19 Thiên Thần, sau có Hỏa Đức Thánh Quân đều là một trong những vị Thần Già Lam và là một trong Chư Thiện Thần. Táo Công Chơn

Tể là Thần hộ trì bếp núc chủ yếu là nồi niêu. Trấn Thủy Thổ Địa Thần cũng giống với Già Lam Thần là Thần giữ gìn hộ trì Già Lam của chùa, như Bạch Sơn Thần Xã bảo hộ Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự. Ở những Tự Đường khác, thờ Ái Đãng Đại Quyền Hiện (Thắng Quân Địa Tạng Tôn); Dũng Tuyền Đạo Hà; Thiên Chiếu Đại Thần Cung; Kim Tỳ La Xã là những Sơn Thần v.v... Tại Tổ Viện Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự thờ Ốc Đại Vương Quyền Hiện Xã v.v... Thập Lục La Hán là 16 vị A La Hán, hộ trì Phật pháp, thường được thờ trên lầu của gác chuông, hoặc trong Chánh Điện, hoặc thờ riêng trong La Hán Đường. Thông thường, tượng làm bằng gỗ hoặc tranh họa. Có nhiều hình tượng La Hán như 4 vị, 18 vị hay 500 vị, A La Hán được nhiều người sùng bái, cho nên có nhiều chùa thờ các vị A La Hán và tổ chức Lễ Hội La Hán nữa. Hỏa Đức Thánh Quân, theo truyền thuyết cổ của Trung Hoa, là sự hiển linh của Thần N ông, người đầu tiên chế thuốc có quyến thuộc là những vị Hỏa Bộ Thánh Chúng. Trên điện Phật thường treo những tranh nầy, gọi là vị Thần trừ hỏa tai. Giám Trai Sứ Giả, còn gọi là vị sứ giả của nhà Trù, Thần giữ gìn và chăm lo việc ăn uống của chư Tăng, thường được thờ trong Khố Viện. Kiều Trần N hư Tôn Giả, gọi tắt là Trần N hư Tôn Giả là một trong năm người đệ tử đầu tiên của Phật được nghe Pháp và chứng ngộ, được xưng tán là Đệ N hứt N gộ Đạo Phạm Hạnh, cho nên thờ N gài là một trong những vị Thánh Tăng trong Tăng Đường. (như thờ trong Thiền Đường chùa Đoan Long, huyện Fujisan). N hư trong quyển danh sách chư Tăng đệ tử Phật kiết hạ an cư theo thứ tự hạ lạp, tên của N gài Trần N hư Tôn Giả ghi đầu sổ.

Tân Đầu Lô Tôn Giả là một vị trong 16 vị La Hán, đầu bạc mi dài, có nhiều thần thông, thường được thờ trong Tăng Đường hoặc Thực Đường, hoặc thường được thờ ngay cửa vào Chánh Điện, nhiều người tin rằng xoa vuốt tượng nầy sẽ không bệnh hoạn. Truyền Đại Sĩ người đời nhà Lương (496 – 569) sanh tại tỉnh Chiết Giang, Trung Hoa, Họ Truyền, tên Hấp là một Phật Tử thuần tín Tam Bảo, lãnh hội rốt ráo những giáo huấn của Tổ Đạt Ma Đại Sư. N gài cũng còn được xem là hóa thân của Bồ Tát Di Lặc, xây dựng tàng Kinh các, vì thế tôn tượng của Truyền Đại Sĩ thường được thờ trong tàng Kinh các. Đạo Liễu Đại Quyền Hiện, còn gọi là Đạo Liễu Đại Tát Đỏa, khai sơn Chùa Tối Thừa, huyện Kanagawa, phố Chisada, mà Thiền Sư Liễu Am Huệ Minh đứng hầu. Chùa N gài có phong cách kiến trúc đặc biệt, phải nói rằng, toát lên một sức mạnh phi thường. Sau khi Thiền Sư viên tịch đã hóa thành Thiên CNu, biến vào không trung. Có nhiều người tin và cầu nguyện N gài gia hộ cho nên ở N hật ai cũng biết Chùa Tối Thừa và gọi N gài rất thân thiện là Ông Đạo Liễu. Tam Xích Phường Quyền Hiện xuất thân ở huyện N agano, thâm tín Bồ Tát Quan Thế Âm xuất gia năm lên 7, trở thành một trong 12 tu sĩ của Tam Xích Phường, khai sơn Chùa Thu Diệp, huyện Sizuoka vào năm Đại Đồng thứ 4 (809), chứng đắc thần thông cho nên sau khi viên tịch được thờ tại Tạng Vương Đường, huyện N igata. N ăm Minh Trị thứ 6 (1873) Chùa Thu Diệp bị phế bỏ và dời về Thùy Tế (Suisai), huyện Sizuoka. Hầu hết các chùa thuộc Tông Tào Động đều thờ Tam Xích Phường Quyền Hiện, được gọi là Đại N gư Thần để trừ hỏa tai. Bạch Sơn Diệu Lý Đại Quyền Hiện, Thần hộ trì cho Phật Pháp Tăng, mà Bạch Sơn vốn là tên của một trong ba danh sơn N hật Bản, nằm trên 3 huyện Fukui, Ishikawa và Kỳ Phụ. Thời kỳ N ara, Đại Sư Thái Đăng khai sơn thờ Đức Quan Thế Âm 11 mặt. Trước và sau khi Thiền

Sư Đạo N guyên Thiền Sư sang Trung Hoa du học đã từng lưu tại đây được Bạch Sơn Diệu Lý Quyền Hiện hộ trì công việc soạn thảo "Bích N ham Lục". Thất Phước Thần tiêu trừ 7 nạn là vị Thần ban cho 7 loại phước đó là: Thần Huệ Tỉ Tu, Đại Hắc Thiên, Tỳ Sa Môn Thiên, Biện Tài Thiên, Phước Lộc Thọ, Thọ Lão Thiên, Bố Đại Tôn. Các chùa thuộc Tông Tào Động thờ Thất Phước Thần, được biết như: Chùa Tùy N guyên, Chùa Long Giác, Chùa Đồng Quang, huyện

Simahane, nơi đó gọi là Xuất Vân Quốc Thất Phước Thần Linh Trường, được nhiều người từ nơi khác liên tục đến hành hương chiêm bái. N goài ra, tại Điện Phật, Khai Sơn Đường hay Bổn Đường còn thờ tôn tượng Đạt Ma Đại Sư, Sơ Tổ Thiền Tông Trung Hoa, Đại Sư Động Sơn, Tổ của Tông Tào Động Trung Hoa, Thiền Sư N hư Tịnh, bổn sư của Thiền Sư Đạo N guyên, Lưỡng Tổ Đại Sư, Khai Sơn Thiền Sư, Lịch Đại Trụ Chức, Khai Sơn (tất cả đều được thờ ở Khai Sơn Đường) v.v... đôi khi còn phải thích nghi hoàn cảnh đặc biệt của Chùa đó, thờ chư Phật, chư vị Bồ Tát và chư Thiên Thiện Thần v.v.... III.3.3 Pháp Cụ Pháp cụ còn gọi là Phật cụ là những đồ dùng trong Đạo, mà chư Tăng thường dùng trong khi hành lễ hoặc cử hành nghi lễ trong nhiều phương diện khác nhau, song có mục đích và ý nghĩa phụng sự đạo pháp. Xin được lần lượt giới thiệu như sau: Tu Di Đàn là Án thờ với hình thức như một đài mang tên ngọn núi Tu Di, Ấn Độ, được thiết kế ngay giữa Bổn Đường hay Phật Điện, trên đó an trí tượng Phật rất trang nghiêm. Đồ trải là những tấm vải trải trên Tu Di Đàn. Tiền N gột là cái án thờ đặt phía trước Đàn Tu Di, kê cao gần sát Đài, trên đó có lò hương đặt chính giữa, hai bên là bình hoa và có một cặp nến, được gọi là ngũ cụ túc. N goài ra trước án còn treo những tấm lụa ở ba phương, mà cả ba phương đó đều có lò hương để vị chủ lễ cắm hương vào. Đả Phu là miếng vải trải lên trên ghế phía trước. Bái Phu là chỗ ngồi ở chính giữa dành cho vị Chủ Lễ lễ bái. Tọa N hục là cái đệm ngồi, trên ấy có để sẵn tràng hạt và cây phất trần dài màu tím để vị sám chủ sử dụng trước khi lễ bái và ngồi xuống. Lễ Bàn là bục bước lên án cao khi lễ bái. Dẫn Thủy là hành lang thoáng mát nối từ Bổn Đường đến Đại Điện. Mộc N gư là cái mõ chạm hình rồng hoặc cá bằng gỗ tròn, để báo hiệu giờ tụng kinh trên Phật Điện hay Bổn Đường bằng nhiều hồi. Khánh Tử là cái chuông để gần mõ, hình tròn làm bằng kim loại, cũng có khi treo trên giá gần chỗ ngồi, dùng để báo hiệu bắt đầu tụng kinh hay kết thúc một câu kinh. Chuông lớn gọi là Đại Khánh Tử, còn Tiểu Khánh dùng như ra lệnh tiếng mõ khi đọc kinh. Cũng

có khánh cầm tay để hướng dẫn chúng. Tất cả khánh, chuông đều có chung công dụng báo hiệu nhịp uyển chuyển trong chúng khi tụng kinh, cũng dùng để đi cúng đám cầu siêu ở ngoài mộ hoặc ở nhà thí chủ. Kiến Đài là bàn dành riêng cho vị Trụ Trì hay Bổn Sư xem sách, xướng lễ, giảng Kinh v.v... Thông thường những kinh sách, giảng dạy cần thiết và những sớ cầu an, cầu siêu, phục nguyện hồi hướng v.v... của những thời thuyết pháp, giảng dạy hay tụng kinh sáng trưa tối đều để ở đây. Án không cao cũng không thấp cho nên dù ngồi hay đứng đều đọc được. Thiên Cái là lọng lớn che treo trên tượng Phật ở Pháp Đường hay Bổn Đường thường làm bằng gỗ mạ vàng để trang nghiêm Phật, gọi là Phật Thiên Cái. N ếu treo tại Pháp Đường, trên chỗ ngồi của Chư Tăng gọi là N hơn Thiên Cái. N goài ra, còn có lọng nhỏ dùng để che khi cung thỉnh chư Tôn Đức hay vị Trụ Trì quang lâm Chùa hoặc đi đám tang. Điện Chung là quả chuông treo cố

định tại nơi nào đó trong Bổn Đường hay Phật Điện để báo hiệu cho đại chúng biết lúc hành lễ hoặc nhóm họp. Khi Đạo Sư đăng đàn, thường gõ lên bảy hồi chung. Phạm Chung cũng gọi là Đại Hồng Chung treo trong lầu chuông, gần như chùa nào cũng có. Phạm nghĩa là Thanh Tịnh. Cổ Bạt là Trống và Phèng La. Trống dùng để báo giờ khắc, điểm giờ bắt đầu những pháp sự như báo hiệu giờ uống trà chẳng hạn. Trống là một pháp cụ dùng trong nhiều pháp sự khác nhau, còn Phèng La thường làm bằng đồng có dáng hình tròn sử dụng trong phạm vi nghi lễ cùng với trống nhỏ, lúc đi đám tang hay khi chNn tế ngạ quỷ. Bảng (Mộc Bảng) là bảng gỗ treo trước Tăng Đường hay Phương Trượng Đường dùng để báo hiệu bắt đầu tọa thiền hay thuyết giảng. Vân Bảng là khánh đồng, trên đó có hình mây cuộn, thường cột treo tại nhà kho hay Lầu Chuông Trống, để báo hiệu giờ thọ trai. Hoán Chung là chuông nhỏ mà Thiền Sư hay thị giả của Thiền Sư dùng để báo gọi từng thiền sinh vào phòng tham vấn, khi tham một mình. Bang N gư Cổ là cái mõ gỗ chắc, cứng dài có hình đầu rồng thân cá, treo ngoài chỗ trống trước Tăng Đường, để thông báo thọ trai. N gày xưa chữ Bang có nghĩa là mõ Mộc N gư (Mõ bằng gỗ).

Điển Lục là ghế kiểu Trung Hoa, chỗ ngồi nghĩ của Đạo Sư, khi thay đổi nghi lễ. Cao Tọa là cái đài bằng gỗ có dựa và chỗ gác tay ở hai bên, dùng để ngồi thiền, thuyết pháp hay cử hành những nghi lễ khác. Trà Dương Khí là những chén trà nhỏ bằng gỗ, để châm trà hay nước cúng dâng cúng Phật. Thỉnh thoảng cũng dùng tiếp khách quý. Tửu Thủy Khí là chén đồng, mạ vàng, dùng đựng nước sái tịnh để Đạo Sư chú nguyện và tNy tịnh trong những lễ: Thọ Giới, ChNn Tế, Hằng Thuận v.v... Tam Phương là khay bằng gỗ sơn màu dùng dâng đồ cúng Phật như hương hoặc những vật khác. Khay nầy cũng dùng vào việc tiếp nhận đồ cúng của khách thập phương viếng Chùa. Phất Tử là cái phất trần có đuôi làm bằng lông thật là dài và mịn, dùng trong các đàn tràng lớn. N hư Ý như bàn tay bằng gỗ sơn son, cũng có loại bằng trúc, kim loại, bằng xương v.v... chiều dài thường là 30 cm đến 50 cm, vị Đạo Sư dùng trong nhiều nghi lễ. (chú thích của dịch giả. Việt N am gọi là cái hốt, các vị Đạo Sư thường cầm trên tay khi không cầm phất tử). Hốt là pháp khí bằng gỗ sơn son, hay bằng trúc, cũng có khi bằng xương giống như ngón trỏ, vị Đạo Sư hay Sư Cụ cầm trên tay khi tham thiền hay chỉ đạo những Phật sự quan trọng khác. Trụ Trượng là cây gậy bằng gỗ, trúc, kim loại, xương v.v... dùng trong lúc quang lâm, khi nhận trách nhiệm trụ trì, khi đi hành cước, lúc thuyết pháp hoặc giáo giới cho giới tử. Trên đó, thường khắc những lời Kinh hay lời dạy của Tổ Sư. Số Chu là tràng hạt 108 hạt, bằng gỗ hoặc nhựa, hình tròn, cứng hoặc mềm, dùng để niệm Phật, hoặc đeo trên cổ hoặc cầm trên tay, khi lễ bái, tụng Kinh, đốt nhang. Thiền Sư Đạo N guyên dạy mang tràng hạt mà lễ lạy người khác là không nên, vì thế tu sĩ Tông Tào Động ít khi sử dụng đến hoặc tránh không lễ người khác lúc mang tràng hạt. Xích còn gọi là thủ xích hay giới xích làm bằng gỗ dùng trong những đàn tràng thọ giới, tang lễ hoặc thọ trai, khi Đạo Sư sai bảo chư Tăng hay chỉ thị công việc lúc đọc Kinh. Khi vỗ thủ xích xuống mặt bàn vang lên âm thanh mạnh mẽ nên gọi là giới xích (răn bảo, dạy khuyên).

Tích Trượng là một loại gậy, bên trên đầu trượng bọc kim loại, để khi dộng xuống đất những vòng tròn của khoen kêu leng keng dùng để xua đuổi côn trùng, đề phòng việc

sát sanh khi hành cước hoặc để báo cho tín chủ biết khi đi khất thực. Trung Khải là cái quạt sơn son hai mặt. Thủ Cân là dây nịt thường cột trong tay, ngày nay đeo ở ngón tay, thật ra đeo nơi lưng. N gũ Kiết Linh là chuông (linh) kim loại dùng vào lúc đi khất thực, lúc cầu nguyện. Chấn Linh là chuông báo thức cho chư Tăng và những người đang hành trì, thường để ở trong Tăng Đường hay chỗ thờ Thánh Tăng. Cảnh Sách là một thước bảng bằng gỗ cứng mỏng, dài một mét, phần trong hình trụ tròn đường kính khoảng bốn centimet để cầm tay, phần ngoài dát mỏng bề ngang cũng khoảng bốn centimet. N ếu bằng nửa loại nầy gọi là Đoản Sách. Kinh N gột là cái giá để Kinh có bốn chân, cũng gọi là Kinh Trác (kệ để Kinh). Ứng Lượng Khí bình bát dùng cơm của chư Tăng. Có năm lớp lớn nhỏ bằng thiếc hoặc bằng gỗ sơn son chồng lên nhau bằng thiếc. Cà Sa Văn Khố là cái đẩy đựng hành lý như Cà Sa và quyển Kinh, thường đeo trên cổ thòng xuống đến ngực khi đi hành cước, còn bình thường để đầu giường. Tọa Bồ là bồ đoàn để dùng khi ngồi Thiền, đường kính chừng 34 cm, cao chừng 10 cm hình tròn, bên trong nhồi bông cho cứng. Toại Châm là cái chày có cán treo hình bát giác lớn chừng 1 xích (33,33 cm), cao chừng 3 đến 4 xích (~ 99,99 cm), đường kính chừng 5 đến 6 thốn (~ 16,65 cm), đặt trong Tăng Đường gần tượng của Thánh Tăng dùng để gọi lúc ăn cơm hay lúc cần liên lạc. Bi là tấm bảng thông báo dựng hoặc treo trước Phương Trượng Đường, Tăng Đường hay hành lang. Bảng là tấm bảng hình thức giống như tấm Bi nhưng dùng dán những thông báo nhân sự và những việc làm trong ngày hoặc ngày mai như phân công lo việc Nm thực. N gạch là bức hoành dùng để treo những bức tranh họa, sách, giấy, bảng v.v... trên đầu cửa vào hoặc cửa phòng. Liễn là câu đối treo nơi cửa hoặc chỗ ra vào, thường một cặp liễn nhỏ dài có viết chữ khắc tranh treo dọc theo cột của hai bên trái phải, trên đó ghi, chạm khắc công phu văn thơ rất đối nhau về ý

nghĩa cũng như văn tự, mà gần như chùa nào cũng có, thường treo chung với Hoành Phi. III.4 Tư Cách Của Tăng Lữ Và Pháp Y III.4.1 Tu Hành Và Thời Hiện Đại Dù thời gian cách thời Đức Thích Tôn hơn 2500 năm nhưng mục đích tu hành của người Tăng sĩ ngày nay vẫn như xưa, không có gì khác, song phương pháp hành trì vẫn là điều quan trọng của việc tu. N gày nay hình thức sinh hoạt của người Tăng sĩ có nhiều thay đổi theo biến thiên lịch sử, nếu so sánh thời Kamakura của Thiền Sư Đạo N guyên với thời Giang Hộ và bây giờ, khác nhau rất nhiều. Hiện tại, ở N hật tuy người tu sĩ cũng gọi là xuất gia nhưng thực tế hầu hết tu sĩ các Tông Phái, không riêng Tông Phái nào, đều để tóc, ăn mặn và kết hôn, nói khác hơn đời sống người Tăng sĩ đã bị thế tục hóa rồi. N gôi chùa trở thành mái ấm gia đình, có vợ, có con cùng sinh sống và truyền thừa cho nhau. Giới luật xuất gia đã băng hoại, Tăng sĩ đã hòa tan vào xã hội, nếu không muốn nói là hổn tạp, không nghiêm khắc, khác với thời xưa nhiều lắm! N gười tu sĩ chỉ cần ở chùa một thời gian ngắn là có thể trở thành Trụ Trì. N gười tăng sĩ của Tông Tào Động xuống tóc xuất gia, trở thành Tăng lữ và cuối cùng nhận trụ trì một ngôi chùa nào đó, là một quy luật cho đến nay vẫn như vậy, không có gì thay đổi. Vấn đề then chốt mà Giáo Đoàn đang đối đầu đó là người tu sĩ phải làm gì để gọi là xuất gia trước thực trạng đời sống xuất gia bị thế tục hóa. Để hiểu được điều đó, trước tiên, chúng ta phải hiểu rõ thế nào là một tăng sĩ theo Tông Tào Động. Theo “Tào Động Tông Tông Hiến” thuộc “Tào

Động Tông Tông Chế", người tăng sĩ theo Tông Tào Động vừa là người xuất gia có Tăng tịch thuộc Tông Tào Động, vừa là người có tư cách như là một Giáo Sư, còn gọi là ChuNn Giáo Sư. N ếu người nữ muốn trở thành người xuất gia, phải được tự tộc chấp nhận, hầu hết trở thành phối ngẫu của vị Trụ Trì, còn gọi là "Tự Đình Phụ N hơn" (người vợ trong gia đình của chùa), vừa là người vợ, vừa như là một ChuNn Giáo Sư, giúp đỡ cho vị Trụ Trì trên mọi phương diện hoạt động giáo hóa, có thể là giảng viên trong những hội nghiên cứu tu học của Tông Tào Động. Phân nữa các chùa thuộc Tông Tào Động đều có "Tự Đình Phụ N hơn", như một ChuNn Giáo Sư, theo tư cách của Pháp Giai. Gia tộc của vị Trụ Trì không thuộc giai cấp Pháp Giai. Giai cấp của Giáo Sư gọi là Tăng Giai (theo Tông Tào Động, Giáo Sư Tăng lữ

phân hạn quy định), cho nên Tăng lữ của Tông Tào Động đều mang hai tính chất là Pháp Giai và Tăng Giai. III.4.2 Pháp Giai Trước tiên, để trở thành một người Tăng sĩ, tự mình phải tìm một vị Thầy chánh thức để học hỏi. Vị Thầy chánh thức là người "hành giải tương ưng", theo quan niệm của Phật Giáo, là nói và làm tương ứng với nhau. Thầy đồng ý và làm lễ xuống tóc lúc đó vị Thầy ấy là "Thọ N ghiệp Sư" và đệ tử được gọi là "Đồ Đệ" (học trò). Sau đó, người Tăng sĩ được ghi tên vào sổ Tăng Tịch ở Tông Vụ Sảnh thuộc Tông Tào Động với Pháp Giai (phNm vị) là Sa Di hay Sa Di N i hoặc đến bậc Thượng Tọa. Sau khi xuất gia, người Tăng sĩ phải phát nguyện lập thân (lập đức) trong một đàn tràng nơi có một vị Thầy làm "Pháp Tràng Sư", khi đó vị Tăng được gọi là Tọa N guyên, hay Trưởng Lão theo Pháp Giai. Lập thân rồi, người Tăng sĩ thiết lập đàn tràng "Tự Pháp" cung thỉnh vị Thầy của mình là Bổn Sư, lúc đó vị Tăng mới được gọi là Tọa N guyên hay Trưởng Lão chánh thức. Cũng có trường hợp Thọ N ghiệp Sư, Pháp Tràng Sư, Bổn Sư là một vị, cũng có trường hợp ba vị Thầy khác nhau. Sau khi lãnh thọ Tự Pháp rồi (Việt N am gọi là Pháp Tự), nếu y chỉ thêm vị Thầy nào nữa, cũng không thể có thêm Pháp Tự được. Có Pháp Tự rồi, người Tăng sĩ phải đi bái kiến tham học ở Lưỡng Đại Bổn Sơn và thực hành nghi lễ "Đoan Thế" một vị Trụ Trì. N goài ra, còn nghi thức thay đổi y áo nữa. Khi đó, người Tăng sĩ được tôn xưng phNm vị Hòa Thượng, có thể Trụ Trì của một chùa nào đó. Trong thời gian làm Trụ Trì, được thâu nhận đệ tử, rồi làm lễ lập thân cho đệ tử của mình, gọi là "Kiến Pháp Tràng" và trở thành Pháp Giai của "Đại Hòa Thượng". III.4.3 Tăng Giai Sau khi nhận Pháp Tự trở thành "Tam Đẳng Giáo Sư", tốt nghiệp Trung Học Phổ Thông hay chuyên môn Tăng Đường (trường hợp Lưỡng Đại Bổn Sơn có những Tăng Đường,về sau có trường N i cũng được hiểu chung là Tăng Đường), người Tăng sĩ phải học thêm một năm ở đây. N ếu chưa tốt nghiệp Trung Học Đệ N hị Cấp, phải học xong chương trình chuyên môn Tăng Đường (giống như Phật Học Viện ở Việt N am), chỉ mặc Cà Sa màu đen, ngay cả áo tràng cũng màu đen nữa. Khi được tôn xưng phNm vị Tăng Giai là Hòa Thượng, được gọi là "N hị Đẳng Giáo Sư", tốt nghiệp Phân Khoa Phật Học của Tông

Lập Đoản Đại Học (Đại Học ngắn hạn trong Tông Phái) hoặc khoa chuyên tu của Tông Lập Cao Hiệu, được nhận Cà Sa, y choàng và hoại sắc y (không phải giữ nguyên màu, mà là màu giữa xanh và đen, màu mộc lan, màu trái thị v.v...), song áo vẫn màu đen. Được lãnh thọ phNm vị Đại Hòa Thượng, trở thành vị Kiến Pháp Tràng mới là N hị Đẳng Giáo Sư, phụ tá cho N hứt Đẳng Giáo Sư. Sau đó cứ thế tiếp tục theo tuần tự:

Chánh Giáo Sư, Quyền Đại Giáo Sư, Đại Giáo Sư, Quyền Đại Giáo Sư, cho đến phNm vị cao nhất, Đại Chánh Giáo, Quản Thủ Lưỡng Đại Bổn Sơn. Từ phNm vị Quyền Đại Giáo Sư trở lên được gọi là Định Viên. N hị Đẳng Giáo Sư là người phải tốt nghiệp các trường Tông Lập Cao Hiệu (Trung Học Đệ N hị Cấp, Khoa Chuyên Tu) rồi Tông Lập Đoản Kỳ (Đại Học Tông Lập N gắn Hạn – Phật Khoa) rồi Tông Lập Đại Học (Phật Giáo Học Bộ, Tông Giáo Học Khoa) hoặc Tông Lập Đoản Kỳ Đại (Đại Học N gắn Hạn – Phật Khoa) hoặc phải tốt nghiệp Đại Học Phổ Thông và ở trong chuyên môn Tăng Đường sáu tháng hoặc ở tại Bổn Sơn Tăng Đường trên ba tháng. Dù tốt nghiệp Tông Lập Đại Học (khoa chuyên tu) phải an cư đủ năm lần trong thời gian học và được ghi trong học lịch của mình. Cũng có thể N hị Đẳng Giáo Sư là vị Tăng sĩ đã đang thực hiện lịch trình tu học như thế. N hứt Đẳng Giáo Sư là vị Thầy vừa tốt nghiệp học trình Tông Lập Đại Học Đại Học Viện (Tiến Sĩ khóa trình về Phật Giáo của Tông đó) vừa hoàn tất quá trình nghiên cứu tại Tăng Đường của Bổn Sơn, cũng có thể chỉ tốt nghiệp Tông Lập Đại Học (Phật Giáo Học Bộ và phân khoa Tôn Giáo) và đã trải qua thời gian tu học hơn một năm hay hai năm tại Tăng Đường của Bổn Sơn và nghiên cứu chuyên môn tại Tăng Đường (Phật Học Viện). Sau khi tốt nghiệp Tông Lập Đại Học Đại Học Viện (Tiến Sĩ Phật Khoa), vị Tăng ấy phải có thời gian một năm học chuyên môn tại Tăng Đường hoặc trải qua trên sáu tháng hành trì tại Tăng Đường Bổn Sơn. N ếu tốt nghiệp Tông Lập Đoản Kỳ Đại Học Phân Khoa Phật Học phải có thời gian hơn hai năm lưu trú tại Tăng Đường của Bổn Sơn và hơn ba năm nghiên cứu chuyên môn nơi Tăng Đường. N hị Đẳng Giáo Sư phụ tá cho N hứt Đẳng Giáo Sư, được quyền mặc áo màu đen của N hứt Đẳng Giáo Sư. Riêng Ca Sa có nhiều màu khác nhau hoặc thuần một màu cũng được. Cà Sa giống như Ca Sa của vị Đại Tăng Chánh.

Tóm lại, nhìn hình thức Chùa Viện (cách thức của tự viện) và phong cách của vị Trụ Trì có thể biết là Đại Bổn Sơn, là Đại Giáo Chánh hoặc là N hứt Đẳng Giáo Sư trở lên Đại Hòa Thượng tại địa phương. Thông thường Pháp Địa gồm các tự viện thông thường, ở đó chỉ có N hị Đẳng Giáo Sư hoặc Hòa Thượng trở lên, còn ChuNn Pháp Địa, nơi đó có từ Tam Đẳng Giáo Sư và Truyền Pháp trở lên. Chánh Giáo Sư – vị Tăng trải qua quá trình tu học nghiên cứu tại Tăng Đường của Bổn Sơn và có học lịch nghiên cứu tu hành trên một năm tại Tăng Đường của Bổn Sơn hoặc là tốt nghiệp Cao Học Phật Giáo tại Viện Đại Học thuộc Tông Lập Đại Học, có quá trình tu tập trên ba tháng tại Tăng Đường của Bổn Sơn, hoặc là Tiến Sĩ Phật Học tại Phân Khoa Phật Học thuộc Viện Đại Học Tông Lập Đại Học, được mặc áo tràng và thừa nhận màu y. Vả lại, Tăng Giai (phNm vị) Chánh Giáo Sư tương đương Pháp Giai (phNm vị) Đại Hòa Thượng, có hơn ba năm làm việc như là giảng sư tại Tăng Đường, hoàn thành bổn phận tại Tăng Đường, hành trì nghiêm túc, ưu việt, sẽ trở thành ChuNn Sư Gia thực thụ và nếu đương sự có đơn xin có thể trở thành Chánh Giáo Sư. Quyền Đại Giáo Sư – vị Tăng trước tiên được hội đồng kiểm tra, sau đó bổ nhiệm là một Định Viên, lúc bấy giờ áo tràng và y chuyển sang màu hoàng ân (màu vàng). Trong thời đại nầy, cứ người đến 45 tuổi, được đắp Phế Ân Y (Ân Y có nghĩa là người đang mang Pháp Giai Đại Hòa Thượng, đắp y nầy vào những dịp đại lễ như làm giới sư của những giới đàn, làm giáo thọ, làm dẫn thỉnh sư.) Trường hợp đặc biệt, Đại Hòa Thượng phải trên 45 tuổi, được thừa nhận qua sự thNm tra của Tông

Vụ Sảnh người có sự nghiệp công lao hoằng pháp lợi sanh. Cũng có trường hợp Chánh Giáo Sư không phải là Định Viên tuy nhiên phải là bậc đức độ có Tăng Giai từ Quyền Đại Giáo Sư trở lên, còn ChuNn Sư Gia phải là người tại vị trên năm năm, đặc biệt có thời gian tu học trên ba năm và đã tốt nghiệp tại Tăng Đường, trở thành tư cách Sư Gia, bởi vì họ là người có trách nhiệm giáo dục Tăng sĩ đang tu hành, người hết lòng kiên trì với Tông Phong mình. Đại Giáo Sư là những vị trên 60 tuổi, được quyền mặc áo Hoàng Ân, Quyền Đại Giáo Sư. Thật ra, trong Giáo Đoàn chỉ có 150 vị là Định Viên mà thôi. Vị Tăng nầy có Y màu Xích Tử Ân Y (y áo màu đỏ tím).

Quyền Đại Giáo Chánh là Quản Thủ Lưỡng Đại Bổn Sơn kế thừa sự nghiệp từ những vị Tiền Quản Thủ, mặc áo màu tím. Tăng lữ của Tông Tào Động có phNm vị Giáo Sư với nguyên tắc đại khái như trên đã trình bày, mà những quyết định của Tông Tào Động từ phần "Tào Động Tông Giáo Sư Tăng lữ Phân Hạn Quy Định" sau nầy có sửa đổi đôi chút. III.4.4 Áo Tràng Và Cà Sa Y phục của Tăng lữ gọi bình thường là pháp y, thông thường gọi chung là áo và Cà Sa (trong đó bao gồm cả tọa cụ). III.4.4.1 Áo Tràng Áo tràng còn gọi là Trực Chuyết. N gười tu sĩ Ấn Độ có ba y: Hạ y mặc bên dưới, Phúc Kiên Y là y đắp trên vai và ngực và Tăng Kỳ Chi là Cà Sa quấn ở bên ngoài, Bởi vì có sự khác nhau giữa phong tục Trung Hoa và Ấn Độ, cho nên các quan của cung đình thời N gụy đã điều chỉnh y của chư Tăng Ấn Độ thành một loại áo che kín vai ở nửa phần trên, gọi là Kiên Y để cúng dường Chư Tăng Trung Hoa, về sau áo nầy được chế thêm hai tay áo thật rộng và có áo Biển Sam (áo bên trong) và Quần Tử (cái củng) nữa. Tuy nhiên, trên dưới chia ra làm hai phần rõ ràng, có hình dạng như là một áo tràng bây giờ. Thiền Sư Đạo N guyên cũng mặc quần áo như thế và bên trên có khoát Cà Sa. Song vì thấy bất tiện nên may chung thành một gọi là Koromo (áo choàng), còn gọi là Trực Chuyết (khâu thành một), như ngày nay chúng ta thấy. Song bây giờ vẫn còn có người giữ phong tục xưa mặc áo (Biển Sam) và quần (Quần Tử) gọi là mặc Koromo cổ như Tông Chơn N gôn cổ và đồng thời có Tăng sĩ mặc theo Tông Tào Động nữa. Koromo thường may bằng vải, gai sợi và nhiều loại khác nữa, có nhiều màu tùy theo phNm vị: như màu đen, màu hoại sắc, màu nhiều sắc, màu áo vàng, màu áo tím đỏ v.v... như trước đã nói. Áo Tràng có màu tím từ thời nhà Đường ở Trung Hoa và thời Kamakura ở N hật, bởi vì màu tím là màu y phục của Hoàng Đế và các quan tham chính được Vua ban. Ở N hật, thời N ara, đặc biệt thời Bình An, Phật Giáo là quốc giáo, cho nên hầu hết các chùa viện đều của các quan, Tăng sĩ đôi khi có người là Tăng quan, đặc biệt y phục của Tăng sĩ lúc bấy giờ như các quan chức, thành ra Koromo có nhiều màu như: vàng, tím, nghệ, hoại sắc và những loại khác để dễ dàng phân biệt phNm vị. Thấp nhất là màu áo tràng đen, còn áo gấm, áo tím dành cho những bậc phNm vị cao. Thật không sai khi nói rằng đó là nguyên nhân hình thành những vấn đề

ý nghĩa trong lịch sử. Chẳng biết y phục có cần thiết cho việc thể hiện quyền uy hay không nhưng Koromo nhiều màu ấy, trong ý nghĩa tôn giáo, có lẽ cần nên sửa đổi, nếu không muốn nói là không cần thiết, giống như người hầu hạ hai bên chẳng hạn. Tăng sĩ chỉ mặc Koromo để tụng Kinh sáng, trưa và chiều hoặc tọa thiền hoặc lễ cầu siêu hoặc một số Phật sự quan trọng. N goài ra, mặc y phục đơn giản thôi. Thật ra, tùy quan niệm của mỗi người, việc mặc y phục bình thường hay lễ phục sao cho hợp lý là được rồi, có

thể nói rằng không sao hiểu được, vì vấn đề y phục tùy thuộc vào nhiều quan niệm và lập trường khác nhau. Thật ra, với Tông Tào Động, điều tâm đắc nhất là y phục của người Tăng sĩ không lệ thuộc hình tướng màu sắc, cũng không lệ thuộc vào phNm vị. III.4.4.2 Cà Sa Cà Sa, còn gọi là "giải thoát phục", mục tiêu hướng đến của người Tăng sĩ Phật Giáo. N goài ra, nghĩa tiếng Phạn là "thị xỉ sắc" màu trái thị và màu răng, bởi vì y phục của người Tăng sĩ Phật Giáo được may từ những mảnh vải may y được nhặt từ những đống rác và những ngôi mộ, giặt sạch, nhuộm vàng bằng nước bùn hoặc nước vỏ cây. Sở dĩ đắp y bằng những mảnh vải như thế là để từ bỏ tâm tham đắm thế gian, tâm chấp trước thích hay không thích, xả bỏ những ước muốn trong đời sống tu hành, thế cho nên y nầy gọi là "giải thoát phục". Theo nguyên tắc, cà sa phải được may bằng vải, vải gai thô xấu, với màu hoại sắc hổn hợp từ năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng và đen. N goài ra còn có những màu khác như: màu vàng, màu mộc lan, màu xanh đen, màu lam, màu vàng nghệ. Đôi khi cũng có cà sa màu hoa đào hay một số màu khác nhưng không thể tự ý quyết định sử dụng được. Cà Sa có ba loại đó là: An Đà Hội, y 5 điều mặc ở bên trong, lúc ở trong phòng một mình, khi làm việc, lúc đi du lịch v.v... Ở N hật, chỉ còn danh từ mà thôi, thật sự là một mảnh y nhỏ choàng lên người . Uất Đa La Tăng, y 7 điều cũng còn gọi là y nhập chúng, mặc trong những lúc ăn cơm, ngồi thiền, thuyết pháp và trong thời gian tu học. Tăng Già Lê, y 9 điều, 11 điều, 13 điều, 15 điều, 17 điều, 19 điều, 21 điều và 25 điều, còn gọi là Đại Y. Đại Y dùng trong những thời gian như truyền giới, đi khất thực và đi ra ngoài.

N goài ra, còn có Phấn Tảo Y, theo như chữ nghĩa, là loại Cà Sa may bằng vải, nhuộm bằng bùn. Còn có Kim Lan Y, y làm bằng lá vàng, nguyên do Di Mẫu Đức Thích Tôn, Ma Ha Ba Xà Ba Đề cúng dường cho Đức Phật. Theo truyền thống Thiền Tông, N gài Ma Ha Ca Diếp nhận y nầy, sau khi Đức Phật lâm chung và Phật pháp chánh thức truyền trao cho N gài Ca Diếp. Bây giờ trong các lễ nghi, y trang nghiêm của chư Tăng cũng được gọi là Pháp Y, dù rằng vật liệu dùng bằng rẻo nhỏ khâu lại thành một tấm Cà Sa truyền thống. Giữa hai Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự và Vĩnh Bình Tự, việc đắp y của chư Tăng cũng có nhiều vấn đề khác nhau, bởi tuân theo một số nguyên tắc hoặc là thông lệ nhất định có lịch sử lâu đời, tạo thành những nét riêng biệt của Lưỡng Đại Bổn Sơn. N hư màu của áo tràng, màu cà sa cũng có nhiều khác biệt tùy theo phNm vị Pháp Giai và Tăng Giai. Điều đáng nói là làm sao trong điều kiện nào đó có thể, nên từ bỏ vấn đề may và đắp y đẹp. Bàn đến Cà Sa cũng nên bàn đến Tọa cụ. Tọa cụ thường làm bằng vải, có thể không cần thiết trong những nghi lễ riêng biệt trong gia đình; nhưng hầu như trong các lễ nghi khác, bắt buộc phải có và được mang theo với Cà Sa, giống màu của Cà Sa, để trong tay áo làm sao tay mình có thể lấy được. Tăng sĩ (từ Pháp Giai Hòa Thượng trở lên) bên trong mặc quần, có nịt buộc chặt thắt lưng, bên trên mặc áo ngắn tay, bên ngoài mặc áo tràng, có thắt dây đai dưới bụng, đắp cà sa ngoài cùng. Bên trái để Tọa cụ, bên phải để Phất Tử, N hư Ý, cái Hốt v.v..Trên tay cầm tràng hạt. Chân đi giày màu trắng hai mũi hướng về phía trước, bên trong mang vớ (loại của N hật). N ếu là vị Đại Hòa Thượng trở lên, trên đầu còn đội mũ nữa. Khi vào nhà xí, bắt buộc phải cởi Cà Sa (y) áo, cởi giày, chỉ mặc một bộ đồ ngắn tay bên trong mà thôi. III.4.5 Cải Cách Y Phục Và Lạc Tử Thời Minh Trị, y phục của Tăng Sĩ N hật đơn giản nhiều, còn gọi cà sa

hay y phục cải cách, với hình thức ngắn tay, gọn nhỏ. Tay áo cũng đơn giản. Trước ngực vị Tăng chỉ đeo một sợi dây choàng, đôi khi còn mặc âu phục nữa. Trên đầu đội mũ bình thường, không cần thiết đội mũ Tăng lữ, đeo tràng hạt trên tay hoặc trên ngực, chân mang vớ N hật màu trắng. Trường hợp nầy hiện rất phổ thông gọi là y phục giản đơn, tương tự như người N hật sửa đổi y phục truyền thống của họ gọi là Bị Phong, để mặc cho đơn giản, và cũng

giống như những người đàn bà khi đi ra ngoài ăn mặc y phục cải cách từ chiếc áo truyền thống. Tào Động Tông cũng không ra ngoài lệ ấy. III.4.6 Chế Tác Phục Y Chế tác Phục Y hầu hết là bằng vải có màu đen hoặc màu trà, hoặc màu xám, là y mặc để làm việc, vì muốn rằng khi làm việc, y phục cần nhẹ nhàng. Trên dưới chia ra hai phần rõ ràng. Áo bên trên tay ngắn, còn quần thì dài và nữa phần bên trên mặc bó lại. Y phục nầy chế biến từ chiếc áo của người N hật, dùng để mặc làm việc vì thế chỉ mặc trong chùa, không được phép mặc khi đi ra ngoài đường. III.5 N ghi Lễ Của Tào Động Tông III.5.1 N ghi Lễ N ghĩa Là Gì? N ghi lễ của Tông Tào Động có nhiều loại, bởi vì quan niệm của Tông Tào Động cần phải tùy duyên hòa nhập vào sinh hoạt rộng lớn của cuộc sống người dân, miễn là không đánh mất tính chất thuần túy, hòa hợp và hổ tương để thành tựu con đường giáo hóa hoằng Pháp. Song tựu trung có hai loại nghi lễ đó là loại lâu dài và loại ngắn hạn. Có những nghi lễ cử hành tại chùa chỉ có Tăng sĩ tham dự, cũng có những nghi lễ có tín đồ tham gia nữa. Đặc biệt, có những nghi lễ chỉ có Tăng Sĩ chuyên môn, còn những Tăng Sĩ bình thường không làm được. N ghi lễ Đàn Tín Đồ đã giải thích ở chương 4. Ở đây chỉ trình bày và giới thiệu những nghi lễ tại chùa viện có tính cách căn bản thường ngày theo "Tào Động Tông Tông Chế" và tham khảo thêm ở phần "Tào Động Tông N ghi Lễ Quy Trình". III.5.2 Kinh Được Tụng Và N hững Hoạt Động Căn Bản "Bổn Tôn Thượng Cúng" được cử hành tại Chánh Điện và Phật Điện vào ngày mồng một và rằm mỗi tháng là hình thức N ghi lễ căn bản của Tông Tào Động tuần tự như sau: • Thỉnh chuông, tất cả chư Tăng và tín đồ lần lượt vân tập vào Chánh Điện, đứng hai bên trái phải của Tôn Tượng Phật Bổn Tôn. Sau đó toàn thể đại chúng nghinh đón vị Đạo Sư từ từ quang lâm thật uy nghi và trang nghiêm vào giữa Chánh Điện. Thị Giả dâng hương cho Đạo Sư niêm hương. • Dâng Hương, Đạo Sư lạy một lạy quỳ xuống nệm bố, nhận hương từ Thị Giả, niệm hương bạch Phật, sau đó đưa hương lại cho Thị Giả rồi lạy một lạy. Sau đó tiến thêm lên phía trước bàn

Phật, không cần chấp tay. Thị Giả mang hương cắm lên lư hương, lạy một lạy rồi đứng bên phải. • Cùng lạy Tam Bái, Đạo Sư chấp tay lùi trở lại trước chỗ có nệm ngồi, thỉnh phèng la trong Chánh Điện. Tất cả đại chúng và Đại Sư cùng nhau thao tác thật nhịp nhàng và đều đặn: mở tọa cụ ra, cùng lạy năm vóc sát đất 3 lạy. Lạy xong, đại Chúng xếp tọa cụ để lên chiếu bên tay trái, đứng thẳng nghiêm trang. Đạo Sư một lần nữa tiến về chỗ ghế ngồi. • Hiến dâng quả trà, Đạo Sư từ từ đốt hương, cúng trà, dâng bánh, dâng nước đường (mật) và cúi đầu dâng lên Bổn Tôn. Dâng xong, trở lại vị trí cũ và lạy 3 lạy. • Đọc Kinh, Trong nội Đường, thanh la trổi lên 3 hồi, thời kinh bắt đầu bằng Duy N a xướng đề Kinh, đại chúng cùng tụng theo nhịp mõ một biến bài kinh Bát N hã Tâm Kinh. Trong lúc tụng Kinh Đạo Sư tiếp tục thêm nhang bột vào lò, mỗi lần thêm vào xá 3 xá. • Hồi hướng, Đọc Kinh xong, Duy N a xướng văn kệ hồi hướng, đại loại là đọc kinh

xong phải hồi hướng. Đạo Sư bái 3 bái. • Cùng lạy Tam Bái, Sau khi hồi hướng, tất cả cùng chắp tay và xướng lên như sau: “Thập Phương Tam Thế N hứt Thiết Phật, Chư Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát N hã Ba La Mật”. Đạo Sư đến trước bỏ thêm bột hương vào lò rồi trở lại chỗ ngồi. Phèng la gióng lên, tất cả cùng lễ 3 lễ. • Lui ra, Đạo Sư cùng với mọi người xá một xá. Đại chúng chắp tay tiễn Đạo Sư, Thị Giả và Thị Hương ra khỏi Chánh Điện, sau đó Đại Chúng lần lượt rời khỏi Chánh Điện. Đạo Sư mặc áo tràng đắp y theo màu sắc phNm vị của mình, mang tọa cụ, bí tất, khăn tay, cầm như ý, thủ xích trên tay. Đại chúng mặc áo tràng, đắp y. Khi tụng Kinh, tay bắt chéo để trước ngực, để tay trái lên tay phải, trông rất thiêng liêng huyền bí. N gồi tụng Kinh, phải bắt “Pháp Giới Định Ấn”, giống như lúc ngồi thiền. Tụng Kinh tiếng không cao quá, không thấp quá, phải hợp với mọi người. III.5.3 Tụng Kinh Hằng N gày Tụng Kinh hằng ngày là pháp môn tu căn bản của Tăng Sĩ thuộc Tông Tào Động. Mỗi ngày khóa lễ thường cử hành tại Pháp Đường và Bổn Đường ba buổi: sáng tụng thời khóa sáng; trưa tụng thời khóa trưa và tối tụng khóa lễ tối.

Sinh hoạt trong Tăng Đường khởi đầu từ 3 giờ sáng đại chúng đã thức giấc cho đến 9 giờ tối mới đi ngủ. N goài 3 thời khóa tụng Kinh, còn có 4 lượt ngồi thiền: 4 giờ sáng, 10 giờ sáng, 4 giờ chiều và 8 giờ tối và những giờ học Phật Pháp, Kinh Điển, Giáo Huấn của Tổ, tham gia những buổi giảng, hội họp, làm việc, đi khất thực, hồi hướng đến Tín Đồ nữa, mà thời khóa biểu nầy gần như không thay đổi được thực hiện trong tất cả mọi tự viện. • Khóa Tụng Kinh Sáng: Sau buổi tọa Thiền sớm mai, gọi là Hiểu Thiên Tọa, đến 5 giờ sáng, toàn thể đại chúng vân tập lên Pháp Đường hay Bổn Đường. • Tụng Kinh nơi Phật Điện: Thượng cúng Đức Phật Thích Ca Mâu N i, cúng dường Lưỡng Tổ Đại Sư, đảnh lễ cảm niệm công đức những vị Thần hộ trì Phật Pháp, tụng Kinh cầu an, nguyện cầu mọi người đều được an lạc trên hành tinh nầy. Thông thường tụng bài kệ của PhNm Phổ Môn, Quan Thế Âm, Chú Đại Bi, ba lần Chú Tiêu Tai và Hồi Hướng. • Tụng Kinh Cúng Dường Khắp: Thượng cúng Tam Bảo Phật, Pháp Tăng và 16 vị A La Hán. Hồi hướng công đức tụng Kinh đến quả vị giải thoát giác ngộ. Cầu bổn tự bình an, thế giới hòa bình, chư tai tiêu diệt. Thông thường tụng Bát N hã Tâm Kinh và Hồi Hướng. • Tụng Kinh tại Tổ Đường: N iệm ân đức của chư Phật, chư Tổ. Phát nguyện tụng Kinh để báo đáp ân nầy. Thông thường tụng Tham Đồng Khiết hoặc Bảo Cảnh Tam Muội và hồi hướng. • Cúng Khai Sơn Lịch Đại Tổ Sư: Cảm niệm ân đức vị khai sơn bổn tự và chư liệt vị Trụ Trì đã viên tịch đã tạo bao nhiêu công đức cho bổn tự. Phát nguyện tụng kinh hồi hướng công đức, cầu nguyện tu hành thành tựu. Thông thường tụng Chú Đại Bi và Hồi Hướng. • Tụng Kinh ở Từ Đường: Hồi hướng công đức đến chư Tăng Sĩ ở chùa viên tịch, những vị tiên hiền sáng lập chùa, những người có công với đất nước, những anh linh đã hy sinh vì tổ quốc, những bổn đạo tu hành tinh tấn. Phát nguyện tụng Kinh cầu nguyện cho họ được siêu thoát. Thông thường tụng bài Kệ trong phNm Vô Lượng Thọ và Hồi Hướng. • Kinh Cúng Táo Công: Sau thời khóa tụng kinh buổi sáng, đại chúng xuống Tự Đường hoặc Khố Đường hoặc Khố Viện thắp hương, đứng trước tượng Táo Công, tụng chú Đại Bi và tán dương

công đức nguyện hộ trì Phật Pháp cầu nguyện cho Chư Tăng được bình an và tinh tấn. • Cúng Vi Đà Thiên: Sau thời khóa tụng Kinh buổi sáng, đại chúng xuống Khố Lý, đứng

trước tượng Vi Đà Thiên, hoặc Giám Trai Sứ Giả tụng Kinh cũng hồi hướng đến Vi Đà Thiên, Giám Trai Sứ Giả và hồi hướng đến các vị Thần lửa, nước. Tụng Kinh hồi hướng công đức nầy cầu nguyện cho trong, ngoài chùa được an ổn, không bị lửa cháy, không bị trộm cướp và cầu nguyện cho Đàn Tín Đồ luôn luôn có niềm tin nơi Phật Đạo. Thông thường tụng Bát N hã Tâm Kinh, Chú Tiêu Tai (hoặc tụng Chú Tiêu Tai hoặc tụng 3 biến Vi Đà Thiên Căn Bản Đà La N i) và hồi hướng. (Bữa điểm tâm bắt buộc phải có dưa cải muối, nêm muối vừa, để dùng với cháo, tuyệt đối không dùng thịt cá. Tất cả dùng trong yên lặng tại Tăng Đường). Thời kinh trưa thường cử hành lúc 11 giờ sáng tại Pháp Đường hay Bổn Đường, trước tôn tượng Phật Thích Ca Mâu N i, Lưỡng Tổ Đại Sư, Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, cầu nguyện cho chúng sanh an lạc, Thiền Môn yên tịnh, Tăng chúng an hòa, tu hành tinh tấn, viễn ly tai nạn, sở nguyện thành tựu. Thông thường tụng Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La N i và Hồi Hướng. (Buổi cơm trưa thường dùng canh tương (Misosuru), dưa cải muối; những đồ được nấu, rau cải, cơm v.v...). Thời kinh chiều sau 4 giờ chiều tại Pháp Đường hay Bổn Đường hồi hướng cầu nguyện cho tất cả chúng sanh sớm thành Phật đạo. Thông thường tụng Chú Đại Bi, Cam Lồ Môn và Hồi Hướng. (Buổi tối chỉ dùng nhẹ, bình thường không dùng tối, gọi là dược thực). III.5.4 N hững N ghi Lễ Thông Thường Của Mỗi Tháng N hững nghi lễ thông thường trong tháng như sau: III.5.4.1 Vào ngày Mồng Một và Rằm • Tụng Kinh Chúc N guyện: N ghi thức nầy cử hành trước buổi tụng Kinh sáng tại Phật Điện, Pháp Đường v.v... Cúng dường Tôn Tượng Đức Phật Thích Ca Mâu N i và Lưỡng Tổ Đại Sư cầu quốc thái dân an, thọ mệnh Thiên Hoàng trường cữu, sở nguyện thành tựu, sở cầu như ý. Khóa lễ buổi sáng được giảm bớt chỉ còn tụng Kinh Bát N hã và Hồi Hướng. • Trấn Thủ Già Lam: Tụng tại nhà Từ Đường sau khóa tụng Kinh sáng. N ếu chùa không có Pháp Đường, tụng tại Bổn Đường gồm Đại Bi Chú và Hồi Hướng, cầu nguyện cho những vị Thần linh

bảo hộ chùa, những vị thần hộ trì Phật pháp và hồi hướng những vị Thần làm tỏa rạng uy đức trấn thủ chùa nầy để cho việc tu hành của Tăng chúng luôn luôn thăng tiến không bị thối lui, cầu nguyện cho quốc thái dân an, thanh bình thạnh trị. • Tiểu Tham: Sau thời tụng Kinh sáng, nghi thức Tiểu Tham cử hành tại Pháp Đường để giải đáp những vấn đề nghi vấn giữa vị Trụ Trì hay Sư Gia với cá nhân chư Tăng. • Tuần Đường Hành Trì: Tiểu Tham xong, tất cả chư Tăng từ Trụ Trì trở xuống vân tập tại Tăng Đường để cử hành nghi thức ăn bánh, uống trà. • Thượng Cúng N gọ: N ghi thức nầy đứng cúng tại Bổn Đường hay Pháp Đường vào buổi trưa còn gọi là Cúng N gọ, chỉ tụng Bát N hã Tâm Kinh và Hồi Hướng với mục đích cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu N i và Lưỡng Tổ Đại Sư, tán dương công đức giác ngộ của Đức Phật, phát nguyện báo ân phụ mẫu, chúng sanh, Tam Bảo, mong giải hết tất cả những khổ não của chúng sanh, cầu nguyện Phật sự thành tựu. III.5.4.2 Vào ngày mồng 8, 13, 18, 23 và 28 • N iệm Tụng ở Tăng Đường: N hững ngày có số 3 và ngày có số 8 được gọi là tụng 3 và 8. Khoảng 4 giờ chiều, tất cả chư Tăng từ Trụ Trì trở xuống cử hành nghi thức tại Tăng Đường, niệm danh hiệu 10 vị Phật cầu cho ánh sáng trí tuệ của Phật chiếu soi gia bị mọi người bình an để tu học, hộ trì Già Lam an tịnh, đại chúng an hòa tất cả Đàn Gia Tín Đồ cát tường như ý. N hững hôm đó khóa tụng Kinh buổi tối giản lược bớt, chỉ niệm danh hiệu 10 vị Phật; cầu Phật phóng quang soi sáng cho mọi người được sống an lạc để tu học, hộ trì

Già Lam an tịnh, mọi người được yên ổn và tất cả Đàn Gia Tín Đồ được như ý. III.5.4.3 Vào ngày 9, 14, 19, 24 và 29 • Tịnh Phát: Sau khi dùng cháo xong, quét dọn trong ngoài sạch sẽ, rồi cạo đầu nơi chúng liêu. Đây không gọi là thế phát. Chữ thế phát có nghĩa là lúc xuất gia cạo đầu lần đầu tiên. • Khai dục: Sau khi dùng trai xong, tắm cho thân tâm được sạch sẽ. III.5.4.4 Vào ngày Mồng 5 • Tháng giỗ Đạt Ma Đại Sư: Tại Thiền Môn Trung Hoa, vào ngày mồng 5 mỗi tháng đều cử hành nghi thức tưởng niệm ngày viên tịch của Sơ Tổ Đạt Ma Đại Sư. Khoảng 4 giờ chiều tại Phật Điện hay Pháp Đường, Bổn Đường cử hành nghi thức nầy sau thời khóa

tụng kinh buổi tối, tụng Chú Đại Bi, niệm Kinh Báo Ân và hồi hướng để tưởng niệm ân đức Tổ Sư Đạt Ma . • Cúng Vi Đà Thiên: phía trước đã giải thích trong thời khóa tụng buổi sáng, xin lược bớt. III.5.4.5 Vào ngày 14, 30 hoặc 31 • Đêm Tham Vấn Uống Trà: Khi hoàng hôn buông xuống, chuông chiều gióng lên tất cả đại chúng từ Trụ Trì trở xuống vân tập tại một phòng rộng, cử hành nghi thức uống trà và ăn bánh. Lúc đó, vị Trụ Trì nhắc nhở chư Tăng mọi việc liên hệ đến ngủ nghỉ v.v... • Bố Tát đơn giản: Mỗi nữa tháng vào ngày bố tát, khoảng sau 4 giờ chiều đại chúng vân tập lên Pháp Đường hoặc Bổn Đường cử hành nghi thức bố tát trước vị Giới Sư (có thể là vị Trụ Trì), phát lồ những sự sai lỗi trong sinh hoạt hằng ngày để sám hối, tỉnh thức và lễ bái. N ếu sai trái, phải lãnh nhận sự xử phân. Có nghi thức do Sư Gia chỉ dạy. Tiếng Phạn gọi là Uposatta, lược dịch nghĩa đơn giản là Bố Tát. III.5.4.6 Vào ngày 29 Tưởng niệm Lưỡng Tổ Đại Sư được tổ chức hằng tháng vào ngày 29, ngày mất của Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư và Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư. Sau thời Kinh buổi sáng, đại chúng cử hành tại Tổ Đường, tụng Đại Bi Chú và Hồi Hướng, cũng có thể cử hành vào buổi trưa tại Tổ Đường, tụng phNm Thọ Lượng và phNm An Lạc Hạnh và Hồi Hướng. Bởi vì tụng Kinh cho Lưỡng Tổ Đại Sư để nhớ nghĩ đến ân đức của Lưỡng Tổ Đại Sư hầu mong báo đáp. N goài ra, mỗi chùa còn lấy ngày mất của những vị khai sơn, ngày mất của những vị khai cơ, tụng Kinh, tán dương công đức và tưởng niệm uy đức, để mong làm tròn ý nghĩa báo ân chư liệt vị Tổ Sư. III.5.5 Công Việc Thường Kỳ Trong Mỗi N ăm Có nhiều nghi lễ cử hành trong năm tại các tự viện, đặc biệt tại Lưỡng Đại Bổn Sơn rất quan trọng, ở đây chỉ nêu lên những nghi lễ đại biểu như N hị Tổ Tam Phật Kỵ . Tụng Kinh Chúc N guyện: Vào mồng 1 và 15 như đã trình bày. Lễ Đức Thích Tôn Giáng Sanh: N gày 8 tháng 4 Lễ Phật Đản. Lễ Đức Thích Tôn Thành Đạo: N gày 8 tháng 12 Lễ Phật Thành Đạo, xác chứng tính tự giác cho mọi người. Lễ Đức Thích Tôn N iết Bàn: N gày 15 tháng 2 Lễ Phật N hập N iết Bàn.

Giỗ Đạt Ma Tổ Sư: N gày 5 tháng 10 tưởng niệm Sơ Tổ của Thiền Tông Trung Hoa. N ghi thức tưởng niệm Tổ Đạt Ma Đại Sư viên tịch. Kỷ N iệm Cao Tổ Giáng Sanh: N gày 26 tháng 1 Lễ Đản Sanh của Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư. Kỷ N iệm Thái Tổ Giáng Sanh: N gày 21 tháng 11 Lễ Đản Sanh của Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư. Giỗ Lưỡng Tổ: N gày 29 tháng 9 tưởng niệm Cao Tổ và Thái Tổ viên tịch, nguyện tinh tấn báo ân. Giỗ Khai Sơn: Ghi nhớ sự ra đi của vị khai sơn để báo ân, nguyện tinh tấn tu học. Trường hợp của Lưỡng Đại Bổn Sơn, không gọi là Khai Sơn Kỵ, đặc biệt tại Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự gọi là N gự Chinh Kỵ, nhằm ngày 23 tháng 9 đến ngày 29 tháng 9. Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự cũng gọi N gự Chinh Kỵ, từ ngày 12 tháng 10 đến ngày 15 tháng 10. Hầu như tất cả

các vị Trụ Trì và Đàn Tín Đồ trên toàn quốc vân tập về Đại Bổn Sơn để đăng sơn lễ bái, tưởng niệm, nhớ ơn Lưỡng Tổ Đại Sư, nguyện đền đáp thâm ân. N gày Lễ Bỉ N gạn: Lễ Bỉ N gạn, vào tiết Thanh Minh, mùa Xuân kéo dài 1 tuần lễ nằm giữa những ngày Xuân phân. Mùa thu cũng có Lễ Bỉ N gạn kéo dài 1 tuần lễ nằm giữa những ngày Thu phân. N ghi thức Bỉ N gạn cầu nguyện cho những vị Khai Sơn, chư vị Trụ Trì và những vong linh của Đàn Tín Đồ được siêu thoát. Thường có thuyết pháp v.v... Lễ Vu Lan Bồn: N gày 15 tháng 7 hoặc là ngày 15 tháng 8. Vu Lan Bồn tiếng Phạn gọi là Ullambana, cũng gọi là Lễ Cô Hồn, tụng Kinh Vu Lan Bồn, bởi vì một trong những vị đệ tử lớn của Đức Thích Tôn là N gài Mục Kiền Liên Tôn Giả vì muốn cứu mẹ bị đọa vào đường ngạ quỉ, cung thỉnh Đức Thích Tôn, được Phật dạy để cầu siêu cho cha mẹ bảy đời, phải sắm đồ ăn trăm món cúng dường cho Mười Phương Tăng, cha mẹ sẽ thoát khỏi ngạ quỉ và các ngạ quỷ cũng được cứu độ. Kinh nầy vốn xuất phát từ Ấn Độ, Trung Hoa, truyền sang N hật Bản trở thành nghi thức cúng dường Hương Linh cũng như Thí Thực Hội. An Cư Kết Chế: Từ 15 tháng 4 đến 15 tháng 7, cửu tuần (thời gian 90 ngày) gọi là Hạ An Cư. Còn từ 15 tháng 10 đến 15 tháng 1 năm sau gọi là Đông An Cư. Suốt trong hai thời gian nầy gọi là “Chế Trung”, chư Tăng không được phép đi ra ngoài, luôn luôn ở trong Tăng Đường chuyên tu niệm Phật, tọa Thiền .

N hiếp Tâm Hội: N hân ngày mồng 8 tháng 12, Lễ Thành Đạo, bắt đầu từ ngày 1 tháng 12 đến ngày 8 tháng 12, chư Tăng hoàn toàn không ngủ, nhiếp tâm tọa thiền và tu hành, gọi là “Lạp Bát N hiếp Tâm”. Tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự ngoài Lạp Bát N hiếp Tâm Hội ra còn có Đoạn Tý Báo Ân N hiếp Tâm Hội vào ngày 9 tháng 12; Báo Ân N iết Bàn N hiếp Tâm Hội từ ngày 1 tháng 12 đến ngày 7 tháng 2. Tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự có Hạ Mạt N hiếp Tâm Hội cuối tháng 6 đến 5 ngày sau, Truyền Quang N hiếp Tâm Hội trong tuần tháng 6, có 5 ngày cởi bỏ những sự ràng buộc, Hạ Kỳ N hiếp Tâm Hội vào hạ tuần tháng 7, có 5 ngày cởi bỏ những ràng buộc. Tại các Tăng Đường ở tự viện địa phương mỗi tháng 1 tuần lễ, thực hành định kỳ N hiếp Tâm Hội , rất thực tế. Lễ Thọ Giới: dành riêng cho Đàn Tín Đồ về lãnh thọ giới pháp từ vị Giới Sư, làm sống lại tánh tự giác của Tín Đồ Phật Giáo tổ chức từ ngày 23 tháng 4 đến ngày 28 tháng 4 tại Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự, và một tuần lễ từ ngày 10 đến ngày 16 tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự. Hầu hết tất cả Đàn Tín Đồ vân tập về Đại Bổn Sơn cùng tu với chư Tăng, trực tiếp học Phật Pháp với các vị Cao Tăng và nhận sự chỉ dạy đặc biệt từ vị Quản Thủ Thiền Sư. N hãn Tạng Hội và Truyền Quang Hội: Mỗi năm, từ ngày mồng một đến ngày 21 tháng 6 tại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự thường tổ chức giới thiệu những vị Sư Gia Cao Đức đương thời trình bày những trước tác của Thiền Sư Đạo N guyên, Tào Động Tông Tông Điển và Chánh Pháp N hãn Tạng. N hững buổi thuyết trình như thế giảng chung cho thính chúng rất đông người tham dự. Tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, tổ chức từ ngày 16 đến ngày 20 tháng 6 thuyết trình về Thiền Sư Oánh Sơn ngữ lục, Tào Động Tông Tông Điển và Truyền Quang Lục tại Hậu Đường của Tổng Trì Tự, thỉnh các vị học giả đương thời hoặc các Sư Gia giảng công cộng cho thính giả. Tuy nhiên, vấn đề thời gian, ngày tháng cũng thay đổi trước sau tùy năm, để phù hợp với chương trình chung.

Chương ba

IV. Tông Chỉ, Giáo N ghĩa và Thánh Điển

IV.1 Yếu Điểm Của Tọa Thiền

Yếu điểm của việc Tọa Thiền căn cứ theo “Tọa Thiền Dụng Tâm Ký”.

IV.1.1 Tào Động Tông Là Tông Tọa Thiền

Tào Động Tông là Tông Tọa Thiền cho nên Tăng lữ, Đàn Tín Đồ và những ai mang tâm nguyện vào cửa Tào Động phải cung kính Đức Thích Ca Mâu N i Phật, đấng Giáo Chủ và Lịch Đại Tổ Sư, và tin rằng từ Phật cho đến chư vị Tổ Sư có một sự truyền thừa liên tục, thuần nhất với Phật tâm (chơn tâm) và truyền thống, tiêu biểu là Cao Tổ Thiền Sư Đạo N guyên và Thái Tổ Thiền Sư Oánh Sơn, cho nên phải vững tin và tuân thủ những lời giáo huấn và sống với Tông Chỉ, như Chỉ Quán Đả Tọa (chỉ chuyên tâm ngồi thiền), Tức Tâm Thị Phật (cung cách ngồi thiền và tâm sống động như Đức Phật đang sống). Trong “Tào Động Tông Tông Chế” phần “Tào Động Tông Tông Hiến” ghi thật rõ ràng: “Bổn Tông luôn tôn trọng Chánh pháp, do Phật Tổ truyền nhau; Pháp chỉ quán đả tọa, tức tâm thị Phật đương nhiên là sự truyền thừa và là Tông Chỉ”. Bởi tọa thiền là Tông Chỉ của Tông Tào Động, cho nên căn bản sinh hoạt của Tông là hành thiền, thực tập tự giác như Phật, sống và sinh hoạt thực tiển như Đức Phật. Mỗi ngày ít nhất phải ngồi thiền 3 thời. IV.1.2 Thiền Và Lịch Sử Thiền, tiếng Sanskrit là Dhyana, tiếng Pàli là Jana, có từ thời Ấn Độ cổ đại, người Trung Hoa dịch là Thiền N a, gọi tắt là Thiền, nghĩa là tập trung tư tưởng vào một chỗ, tư duy thâm sâu và yên tĩnh quán tưởng. Tiếng Sanskrit còn gọi là Samadhi, dịch âm là Tam Muội, còn dịch là Định, chỉ cho trạng thái tâm an tĩnh, tâm đang an định. Trước đây chữ Định giống như chữ Thiền, về sau hợp chung lại gọi là Thiền Định. Theo nghĩa đơn thuần chữ Hán, Thiền nghĩa là các vị Thần trên trời hay các vị Thần ở cửa sông hay Thần đất đai, khi cử hành tế lễ gọi là “Phong Thiền. Khi Thiên Tử truyền ban địa vị cho ai, gọi là “Thiền N hượng”. Chữ “Thị Thiên” nghĩa là chỉ ra đơn lẽ, công bình. Theo Phật Giáo Thiền là tập trung tâm, suy nghĩ thâm sâu, an tịnh quán tưởng, ngoài ra không còn nghĩa khác, song ngày nay khi dùng chữ Thiền, cảm nhận như đã mất đi ý nghĩa nguyên thỉ rồi. Tại Ấn, Thiền có trước thời Phật, là pháp môn tu của ông Uất Đầu Lam Phất (Udraka Ramaputra). Khi Đức Thích Tôn từ bỏ Pháp Minh Tưởng, pháp tu thời Ấn Độ cổ đại, vì nhận thấy có nhiều khuyết điểm ngay từ ban đầu của pháp môn ấy và khám phá ra một pháp môn mới chính là Thiền Phật Giáo.

Tổ Đạt Ma Đại Sư mang pháp môn Tọa Thiền truyền thống từ thời Phật truyền sang Trung Hoa trở thành Thiền của N gài Đạt Ma Đại Sư, phát huy mạnh mẽ, đặc sắc. Về sau phát triển về phương N am, được Lục Tổ Huệ N ăng xiển dương đặc tính siêu việt của Thiền phù hợp với căn cơ trình độ mọi người và hình thành một phái riêng biệt gọi là Thiền Tông. Trong lịch sử Trung Hoa, Thiền Tông phát triển càng ngày càng rộng lớn, tùy theo đời sống tu tập của từng vị Tổ quảng bá và lưu lại ảnh hình, về sau Thiền truyền sang Triều Tiên và các nước thuộc bán đảo Đông Dương (gồm Việt N am và các nước khác). Thiền Tông Trung Hoa gọi là “N gũ Gia Thất Tông”, bắt đầu hệ thống từ Thiền Sư Huệ N ăng, đến Thiền Sư Mã Tổ Đạo N hất tại Giang Tây, Thiền Sư Thạch Đầu Hy Thiên ở Hồ N am, tượng của Tổ Sư nầy được thờ tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự. Môn sinh của Thiền Sư Mã Tổ là Quy Sơn Linh Hựu Thiền Sư , đệ tử của Linh Hựu là N gưỡng Sơn Huệ Hạc Thiền Sư thuộc Quy N gưỡng Tông. Rồi Thiền Sư Lâm Tế N ghĩa

Huyền lập ra Lâm Tế Tông. Từ hệ mạch Thiền Sư Thạch Đầu, Thiền Sư Động Sơn Lương Giới cùng với Đệ Tử, Thiền Sư Tào Sơn Bổn Tịch lập ra Tào Động Tông. Thiền Sư Vân Môn Văn Yển thành Vân Môn Tông. Thiền Sư Pháp N hãn Văn Ích hình thành Pháp N hãn Tông, tất cả gọi là 5 nhà của Thiền Tông. Về sau, Tông Lâm Tế chia hai: Thiền Sư Hoàng Long Huệ N am và Thiền Sư Dương Kỳ Phương Hội trở thành Hoàng Long Phái và Dương Kỳ Phái, tất cả hợp lại thành N gũ Gia Thất Tông. N hư trên đã trình bày, Thiền Sư Đạo N guyên ở N hật thuộc phái Hoàng Long, Thiền Lâm Tế của Thiền Sư Vinh Tây , đệ tử học đạo với Hòa Thượng Minh Toàn. Khi sang Trung Hoa chủ yếu tu học theo Thiền Lâm Tế. N hưng về sau học theo Thiền Sư N hư Tịnh , thuần túy chánh thống của pháp hệ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới, cho nên từ đó Thiền Tào Động truyền sang N hật Bản. IV.1.3 Truyền Thống Của Tào Động Tông Thiền Sư Đạo N guyên chính là Thỉ Tổ của Tông Tào Động truyền thống ở N hật Bản. Căn cứ theo biểu đồ của lịch sử Đại Tổ Sư , thứ tự như sau: Bảy vị Phật trong quá khứ. Phật trong hiện tại là Thích Ca Mâu N i Phật và các vị Tổ truyền thừa: 1. Ma Ha Ca Diếp 2. A N an Đà

3. Thương N a Hòa Tu
4. Ưu Ba Cúc Đa
5. Đề Đa Ca
6. Di Già Ca
7. Ba Tu Mật
8. Phật Đà N an Đề
9. Phục Đà Mật Đa
10. Bà Phiếu Thấp Phược (Hiếp Tôn Giả)
11. Phú N a Dạ Xà
12. A N a Bồ Đề (Mã Minh)
13. Ca Tì Ma La
14. N a Già Phạt Lặc Thụ N a (Long Thọ)
15. Ca N a Đề Bà
16. La Hầu La Đa
17. Tăng Già N an Đề
18. Già Da Xá Đa
19. Cưu Ma La Đa
20. Xà Dạ Đa
21. Bà Tu Bàn Đầu
22. Ma N oa La
23. Hạc Lặc N a
24. Sư Tử Bồ Đề
25. Bà Xá Tư Đa
26. Bất N hư Mật Đa
27. Bát N hã Đa La
28. Bồ Đề Đạt Ma, Sơ Tổ Trung Quốc (cho đến đây là những vị

Tổ Sư người Ấn Độ)
29. Thái Tổ Huệ Khả
30. Giám Trí Tăng Xán
31. Đại Y Đạo Tín
32. Đại Mãn Hoằng N hẫn
33. Đại Giám Huệ N ăng
34. Thanh N guyên Hành Tư
35. Thạch Đầu Hy Giá
36. Dược Sơn Duy N ghiêm
37. Vân N ham Đàm Thịnh
38. Động Sơn Lương Giới
39. Vân Cư Đạo Ưng
40. Đồng An Đạo Phủ
41. Đồng An Quán Chí 42. Lương Sơn Duyên Quán 43. Đại Dương Cảnh Huyền 44. Đầu Tử N ghĩa Thanh 45. Phù Dung Đạo Giai 46. Đan Hà Tử Thuần 47. Trường Lô Thanh Liễu 48. Thiên Đồng Tông Giác 49. Tuyết Đậu Trí Giám 50. Thiên Đồng N hư Tịnh (cho đến đây là những Thiền Sư Trung Quốc) 51. Vĩnh Bình Đạo N guyên 52. Cô Vân Hoài Tráng 53. Triệt Thông N ghĩa Giới 54. Oánh Sơn Thiệu CNn. Tại đây chia hai: Minh Phong Tố Triết (từ đây xuống dưới lượt bớt) N ga Sơn Thiều Thạc (từ đây xuống dưới lượt bớt). IV.1.4 Thiền Có N ghĩa Là Tọa Thiền Khi Thiền Sư Đạo N guyên từ Trung Hoa về lại N hật, tiếng nói đầu tiên, được ghi trong sách “Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi”, là tuyên bố: “Tọa Thiền là việc tốt đẹp“. N gài cũng giảng về pháp môn tọa Thiền thích hợp từng cá nhân để “thân tâm tự nhiên thoát lạc và bổn lai diện mục hiện tiền”. N gài còn dạy “Chỉ quán tham thiền biện đạo” là những đề tài khi Tọa Thiền chú tâm để thân tâm rốt ráo an định, thống nhất, điều hòa, nhất là dung hòa với trong thực tế chính mình. Cho nên tham thiền mới có thể tiến tu theo con đường Phật Đạo được. Vả lại, Thiền Sư Đạo N guyên nói rằng: “Tham thiền cũng chính là tọa thiền” vì N gài chú trọng pháp môn hành trì Thiền Tọa hơn là nói về Thiền. N gồi thể hiện bằng động tác như ngồi là rõ biết một cách đích xác về chính mình . Hơn nữa Thiền Sư Đạo N guyên quan tâm ngồi của tọa Thiền, tham Thiền tức là Tọa Thiền còn Tham Thiền của Tông Lâm Tế, nhận lãnh công án từ Sư Gia, tham cứu một cách công phu và nhập thất độc tham. IV.1.5 Chỉ Quán Đả Tọa Và Tức Tâm Thị Phật Trong “Chánh Pháp N hãn Tạng”, phần “Tam Muội Vương Tam Muội” tham thiền được giải thích rằng: “Thân ngồi kiết già phu tọa, tâm cũng phải kiết già phu tọa, để cuối cùng thân tâm thoát lạc

kiết già phu tọa”. N gồi bằng thân thể, ngồi bằng tâm nghĩa là toàn thân và linh thức đều ngồi. “N gày đêm chỉ quán phu tọa, lúc vào cũng Tam Muội Vương Tam Muội” nghĩa là ngày đêm lúc nào cũng Tọa Thiền, mà Tọa Thiền là chỉ quán đả tọa như thế thôi. Phật dạy: “N gồi thiền để thân tâm giải thoát và an lạc. Khi chỉ quán đả tọa thì không cần đốt hương, lễ bái, niệm Phật, tu sám, xem Kinh v.v... Đôi khi, Thiền Sư Đạo N guyên dùng ngôn ngữ của Thiền Sư N hư Tịnh, bổn sư N gài dẫn chứng khi thuyết giảng về Tọa Thiền như là tham thiền để thân tâm được giải thoát và an lạc, mà Chỉ

Quán Đả Tọa có khả năng làm cho thân tâm giải thoát an lạc trước nhất, khi đó những pháp môn tu hành khác như thiêu hương, lễ bái, niệm Phật, tu sám, xem kinh v.v... không còn cần thiết nữa. Một khi thành tựu Thiền Chỉ Quán Đả Tọa, sẽ biết một cách rõ ràng "Tức Tâm Thị Phật" "tâm nầy là tâm Phật". Thế nhưng dù "Tức Tâm Thị Phật" nhưng không được gọi là Phật, cũng chẳng phải là linh hồn trường cửu bất diệt ngoài nhục thân nầy, bởi vì tâm còn bị phiền não nhiễm ô và tâm không ngoài tinh thần và vật chất của xác thịt nầy. Trong "Chánh Pháp N hãn Tạng", phần "Tức Tâm Thị Phật" Thiền Sư Đạo N guyên lý giải về sự hiểu lầm "Tức Tâm Thị Phật" như sau: Trước tiên "tâm chẳng nhiễm ô là tâm Phật" nghĩa là tâm không bị phiền não nhiễm ô khuấy động chính là tâm Phật. Tiếp đến "tâm nầy chánh truyền, nhứt tâm nhứt thiết pháp; nhứt thiết pháp nhứt tâm". Tâm nầy tồn tại ở tất cả mọi nơi và trong tất cả mọi nơi đều có tâm nầy có thể gọi Pháp, sự vật, sự tồn tại. N hứt tâm và nhứt thiết pháp. N hứt thiết pháp và nhứt tâm nghĩa là tất cả là một, nếu gọi bình thường là tinh thần, tâm, linh hồn, tâm linh, v.v... và các tác dụng tinh thần, tâm lý v.v.. ., không phải Tùng (từ) Tâm Thị Phật, mà là Tức Tâm Thị Phật, Ta và Đại Vũ Trụ, tâm và vật là một (nhất như), thân tâm nhứt thể như thế, đó là Tức Tâm Thị Phật. Kế đến "Tức Tâm Thị Phật" là phát tâm tu hành chứng đắc quả vị Bồ Đề giác ngộ, viên mãn con đường N iết Bàn của chư Phật". Đạo lý Tức Tâm Thị Phật như thế, là sự thật tuyệt đối. N ói cách khác, không có tính cách nhất định về quan niệm, tất nhiên phát tâm rồi tu hành, khai, thị, ngộ, nhập rất cụ thể và thực tiển, biểu hiện hoàn toàn rất cụ thể trên thân tâm. N ếu chẳng phát tâm, chẳng tu hành,

không khai ngộ, chắc chắn rằng sẽ không thể nghiệm "Tức Tâm Thị Phật", không thể gọi là chư Phật được. N hư thế, "Đức Thích Ca Mâu N i đã thành Phật, chính N gài trở thành Tức Tâm Thị Phật. Chư Phật trong quá khứ, trong hiện tại và trong vị lai phải thành Phật như Đức Thích Ca Mâu N i vậy, mới gọi là Tức Tâm Thị Phật". N ói Chư Phật là bao gồm Đức Phật Thích Ca Mâu N i và nhiều vị Phật khác, gọi chung là Thích Tôn, mà Thích Tôn là "Tức Tâm Thị Phật", vượt qua khỏi giới hạn của thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai, vượt qua ý niệm không gian, không còn lãnh vực Đông, Tây, N am, Bắc. Tất cả chư Phật khi thành Phật trở thành Đức Thích Tôn, vị Phật "Tức Tâm Thị Phật". N hư trước đã trình bày, phải thực hành Chỉ Quán Đả Tọa mới lãnh hội Thích Tôn, mới có thể nói rằng nối thẳng trực ngộ. IV.1.6 Tọa Thiền Dụng Tâm Ký N hững điểm quan trọng của tác phNm "Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi", do Thiền Sư Đạo N guyên biên soạn như Tọa Thiền phải dụng tâm và tường thật tỉ mĩ v.v... đều ghi lại đầy đủ và trân trọng trong tác phNm "Tọa Thiền Dụng Tâm Ký" của Thiền Sư Oánh Sơn, có thể nói rằng một tác phNm giải thích, hướng dẫn phương pháp Tọa Thiền thông dụng, thực tế và hiếm thấy. Bởi mọi người biết tác phNm "Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi" hơn "Tọa Thiền Dụng Tâm Ký", cho nên "Tọa Thiền Dụng Tâm Ký" được giới thiệu và giải thích những điểm quan trọng việc Tọa Thiền, chánh truyền từ Phật đến Tổ đến hôm nay. IV.1.7 Tọa Thiền N ghĩa Là Gì? Tựa đề "Tọa Thiền Dụng Tâm Ký" giải thích từ văn chữ Hán như sau: "Tọa Thiền khai sáng tâm địa, làm cho con người trở nên chánh trực và an trụ vào tự thân, còn gọi là bổn lai diện mục, bổn địa phong quang và làm cho thân tâm được giải thoát an lạc". Tọa Thiền làm cho tâm được sáng sủa và an trụ. Tâm

sáng suốt rõ biết và tự chiếu linh nhiên, chỉ cho chơn tâm thanh tịnh sáng tỏ, vượt khỏi thị phi, thiện ác. N hư người đi tìm quê hương khác, qua lại đó đây không cần thiết nữa, bây giờ chúng ta hãy về nhà ngồi yên và lưu trú lại lâu dài. IV.1.8 Cách Dụng Tâm Thứ N hất Phát tâm chân thành, quyết tâm đoạn trừ vô minh (những sự mê vọng của mình), xem việc Tọa Thiền là quan trọng và cần thiết, bỏ hết mọi ngoại duyên, tinh tấn tọa Thiền, không còn gì khác hơn dụng tâm, quyết định và không còn do dự.

IV.1.8.1 Điều Tâm Điều lưu ý là khi Tọa Thiền đầu tiên điều tâm, tiếp đến điều thân và cuối cùng điều hơi thở. Trước tiên là Điều Tâm, nghĩa là bắt đầu điều chỉnh tâm mình khi Tọa Thiền. Quan trọng và cần thiết là buông xả không vướng mắc vào những vấn đề như: kỹ thuật, học nghệ, y học, ca múa, kỹ nhạc, tranh luận, luận nghị, danh dự, lợi hại v.v... ngay cả chẳng dính mắc vào văn chương, học thuật v.v... IV.1.8.2 Điều Thân Tiếp theo Điều Thân, không được dùng y phục áo quần sặc sỡ hay bNn thiểu, phải mặc áo quần sạch sẽ. N gay cả việc ăn uống, ngủ nghỉ phải đầy đủ, nhưng không được ăn quá no, phải ăn vừa bụng (khoảng 8 phần 10) để dễ tiêu hóa, không ăn những món ăn không thích hợp với cơ thể, không ăn thức ăn ngon, không ăn thức cay nồng, mè, khoai v.v... IV.1.8.3 Điều Tức (Điều Hòa Hơi Thở) Cuối cùng điều hơi thở. Tọa Thiền không được ngồi dựa lưng vào tường, hoặc ngồi trên ghế dựa, nơi gió nhiều, chỗ cao v.v... Điều hòa hơi thở cần thiết làm cho thân thể không nóng quá mà cũng không lạnh quá, không khí chung quanh không khô quá, không tốt cho thân thể, cảm thấy khó chịu, bực dọc, hôn trầm, rơi vào chỗ hoang tưởng, khiến thần kinh quá nhạy. N ếu khó thể điều hòa hơi thở, phải làm cho trung hòa lại. Để điều hòa hơi thở trở lại, thỉnh thoảng mở miệng ra, hơi thở dài cứ thở dài, hơi thở ngắn cứ thở ngắn, từ từ hơi thở sẽ quân bình. Khi bịnh khó điều hơi thở được, có thể có cảm giác hôn trầm, không yên tỉnh, động đậy, khó chịu, có thể nhìn ra bên ngoài, hoặc nhìn vào bên trong thân thể của mình, hay ngắm Phật, Bồ Tát, hay thả hồn tư duy về sự tốt đẹp; hay tư duy ý nghĩa câu Kinh v.v... đại loại như thế, song không thể gọi là điều hòa hơi thở được. Chỗ an tâm – Khi hơi thở không thể điều hòa được, hãy mang tâm mình lên để nơi hai chân thử xem. Khi tâm lắng xuống, mang lên để nơi giữa hai chân mày, như khi tâm tán loạn, tư duy mũi có thẳng với đan điền (lỗ rốn) không? Bình thường Tọa Thiền, phải để tâm mình phía bên trái. Tọa Thiền lâu không điều hòa hơi thở được, đừng lo lắng. N gữ lục chư Tổ Sư dạy vì nhìn quá nhiều hay đọc sách quá nhiều tâm không an, thân tâm mệt mõi, nguyên nhân phát sinh ra bệnh.

IV.1.8.4 N goại Cảnh Chung Quanh Khi N gồi Thiền Lúc ngồi thiền, không nên ngồi những khi có nạn lửa cháy, nước lụt, gió bão, trộm cướp v.v...không nên ở những nơi gần biển, tửu quán, phòng dâm, đàn bà góa chồng, nơi đàn bà tụ họp, phường hát múa, những người quyền lực như Vua tôi, Đại Thần; những người tham danh lợi; những kẻ ham hý luận v.v... Không nên ngồi chỗ quá sáng, quá tối, quá lạnh, quá nóng v.v... Không nên gần gũi kẻ lãng du, kỹ nữ v.v... phải ở trong Tăng Đường, nơi có những Thiện Tri Thức, nơi thâm sơn u cốc, nơi trong sạch, thích hợp, thanh tịnh, không có gió, lửa, mưa, sương, vào mùa Đông phải ấm, mùa Hè phải mát. Đạo tràng ngồi thiền phải lau chùi sạch sẽ, thường dâng cúng hoa hương lên Phật, Bồ Tát hay La Hán, khởi tâm từ bi, tưởng nhớ công đức của tất cả chúng sanh. Khi Tọa Thiền đã thành thục rồi, bất cứ

hoàn cảnh nào cũng không chi phối người ngồi Thiền, khi đó việc nơi chốn trở nên không cần thiết chọn lựa nữa. IV.1.8.5 N ội Dung Của Việc Tọa Thiền Thật sự, Tọa Thiền để khai mở tâm địa, an trụ vào bổn phận (chính mình) và đi vào cửa chánh của Phật Đạo, mà những điều đó liên hệ với tư tưởng của Phật Giáo. Tọa Thiền và Giáo – Hạnh – Chứng: Giáo là lý luận Phật Giáo. Hạnh là những điều thực tiển. Chứng là kết quả của Giáo và Hạnh. Tông Phái nào cũng phải nói về Giáo, Hạnh và Chứng nầy. Giáo là dạy phải bỏ những điều ác và tu những việc lành. Hạnh có nghĩa là phải nổ lực thực hiện. Còn Chứng là giác ngộ. Từ Giáo đến Hạnh rồi từ Hạnh đến Chứng luôn tiến hành như thế. Thật là sai nếu suy nghĩ một cách nông cạn về Tọa Thiền chánh truyền. Thật ra, Giáo là những lời dạy chơn chánh của Phật Tổ. Hành là thực hành những điều thâm diệu của Phật Tổ và Chứng là chứng được "Tam Muội Vương Tam Muội", "bản hữu đại giác". Từ đây Giáo, Hạnh và Chứng được thành lập. Bên trong tư duy như thế, bên ngoài tinh tấn hành Thiền gọi là Tọa Thiền. Tọa Thiền và Giới, Định, Huệ: Giới là sinh hoạt có giới hạn. Định là tâm yên tỉnh và Huệ là thâm nhập và tư duy sâu xa về Giới và Định. Thực hành Giới sẽ được Định và thực hành Định sẽ có Huệ. Thế nhưng, việc chánh truyền của Tọa Thiền là nơi chốn ngồi thiền và thực hành Giới, Định và Huệ.

Giới còn có nghĩa là tâm địa vô tướng. Định có nghĩa là có tướng định khi nhập vào Đại Định. Huệ có nghĩa là tướng huệ - Đại Huệ. Theo ý nghĩa nầy, Tọa Thiền phải tu Giới, Định và Huệ vậy. N hư thế, ngoài Giáo, Hạnh và Chứng ra còn có Giới, Định và Huệ nữa. Đây chính là những điểm căn bản của tư tưởng Phật Giáo. IV.1.9 Phương Pháp N gồi Thiền Có Tính Cách Cụ Thể Khi ngồi Thiền, theo nguyên tắc phải đắp y (Cà Sa), ngồi trên bồ đoàn (đường kính 38,19 cm, chu vi 119,97 cm) và 2 chân phải ngồi tréo với nhau và xương sống phải thẳng xuống chỗ ngồi. Phương pháp ngồi gồm có Kiết-già phu tọa và Bán-già phu tọa. Bây giờ sẽ nói về Kiết-già phu tọa. Đầu tiên lấy chân phải để lên bên trái, lấy chân trái để lên trên chân phải. Còn y phục thì nên mặc cho rộng một chút. Tay phải để lên chân trái và tay trái để lên trên chân phải. Hai ngón tay cái của hai bàn tay đâu lại với nhau. Hai tay đặt ngang nơi vị trí của rốn mình. N gồi ngay thẳng, không được nghiêng bên trái, không được nghiêng bên phải, không được ngã phía trước và cũng không được ngã về phía sau. Tai, vai, mũi, lỗ rốn phải tương đối thẳng tắp. Lưỡi đưa lên hàm trên, miệng ngậm lại, lấy hơi thở từ lỗ mũi. Môi và răng khít nhau. Mắt không được mở hoàn toàn, cũng không được nhắm hoàn toàn. Hãy điều chỉnh dáng ngồi như thế, miệng có thể mở một đôi lần để cho không khí ra. Đoạn phía nửa thân hình bên trên dao động 7 hay 8 lần từ trái qua phải, từ ít đến nhiều. Rồi từ từ động tác ấy dừng lại và ngay ở điểm trung tâm là được. Phương pháp chánh của Hành Thiền (Tọa Thiền) là "phi tư lượng", nghĩa là phải lìa xa tất cả những phân biệt suy nghĩ, mà Theo Chỉ Quán Đả Tọa, tham thiền là một pháp môn đại an lạc, tu hành bất nhiễm ô vậy. N ếu khi muốn xả Thiền, trước tiên phải đưa hai tay lên cao, rồi lại để lên đầu gối và dao động nửa thân trên bảy hay tám lần từ nhẹ đến mạnh, từ trái sang phải, mở miệng, thở ra và mở chân ra. Hai tay chống xuống mặt đất, từ từ đứng dậy, rồi bắt đầu đi chầm chậm. IV.1.10 Khi Buồn N gủ Thì Phải Làm Sao? Tọa Thiền mà cảm thấy buồn ngủ, nên dao động thân thể, mở mắt ra và dán tâm vào giữa hai lông mày, lau mắt và xoa bóp thân thể, đi kinh hành một hơi thở nửa bước, rửa mặt làm cho đầu

lạnh, đọc

lời tựa của Bồ Tát Giới Kinh, tự thệ với mình v.v... cũng có nhiều phương pháp khác nữa có thể tự mình suy nghĩ lấy. IV.1.11 Khi Tán Loạn Thì Phải Làm Sao? Lúc tâm tán loạn, không kèm chế được, hãy dùng tâm ấy đặt thẳng nơi sống mũi và đan điền. Hoặc thở hơi ra và thử đếm số lần. N ếu không trị được, hãy dùng công phu để nghiên tầm công án. Thực hành như thế vẫn không được, dừng hít thở, dụi hai mắt và luyện tập công phu khác để xem sao? IV.1.12 Cảnh Địa Của Việc Tọa Thiền Thiền Sư Thạch Sương Khánh Chư , hành giả tu Thiền ở Trung Hoa, đời Đường chỉ rõ phải hướng về cảnh địa "Thất Khứ". Thất Khứ được giải thích như sau: Hưu Khứ: nghĩa là hãy dừng những suy nghĩ phân biệt có tính cách bình thường lại. Hiết Khứ: phải buông hết, từ từ làm cho thân thể an lạc. Lãnh Tưu Tưu Địa Khứ: tức là buông xả mọi việc, đừng giữ lại nữa, như nước ao lạnh xua tan nhiệt khí phiền não, không còn bị phiền não thiêu đốt nữa. N hứt N iệm Vạn N iên Khứ: thu về một hơi thở. Khi Tọa Thiền triệt để vượt ra khỏi thời gian. Hàn Than Khô Mộc Khứ: không còn bị những sự vật cảnh tượng ảnh hưởng. Tâm sáng suốt khi ngồi thiền. Cổ Miếu Hương Lô Khứ: nghĩa là đạt được cảnh giới Định (cổ miếu) và Huệ (hương lô). N hứt Điều Bạch Luyện Khứ: Trắng và đẹp như thớ gân và mềm như lụa trắng. Dù ở bất cứ nơi đâu, ánh sáng của việc Tọa Thiền vẫn làm cho tâm thuần khiết an lạc và thanh tịnh. IV.2 Lời Dạy Của "Tu Chứng N ghĩa" Đây là một quyển sách cần thiết của tín ngưỡng IV.2.1 Tu Chứng N ghĩa Với Tín Đồ của Tông Tào Động, "Tu Chứng N ghĩa" là Tông Điển rất gần gũi thân thiết. Phần "Tào Động Tông N ghi Lễ Quy Trình" trong "Tào Động Tông Tông Chế" cho rằng: "Tu Chứng N ghĩa" là Tông Điển sử dụng hằng ngày trong cuộc sống. Vả lại, "Tào Động Tông Tông Hiến" quy định "Bổn Tông lấy bốn đại cương của Tu Chứng N ghĩa làm nguyên tắc, mà đại cương ấy thực hành giáo nghĩa thực tiển của Thiền Giới N hứt N hư và Diệu Đế tu chứng bất nhị". Vả lại, "Tu Chứng N ghĩa" chỉ rõ giáo nghĩa của Tông Tào Động.

IV.2.2 Sự Hình Thành Của "Tu Chứng N ghĩa" N ăm Minh Trị (Meiji) thứ 20, để đơn giản hóa lời dạy của Thiền Sư Đạo N guyên dành cho Tín Đồ tại gia, người ta trích trong tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng" gồm 95 quyển ra những câu văn dễ hiểu rồi biên tập thành sách hướng dẫn, mà hầu hết những người Tín Đồ tại gia đó chính là những Tăng lữ của Tông Tào Động đã hoàn tục, có người hợp tác thành lập trường "N hật Bản Manh Á Học Hiệu" (dạy cho những người mù và câm), có người là hiệu trưởng của Đại Học Đông Dương, có người xây dựng Tú Anh Xá (dùng làm chỗ in ấn, trong đó có Đại N hật Bản Ấn Loát), Hồng Minh Xã (làm công việc xuất bản sách báo của Phật Giáo), có người đi làm công tác từ thiện, xã hội, giáo dục, hoặc những Phật sự do Đại N ội Thanh Loan Cư Sĩ chủ xướng và phát hành "Đổng Thượng Tại Gia Tu Chứng N ghĩa" do cư sĩ Thanh Loan, người bị sa thải ra khỏi giáo đoàn, soạn. "Đổng Thượng Tại Gia Tu Chứng N ghĩa" được xem là tác phNm tiêu chuNn hoằng hóa của cư sĩ tại gia, song bị Thiền Sư Thác Cốc Triện Tông – Takiya Takushyu , Quản Thủ đại bổn sơn Vĩnh Bình Tự, và Thiền Sư Bạn Thượng Mai Tiên – Azegami Baisen , Quản Thủ đại bổn sơn Tổng Trì Tự kịch liệt phê bình nội dung đến nổi bị những cơ quan liên hệ phải thNm bàn lại. Thế nhưng, vào ngày mồng một, tháng 2 năm Minh Trị thứ 23, tác phNm nầy được công bố không chỉ dành cho cư sĩ mà cho chư Tăng thuộc Tông nữa, thế nên được đổi là "Tào Động Giáo

Hội Tu Chứng N ghĩa". Hơn nữa, trong hiện tại chỉ gọi đơn thuần là "Tu Chứng N ghĩa", đồng thời, còn chế ra các nghi lễ: Tang lễ, ChNn tế Thí thực v.v... dành cho Tín Đồ, cho nên họ rất thích đọc tụng. IV.2.3 Đại Ý "Tu Chứng N ghĩa" được rút từ tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng" 95 quyển, gồm có 24 quyển, có 3.704 chữ, chia thành 5 chương, 31 tiết. Chương một là phần tựa. Chương hai nói về sám hối diệt tội. Chương ba nói về thọ giới nhập vị. Chương tư nói về phát nguyện lợi sanh. Chương năm nói về hành trì báo ân. Giải thích đơn giản theo tựa đề, "Tu Chứng N ghĩa" có nghĩa là; Tu là phương pháp tu hành; Chứng là sự chứng ngộ nói khác là mục tiêu hướng đến; N ghĩa là ý nghĩa, có thể hiểu là phương pháp, mục tiêu và ý nghĩa của Thánh Điển. Phương pháp ấy là gì? Là phương pháp thành Phật. Mục tiêu gì? Là Phật, giác ngộ. Phật sanh từ chơn tâm, hướng dẫn cho người

sống trong xã hội, chính là con người, phải làm thế nào để thành Phật. Hoặc có thể nghĩ rằng con người như thế nào là Phật. N ội dung của tác phNm nầy trả lời nghi vấn đó. Theo cá nhân tôi, chương thứ năm là chương quan trọng nhất của "Tu Chứng N ghĩa" nói về "hành trì báo ân". Song chương thứ ba lại là chương trọng yếu nhất của "Tu Chứng N ghĩa" nói về thọ giới. Tuy nhiên, nhìn sự sắp xếp trên, có thể suy nghĩ rằng chương thứ ba nói về vấn đề thọ giới có tính cách cụ thể (về phương diện sinh hoạt xã hội Phật Giáo). Hai chương nầy có thể xem là trung tâm điểm được chăng? Bởi vì chương thứ nhất về lời tựa, chương thứ hai về sám hối diệt tội, chương thứ ba và chương thứ tư là thuộc về phần nhập đạo, chương thứ năm là chương tối quan trọng về hành trì báo ân. Sau đây sẽ giải thích về đại ý của mỗi chương. IV.2.3.1 Chương 1 – Lời Tựa Mục tiêu chính của tín đồ Phật Giáo là phải thấy bản chất sinh tử của chính mỗi người. Được làm người và gặp Phật Pháp là điều vô cùng hy hữu ngay bây giờ, cho nên đừng đánh mất ý nghĩa cuộc sống của con người, phải gióng lên tiếng nói thức tỉnh cho những ai chưa hoàn hảo, đừng nên chấp vào biên kiến, đối đãi như thiện và ác; nhơn và quả; nghiệp và báo; quá khứ, hiện tại và vị lai, trong ba đời, nếu chỉ dùng biên kiến đối đãi nhau, không thể lãnh hội tư tưởng Phật Giáo. IV.2.3.2 Chương 2 – Sám Hối Diệt Tội Với chúng ta, lòng từ bi của chư Phật, chư Tổ quảng đại vô biên, mở cho chúng ta cánh cửa giải thoát. Để được vào cửa nầy, phải phản tỉnh về ngã kiến, tha thiết sám hối ác nghiệp đã phạm trong quá khứ. Tất nhiên sẽ được chư Phật, chư Tổ gia hộ, sống trong năng lượng an lạc vô biên như chư Phật, chư Tổ. IV.2.3.3 Chương 3 – Thọ Giới N hập Vị Sám hối xong, trước tiên phải quy y Tam Bảo, tin sâu lời Phật, không mê tín ngoại đạo tà giáo, phát nguyện thọ trì ba giới trong mười giới cNn trọng và thanh tịnh. N hờ thọ giới, niềm tin càng thêm tăng trưởng và tuyệt đối. N hờ tin Phật, mỗi tự thể chúng sanh có thể mở cho mình một lối sống chân thật. Trong xã hội, nếu có nhiều người tin Phật như thế, thế giới nầy sẽ được bình an. IV.2.3.4 Chương 4 – Phát N guyện Lợi Sanh Hãy buông xả tất cả những công việc riêng tư, phát nguyện lợi sanh và khởi tâm vị tha. Bất cứ ai có tâm như thế, dù chỉ là cô bé tuổi lên bảy, cũng có thể gọi là người gương mẫu trong cuộc sống

nầy. Hãy phát nguyện như thế, bởi vì đây là việc vô cùng cần thiết mà phát nguyện bao gồm bốn chân lý đó là: Sống không tham đắm, Có lòng từ và hòa ái, Thực hành thiện hạnh, Buông bỏ lối sống riêng tư, sống thân thiện nhau. IV.2.3.5 Chương 5 –

Hành Trì Báo Ân Thật sự, không đơn thuần sống một cách trọn vẹn với bốn chơn lý trên, cho nên trong đời nầy, cần phải nương tựa giáo Pháp Thế Tôn và chư vị Tổ Sư, phải niệm ân chư Phật, chư Tổ. Song nếu không biết rõ ân đức cao vời ấy, làm sao báo ân? Thật ra, không gì hơn phương pháp tưởng niệm cuộc đời đức Phật trong sinh hoạt hằng ngày, dù phải làm gì đi nữa, bởi vì thời gian trôi qua như tên bắn, cuộc đời mong manh như sương mai, tự mình mỗi ngày kính ngưỡng đức Phật và sự tu hành giải thoát giác ngộ của Phật. N ếu mỗi ngày sống trong niệm tưởng như thế và luôn luôn tôn trọng mạng sống của những kẻ khác, sẽ được cộng thông cùng chư Phật, lãnh hội cốt tủy Phật Pháp của Đức Thích Tôn, được gọi là Tức Tâm Thị Phật, bởi vì chỉ còn trong đầu hoặc nơi tiếng nói, trong suy nghĩ là Tức Tâm Thị Phật. Đừng nói gì cả, hãy tự hỏi và tự nghiệm với chính mình Tức Tâm Thị Phật là việc của ai vậy? Trả lời được chính là báo ân Phật vậy. IV.2.4 Thiền Giới N hứt N hư Theo Tông chỉ của Tông Tào Động, Chỉ Quán Đả Tọa và Tức Tâm Thị Phật là ngôn ngữ biểu trưng đặc tính của Thiền trong Phật Giáo. Thế nhưng trong sinh hoạt hằng ngày, Tông Chỉ nầy phải được thực hiện như thế nào? Vả lại, nguyên tắc sinh hoạt tín ngưỡng của Tông Tào Động căn cứ tác phNm "Tu Chứng N ghĩa" có thể tương ưng với Giáo Lý chăng? Theo "Tu Chứng N ghĩa" nguyên tắc sinh hoạt tín ngưỡng có bốn Đại Cương Lãnh, được biết với những thuật ngữ như: • Sám Hối Diệt Tội, • Thọ Giới N hập Vị, • Phát N guyện Lợi Sanh • Hành Trì Báo Ân. Bốn đại cương lãnh, theo giải thích ở trên, là bốn cương yếu quan trọng, còn có thể gọi là Thiền Giới N hứt N hư hay Tu Chứng Bất N hị, sẽ được lý giải ở sau.

Thiền Giới N hứt N hư nghĩa là Thiền và Giới là một, mà nếu nói tổng quát, Giới là giới luật, không làm điều ác, hãy làm việc lành, nghiêm cấm những việc làm ảnh hưởng đến đạo đức và luân lý, phải sống hướng thượng, có nhân cách, hòa bình, dù sống cá nhân hay sống tập thể, không thể thiếu luân lý đạo đức, vì đó là điều kiện tiên quyết, không cần nói cũng phải hiểu. Thế nhưng, căn cứ vào cái gì để xác định đạo đức và luân lý? Có lẽ có nhiều suy nghĩ và nhiều lập trường khác nhau, song tất cả cùng chung một điều vốn có sẵn đó là lấy con người làm trọng tâm, không chấp thủ, phải có tâm yêu thương. Tâm ấy, theo Phật Giáo, là Phật-tâm, Phật-tánh. Tư duy về chơn tâm không phải để nói, để hành động, mà trở về với đạo đức chơn thật, luân lý đứng đắn. Lịch sử và xã hội có thể biến đổi, song thông thường đạo đức và luân lý nhằm hóa giải tánh xấu của mỗi cá thể không bao giờ khác biệt bởi dù ở đâu, bất cứ lúc nào, cho bất cứ ai. Thực tế, tất cả mọi đời sống của mọi loài không thể tồn tại mãi mãi. N hư thế, trên bình diện vũ trụ quan, tất cả đời sống chỉ là sự tự giác chơn tâm của con người, là Thiền, không có gì khác (Chỉ Quán Đả Tọa; Tức Tâm Thị Phật) và trên bình diện tự giác, cuộc sống ấy là giới. N ói khác, Thiền là cuộc sống thuộc phương diện tịnh của chơn tâm, Giới là cuộc sống thuộc phương diện động. Thiền triển khai từ Giới; Giới và Thiền quy về một. Với ý nghĩa đó, tuy Thiền và Giới là hai; nhưng thực tế là một. Ở đây, Giới chính là Phật giới (giới của Phật). Sinh hoạt Phật giới phải vượt lên khỏi luân lý, đạo đức, thiện, ác bình thường, không có đối lập giữa thiện và ác, cũng không bị thiện, ác trói buộc. Việc ác cho mấy cũng chuyển hoán thành thiện để tô bồi cuộc sống. Vả lại, không thể làm việc ác được, bởi vì đã đứng lên trên cao, mà trong phần ý nghĩa của chương thứ ba nói về Thọ Giới N hập Vị đã giải rõ. IV.2.5 Tu Chứng Bất N hị Tu Chứng Bất N hị

nghĩa là tu hành và chứng ngộ là một. Với quan niệm bình thường, tu hành đạt đến chứng ngộ không cần phải trải qua một quá trình, mà một khi tu hành là chứng ngộ rồi. Thật ra, bản chất của giai đoạn tu hành và giai đoạn chứng ngộ không giống nhau. Tu hành là tu hành, chứng ngộ là chứng ngộ. N ếu đạt đến cảnh giới chứng ngộ thì không cần tu hành nữa. Đại để, từ hiện thực sinh hoạt khổ não đến lý tưởng đời sống chân thật, dù có liên hệ đi nữa, cũng không phải là bản chất hiện thực của lý tưởng,

mà chỉ gọi là thể nghiệm tâm linh từ tu hành đến chứng ngộ, cho nên trước tiên phải xác nhận sự hiện thực của lý tưởng ấy. Thật ra, nên biết rằng trong quá trình tu hành đã có chứng ngộ, trong chứng ngộ đã hiện hữu sự tu hành rồi. N ếu không tu hành, không chứng ngộ. Dẫu gọi là tu hành hay gọi là chứng ngộ đi nữa, nói theo tổng quan, một khi đời sống chúng ta nối kết trực tiếp với đại vũ trụ ngay bây giờ và ở đây, bản chất hiện thực của lý tưởng tuyệt đối tự nó hiển hiện rõ ràng, không thể phủ nhận, không phải thêm vào. N gay trong cuộc sống tự nó đã hiện hữu liên tục và ngay trong phương pháp sống, tự nó rõ biết thế nào, đó chính là tu hành và cũng gọi là chứng ngộ. Tu hành và chứng ngộ ấy gọi là “Tu Chứng Bất N hị”. Theo “Tu Chứng N ghĩa”, vấn đề nầy dùng để nói lên tính cụ thể mà trong chương hai nói về sám hối diệt tội, chương ba nói về thọ giới nhập vị đã chứng minh. Còn chương tư nói về phát nguyện lợi sanh và chương năm nói về hành trì báo ân được gọi là Tu, cũng còn gọi là Chứng nữa. N hư trước đã trình bày, từ quan điểm tự giác, tính chất tuyệt đối của cuộc sống đặc biệt chính là Bổn Chứng hay gọi là Tu, đặc biệt tự thể những hoạt động ấy là Diệu Tu, cho nên cũng gọi là “Bổn Chứng Diệu Tu”. Bởi thế “Tu Chứng N ghĩa” dù được viết lên bằng chữ nghĩa văn chương nhưng không sai với chơn ý. Hãy chí thành đọc tụng dùng bằng đôi mắt thật là sáng suốt. IV.2.6 Tu Chứng N ghĩa Sau đây là phần được dịch từ ngôn ngữ N hật hiện đại, xin xem ghi chú của dịch giả. Chương một bắt đầu phần tổng quát. IV.2.6.1 Chương 1: Phần Tổng Tự Sanh là gì? Tử là gì? Với đạo Phật, làm sao sáng tỏ sanh và tử là một việc làm vô cùng quan trọng. Thật ra, vẫn sống trong thế giới sanh tử hiện thực nầy, song với Đức Phật, N gài không bị khổ não do sanh tử chi phối, bởi vì N gài đã rõ biết chân thật nguyên thỉ của nó, N gài không chối bỏ sự thật sanh tử khi đạt được N iết Bàn. Còn chúng ta, vấn đề trước tiên là để giải quyết sự mê mờ khi đối đầu với vấn đề sanh tử, phải nghiên cứu thật rõ lời Phật dạy. Thật ra, được làm thân người là khó, gặp Phật pháp cũng khó, song chúng ta nhờ trợ duyên từ những việc lành từ thuở xa xưa, lãnh thọ thân người là điều hy hữu, lại gặp Phật Pháp nữa thật là quý hiếm, cho nên trong cuộc sống nầy, phải sống một đời thật có ý nghĩa, đừng uổng phí thân thể và trí tuệ nầy, cũng chẳng phải làm gì, hãy

như làn gió thổi tan những giọt sương trên đầu ngọn cỏ, cũng đừng chấm dứt. Sống trong cuộc sống vô thường đổi thay nầy, chẳng có gì có thể nương tựa vào được. Đời sống chẳng khác nào giọt sương trên đầu ngọn cỏ, không ai có thể biết cho đến lúc nào và kết quả ra sao, rồi đi về đâu. Thân nầy chẳng thể giữ mãi như mình mong muốn. Sinh mạng trôi theo ngày tháng, không thể dừng lại bất cứ nơi đâu, dù cho nhỏ như một hạt bụi trần. Dù thời trai trẻ, nhan sắc đẹp tuyệt vời, song vô thường chợt đến, nó tan đâu mất, dù có tìm lại được việc trước, cũng chẳng còn nguyên hình dáng cũ. N ếu quan sát cho kỹ, không ai có thể nắm bắt quá khứ. Sự chết chợt đến dù cho Quốc

Vương, Đại Thần, bằng hữu, bộ hạ, thê tử, tài sản đi nữa, chẳng thể cứu được. Chỉ cô độc một mình trên chuyến lữ hành đi về cõi chết, mà hành lý mang theo chính là nghiệp thiện và nghiệp ác, mà mình đã tạo trong cuộc sống cũ mà thôi. N hững kẻ tà tâm, sống trong cuộc đời, không màng đạo lý, không màng nhân quả, không màng quả báo của những hành vi thiện, ác, không màng quá khứ, hiện tại, tương lai, không phân biệt thiện, ác, chẳng màng tất cả mọi việc, vẫn phải lãnh thọ quả báo nhân quả theo đạo lý, mà không một chút ánh sáng nào có thể soi rọi cho. Khi mọi việc trôi qua rồi, kẻ ác sẽ bị đọa lạc, người làm lành được thác sanh theo nhân cách hướng thượng. Hơn nưa, nếu không có nhơn và không có quả, thì đạo lý nhân quả sai lệch rồi chăng? N gài Bồ Đề Đạt Ma Tổ Sư từ Ấn Độ đến Trung Quốc cũng chẳng phải để truyền con đường của Phật. Thời gian mà hành vi thiện và ác biểu hiện thành kết quả phải trải qua 3 giai đoạn. Trước tiên, thọ nhận kết quả ngay trong đời sống hiện tại, gọi là thuận hiện báo. Tiếp theo, thọ nhận ở đời khác, gọi là thuận sanh báo và thứ ba, thọ nhận ở đời sau nữa, gọi là thuận hậu báo. Lãnh hội giáo huấn của chư Phật và chư Tổ, trước tiên chúng ta phải rõ những tạo tác trong ba thời qua đạo lý nhân quả. N ếu không, tư duy của chúng ta trở thành sai lệch, đưa đến đọa lạc vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh để thọ nhận khổ não đời đời. Rõ được như vậy thật là quý hóa. Trong đời nầy, đã quan niệm Ta, không thể có hai cũng không thể có ba, mà tư duy đó hoàn toàn không hợp lý, dẫn đến tạo tác những hành vi độc ác, để rồi phải thọ nhận hậu quả, không hối tiếc sao? N ếu cho rằng làm

ác, không gặp ác, thế thì định luật nhân quả không hợp lý sao? Không bao giờ tạo ác mà không thọ nhận hậu quả cả. IV.2.6.2 Chương 2: Sám Hối Diệt Tội Ăn năn sửa đổi những ác nghiệp trong quá khứ, nguyện với Phật sẽ không tạo nữa. Thương tưởng chúng ta, Chư Phật và chư Tổ đã mở con đường đi vào Phật đạo thênh thang. N ếu sống đúng và sống trọn vẹn, chắc chắn sẽ đạt được cảnh giới giác ngộ, không sai chút nào. Thọ thân dù là N gười, hay Trời đi nữa cũng từ ác nghiệp trong ba thời mà sanh. N ếu chân thành sám hối, quả báo to lớn có thể trở thành nhỏ và nhẹ, hẳn nhiên đến lúc nào đó tội sẽ tiêu diệt và thân nầy trở thành thanh tịnh. Chỉ cần đem tâm tha thiết sám hối trước Phật, chúng ta sẽ được cứu độ và trở nên thanh tịnh. N hờ năng lực hành trì tạo thành công đức sám hối, mà công đức nầy không có gì ngoài lòng tin. Đó chính là việc trưởng dưỡng tâm linh bằng sự nỗ lực. N hờ tín tâm mà tâm được thanh tịnh. Hơn nữa, cả mình lẫn người trở nên thanh tịnh giống nhau, vượt qua cảnh giới Trời, N gười và vượt qua tất cả. Phương pháp sám hối phát nguyện trước Đức Phật là: “Xin cho con được ăn năn sám hối những hành vi bất thiện chất chồng, mà con lỡ tạo trong quá khứ. Xin cho con được lãnh thọ lời Phật dạy để đề phòng những hành động ấy tái sanh. Xin cho con được đi trên con đường giác ngộ, mà chư Phật chư Tổ đã đi qua. Xin cho con thấy rõ và ra khỏi vòng vây của nghiệp bất thiện Xin cho con vượt qua mọi chướng ngại trên con đường theo Phật. Xin cho con nguyện vâng lời chư Phật, chư Tổ truyền trao, nguyện tích phước, tạo công đức không chỉ giới hạn trong vũ trụ nầy. Trong vũ trụ nầy bao gồm tất cả, Xin cho con được Phật gia hộ được làm người tinh tấn trên con đường giác ngộ, để trở thành Phật Tổ. Xin cho con được sám hối tất cả lỗi lầm, sanh ra từ thân, miệng, ý, tạo các ác nghiệp, bởi tham, sân, si nhiều đời nhiều

kiếp". Sám hối như vậy, chắc chắn chư Phật, chư Tổ không thể không gia hộ. Một khi niệm thành kính chư Phật hiện hữu ở trong tâm, chí thành chí kính đảnh lễ chư Phật và thiết tha tỏ bày trước Phật, chắc

chắn tất cả tội lỗi được hòa tan vào trong biển năng lực thành tâm sám hối và chí thành cầu nguyện nầy. IV.2.6.3 Chương 3: Thọ Giới N hập Vị (Thọ giới và bước lên địa vị Phật). Phật là bậc Giác N gộ, còn gọi là rõ biết, Pháp là những lời dạy của Phật và Tăng là người thực hành và truyền trao những lời dạy ấy đến mọi người. Đó là ba ngôi Tam Bảo tôn kính. Dù cho ở đời nầy hay tái sanh trong đời khác, dù được thân nào đi nữa, chúng ta vẫn cúng dường và tôn kính Tam Bảo. Dù đuợc truyền thừa chánh truyền từ Phật ở Ấn Độ hay từ Chư Tổ ở Trung Hoa, chúng ta có bổn phận tôn kính Phật, Pháp và Tăng. Do nghiệp chướng đã tạo, có nhiều người không nghe được Tam Bảo, vì thế nên quy y khi được gặp Tam Bảo. Đừng vì sự bất hạnh, không an mà nương tựa vào Thần N úi, Thần Miễu, Thần Từ Đường, hay các loại Quỷ Thần v.v... cho dù nương tựa vào những nơi đó, khổ não vẫn còn, không sao có thể giải thoát được. Hãy mau quy y Tam Bảo, chẳng những vượt qua biển khổ mà còn viên mãn giác ngộ nữa. Quy y Tam Bảo, tâm được thanh tịnh. Dù Phật còn tại thế hay đã nhập diệt, chúng ta vẫn chấp tay, chí thành chí kính bày tỏ niềm tin Đức Thích Tôn, xuất phát từ chơn tâm thanh tịnh rằng: "Con nguyện quy y Phật, Con nguyện quy y Pháp, Con nguyện quy y Tăng". Phật là một bậc đạo sư cao quý, cho nên chúng ta xin quay về nương tựa Phật. Pháp là phương thuốc hay cho nên chúng ta xin quay về nương tựa giáo Pháp. Tăng là bậc thiện hữu tri thức, nên chúng ta xin trở về nương tựa chư Tăng. Điều bắt buộc khi trở thành đệ tử Phật là phải quy y Tam Bảo. Muốn lãnh thọ giới Pháp nào đi nữa, điều trước tiên vẫn là quy y Tam Bảo, bởi vì quy y Tam Bảo là việc chính, cho dù trên hết giới vẫn là hộ thân cho từng người. Thành tựu công đức quy y Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng, chắc chắn sẽ thành tựu đạo nghiệp nếu qua tâm Phật. N hư tất cả chúng sanh trong cõi người, cõi Trời, cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, dù bị khổ não bức bách đến mấy đi nữa, nếu có quy y sẽ lãnh hội Tâm Phật. Điều tối tôn, tối thượng cần rõ biết đó là một khi đã quy y rồi, dù sanh vào đâu đi nữa, gặp cảnh khổ đau nào đi nữa, công đức quy y Tam Bảo, được Đức Thích Tôn chứng minh, vẫn tích chứa và tăng

dần cho đến khi đạt được giác ngộ vô thượng Bồ Đề, cho nên đời đời kiếp kiếp phải tin tưởng và thọ nhận. Có ba Pháp vững chắc, cần lãnh thọ để tịnh hóa thân tâm trong cuộc sống hằng ngày: Thứ nhất, không làm các điều ác, Thứ hai, nguyện làm các việc lành Thứ ba, chẳng chỉ vì lợi riêng, phải khởi tâm từ đến tất cả chúng sanh. Tiếp theo phải giữ 10 giới: Thứ nhất, không giết hại sinh mạng chúng sanh, Thứ hai, không trộm cướp, Thứ ba, không tà dâm, Thứ tư, không nói dối, Thứ năm, không mua bán rượu, Thứ sáu không tìm khuyết điểm của người, Thứ bảy, không tự khen mình chê người, Thứ tám, không tham tiếc tiền của, phải bố thí, Thứ chín, không giận hờn không nguôi, Thứ mười, không hủy báng Tam Bảo. (Ghi chú của dịch giả: 10 Giới nầy là 10 Giới Trọng của Bồ Tát Giới tại gia cũng như xuất gia theo tinh thần giới luật của Việt N am, Đại Hàn và Trung Quốc). N hư thế, quy y Tam Bảo để tịnh hóa cuộc sống theo ba Pháp trên và phát nguyện giữ 10 cấm giới, bởi vì chư Phật cũng thọ trì như vậy. Thọ giới được chư Phật trong quá khứ, trong hiện tại và trong tương lai chứng minh cho sự giác

ngộ vô thượng sáng suốt của mình, chứ không có gì khác. Bất cứ ai, dù hiền hay không cũng chẳng có gì ngoài ý muốn cầu nguyện. Đức Thế Tôn vì chúng sanh mà chỉ rõ cho điều đó rằng: “Chúng sanh nào thọ nhận Phật giới, tức vào địa vị chư Phật. Đồng nghĩa với chỗ giác ngộ của chư Phật, chính là đệ tử của chư Phật”. Chư Phật vẫn thường hiện hữu để quán sát và gia hộ chúng sanh trong mọi phương diện sống ở thế giới nầy, song không lưu bất cứ hành tung nào cả, bởi vì đối với chư Phật, mọi hoạt động trong cuộc sống đang tiếp diễn nầy, đều tự tại, đến đi không lưu dấu, mọi hiện hữu trong vũ trụ như đất đai, cây, cỏ cho đến hoa, đá, gạch ngói v.v... đều là Phật sự, cho nên cần phải phát triển thêm lên, ngay cả gió thổi, mây bay, nước chảy cũng đều mang lợi ích cho con người, nói không cùng tận. Sâu rộng hơn, con người

không thể liễu tri tường tận năng lực từ bi cứu độ của chư Phật, mà chỉ nghe việc giác ngộ mà thôi. Đây vừa là kết quả tự nhiên của chính mình đã tạo, vừa là sự sống như Phật đang được tiếp diễn qua phát tâm quảng đại cứu độ chúng sanh. IV.2.6.4 Chương 4: Phát N guyện Lợi Sanh (Phát thệ nguyện và làm lợi lạc chúng sanh) Đã phát tâm Bồ Đề cầu Phật đạo, dù cho mình chưa chứng ngộ, nhưng phải nỗ lực phát nguyện độ tất cả chúng sanh, dù họ là người tại gia hay xuất gia, dù họ là chư Thiên hay loài người, dù họ đang ở trong hoàn cảnh khổ đau hay trạng thái hỷ lạc, vẫn phải cứu độ họ trước rồi mình mới giải thoát. Đó là vì tha nhân, phát tâm Bồ Đề cứu độ chúng sanh. Một khi đã phát tâm Bồ Đề, liền trở thành bậc đạo sư cho tất cả chúng sanh. N hư đứa bé gái tuổi vừa lên 7 đã làm Thầy những người có lòng tin học đạo ngay cả chư Tăng, N i, trở thành bậc phụ mẫu của tất cả chúng sanh, bất luận nam hay nữ. Đây chính là pháp nhiệm mầu của đạo Phật. Đã phát tâm Bồ Đề tìm cầu Phật đạo, song vẫn rơi vào trong các cảnh giới lục đạo như: Địa N gục, N gạ Quỉ, Súc Sanh, A Tu La, N gười, Trời v.v... hoặc thai sanh, noãn sanh, thấp sanh hay hóa sanh, dù Sanh có khác, Tử có khác, trải qua nhiều cảnh ngộ có khác, song Tâm chơn thật tu hành và thệ nguyện cứu độ vẫn như vậy. Bởi thế không biết cuộc sống phải trải qua thời gian bao lâu, nếu chưa ra khỏi, hãy mau mau phát nguyện. Chính mình tích tụ công đức để thành Phật, song nếu đem tâm cầu nguyện hồi hướng cho tất cả chúng sanh khác, họ cũng được thành Phật. Phải nỗ lực phát tâm như thế. Dù trải qua vô lượng kiếp cứu độ nhưng chưa thành tựu Phật đạo thì cũng đã mang lại lợi lạc cho chúng sanh, bởi mục đích cuối cùng thành Phật là để cứu độ chúng sanh. Vì sự lợi lạc cho chúng sanh mà thực hành bốn điều chơn thật của trí tuệ đó là: • Bố thí, • Ái ngữ, • Lợi hành, • Đồng sự. Bố thí nghĩa là không tham lam, hãy cho những gì không những của chính mình, mà còn vật bố thí ấy phải giúp cho người kia được lợi ích nữa mới là đúng ý nghĩa bố thí. Không luận vật bố thí nhiều, ít, tốt, xấu mà quan trọng khởi lên từ chơn tâm. Ban cho

người một lời khuyên cũng là việc bố thí trong hiện tại, sẽ mang lại kết quả trong vị lai. Bố thí dù chỉ một đồng tiền hay một ngọn cỏ mà thôi vẫn tạo thành thiện căn trong đời nầy và đời khác. Pháp Phật là vàng ngọc, nếu thật tâm bố thí, dù tài vật nhiều mấy đi nữa cũng không hơn lời Phật. Tuyệt đối, đừng mong cầu báo đáp tạ ân từ người nhận sau khi mình bố thí, mà là tự nguyện của chính mình giống như sông để thuyền bơi, cầu để người qua sông rất tự nhiên, không vì bất cứ lý do nào mà bố thí. Ái ngữ nghĩa là đối với chúng sanh, trước tiên phải khởi tâm từ ái, nói lời ngọt ngào thân thiện và

thương mến quý trọng như con ruột của mình. Suy nghĩ và nói lời như thế gọi là ái ngữ. N ên tán thưởng những ai làm được việc lành đã đành song cũng nên dùng lời hòa nhã để nói chuyện khi người ta không làm được việc tốt. Hãy hàng phục oán hờn giận dỗi, dùng uy đức cao quý của con người. N ói lời ái ngữ là điều căn bản vậy. N ghe lời ái ngữ dù không gặp mặt, tâm cũng thấy vui. Không gặp mặt mà nghe lời ái ngữ, lời nói ái ngữ ấy sẽ in sâu vào tâm thức. Ái ngữ chính là tâm của Thiên Tử, an định loạn động trong thiên hạ. N ghe lời ái ngữ như thế không ai không tự an. Lợi hành tùy theo lập trường khác nhau, song tất cả vì mang lại lợi ích cho chúng sanh. N gày xưa, thời nhà Tấn tại Trung Hoa có câu chuyện của Khổng Du ở Dư Bất Dinh, một ông già đi câu câu được một con rùa, đã thả lại trong nước, thay vì đem đi bán. Đến thời nhà Hậu Hán có câu chuyện của Dương Bảo thả những con kiến và chim se sẽ bị đánh nhốt trong bao tải. Hai câu chuyện thả rùa và thả chim là những truyền thuyết ngày xưa. Rùa bị vướng câu, chim bị nhốt hẳn nhiên rất lo sợ, không thể tự tìm đến ta để được cứu. N ếu đặt trường hợp ta là những con vật như thế, hẳn nhiên người ngu sẽ lo cứu mình trước, quên người khác ngay, nhưng cả ta và người đều cùng sống với nhau, khi người nầy được, chắc chắn người kia tổn giảm, cho nên làm sao cho mình và người, cả hai bên cùng được lợi lạc, không có khác biệt giữa mình và người. Chính mình chẳng khác biệt, người khác cũng chẳng khác biệt, tự, tha chẳng khác biệt. Đến thế giới loài người, Đức Thích Tôn cũng mang hình dáng con người, giống chúng ta, cho nên mình giống với người khác thì mình và và người không khác. N ếu có khác, chẳng qua vì không gian và thời gian khác nhau mà thôi, giống như biển cả đón nhận nước từ sông, rạch, suối chảy vào. Bởi thế mình và người đều là

nước chảy vào biển cả. Thế cho nên thực hành hạnh nguyện tìm cầu Phật đạo là đạo lý tỉnh thức để nhận chân mình và cứu độ chúng sanh khi có thể còn cứu được. Công đức nầy đáng kính và đáng lễ bái. IV.2.6.5 Chương 5: Hành Trì và Báo Ân (Cuộc đời của Đức Phật, với ân Phật ấy ta phải báo đáp). Có nhiều người sống trong quốc độ nầy và cũng có thân thể như chúng ta phát tâm cầu Phật đạo, chúng ta trong hiện tại có cơ hội phát tâm tìm cầu Phật đạo như thế, hãy tự mình phát nguyện khi đã được sinh vào thế giới hiện thật nầy, có thắng duyên được gặp giáo Pháp của Đức Thích Tôn. Thật ra, nếu chánh Pháp không được truyền thừa, dù có phát nguyện xả bỏ thân để tìm cầu Chánh Pháp đi nữa, cũng khó mà gặp được. Phật dạy nếu gặp trường hợp như thế, chúng ta hãy phát nguyện mong được gặp Phật và "Gặp ai nói lời cao siêu phải xem đó là Thầy mình. Đừng nhìn cách sống cao thấp của người ấy, đừng để ý tới khuyết điểm của người ấy, đừng chỉ nghe nói lời ấy, hãy tôn trọng trí tuệ chơn thật kia, mỗi ngày ba lần: sáng, trưa và tối nên lễ bái, cung kính và tâm không khởi sanh phiền não". Bây giờ, được nghe thấy Pháp Phật, được chư Tổ trực tiếp truyền trao, chúng ta hãy thực hành và truyền bá rộng ra. N ếu chư Phật chư Tổ không truyền lại thì lấy gì chúng ta truyền đạt lại cho hậu lai bây giờ. Dù chi một câu thôi cũng nên cảm tạ báo ân, dù một lời dạy thôi cũng phải tạ ân, phải nguyện báo đền. Huống là Chánh Pháp N hãn Tạng, giác ngộ tối thượng, là đại ân đức, sao không nguyện báo đền? Ân ấy không thể không báo đáp. Con chim se sẽ không quên ơn được cứu, mang bốn viên ngọc tròn trắng tặng cho Dương Bảo, mà trải qua bốn đời họ Dương Gia sống cuộc sống vinh hoa ở địa vị Tam

Công. Con rùa khốn khổ mang hầu ấn tạ lễ cho Khổng Du ở Dư Bất Dinh, được phong Chư Hầu. Loài vật còn có nghĩa như thế, còn chúng ta là con người tại sao dễ quên ơn? Đối với chư Phật và chư Tổ, không có cách nào khác hơn là báo ân. Mỗi ngày tu hành để báo ân Phật vừa là việc làm chơn chánh vừa là phương pháp báo ân vậy. N ói khác, trong cuộc sống đừng lãng phí thời gian, ngồi không nhàn rỗi, phải tu tập hành trì, đừng xao lãng việc tu hành để báo ân Phật. N gày tháng trôi nhanh như tên bắn, mạng người như sương mai, dù đẹp bao nhiêu đi nữa, một ngày qua rồi, không còn trở lại. Dù sống đến 100 tuổi cũng phải tiếc nuối ngày tháng và lo cho thân

thể nầy càng ngày càng giảm dần, nếu không khéo tu, chúng ta chỉ làm nô lệ cho nó mà thôi. Một ngày thực hành lời Phật dạy và sống cuộc sống như Đức Phật, ngày ấy không những trở nên giá trị nhất trong đời người 100 năm, mà còn lợi lại cho những cuộc sống khác. Do vậy, dù chỉ một ngày ngắn ngủi so với dòng sinh mệnh dài nầy, nhưng cũng nên tôn trọng và quý thân thể một cách cNn trọng. Thực hành được như thế, tự thấy thân nầy rất quý giá cần phải bảo vệ và nhờ nó chúng ta được thực hành tu niệm trong cuộc sống hằng ngày. Thể hiện việc tu hành cụ thể ấy nghĩa là chúng ta đang đi trên con đường giải thoát, mà chư Phật đã khai mở. N hờ tu hành ấy theo chư Phật, những hạt giống lành xuất hiện. Đó chính là cuộc sống tu hành của chư Phật vậy. Ở đây, nói chư Phật nghĩa là nói Đức Thích Tôn, bởi vì khi Đức Thích Tôn hành Thiền, tâm dung thông tất cả chư Phật, cho nên nói là chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều đã thành Phật, thành Đức Thích Tôn. Một khi ngồi xuống Thiền Định được gọi là Phật, như vậy khi thực hành Thiền, tâm chúng ta cũng gọi là tâm Phật, bởi vì bất cứ ai muốn thực hành Thiền Định phải phát tâm nghiên cứu tường tận và nguyện báo ân chư Phật vậy. IV.3 Trước Tác Chủ Yếu Của Hai Đại Tổ Sư IV.3.1 Với Tấm Lòng Cung Kính Để Xem Tăng sĩ và Tín Đồ Tông Tào Động đều biết rõ và không thắc mắc khi nói đến Tông Tổ là nói đến Lưỡng Tổ: Cao Tổ Thiền Sư Đạo N guyên và Thái Tổ Thiền Sư Oánh Sơn. Tôn kính Lưỡng Tổ Đại Sư là tôn kính những tác phNm được gọi là Thánh Giáo, mà quý N gài đã soạn ra. Thật ra, một Thiền Tăng như Thiền Sư Đạo N guyên có số tác phNm như thế là nhiều lắm, vả lại nội dung các tác phNm rất cao siêu bao hàm tính cách siêu việt của con người, rất thật tế cho nên phải nói rằng N gài là bậc Thánh Tăng trác tuyệt, không riêng được Tăng Tín Đồ Tông Tào Động tôn kính mà những Tông khác nữa. Đối với ngoại quốc, N gài là Thiền Sư N hật được nhiều người lưu tâm nhất, bởi vì thế giới của N gài Đạo N guyên là tác phNm N gài đã viết và chính nhờ những tác phNm đó mà N gài trở thành Thiền Sư Đạo N guyên của nhân loại. N hư Thiền Sư Đạo N guyên, Thiền Sư Oánh Sơn cũng có nhiều tác phNm, song những tác phNm của N gài hiện còn sót lại không nhiều bằng. Thật ra, tác phNm của Thiền Sư Đạo N guyên được nhiều người thích thú nghiên cứu, nhưng trước tác của Thiền Sư Oánh Sơn, dù nói cách nào đi nữa cũng phải thành thật mà nói, không

được giới thiệu nhiều. Gần đây, có nhiều điều khá hơn, bởi vì trên thực tế nếu không đọc những trước tác của Thiền Sư Oánh Sơn, khó mà hiểu rõ Thiền Sư Đạo N guyên. N ói khác, phải nói rằng nếu tôn kính Lưỡng Tổ của Tông Tào Động, không thể không quan tâm về những tác phNm của Thiền Sư Oánh Sơn được, cho nên, sẽ giới thiệu đơn giản về những trước tác ấy, đặc biệt chỉ trích đoạn mà thôi. Hơn nữa, những trước tác

của Lưỡng Tổ Đại Sư không phải là những tác phNm văn học, chẳng phải là những văn hiến lịch sử có tính cách lịch sử học, mà là những Thánh Giáo truyền trao cốt tủy Phật Pháp. Thật không sai khi nói rằng quý N gài viết suốt cả đời người bằng kinh nghiệm tâm linh, hợp chân lý, tâm thanh tịnh, cho nên chúng ta phải đọc một cách cung kính, với tất cả thiện ý, không thể hiểu sai và xem như kim chỉ nam của nội tâm trong cuộc sống hằng ngày. IV.3.2 Trước Tác Của Thiền Sư Đạo N guyên Giải thích những trước tác của Thiền Sư Đạo N guyên. IV.3.2.1 Bảo Khánh Ký (Bokyoki) Thiền Sư Đạo N guyên viết trong vòng bốn năm khi tu ở các chùa Trung Hoa, từ năm Trinh Ứng thứ 2 , lúc 24 tuổi, đến năm An Trinh nguyên niên lúc 28 tuổi. Khoảng thời gian ấy và suốt cả đời N gài cung kính Thiền Sư N hư Tịnh như bổn sư tại chùa Cảnh Đức, huyện Thiên Đồng, tỉnh Chiết Giang. Tác phNm gọi là Bảo Khánh Ký hoàn thành từ ký ức N gài về cuộc đời tu học của N gài ở Trung Hoa, đa phần thuộc thể vấn đáp, viết bằng Hán Văn diễn tả khi N gài còn là một Thiền Sư trẻ, có tư duy bao quát và bình luận những điểm chánh yếu trong Phật Pháp trở thành giáo thuyết nhưng cũng có một ít phê phán. Tác phNm cho biết Thiền Sư Đạo N guyên đã thọ giáo và có nhiều ảnh hưởng tư tưởng Thiền Sư N hư Tịnh, tư tưởng thời nhà Tống năm Bảo Khánh nguyên niên đến năm thứ ba . Có lẽ tác phNm nầy được viết vào khoảng thời gian đó, dù hôm nay không còn bản chính nữa. N ăm Kiến Trường thứ năm Thiền Sư Đạo N guyên viên tịch, Cao Đệ - Thiền Sư Hoài Tráng tìm thấy di thư nầy bèn yên lặng cho đến năm Khoan Diên thứ ba mới công bố phát hành quyển “Phật Tổ Chánh Truyền Bồ Tát Giới Tác Pháp – Butsuso Shoden Bosatsukai Saho”. Trong khi lưu học tại Trung Hoa, Thiền Sư Đạo N guyên còn ghi lại tất cả nghi lễ tác pháp thọ giới từ Giới Sư N hư Tịnh Thiền Sư vào ngày mồng 8 tháng 9 năm Bảo Khánh nguyên niên đời nhà Tống lúc

N gài 26 tuổi, thuộc Gia Lục nguyên niên 1225 của N hật Bản. Đối với Giới Bồ Tát, theo “Tu Chứng N ghĩa” cho biết, ở chương thứ ba việc Thọ Giới N hập Vị, có nói rõ: Tam Quy, Tam Tụ Tịnh Giới, Mười Giới Trọng của 16 Giới Điều và còn gọi là Phật Giới. Khi Tông Tào Động dạy về Giới thường căn cứ vào tác phNm nầy và truyền lại cho đến ngày nay. Tác phNm nầy phát hành năm Bảo Lịch năm thứ tám . IV.3.2.2 Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi - Fukan Zazengi Với Tông Tào Động, đây là Tông Điển được dùng hằng ngày. N ăm An Trinh nguyên niên Thiền Sư Đạo N guyên được 28 tuổi từ Trung Hoa trở về bắt đầu dạy Phật Pháp và Tọa Thiền theo Phật Tổ Chánh Truyền cho những người sơ cơ và soạn tác phNm nầy với nội dung trình bày ý nghĩa Tọa Thiền, Truyền Thống, Tâm Đắc, Phương pháp, Công Đức v.v... Tác phNm nầy được xem là sách hướng dẫn về Tọa Thiền rất căn bản đầu tiên ở N hật, được viết bằng Hán Văn theo thể 4 và 6 chữ gọi là Biền Lệ (Benrei). N ăm 34 tuổi, nhằm năm Thiên Phước nguyên niên N gài hoàn thành tác phNm tại am tranh chùa Hưng Thánh, Kyoto. Hiện nay bản gốc được lưu giữ tại Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự (tài liệu quý hiếm của quốc gia). IV.3.2.3 Chánh Pháp N hãn Tạng – Shoho Genzo Có tất cả 95 quyển vừa là tác phNm đại biểu trong những trước tác của Thiền Sư Đạo N guyên, vừa là Tông Điển của Tông Tào Động. Gần 20 năm dài từ năm Khoan Hỉ thứ ba đến năm Kiến Tường thứ năm N gài lưu trú tại chùa chùa Hưng Thánh và chùa Vĩnh Bình để biên soạn tác phNm “Chánh Pháp N hãn Tạng” nầy. N ội dung của tác phNm đúng với chân tủy của Phật Pháp. Tên sách liên quan đến phương

pháp Tọa Thiền và nội dung hàm chứa những đề tài giảng dạy của Thiền Sư Đạo N guyên. Dường như, N gài muốn dừng lại phần cuối ở quyển thứ 100. Tông Chỉ của Tông Tào Động, đặc biệt Giáo N ghĩa vẫn căn cứ theo tác phNm "Chánh Pháp N hãn Tạng" nầy. Trong 95 quyển, hoàn toàn là chữ viết tay của Thiền Sư Đạo N guyên, được mang đi khắp các nơi trên toàn quốc. N ăm N guyên Lục thứ ba người ta viết lại còn 60 quyển, rồi 75 quyển rút gọn từ 95 quyển bằng hai ngôn ngữ Hán và Bình Giả Danh (viết theo lối tiếng N hật), để truyền thừa cho mọi người khắp nơi. Hơn nữa, viết thêm bằng thể văn chữ Hán "Chánh Pháp N hãn Tạng" có ba quyển, sưu tập 301 câu chuyện cuộc đời các Thiền Tăng, được gọi là "Chánh Pháp N hãn Tạng Tam Bách Trắc".

N guyên bản nầy không còn nữa. N ăm Minh Hòa thứ tư lần đầu tiên đã được công bố. Thật ra, N gài vừa viết "Chánh Pháp N hãn Tạng" 95 quyển và vừa tham khảo việc trình bày kiến giải hành trì của Tín Đồ, khi họ nghe giảng. IV.3.2.4 Vĩnh Bình Quảng Lục – Eihei Koroku, 10 quyển Đây là ngữ lục của Thiền Sư Đạo N guyên. N gữ lục là ghi chép của đệ tử về những điều thông thường, những lời giáo huấn đạo tình ý nghĩa thâm sâu của Bổn Sư, sau khi Bổn Sư viên tịch. Tác phNm nầy ghi lại những lời giáo huấn của Thiền Sư Đạo N guyên, không phải do Thiền Sư ghi chép, mà do các Đệ Tử lớn như: Thiền Sư Hoài Tráng, Thiền Sư Thuyên Huệ, Thiền Sư N ghĩa Diễn v.v... biên tập, bao gồm những bài thuyết pháp dành cho Tăng N i và Tín Đồ tại chùa Hưng Thánh vào ngày 15 tháng 10 năm Gia Trinh thứ hai lúc N gài 37 tuổi, những pháp ngữ, thơ văn, đề tán ở những năm về già tại chùa Vĩnh Bình. N ăm Văn Vĩnh nguyên niên Cao Đệ, Thiền Sư N ghĩa Y Thiền Sư sang Trung Hoa nhờ Thiền Sư N ghĩa Viễn, vị có uy tín đọc lại, nhuận văn và đặt tên "Vĩnh Bình Đạo N guyên Thiền Sư N gữ Lục", có thể gọi là Lược Lục so với Quảng Lục. Quảng Lục viết vào năm Khoan Văn thứ 12 và Lược Lục vào năm Diên Văn thứ ba cả hai đã được công bố và xuất bản, còn gọi là Tông Điển của Tông Tào Động, viết bằng văn Hán, bản chánh không còn nữa. So với "Chánh Pháp N hãn Tạng", đây là quyển sách bắt buộc phải đọc để hiểu rõ tư tưởng căn bản của Thiền Sư Đạo N guyên. IV.3.2.5 Học Đạo Dụng Tâm Tập – Gakudo Yojinshu N ăm 35 tuổi, N gài bắt đầu viết tác phNm nầy vào ngày 9 tháng 3 năm Văn Lịch nguyên niên tại chùa Hưng Thánh ghi chép lại thật cụ thể những tâm đắc trong học đạo, song N gài đã chấp bút hai ba lần, sau đó các đệ tử gần gũi gom lại thành một quyển. Trước tiên, N gài viết về Bồ Đề Tâm, sau đó dạy việc thấy nghe chân chánh, bắt buộc thực hành con đường Phật Đạo một cách thực tiễn, tiếp theo cho biết tác phNm nầy không phải là đối tượng tu hành để giác ngộ, mà là bậc Thầy Chơn Chánh, với ngôn hạnh nhất như, hướng dẫn những điều cần biết để thực hành Thiền. Không thực hành Tọa Thiền, không thể thực hiện việc học đạo. Cuối cùng viết về cuộc đời của những bậc cổ Thánh Tiên Đức, để thấy rằng con đường hướng tới Phật là con đường phải tu hành. Phần giác ngộ được viết trong chương 10. Tác phNm nầy viết bằng Hán Văn, được xem như là Tông Điển của Tông Tào Động, được phát hành lần đầu tiên vào

năm Diên Văn thứ hai hiện nay không còn nguyên bản nữa. Đặc biệt các Tăng lữ của Tông Tào Động bắt buộc phải đọc tác phNm nầy trong thời gian tu hành. IV.3.2.6 Vĩnh Bình Thanh Quy – Eihei Shingi - 6 tập Cũng gọi là "Vĩnh Bình Đại Thanh Quy" và "Vĩnh Bình Đạo N guyên Thiền Sư Thanh Quy". Vĩnh Bình chỉ cho chùa Vĩnh Bình của N gài

Đạo N guyên và Thanh Quy tức là những quy tắc quy định sự sinh hoạt căn bản cho chư Tăng đang tu hành tại Đạo Tràng Tọa Thiền. Tác phNm nầy có thể xem như Thanh Quy căn bản đầu tiên ở N hật, ghi lại tất cả nghi lễ của các Tự Viện thuộc Tông Tào Động, những quy phạm sinh hoạt của Tăng lữ, viết theo thể Hán Văn, được xem là Tông Điển của Tông Tào Động, phát hành đầu tiên vào năm Khoán Văn thứ 7, hiện nay không còn bản chính nữa. IV.3.2.6.1 Điển Tọa Giáo Huấn – Tenzo Kyokun Tác phNm nầy được Thiền Sư Đạo N guyên viết vào mùa Xuân năm Gia Trinh thứ 3 tại chùa Hưng Thánh chỉ lại cho những vị Điển Tọa hay chư Tăng đồng tu những vấn đề ý nghĩa Nm thực, Phật sự cần thiết v.v..bằng văn phong kể chuyện tâm đắc của N gài. IV.3.2.6.2 Đối Đại Kỷ N gũ Hạ Xà Lê Pháp – Taitaiko Goge Jariho Tác phNm nầy còn gọi là "Đối Đại Kỷ Pháp", viết vào ngày 21 tháng 3 ba năm Khoan N guyên thứ 2 tại chùa Kiết Phong, Việt Tiền. "Đại Kỷ N gũ Hạ Xà Lê" nghĩa là chư Tôn Đức tiền bối sống thọ. Tác phNm nầy diễn tả tất cả những vấn đề nghi lễ, tác pháp và 62 điều khác nhau giữa một vị Tân Tăng đối với Chư vị Tôn Đức. Về sau tác phNm nầy được rút gọn lại, tuy nhiên, vẫn còn tác phNm nguyên thủy với nét bút của Thiền Sư Đạo N guyên. IV.3.2.6.3 Pháp Biện Đạo– Bendoho Tác phNm được viết vào khoảng tháng 3 năm Khoán N guyên thứ 3 tại chùa Đại Phật, Việt Tiền, nói về những quy định sinh hoạt chủ yếu và cụ thể của một đạo tràng tu hành như tọa thiền, ngủ nghỉ, rửa mặt, Cách mặc (đắp) Cà Sa (Y), quy định về vải và màu vải y v.v... IV.3.2.6.4 Thanh Quy Tri Sự – Chiji Shingi Tác phNm nầy viết vào ngày 15 tháng 6 năm Khoán N guyên thứ 4 tại chùa Vĩnh Bình, Việt Tiền. Tri Sự có nghĩa là sáu người có chức vụ quan trọng của tự viện, còn gọi là Lục Tri Sự đó là Đô Tự, Giám Tự, Phó Tự, Duy N a, Điển Tọa và Trực Tuế.

N gài cũng ghi rõ bằng những câu chuyện tâm đắc đã xảy ra, những nhiệm vụ của Tri Sự và giải thích cặn kẻ những việc hành xử v.v... Đặc biệt, giải thích rõ ràng về Giám Tự, Duy N a, Điển Tọa và Trực Tuế. IV.3.2.6.5 Pháp Phó Chúc Phạn– Fushuku Hanho Đây là phương pháp nhiếp phục được tác pháp tại Tăng Đường mỗi khi dọn cháo (buổi sáng) và cơm (buổi trưa) có thứ lớp, vừa ý v.v.. ghi lại rất rõ ràng. IV.3.2.6.6 Quy Tắc Chúng Liêu Tạng– Shuryo Shingi Tác phNm nầy viết vào năm Bảo Trị thứ 3 tại chùa Vĩnh Bình để chư Tăng đọc biết những vấn đề liên quan ở trong phòng chúng như tu bổ phòng ốc, những mẫu chuyện xảy ra hằng ngày như viết thư tại liêu xá. N goài ra, còn hướng dẫn 28 điều khoản về tác pháp nghi lễ, quan tâm kẻ khác, việc đáng làm v.v... IV.3.2.6.7 Chánh Pháp N hãn Tạng Tùy Văn Ký – Shobo Genzo Yuimonki Tác phNm gồm có 6 quyển do Thiền Sư Hoài Tráng ghi lại những lời dạy của Thiền Sư Đạo N guyên ở chùa Hưng Thánh vào những năm Gia Trinh về sau tóm lược lại. N ói đúng hơn, tác phNm nầy không do Thiền Sư Đạo N guyên trực tiếp viết nhưng cũng có thể gọi là N gữ Lục của Thiền Sư Đạo N guyên bởi vì tường thuật lại tất cả những kinh nghiệm tu hành của Thiền Sư Đạo N guyên, những câu chuyện tiểu sử chư cổ đức, những bậc tiền bối, những vấn đáp của Thiền Sư Hoài Tráng, những bài thuyết pháp rất khúc chiết, thể văn viết gọn gàng dễ đọc. Tác phNm nầy còn được xem là tinh tủy của Phật Pháp, có thể so sánh với Thánh Giáo "Chánh Pháp N hãn Tạng" song rộng rãi hơn và gần gũi hơn. Tác phNm viết bằng Hán Văn và Hiragana (Chữ N hật), nguyên bản không còn nữa, song được công bố vào năm Minh Hòa thứ 6 . IV.3.2.6.8 Tán Tùng

Đạo Vịnh Tập – Sansho Doeishu Toàn là những bài Đạo Ca và Hòa Ca của Thiền Sư Đạo N guyên gồm có 64 khúc. N gười đời sau sưu tập lại thành một ca tập, tuy nhiên có phải thuộc của Thiền Sư Đạo N guyên hay không đã sanh ra nhiều tranh luận khác nhau. Tác phNm nầy được công bố lần đầu tiên vào năm Diên Hưởng thứ 4. IV.3.3 Trước Tác Của Oánh Sơn Thiền Sư Giải thích về những trước tác của Oánh Sơn Thiền Sư. IV.3.3.1 Truyền Quang Lục – Denkoroku.

Thiền Sau Oánh Sơn thay cho Bổn Sư - Thiền Sư N ghĩa Giới, thuyết pháp từ ngày mồng một tháng giêng năm Chánh An thứ 2 đến tháng giêng năm sau cho chư Tăng đang tu tại chùa Đại Thừa, Gia Hạ. Sau đó chư Tăng tập trung lại thành tác phNm ghi lại những giáo huấn của Thiền Sư Oánh Sơn, không phải là sách do chính Thiền Sư chấp bút. Tác phNm nầy ghi lại những phương pháp Tọa Thiền căn bản từ Đức Thích Tôn ở Ấn Độ rồi chư Tổ ở Trung Quốc cho đến Thiền Sư Hoài Tráng ở N hật Bản và 53 vị Tổ Sư, cách truyền thừa như thế nào, đặc biệt đầu mỗi chương đều nêu lên những nhân duyên ngộ đạo, truyện ký, mà chủ đề là sự tỏ ngộ của các Thiền Sư cũng như trích dẫn những câu chuyện tiểu sử các N gài, mà trong những chuyện ấy, Thiền Sư Oánh Sơn giải thích tường tận cho chư Tăng, thỉnh thoảng đan xem vài bài thơ. Tác phNm được xem là vừa nối tiếp tác phNm “Chánh Pháp N hãn Tạng”, giáo huấn của Thiền Sư Đạo N guyên, vừa ghi lại lịch sử của 53 vị Tổ truyền thừa, cho nên không đơn thuần là những câu chuyện của các vị Tăng, mà ở N hật từ trước ít có những loại tác phNm có nội dung như thế. Tác phNm nầy được viết bằng hai loại chữ Hán và chữ N hật, được tôn trọng như “Chánh Pháp N hãn Tạng”, Tông Điển của Tông Tào Động, phát hành lần đầu tiên vào năm An Chánh thứ 4, hiện nay không còn nguyên bản nữa. IV.3.3.2 Tín Tâm Minh N iệm Đề - Shinjinmei N entei Trong tác phNm nầy, Thiền Sư Oánh Sơn giải thích về “Tín Tâm Minh” tại chùa Đại Thừa có lẽ vào khoảng giữa thời Gia N guyên nguyên niên đến Chánh Hòa năm thứ 5. “Tín Tâm Minh” là tác phNm của Thiền Sư Giám Trí Tăng Xán , Tổ thứ ba Thiền Tông Trung Hoa, được xem là cốt tủy với nội dung trình bày niềm tin mạnh mẽ vào Phật Tâm sẵn có trong mọi người. Tác phNm có 146 câu, mỗi câu 4 chữ, tổng cộng 584 chữ Hán, là N gữ Lục quan trọng và quyết nghị mang tính lịch sử của Thiền Tông. Thiền Sư Oánh Sơn trích dẫn và giải thích áo nghĩa của Thiền, bằng kiến thức uyên thâm của mình, thật linh hoạt mà từ trước đó và cho đến bây giờ, chưa có ai sánh kịp. Có thể nói rằng với người N hật, “Tín Tâm Minh N iệm Đề” là tác phNm bình luận nổi tiếng và hay nhất từ xưa đến nay, được viết bằng chữ Hán và công bố lần đầu tiên vào năm Hưởng Bảo thứ 19. IV.3.3.3 Thanh Quy Oánh Sơn Hòa Thượng – Keizan Osho Shinki Tác phNm nầy rất đặc sắc gồm có 2 quyển, còn gọi là “Đổng Cốc Thanh Quy – Tokoku Shinki”, có thể cho rằng tác phNm được biên

soạn vào năm Chánh Hòa nguyên niên , khi chùa Vĩnh Bình mới bắt đầu, bởi vì nội dung tác phNm nói về những quy định sinh hoạt trong lãnh vực tu hành của chùa Đại Thừa và chùa Vĩnh Bình, dựa trên căn bản “Vĩnh Bình Thanh Quy” của Thiền Sư Đạo N guyên, pháp hành của Thiền Sư Hoài Tráng, Thiền Sư N ghĩa Giới, tham khảo những điểm đặc biệt của chùa Đại Thừa và chùa Vĩnh Bình, những quy tắc sinh hoạt của Thiền Tông Trung Hoa, phối trí phân chia thành ba phần hành sự: mỗi năm, mỗi tháng và mỗi ngày. Tác phNm nầy nhấn mạnh phải ưu tiên cho chư Tăng đang tu và Đàn Tín

thuần tín Tam Bảo, phải tôn trọng họ, chỉnh đốn lại lễ nghi, tán dương công đức họ, khuyến tấn họ tu hành tinh tấn. Điểm đặc sắc là tuy gọi là "Vĩnh Bình Thanh Quy" nhưng ảnh hưởng nghi lễ của Tông Tào Động rất nhiều. Thật ra, nội dung tác phNm nầy có thể người đời sau có thêm vào đôi phần, bởi vì nguyên bản không còn nữa và được công bố lần đầu tiên vào năm Diên Bảo thứ 8. Tác phNm nầy đươc viết bằng Hán văn. IV.3.3.4 Tọa Thiền Dụng Tâm Ký – Zazen Yojingi Tác phNm nầy chỉ có một quyển mà thôi do Thiền Sư Oánh Sơn viết tại chùa Vĩnh Quang, chủ yếu căn cứ theo "Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi" của Thiền Sư Đạo N guyên. Tác phNm nầy là sách hướng dẫn rất tinh tế về ý nghĩa tọa thiền, điều tâm, điều hơi thở, điều thân, Nm thực, y phục, ngoại cảnh v.v... và những điều cần lưu ý như: khi ngồi, lúc bệnh và những sự việc liên quan về sinh lý v.v... Hơn nữa, tác phNm còn gọi là "Thuyết Tam Căn Tọa Thiền" gồm có ba phương diện tâm linh căn bản đó là thượng, trung và hạ mà hành giả phải nỗ lực hợp với đó. Tác phNm cho rằng: "N ếu hành thiền nghiêm mật, có thể đạt đến những cảnh giới cao của Thiền" ý nghĩa nầy cũng ám chỉ cho chùa Vĩnh Bình. Tác phNm "Tọa Thiền Dụng Tâm Ký" viết bằng Hán văn, hiện nay không còn bản chính nữa và lần đầu tiên công bố vào năm Diên Bảo Phước thứ 8. IV.3.3.5 Động Cốc Ký – Tokokugi Tác phNm được viết khoảng từ năm Chánh Hòa nguyên niên đến năm Chánh Trung thứ hai tại chùa Vĩnh Quang ghi lại những mẫu chuyện trước và sau khi lập chùa Vĩnh Quang như: nghi lễ, tác pháp, những sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày, các loại văn thư, điệp v.v... ngay cả cảm hứng, hòa ca, kệ tụng, giáo huấn, tự truyện v.v... Tuy nhiên cũng có một số văn thơ liên hệ được người đời sau thêm vào thành tác phNm vào những năm Ứng Vĩnh . Thật

ra, sinh hoạt về Tôn Giáo của Thiền Sư Oánh Sơn là những hình thái của Tăng Đoàn Tông Tào Động thời kỳ đầu ở N hật. Tác phNm nầy cũng được xem như tập hồi ký ghi lại sinh hoạt văn hóa tại các địa phương Bắc Lục vào thời kỳ Trung Thế, rất đáng trân trọng. Tác phNm được viết bằng Hán Văn, hiện nay không còn bản chính nữa và lần đầu tiên xuất bản vào năm Chiêu Hòa thứ 4. IV.3.3.6 Duyên Khởi Thời Trung Hưng Chùa Tổng Trì – Sojiji Chuyuko Eingi Tác phNm nầy chỉ có một quyển, được viết vào năm N gài 54 tuổi, ngày 17 tháng 6 năm N guyên Hưởng nguyên niên ghi lại sự phát nguyện và lý do kiến lập sơn môn, khai sáng Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, lãnh nhận trách vụ Quyền Luật Sư Định Giám, khai sơn sáng lập các nơi thờ Đức Quan Thế Âm và chư vị Bồ Tát, tại N ăng Chứng Tiết Tỷ Áp, huyện Ishigawa Monmaemachi, cho nên đổi danh hiệu Viện là Chư N hạc Sơn, tự hiệu là Tổng Trì Tự, một thiền viện phù hợp với giấc mộng của Thiền Sư Oánh Sơn. Lúc bấy giờ, N gài nhất tâm cầu nguyện cho việc thành lập được sơn môn chùa Tổng Trì thành tựu viên mãn để an trí tôn tượng Bồ Tát Phóng Quang, đặc biệt nhờ Bồ Tát Quan Thế Âm gia hộ tất cả mọi việc đều linh ứng. Về sau tại đây rất thiêng liêng, ai cầu nguyện đều được, ngay cả người sản mẫu có thai đến ngày sinh, cầu nguyện trước tôn tượng, việc sanh nở dễ dàng. Tác phNm do chính tay Thiền Sư Oánh Sơn chấp bút bằng Hán Văn. Bản viết tay do Oánh Sơn Thiền Sư viết được lưu giữ tại Tạng Khố của Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự (được chính phủ công nhận là di sản thuộc về văn hóa quốc gia), lần đầu tiên công bố vào năm Chiêu Hòa thứ 4. IV.3.3.7 Mười Loại Sắc Vấn – Jisshu Chokumon Tác phNm cũng chỉ có một quyển, còn

gọi là “Thập Chủng N ghi Vấn” cũng còn gọi là “Mười loại nghi ngờ”. Theo lịch sử truyền thừa của chùa Tổng Trì, vào tháng 9 năm N guyên Hưởng thứ 2, Chùa Tổng Trì được ban thụy hiệu “N hật Bản Tào Động Tông Sắc Tứ Xuất Thế Chi Đạo Tràng” nhờ Thiền Sư Oánh Sơn nhận sự thỉnh cầu trả lời giải trừ nghi vấn và cho Thiên Hoàng Hậu Đề Hồ biết phong cách, địa vị , lập trường của Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự. Chùa Vĩnh Quang cũng tương tự như vậy, Thiên Hoàng Hậu Đề Hồ đặt ra câu hỏi và được giải đáp với “Thập Chủng N ghi Trệ”, cho dù cũng có nghi vấn về lịch sử. N hờ kết hợp với Thiên Hoàng Đề Hòa và chư Tôn Đức Tăng kiệt xuất của Phái Pháp Đăng, Tông

Lâm Tế, mà Thiền Sư Oánh Sơn cùng với Thiền Sư Cô Phong kiên định hết lòng duy trì phát triển từ chùa Vĩnh Quang đến chùa Tổng Trì. Việc nầy gián tiếp thừa nhận cho những ai quan tâm về Thiền là “Mười loại Sắc Vấn” có thật trong lịch sử, mà những nghi vấn ấy dù giải đáp thế nào đi nữa vẫn không thể trả lời một cách thỏa đáng. Tác phNm nầy có thể xem là định hướng trọng yếu thật tiễn cho người học Thiền, được viết bằng Hán văn, hiện nay nguyên bản không còn nữa và phát hành lần đầu tiên vào năm N guyên Lục thứ 4. IV.3.3.8 N gữ Lục Của Oánh Sơn Thiền Sư– Keizan Zenji Goroku Tác phNm nầy cũng chỉ có một quyển, nếu nói rõ, phải gọi là “N gữ Lục N ăng Châu Động Cốc Sơn Vĩnh Bình Tự Oánh Sơn Hòa Thượng”, bỏ phần dài phía sau, gọi là “Động Cố Ký”, do các đệ tử Thiền Sư Oánh Sơn ghi lại những thời thuyết pháp của N gài tại chùa Vĩnh Quang sau mùa hạ năm Chánh Trung nguyên niên . Tuy Thiền Sư Oánh Sơn không trực tiếp biên soạn, nhưng văn mạch rất rõ ràng và ý văn sắc sảo mạnh bạo, thật tế đối với Môn Hạ, N gài rất khiêm cung, có thể nói tác phNm nầy tượng trưng cho gia phong. Tác phNm viết bằng Hán Văn, hiện nay không còn nguyên bản. IV.3.3.9 Phật Tổ Chánh Truyền Bồ Tát Giới Giáo Thọ Văn – Butsuso Shoden Bostsukai Kyojumon Tác phNm nầy cũng chỉ có một quyển, được viết năm N gài 56 tuổi, vào ngày 28 tháng 8 năm N guyên Hưởng thứ 3, tại chùa Vĩnh Quang, nhằm đọc lên trong giới đàn truyền giới cho Đại Tỷ Huệ Cầu thọ giới, bởi vì trước đó, tất cả nghi quỹ đều là khNu truyền, cho nên tác phNm là tập sách mở đầu nghi quỹ có tính cách văn chương ghi lại rõ ràng. Tác phNm nầy căn cứ vào tác phNm “Phật Tổ Chánh Truyền Bồ Tát Giới Tác Pháp” của Thiền Sư Đạo N guyên, được viết bằng tiếng N hật, do Thiền Sư Oánh Sơn viết tay, được lưu giữ tại chùa Hải N goại, Huyện Phú Sơn (thuộc về tài liệu văn hóa trọng yếu quốc gia). Tổng cộng những sách vở của Lưỡng Tổ Đại Sư viết có 33 quyển, được gọi là “Tào Động Tông Toàn Thơ”, do Tào Động Tông Toàn Thơ San Hành Hội phát hành vào năm Chiêu Hòa thứ 53, tại Tào Động Tông Tông Vụ Sảnh, mà có thể tham chiếu thêm để biết rõ những tài liệu nầy. IV.4 Giải Thích Về Thánh Điển N hững Thánh Điển được dùng đến được giải thích như sau.

IV.4.1 N hững Thánh Điển Được Dùng Đến Căn cứ “Tào Động Tông Tông Chế” và “Tào Động Tông N ghi Lễ Quy Trình” những Kinh Điển, Tông Điển và N gữ Lục thường dùng hằng ngày được gọi là Thánh Điển của Tông Tào Động. IV.4.1.1 Kinh Điển Kinh Điển thường tụng là Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa N ghiêm, Kinh Bát N hã, Kinh Duy Ma, Kinh N iết Bàn, Kinh Phạm Võng, Kinh Địa Tạng, Kinh Cam Lồ Môn và các loại Thần Chú - Đà La N i. IV.4.1.2 Tông Điển Tông Điển gồm các loại như: Chánh Pháp N hãn Tạng, Vĩnh Bình Quảng Lục, Phổ Khuyến Tọa Thiền N ghi, Học Đạo Dụng Tâm Tập, Vĩnh Bình

Thanh Quy, Truyền Quang Lục, Tọa Thiền Dụng Tâm Ký, Oánh Sơn Thanh Quy, Tu Chứng N ghĩa. IV.4.1.3 N gữ Lục N gữ Lục gồm các quyển như: Tham Đồng Khế, Bảo Cảnh Tam Muội, Tín Tâm Minh và Chứng Đạo Ca. IV.4.1.4 N hững Kinh Điển Thường Dùng Kinh Điển mà Tông Tào Động dùng đến hầu như thuộc Đại Thừa Phật Giáo phân loại như sau: • Kinh Phạm Võng thuộc A Hàm Bộ • Kinh Đại Bát N hã, Bát N hã Tâm Kinh, Kim Cang Bát N hã Kinh, Kinh N hơn Vương Bát N hã thuộc Bát N hã Bộ • Kinh Hoa N ghiêm thuộc Hoa N ghiêm Bộ • Kinh Pháp Hoa thuộc Pháp Hoa Bộ • Kinh N iết Bàn thuộc N iết Bàn Bộ • Kinh Địa Tạng thuộc Đại Tập Bộ • Kinh Di Giáo, Kinh Duy Ma thuộc Kinh Tập Bộ Khoảng thời gian từ thế kỷ thứ nhất, trước kỷ nguyên đến 100 năm sau, Kinh Điển Đại Thừa được hình thành như bộ Bát N hã và bộ Pháp Hoa và được sử dụng rất nhiều. N gược lại, các Kinh Điển thuộc Mật Giáo Bộ như Kinh Đại N hật hay thuộc Bảo Tích Bộ như Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà, hoặc Bổn Duyên Bộ như Kinh Quá Khứ Hiện Tại N hơn Quả, Phật Sở Hành Tán v.v...hầu như không được dùng hay đề cập đến. Về Tông Điển, chủ yếu trước tác của Lưỡng Tổ Đại Sư (Thiền Sư Đạo N guyên và Thiền Sư Oánh Sơn). Về N gữ Lục, đa phần là những trước tác của những vị Tổ Sư uy tín thuộc Thiền Tông Trung Quốc.

Đương nhiên có nhiều vị muốn nghiên cứu, đọc tụng những loại khác ngoài Thánh Điển, nhưng đó là trường hợp quan tâm cá nhân, cũng có thể nói rằng đó là Phật sự đặc thù của chùa đó. IV.4.2 Đối Với Thánh Điển Được Tâm Đắc Thiền Tông cả Lâm Tế lẫn Tào Động không quy định chọn bản Kinh nào nhất định như Tông Tịnh Độ và Tịnh Độ Chơn Tông nương theo ba bộ Kinh Tịnh Độ đó là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà, như Tông Chơn N gôn căn cứ vào ba bộ Kinh Đại N hật, Kinh Kim Cang Đảnh và Kinh Tô Tất Địa, như Tông N hật Liên căn cứ vào Kinh Pháp Hoa, mà các Tông Phái xem những Kinh Điển ấy là những Kinh Điển tối cao của những Tông Phái mình. Thiền Tông không cho bản Kinh nào đặc biệt, mà căn cứ vào Tông Chỉ cũng như Giáo N ghĩa để thành lập, song không phải dùng Kinh Điển một cách không ý thức. Tông Tào Động có Thánh Điển của Tông mình như Kinh Điển, Tông Điển và N gữ Lục, đã trình bày, như Tông Lâm Tế dùng Bát N hã Tâm Kinh, Kim Cang Bát N hã Kinh thuộc Bát N hã Bộ, Kinh Pháp Hoa thuộc Pháp Hoa Bộ, và các loại ấn chú thuộc Đà La N i Bộ, hoặc N gữ Lục của các vị Tổ Sư thuộc Tông Lâm Tế N hật Bản và Trung Quốc. Thật ra, có nhiều khác biệt về vấn đề thọ nhận Thánh Điển, giữa Thiền Tông và những Tông Phái khác. Chữ Kinh vốn có nghĩa là sợi chỉ xâu dọc ngang nối kết lại. Từ ý nghĩa đó, Kinh được dùng chỉ cho đạo lý chân thật, không thay đổi. Đọc Kinh để trừ những tà niệm, được nhất tâm bất loạn cho nên phải dùng toàn thân và toàn tâm đọc Kinh. Mặt khác, Thật không sai khi nói rằng Kinh là giáo huấn của Đức Thích Tôn song không phải do Đức Phật chấp bút viết, mà được những đệ tử Phật đời sau kết tập và biên tập thành Kinh. Suốt cuộc đời giáo hóa của Đức Thích Tôn không phải lúc nào cũng thuyết giảng giống nhau cho mọi người, mọi hoàn cảnh bởi vì mỗi thính giả có mỗi hoàn cảnh, mỗi nguyện vọng và mỗi khả năng khác nhau. Hơn nữa để thích ứng với số đông, người đời sau chỉ lấy ý chính và những lời dạy thâm sâu của Đức Thích Tôn triển khai rộng thêm ra. Thế cho nên có nhiều loại Kinh, ước chừng 5.000 quyển Kinh, tạm gọi một cách căn bản là 8 vạn 4 ngàn pháp môn. Thế nhưng, nói về nguyên thỉ tâm linh và

lịch sử, chính Kinh nNy sinh chư vị Khai Tổ, ngay cả Đức Thích Tôn, bởi vì Kinh là Pháp mà Đức Thích Tôn thuyết qua ngôn từ như thế giới Thiền. Hơn

nữa, Kinh giải thích hay trình bày những cảnh giới giác ngộ của Đức Thích Tôn, không ai được quên điểm nầy và phải xem như lương dược chữa lành muôn bệnh, thuốc ấy là pháp môn hành Thiền, bởi vì nếu hành thiền đúng, sẽ đạt được cảnh giới tối cao như Đức Thích Tôn đã đạt, hoặc nói cách khác nhờ Tọa Thiền mà lãnh hội được những chơn ý của Kinh, cho nên nếu cho rằng có một bản kinh nào đó đặc biệt nghĩa là không liễu tri toàn thể lời dạy của Đức Thích Tôn. Trong đời sống tu hành, Tọa Thiền là chính, còn vấn đề tụng đọc Kinh Điển tùy duyên, không nhứt thiết chọn bất cứ Kinh nào là đặc biệt của Phật Giáo. Cốt tủy đạo Phật từ Kinh Điển, nhưng cảnh giới giác ngộ của Đức Thế Tôn là thế giới lãnh hội từ Tọa Thiền. Kinh được diễn đạt qua ngôn ngữ văn tự không phải là Chơn Kinh. N gôn ngữ, văn tự trong Kinh cũng không phải là Kinh, bởi vì trong vũ trụ bao la nầy, tất cả những vấn đề như thuyết pháp, ăn uống, những công việc thường ngày vẫn luôn luôn diễn ra như là chơn lý, có những vấn đề ngôn ngữ và văn tự có thể diễn đạt được, nhưng cũng có những việc mà ngôn ngữ văn tự không thể diễn đạt. N hờ khả năng hiểu biết, nghe thuyết pháp lãnh hội được Kinh, song muốn hiểu rõ Chơn Kinh, phải nhờ năng lực Tọa Thiền. Dù cố gắng miệt mài đọc tụng, bình giải, phân tích Kinh Điển nhiều đến mấy đi nữa cũng không thể liễu tri được Chơn Kinh. Thế cho nên mục đích tụng Kinh là thấu đạt chân lý, nhưng nếu chỉ tụng mà không hành trì, thì việc tụng Kinh cũng chẳng có ý nghĩa gì cả. Công đức tụng Kinh thật là vô lượng, không có gì sánh bằng, xưa nay vốn không sai bao giờ. Tụng Kinh hay Tông Điển, N gữ Lục đều phải xuất phát từ thân tâm thanh tịnh, dù hiểu hay không hiểu nghĩa, có thể cho rằng chỉ đưa mắt theo chữ cũng tốt, nhưng không nên đọc suông, mà phải lãnh thọ lời dạy bảo. N ếu không có tâm thành kính, có thể dẫn đến nguy hại như tự mình sáng tác ra Kinh khác. IV.4.3 Giải Thích Về Kinh Điển N hững Kinh Điển mà thường ngày Tông Tào Động tụng đọc sẽ được giải thích như sau: IV.4.3.1 Kinh Pháp Hoa – Hokekyo Kinh Pháp Hoa, nói rõ là “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa”, bộ kinh tiêu biểu của Phật Giáo Đại Thừa, được viết bằng tiếng Sanskrit, đã dịch sang Tạng ngữ và nhiều ngôn ngữ khác. Có tất cả 6 bản dịch bằng chữ Hán, bản chúng ta đang sử dụng của N gài Cưu Ma La

Thập dịch sang chữ Hán vào đầu thế kỷ thứ 5, gồm 7 quyển và 28 phNm. Tại N hật Bản và Trung Hoa, Kinh nầy được truyền bá sâu rộng, mà Đề Kinh có ý nghĩa biểu tượng Chánh Pháp là chân lý vô nhiễm, luôn luôn thanh tịnh như hoa sen không bị ô nhiễm dù mọc trong bùn dơ. Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa N ghiêm, Kinh Bát N hã và một số Kinh Điển khác là những Kinh quan trọng của Đại Thừa, chiếm một địa vị quan trọng trong Phật Giáo. Không ai không biết Kinh Pháp Hoa không những có ảnh hưởng rất lớn đến lãnh vực tư tưởng, văn hóa và nghệ thuật, tư tưởng ở N hật mà Kinh nầy còn bao hàm tính chất thực tiển về tín ngưỡng, trình bày tính cách thiêng liêng siêu việt và quan tâm đến những hiện tượng thế giới. Theo tôi (tác giả), không Tông Phái nào của N hật không học Kinh Pháp Hoa, đặc biệt Tông Thiên Thai và Tông N hật Liên tôn sùng Kinh Pháp Hoa làm căn bản cho hệ thống Tông Phái mình. Căn bản tư tưởng Kinh Pháp Hoa là N hất Thừa Diệu Pháp, Cửu Viễn Bổn Phật (nghĩa là chỉ một diệu pháp nhất thừa và

đã thành Phật từ xa xưa rồi). N hất Thừa Diệu Pháp nghĩa là những bài Kinh mà Đức Thích Tôn thuyết pháp trước đây chỉ đáp ứng nguyện vọng, năng lực và khả năng tâm linh của mọi người mà thôi, pháp chưa là chân lý chân thật, chỉ có Kinh Pháp Hoa, Đức Thích Tôn mới chỉ một sự thật duy nhất đó là N hất Thừa. Cửu Viễn Bổn Phật nghĩa là dù Đức Thích Tôn nhập diệt vào năm N gài 80 tuổi, nhưng sự thật không phải vậy, Đức Thích Tôn từ quá khứ đến hiện tại và vị lai chẳng nhập diệt bao giờ mà luôn luôn hiện hữu, bởi vì Phật với chư Phật đều giống nhau ở điểm đã thành Phật rồi. Khi tín thành và quy y Bổn Phật, hành trì lời Phật dạy rất thật tiễn, chúng ta có thể cảm nhận được niềm an lạc vô biên của Phật. Đây quả là vấn đề trọng tâm thảo luận để được sáng tỏ hơn. Thiền Sư Đạo N guyên giảng về Kinh Pháp Hoa rằng: “Trong tất cả các Kinh, Đức Thích Tôn thuyết giảng, Kinh Pháp Hoa là Vua của các Kinh, vị Thầy lớn (theo Chánh Pháp N hãn Tạng phần Quy Y Tam Bảo)”. Thật là một sự tán dương cao vời. Trong những trước tác của mình, Thiền Sư Đạo N guyên cũng đã trích dẫn Kinh Pháp Hoa rất nhiều như: - PhNm Phương Tiện thứ hai, Vĩnh Bình Quảng Lục quyển 1.5.8 Chánh Pháp N hãn Tạng, “Chư Pháp Thật Tướng”, “A La Hán”, “Pháp Tánh”, “Chư Ác Mạt Tác”, “Vô Tình Thuyết Pháp”, “Thập Phương”, “N hẫn Ma”, “Ưu Đàm Hoa”, “Phát Vô Thượng Tâm”,

“Cúng Dường Chư Phật”.

PhNm Thí Dụ thứ ba, Vĩnh Bình Quảng Lục quyển 5, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Hải Ấn Tam Muội”, “Tam Giới Duy Tâm”.
PhNm Tín Giải thứ tư, Chánh Pháp N hãn Tạng: “A La Hán”.
PhNm thứ 8 N gũ Bá Đệ Tử Thọ Ký, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Thọ Ký”.
PhNm thứ 9, Thọ Học Vô Học N hơn Ký, Chánh Pháp N hãn Tạng: “37 PhNm Bồ Đề Phần Pháp”.
PhNm Pháp Sư thứ 10, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Khê Thinh Sơn Sắc”, “Thọ Ký”, “Chư Pháp Thật Tướng”, “Kiến Phật”, “N hư Lai Tạng Thân”.
PhNm thứ 11, Kiến Bảo Tháp, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Hành Phật Uy N ghi”, “Kiến Phật”.
PhNm thứ 12, Đề Bà Đat Đa, Chánh Pháp N hãn Tạng: “N hư Lai Tàng Thân”.
PhNm thứ 14, An Lạc Hạnh, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Khê Thinh Sơn Sắc”, “Mộng Trung Thuyết Mộng”, “Kiến Phật”, “TNy Diện”.
PhNm thứ 16, N hư Lai Thọ Lượng, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Hành Phật Uy N ghi”, “N hư Lai Tạng Thân”, “Tam Giới Duy Tâm”, “Kiến Phật”, “Phát Bồ Đề Tâm”, “Xuất Gia”, “Quy Y Tam Bảo”.
PhNm thứ 17, Phân Biệt Công Đức, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Kiến Phật”.

PhNm thứ 21, N hư Lai Thần Lực, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Thần Thông”, “Kiến Phật”.
PhNm thứ 23, Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự, Chánh Pháp N hãn Tạng: “37 PhNm Bồ Đề Phần Pháp”.
PhNm thứ 27, Diệu Trang N ghiêm Vương Bổn Sự, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Kiến Phật”.
PhNm thứ 28, Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát, Chánh Pháp N hãn Tạng: “Kiến Phật”.
Chánh Pháp N hãn Tạng có tất cả 16 phNm, tổng cộng 95 quyển trích dẫn Kinh Pháp Hoa không ít như: Thọ Ký, Chư Pháp Thật Tướng, Pháp Hoa Chuyển Pháp Hoa, Duy Phật Tả Phật v.v... song Thiền Sư Đạo N guyên sử dụng để dẫn chứng chứ không căn cứ vào Kinh Pháp Hoa làm căn bản.
Với Tông Tào Động, trong số 28 phNm của Kinh Pháp Hoa, phNm 14 An Lạc Hạnh, phNm thứ 16 N hư Lai Vô Lượng Thọ, phNm thứ 21 N hư Lai Thần Lực, phNm thứ 25 Quan Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn, hoặc những bài kệ của bốn phNm nầy thường được đọc tụng nhiều nhất. PhNm thứ 14 An Lạc Hạnh, Đức Phật giảng về hình ảnh phi thường của Bồ Tát bốn sự an lạc của chư vị Bồ Tát đó là: hành xử, ngôn luận, tư tưởng và thệ nguyện. PhNm thứ 16 N hư Lai Thọ Lượng, Đức Thích Tôn cho biết N gài đã thành Phật từ lâu rồi. PhNm thứ 21 N hư Lai Thần Lực, Đức Thích Tôn dùng đại thần lực thị hiện và phó chúc Đại Pháp Pháp Hoa cho chư vị Bồ Tát Tùng Địa Dõng Xuất như Bồ Tát Thường Hành và Bồ Tát Thủ Đạo. PhNm thứ 25 Quan Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn, Phật giới thiệu vị Bồ Tát biến hiện ra 33 thân và hạnh nguyện cứu độ không phân biệt của Bồ Tát. Trong bốn phNm nầy, đặc biệt phNm N hư Lai Thọ Lượng (không có tự ngã kệ), phNm Phổ Môn (không có Thế Tôn kệ) rất là gần gũi thân thiết được trì tụng trong những thời khóa tụng buổi sáng và tất cả các nghi lễ Phật sự quan trọng như kỳ nguyện bình an v.v.... IV.4.3.2 Kinh Hoa N ghiêm – Kegonkyo Kinh Hoa N ghiêm, nói đủ là “Đại Phương Quảng Phật Hoa N ghiêm Kinh“, là bản kinh tiêu biểu của Phật Giáo Đại Thừa, với đề kinh có ý nghĩa đem hoa đẹp nghiêm sức chư Phật (Đức Phật Tỳ Lô Giá N a) qua thời gian và không gian. N ội dung bản Kinh là đức Phật trình bày bản chất và cảnh giới giác ngộ N gài đạt được dưới cội Bồ Đề. Kinh Hoa N ghiêm và Kinh Pháp Hoa là hai Kinh ảnh hưởng sâu đậm vào tư tưởng tín ngưỡng Phật Giáo, đặc biệt là văn hóa N hật Bản. Tông Hoa N ghiêm căn cứ vào bản Kinh nầy (vị Đại Phật ở Chùa Đại Phật ở N ara cũng dựa từ Kinh Hoa N ghiêm mà kiến tạo). N gay cả tư tưởng sử thế giới ngày nay cũng hòa mình trong biển cả hoa N ghiêm, cho nên không phải chỉ có Tông Hoa N ghiêm chiếm địa vị độc tôn. Trọng tâm của Kinh Hoa N ghiêm, có thể nghĩ rằng, là triết lý Tánh Khởi, nghĩa là tất cả các Pháp đều được ánh sáng Phật tánh chiếu soi, mà Phật tánh tồn tại là một triết lý. Hơn nữa, còn có các tư tưởng căn bản khác như: Sự Sự Vô N gại, nghĩa là tất cả các Pháp tạo thành chèn chịt và đan xen với nhau không có hạn định. N hứt tức nhứt thiết, nghĩa là tất cả các Pháp như một hư lân, luôn luôn có một điểm, trong một điểm bao hàm toàn thể thế giới. Tâm Phật Chúng

Sanh Thị Tam Vô Sai Biệt, nghĩa là tâm của ta, của Phật và

chúng sanh không sai khác như ba loại riêng biệt. Tam Giới Hư Vọng Đản Thị N hứt Tâm Tác, nghĩa là thế giới nầy do Tâm giả hợp tạo nên. Hơn nữa, trong Kinh diễn tả chàng thanh niên Thiện Tài Đồng Tử đi tham vấn việc tu hành của 53 vị thiện tri thức rất là nổi tiếng. Thác N ước Hoa N ghiêm hay câu chuyện Tokaido 53 lần tham vấn rút ra từ Kinh Hoa N ghiêm rất gần gũi với người N hật. Kinh Hoa N ghiêm có tất cả 3 bản dịch đó là: "Kinh Hoa N ghiêm Bốn Mươi Quyển" do N gài Bát N hã Tam Tạng dịch; "Kinh Hoa N ghiêm Sáu Mươi Quyển" do N gài Phật Đà Bạt Đà La dịch vào thời Đông Tấn của Trung Hoa, được xem là bản dịch xưa nhất vào khoảng thế kỷ thứ 5. "Kinh Hoa N ghiêm Tám Mươi Quyển" do N gài Thật Xoa N an Đà dịch vào đời nhà Đường. Đặc biệt trong Chánh Pháp N hãn Tạng, Thiền Sư Đạo N guyên, có một số tư tưởng tu chứng cao vời và vấn đề liên quan rút ra từ Kinh Hoa N ghiêm như: "Hiện Thành Công Án", "Phật Tánh", "Tam Giới Duy Tâm", "Hữu Thời" v.v... N gay cả điển tích và tư tưởng trong quyển "Hải Ấn Tam Muội" của Chánh Pháp N hãn Tạng căn cứ trực tiếp từ Kinh Duy Ma, không thể giải thích trên phương diện của Kinh Hoa N ghiêm, nhưng hầu hết những phần còn lại Thiền Sư Đạo N guyên đều y cứ vào Kinh Hoa N ghiêm như: phNm "Tịnh Hạnh", của "Kinh Hoa N ghiêm Sáu Mươi Quyển" để giải thích những vấn đề "TNy Diện", "TNy Tịnh", "Vĩnh Bình Thanh Quy", "Biện Đạo Pháp" v.v... trong "Chánh Pháp N hãn Tạng; phNm "Hiền Thủ Bồ Tát" trong "Kinh Hoa N ghiêm Tám Mươi Quyển" để lý giải phần "Phát Vô Thượng Tâm" trong "Chánh Pháp N hãn Tạng" và phNm "Ly Thế Gian", phNm "Dạ Ma Thiên Cung Bồ Tát Thuyết Kệ", ở " Kinh Hoa N ghiêm Tám Mươi Quyển" để biên soạn phần "Tam Giới Duy Tâm" v.v...trong "Chánh Pháp N hãn Tạng." IV.4.3.3 Kinh Bát N hã – Hannyagyo Thật ra, Kinh Bát N hã gồm có hai bản văn: - Đại PhNm Bát N hã Kinh, gồm có 28 quyển, 30 quyển, 40 quyển do N gài Cưu Ma La Thập dịch. - Tiểu phNm Bát N hã Kinh gồm có 10 quyển do N gài Cưu Ma La Thập dịch. - Đại Bát N hã Kinh gồm 600 quyển do N gài Huyền Trang dịch. - N goài ra còn nhiều bản nữa. Tông Tào Động thường dùng Kinh Bát N hã, sẽ giới thiệu giản lược sau.

N hư trên đã nói, Kinh Bát N hã cũng là bản Kinh tiêu biểu của Đại Thừa Phật Giáo, trong đó tư tưởng "Không" được trình bày rõ ràng và chính yếu, mà Thiền Tông rất tôn quý điểm nầy. "Không" nghĩa là tất cả những tồn tại được nhận thức bằng mắt, tai như là hiện thật, hoàn toàn không tồn tại chơn thật, không phải là thật, mà tồn tại thật sự không tăng, không giảm, giống như hư không, thậm chí không có mê, cũng chẳng có giác. Đừng vướng mắc vào bất cứ vật nào mới có thể gọi là tự tại, sống thật với hiện hữu. Đối với người N hật, Kinh Đại Bát N hã là bản Kinh dùng để Trấn Quốc, Chiêu Phước và Trừ Tai. Đầu thế kỷ thứ 8, thời N ara, Vua sắc chỉ đem Kinh vào 4 chùa lớn ở cung điện tại N ara để luân phiên đọc tụng (có một vị Tăng đức độ mở bản Kinh ra đọc rồi gấp quyển kinh lại phiên dịch, sau đó mọi người luân phiên đọc theo). Tất cả vừa làm lễ vừa cầu nguyện. Vào ngày mồng ba tháng giêng, Tông Tào Động cũng có lễ chuyển đọc Đại Bát N hã 600 quyển trong ngày Hội Đại Bát N hã cầu an vào mùa Xuân v.v...để cầu nguyện cho Đàn Tín Đồ bình an mạnh khỏe, gia đình yên ổn, tật bệnh tiêu trừ, buôn may bán đắc, phát tài phát đạt, mùa màng tươi tốt, Quốc Gia hưng thịnh và

tránh các độc hại v.v... mọi người cùng đội Kinh trên đầu rồi lễ bái. Trong chánh điện an trí 16 tượng Thiện Thần. Mọi người cùng đọc tụng Bát N hã Tâm Kinh, Chú Tiêu Tai, Lý Thú Phần của Đại Bát N hã 600 quyển kỳ nguyện và niệm ân. Tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, mỗi ngày trong khóa Kinh buổi sáng có tụng phần Hoàng thần và tiếp theo là Bát N hã Tâm Kinh của Đại Bát N hã 600 quyển. Sự chuyển đọc nầy có mục đích cầu nguyện cho Đàn Tín Đồ và mọi người được an lạc hạnh phúc. IV.4.3.4 Bát N hã Tâm Kinh – Hannya Shingyo Bản kinh nầy chỉ có một quyển, còn gọi rõ là Ma Ha Bát N hã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, giản lược từ Đại Kinh Bát N hã 600 quyển trình bày tư tưởng Không. Bản kinh thật ngắn, chỉ có 260 chữ thôi. N ội dung của Kinh rất gần gũi với người N hật, cho biết khi nhập sâu vào Thiền Định, hành giả đạt được trí tuệ để nhận thức thực tại. Tông Tào Động tụng đọc thường xuyên (vào những khi: cúng ngọ, tụng Kinh buổi sáng, chúc phước, tụng Vi Đà Thiên, đi khất thực, những pháp sự tại gia đình Phật Tử v..v.....có lúc theo nghi thức của vị Thủ Tọa, khi đọc chuyền nhau Kinh Đại Bát N hã). Có đến bảy bản dịch chữ Hán của Bát N hã Tâm Kinh, trong đó bản được Tông Tào Động thường dùng đọc tụng là bản văn do N gài

Huyền Trang dịch vào thế kỷ thứ 7, vì bản văn nầy được xem là sáng sủa nhất. N hứt Thiết Giai Không (tất cả mọi vật trên thực tế là không), Sắc Tức Thị Không, Không Tức Thị Sắc (tất cả mọi vật đều không, trong không có sắc) v.v... đó là những lời rất là quen thuộc nổi tiếng. Thiền Sư Đạo N guyên, Thiền thường trích dẫn Kinh văn của Ma ha Bát N hã Ba La Mật Đa và Đại Bát N hã tập 172 và tập 291 trong Chánh Pháp N hãn Tạng để giải thích Kinh Văn Bát N hã một cách độc đáo đặc biệt, thỉnh thoảng dùng các phần Tứ N hiếp Pháp, Xuất Gia, Xuất Gia Công Đức v.v... trong Kinh Đại Bát N hã. IV.4.3.5 Kinh Kim Cang Bát N hã – Kongo Hannyagyo Kinh nầy chỉ có một quyển còn gọi là Kinh Kim Cang, nói giản lược từ "N ăng Đoạn Kim Cang Bát N hã Ba La Mật Kinh" và "Kim Cang Bát N hã Ba La Mật Kinh", rút ra từ quyển thứ 577, "Đệ Cửu Hội N ăng Đoạn Kim Cang Phần" của "Đại Bát N hã 600 Quyển". N ội dung của Kinh cũng nói về "Không" song không hẳn là sử dụng tư tưởng Không của Bát N hã (Trí Tuệ). N goài bản dịch nguyên mẫu từ chữ Sanskrit và tiếng Tây Tạng, có đến 6 bản dịch từ chữ Hán, song bản dịch của N gài Cưu Ma La Thập vào đầu thế kỷ thứ 5 thường được dùng tại Trung Hoa và N hật Bản. Đầu thế kỷ thứ 6, N gài Bồ Đề Lưu Chi cũng dịch và thêm vào phần văn dịch chữ Hán. Bởi Kinh nầy tường thuật vấn đề trí tuệ thực thể thường hằng, cố định, cho nên rất khó dùng ngôn ngữ để giải thích suông những gì được gọi là chân lý, bản chất mà cần phải có trí tuệ để chứng đắc hoàn toàn. "Ưng Vô Sở Trụ N hi Sanh Kỳ Tâm", nghĩa là đừng có tâm chấp trước vào bất cứ việc gì, hãy sống tùy duyên. "Tức Phi" là tánh chơn thật của vật, mà trên thực tế không có thể nắm bắt bằng nhận thức và tư duy, song nếu lìa chỗ thấy cũng không thể rõ tánh chơn thật. Theo Thiền Tông của Trung Quốc và N hật Bản, Kinh nầy rất được tôn sùng, đọc tụng và giải thích, có thể nói rằng có cả hằng trăm bản chú giải khác nhau. Có một câu chuyện rất lý thú mà ai cũng biết đó là một trong những vị Tổ Sư Thiền Trung Hoa, Lục Tổ Huệ N ăng xuất gia nhờ nghe một câu của Kinh nầy "Ưng Vô Sở Trụ N hi Sanh Kỳ Tâm", đừng để tâm vướng bận vào bất cứ đối tượng nào. Trong Chánh Pháp N hãn Tạng, Thiền Sư Đạo N guyên biên soạn những quyển như: "Tâm Bất Khả Đắc", "Hậu Tâm Bất

Khả Đắc" hay "Kiến Phật" đều lấy từ ý chính có tính cách độc đáo sáng tạo từ kinh nầy. Trong "Vĩnh Bình Quảng Lục", một bản văn dùng để thuyết pháp, N gài cũng trích dẫn từ Kinh nầy. IV.4.3.6 Lý Thú Phần – Rishyukun Tác phNm chỉ có một quyển, do N gài Huyền Trang dịch, với nội dung tóm lược từ phần "Bát N hã Lý Thú", phần 10 quyển 578, Kinh Đại Bát N hã trình bày việc Đức Phật giảng Kinh nầy với Kinh Bát N hã Thanh Tịnh cho chư vị Bồ Tát tại Thiên Cung cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên và tám trăm vạn Bồ Tát khác nghe. Ai thường thọ trì Kinh nầy, được Bồ Tát bảo hộ, luôn luôn được chư Thiên hộ trì, dù cho có bị ác ma quấy phá cũng không bị hại, có thể được vãng sanh quốc độ của chư Phật. Cuối bản văn có 3 Đà La N i, những pháp môn vi diệu vô thượng, sẽ được ghi lại ở phía sau. IV.4.3.7 Kinh Duy Ma – Yuimagyo Kinh nầy gồm có ba quyển, còn gọi là "Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết". N goài bản dịch tiếng Tây Tạng, còn có ba bản dịch bằng chữ Hán, song bản dịch của N gài Cưu Ma La Thập vào cuối thế kỷ thứ 6 nổi tiếng hơn cả. Cư Sĩ Duy Ma, còn gọi là Duy Ma Cật, hay Tịnh Danh dù chỉ là một vị Trưởng Giả cư sĩ nhưng có thể chất vấn các vị đại đệ tử Phật như Bồ Tát Văn Thù, trưởng lão Xá Lợi Phất. Điều nầy xem ra như là ngược lại với tinh thần Kinh Điển thông thường nhưng lại nổi bật lên tinh thần thực tiển của Đại Thừa Bồ Tát. Trong Kinh nầy, tư tưởng Không được thành lập như một phương pháp hành đạo rất thực tiển của Bồ Tát, không những nói lên chủ trương hành tung của chư Bồ Tát thật tự do tự tại, nhằm mục đích cứu đời không giới hạn, điển hình như Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh, mà còn hướng dẫn người cư sĩ tại gia một cách sống cụ thể. Sự im lặng của Duy Ma là một tiếng nổ long trời, lở đất, hoặc Bất N hị Pháp Môn, ý muốn nói lên chân lý tất cả đều được bình đẳng nên có sai biệt và trong sự sai biệt, các pháp đều bình đẳng, ví dụ như trong sự sống đã có sự chết và trong khi chết đã hàm chứa sự sống. Cả hai đều có cội nguồn được tìm thấy trong Kinh nầy. N hững đề tài như thế từng là những vấn đề rất nổi tiếng. Với Thiền Tông, yên lặng là một tiếng nổ, được tôn trọng như một ngôn ngữ, từ xưa đã đọc được cho nên trong phần 37 phNm Bồ Đề của Chánh Pháp N hãn Tạng, Thiền Sư Đạo N guyên bài bác về sự đau bệnh ấy và tôn trọng tư tưởng cư sĩ tại gia của Kinh nầy. Hơn nữa, trong

phần Thọ Ký, Tứ Mã của Chánh Pháp N hãn Tạng hay "Vĩnh Bình Thanh Quy" trong Vĩnh Bình Quảng Lục quyển 5 và "Phó Chúc Phạn Pháp" Thiền Sư dùng ngôn ngữ của Kinh nầy để thuyết pháp. N gay cả, khi trả lời vấn đáp Tông Tào Động thường sử dụng những từ ngữ trong Kinh nầy. IV.4.3.8 Kinh N iết Bàn – N ehangyo Kinh N iết Bàn gồm có hai bản: Kinh Tiểu Thừa N iết Bàn và Đại Thừa N iết Bàn, đều gọi chung là Kinh Đại Bát N iết Bàn. Chữ N iết Bàn xuất phát từ ý nghĩa chính, sự nhập diệt của Đức Thích Tôn chuyển đổi thành sự dập tắt lửa phiền não, chứng được cảnh giới giác ngộ. Thời Bắc Lương, Trung Hoa, N gài Đàm Vô Sấm dịch Kinh N iết Bàn ra chữ Hán tổng cộng 40 quyển, gọi là Bắc Bổn thường được dùng để so sánh các bản khác, bởi vì bản kinh nầy tiêu biểu của Phật Giáo Đại Thừa trình bày Đức Thích Tôn nhập diệt là trở về với Pháp Thân Thường Trụ, được gọi là Phật, luôn luôn tồn tại một cách vĩnh viễn. Kinh nầy cũng nói: "N hứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh" như lời minh định rằng mọi chúng sanh đều có Phật tánh. Chúng ta cũng tin rằng mình có Phật tánh, giữ gìn Phật tánh ấy, đồng một thể với Phật. Kinh cho biết có một tự tánh chân thật tồn tại trong đời

sống nầy đó là thế giới Phật, Thường, Lạc, N gã, Tịnh mà ta thường vui với sự thanh tịnh ấy. Cả Phật Giáo Trung Hoa và Phật Giáo N hật Bản đều tôn trọng việc hành trì kinh nầy. Thiền Sư Đạo N guyên cũng trích dẫn nhiều thuật từ của Kinh vào Chánh Pháp N hãn Tạng như: Phật-Tánh, hoặc N hứt Thiết Chúng Sanh Giai Hữu Phật Tánh v.v... và phân tích chú giải Kinh nầy theo kiến giải sáng tạo, độc đáo, tung hoành vô tận. N goài ra, còn sử dụng những ngôn từ như: Chư Ác Mạt Tác; Vương Tác Tiên Đà Bà, Tứ Mã, Phát Bồ Đề Tâm, Cúng Dường Chư Phật, Quy Y Tam Bảo v.v... IV.4.3.9 Kinh Di Giáo – Yuihyogyo Kinh nầy chỉ có một quyển còn gọi là Phật Thùy Bát N iết Bàn Lược Thuyết Giáo Huấn Kinh, do N gài Cưu Ma La Thập dịch ra chữ Hán. Theo phân loại, Kinh thuộc về Kinh Điển Tiểu Thừa, thuộc Kinh Tập Bộ, cũng có khi xếp vào N iết Bàn Bộ. Kinh nầy ghi lại những lời dạy cuối cùng trước khi Đức Thích Tôn nhập diệt, N gài khuyên rằng sống trong cõi vô thường, giả tạm nầy không được lười biếng, phải tinh tấn, giữ giới và chế ngự dục vọng, như lời dạy có tính cách vĩnh viễn. Kinh còn chỉ cho thấy

vấn đề tại sao cố gắng sớm được giải thoát. Trong Chánh Pháp N hãn Tạng Thiền Sư Đạo N guyên trích dẫn kinh nầy ở phần Bát Đại N hơn Giác và Vĩnh Bình Quảng Lục quyển thứ 5, đặc biệt Thiền Sư Đạo N guyên soạn Bát Đại N hơn Giác ở cuối đời. N gài trích dẫn từ Kinh Di Giáo dạy rằng: 1. Hãy thiểu dục, 2. Biết đủ, 3. Mong được yên lặng, 4. Hãy tinh tấn, 5. Hãy thủ hộ pháp đừng có vọng niệm, 6. Tâm an thiền định, 7. Tu trí tuệ, 8. Đừng rơi vào hí luận. Tất cả được gọi là 8 đức giáo huấn cho chúng đệ tử. Thế cho nên, Tông Tào Động đọc tụng Kinh Di Giáo trong Lễ Hội N iết Bàn ngày 15 tháng 2 mỗi năm, còn những khi Tín Đồ quá vãng, đọc tụng Bát Đại N hơn Giác một cách trầm lắng xúc cảm. N hững ngày 29 tháng 9, giỗ kỵ Thiền Sư Đạo N guyên hằng năm, bản văn nầy được ấn tống, biên chép, đọc tụng v.v... IV.4.3.10 Kinh Phạm Võng - Bonmogyo Kinh nầy gồm có hai quyển gọi là Kinh Phạm Võng, hay Lô Xá N a Phật Thuyết Bồ Tát Tâm Địa Giới PhNm, quyển 10 hoặc Phạm Võng Bồ Tát Giới Kinh, do N gài Cưu Ma La Thập dịch vào thế kỷ thứ 5. Ở Trung Hoa, có thuyết cho là ngụy Kinh. N guyên nghĩa Tâm Kinh Phạm Võng nghĩa Nn dụ quan điểm ý kiến của chúng sanh như mắc võng, song từ những ý kiến đó, Đức Phật chỉ chỗ cao tột của Tâm. Quyển thứ nhất trình bày 40 loại tâm trong quá trình tu hành chuyển hóa theo tâm cảnh Bồ Tát. Quyển thứ hai trình bày 10 giới quan trọng và 48 giới thông thường, cho rằng Giới Bồ Tát là mẹ của Chư Phật và tường thuật về Chủng Tử Phật- tánh. N ội dung quyển thứ hai được xem là tư tưởng Bồ Tát Giới. Đối với Phật Giáo N hật Bản, Kinh nầy có ảnh hưởng rất lớn, chính Thiền Sư Đạo N guyên trình bày 10 giới quan trọng nầy trong phần Thọ Giới của tác phNm Chánh Pháp N hãn Tạng. Tuy nhiên cũng có đôi chút khác biệt song vẫn dựa vào căn bản Kinh nầy. Hơn nữa, những phần như “Khê Thinh Sơn Sắc”, “Lễ Bái Đắc Tủy” và “TNy Diện” cũng được trích dẫn từ Kinh nầy. IV.4.3.11 Kinh Địa Tạng – Jizogyo

Kinh Địa Tạng gồm có hai quyển, gọi đầy đủ là “Địa Tạng Bồ Tát Bổn N guyện Kinh“, do N gài Thật Xoa N an Đà dịch, song Kinh nầy cũng được cho rằng xuất phát “Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luận” có 10 quyển ở Trung Hoa, do N gài Huyền Trang dịch, mà có thể từ bản văn nầy hình thành Kinh Địa Tạng. Có thuyết khác cho rằng từ bản văn Kinh Diên Mạng Địa Tạng Bồ Tát, một quyển do N gài Bất Không dịch, nhưng cũng có thuyết cho rằng Kinh nầy được soạn tại N hật. Trong kinh Địa Tạng, Bồ Tát Địa Tạng

phát nguyện cho đến khi nào trong địa ngục không còn chúng sanh cho đến khi đó N gài mới thành Phật. Ai bất hiếu với cha mẹ, giết cha, giết mẹ, tạo các ác nghiệp, sẽ đọa vào địa ngục sau khi chết, nếu xưng danh Bồ Tát Địa Tạng và thành tâm, thành kính tụng Kinh Địa Tạng, thậm chí chí thành nghe Kinh, tội cũng tiêu mất. Kinh còn cho biết ai ai cũng được lợi ích, cho nên người N hật tin cả Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Địa Tạng và xem như hai vị là biểu tượng tín ngưỡng dân gian, gần gũi và mật thiết. N gày Vía Bồ Tát Địa Tạng, các tự viện thuộc Tông Tào Động đều tổ chức lễ kỷ niệm trang nghiêm và thanh tịnh. IV.4.3.12 Cam Lồ Môn – Kanromon Bản văn Cam Lồ Môn chỉ có một quyển. Chữ Cam Lồ Nn dụ lời dạy của Đức Phật ngọt ngào như giọt sương mai và đồng thời chữ Môn có nghĩa là nhập môn, vào cửa Đạo học Phật. Bản văn còn gọi là Cải Chánh Thí N gạ Quỷ Tác Pháp. Thiền Sư Diện Sơn Đoan Phương – Menzan Yuiho, một trong những học Tăng thời Giang Hộ biên soạn và ghi thêm những Đà La N i vào nghi thức Thí Thực trong Thanh Quy của Thiền Sư Oánh Sơn, tên là Cam Lồ Môn. Ở các tự viện thuộc Tông Tào Động mỗi ngày đều có khóa lễ buổi tối vào dịp trước và sau Đại Lễ Vu Lan, tụng Kinh nầy và hành pháp Đại Thí Thực, với mục đích chính là bố thí cho chư hương linh và ngạ quỷ đồ ăn uống. Các Loại Đà La N i Đà La N i là dịch âm từ chữ dharani, tiếng Sanskrit, nghĩa là không làm việc ác, hãy làm việc lành, ngoài ra còn nhiều ý nghĩa thâm sâu khác nữa. N hững câu chú ấy khi được trì tụng có công năng tiêu trừ ma chướng, đạt được lợi ích. N ếu lễ bái cũng được công đức tương tự. Có nhiều loại Đà La N i khác nhau, ở đây sẽ chọn một vài bài Chú mà Tông Tào Động thường đọc tụng. IV.4.3.13 Đại Bi Tâm Đà La N i – Daihi Shindarani

Bản văn nầy chỉ có một quyển, còn gọi là “Thiên Thủ Thiên N hãn Quan Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô N gại Đại Bi Tâm Đà La N i Kinh”, nói tóm tắt là “Chú Đại Bi”, do N gài Già Phạm Đạt Ma dịch ra chữ Hán, vào khoảng thế kỷ thứ 7. N ội dung chú nầy là quy y Tam Bảo, lễ bái Đức Quán Tự Tại Bồ Tát, xướng danh Đức Quán Tự Tại Bồ Tát, cầu nguyện được phước đức gia tăng và vạn sự kiết tường. Tông Tào Động thường đọc tụng Chú nầy vào các khóa lễ như: Chúc Thánh, Quan Âm Sám Pháp, Khóa Lễ Buổi Sáng và những nghi thức thông thường khác, bắt đầu bằng câu: N amo Kalatanso Toraya Ya. Chú Đại Bi giống như Bát N hã Tâm Kinh rất gần gũi và thông dụng. Trong các thời khóa tụng kinh sáng tại Bổn Sơn Tổng Trì Tự và Tổ Viện thường tụng chú nầy một cách trang nghiêm, chậm rãi và từ giọng cao xuống giọng trầm sau khi tụng cho N gự Lưỡng Tôn. IV.4.3.14 Tiêu Tai Kiết Tường Đà La N i – Shosai Myogichijo Dalani Bản văn nầy chỉ có một quyển. Đà La N i nầy rút ra từ “Phật Thuyết Xí Thạnh Quang Đại Uy Đức Tiêu Tai Kiết Tường Đà La N i Kinh”, nói gọn là “Chú Tiêu Tai”, do N gài Bất Không, đời Đường dịch ra chữ Hán vào thế kỷ thứ 8. Truyền rằng Đà La N i được tụng cho Bắc ĐNu Thất Tinh (7 vì sao Bắc ĐNu) và những tinh tú khác chỉ cho Uy Đức của Đức Phật. Ai tụng đọc Đà La N i nầy sẽ thoát được tai nạn và mọi điều luôn được tốt đẹp. Tông Tào Động thường tụng chú nầy trong thời khóa tụng Kinh buổi sáng tại Phật Điện hay những lễ cầu đảo phước lộc và các nghi thức khác. IV.4.3.15 Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La N i – Butsucho Sonsho Dalani Bản văn cũng chỉ có một quyển, còn gọi đơn giản là “Tôn Thắng Đà La N i”, do N gài Phật Đà Bà Lợi dịch ra chữ Hán, khoảng đầu thế kỷ thứ 7. “Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La N i Kinh“ chuyên chở Đà La N i nầy diển tả Thiện Trụ

Thiên Tử khi gặp Đế Thích Thiên, cầu xin thức ăn để nuôi sống nhưng không có kết quả, cho nên đến gặp Đức Phật, thấy Đức Thích Tôn phóng quang từ đỉnh đầu và chiếu khắp mười phương, rồi được thọ lãnh Đà La N i nầy, tất cả những chướng ngại đều tiêu trừ qua thần lực ấy. Tông Tào Động tụng Chú nầy khi cúng ngọ, khi cầu phước và những nghi thức khác. IV.4.3.16 Lăng N ghiêm Chú – Ryogonshu

Bản văn nầy cũng chỉ có một quyển, do N gài Bàn Lạt Mật Đế dịch ra chữ Hán vào khoảng thế kỷ thứ 8, thuộc quyển thứ 7 trong 10 quyển Đà La N i dài có tên là "Đại Phật Đảnh N hư Lai Mật N hơn Tu Chứng Liễu N ghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng N ghiêm Kinh" còn gọi là "Đại Phật Đảnh Vạn Hạnh Thủ Lăng N ghiêm Đà La N i", thỉnh thoảng còn gọi là "Bạch Tán Cái" (dù che màu trắng), mà tiếng phạn là "Saddha Dhapatara" – nghĩa là "Phật Đảnh". Chú Lăng N ghiêm nghĩa là xưng tán chư Phật và nhờ năng lực từ bi có được từ thần chú Đà La N i khởi lên từ Thiền Định Tam Muội, hàng phục (đối trị) những tà ma khi tu hành. Từ ngày 13 tháng 5 cho đến 90 ngày (3 tháng sau), trước khi tụng khóa lễ buổi sáng, Tông Tào Động thường có Lăng N ghiêm Hội, vừa đi Kinh hành nhiễu Phật vừa tụng Đà La N i nầy, để cầu nguyện cho chư Tăng đang tu hành được bình an vô sự. Vào ngày 15 tháng 2, N iết Bàn Hội và ngày lễ Vu Lan Đại Thí N gạ Quỷ Hội v.v... đều đọc tụng Kinh nầy. IV.4.3.17 Lý Thú Phần Của Đà La N i Trong Lý Thú Phần của Đà La N i gồm có bốn loại. IV.4.3.17.1 Thập Lục Thiện Thần Vương Chú – Juroku Zenjin Osjiu Đà La N i do N gài A Địa Cù dịch ra chữ Hán, trong phần "Đà La N i Tập Kinh". Đà La N i nầy là quy y Tam Bảo, chư Thiên, Thần, Vương, N ữ v.v...., ai kính lễ, cầu nguyện sẽ được thành tựu, bởi vì khi trì tụng Đà La N i nầy, có 16 Thiện Thần hiện ra để cứu giúp. IV.4.3.17.2 Đại Bát N hã Ba La Mật Đa Đà La N i – Daihannya Haramitsuta Dalani Đà La N i nầy có công năng xưng bái Đức Thích Tôn, tán dương Bát N hã Ba La Mật Đa Phật Mẫu và ca ngợi Đại Bát N hã, ai trì tụng chú nầy sẽ hàng phục ma chướng, không còn dục vọng và sớm chứng ngộ. IV.4.3.17.3 Bát N hã Thông Minh Đà La N i – Hannya Somyo Dalani Đà La N i có công năng xưng tán Phật Mẫu, ai trì tụng Đà La N i nầy, sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, thường được gặp Phật và sớm được chứng ngộ. IV.4.3.17.4 Bát N hã Văn Trì Bất Vọng Đà La N i – Hannya Monji Fumo Dalani

Đà La N i nầy có công dụng để xưng tán Phật Mẫu, ai trì tụng sẽ tiêu trừ chướng ngại, không quên những lời Phật dạy và sớm chứng ngộ. IV.4.3.18 Xá Lợi Lễ Văn – Shari Raimon Bản văn chỉ có một quyển, song không có trong "Tào Động Tông Tông Chế". Hơn nữa không phải là Đà La N i, nhưng Tông Tào Động thường đọc tụng ba biến hay nhiều biến lúc hỏa tán, chôn cốt, lấy cốt hoặc đốt hương bột, hoặc lễ Phật N iết Bàn vào ngày 15 tháng 2, đồng thời nhứt tâm đảnh lễ Đức Thích Ca N hư Lai, mà ý nghĩa của lễ bái là ta với Phật đồng một thể. N hờ năng lực gia trì của Phật, sở nguyện ta chơn thật sớm thành tựu, đắc đại trí tuệ. Xá Lợi còn có nghĩa là cốt của Đức Phật, ở đây thay thế bằng xương cốt của Đệ Tử Phật hoặc Đàn Tín Đồ. Lúc Thiền Sư Đạo N guyên nhập diệt, trà tỳ các Đệ Tử và các Tín Đồ truyền đọc và xướng lễ bài Xá Lợi lễ văn nầy, do N gài Bất Không đời nhà Đường, Trung Hoa biên soạn, song cũng có nhiều thuyết cho là không phải. IV.4.4 Giải Thích Về N gữ Lục Căn cứ vào Tông Điển của Tông Tào Động như chương trước đã thấy. Ở đây lược bớt và giải thích như sau. IV.4.4.1 Tham Đồng

Khế - Sandokai Bản văn chỉ có một quyển, do Thiền Sư Thạch Đầu Hi Thiên – Sekito Kisen trước tác. N gài là một Thiền Tăng Trung Hoa, thời nhà Đường, sống vào thế kỷ thứ 8, trước tiên là học trò Lục Tổ Huệ N ăng, nhưng về sau học Thiền và đắc pháp với Thiền Sư Thanh N guyên Hành Tư, Cao Đệ của Thiền Sư Huệ N ăng trở thành Tổ thứ 8 của Thiền Tông Trung Hoa. Bây giờ, tượng của Thiền Sư Thạch Đầu được phụng thờ tại Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự. Tham Đồng Khế có 220 chữ, là một bản văn ngắn hầu hết là kệ tụng bằng thơ. Với nghệ thuật dùng thơ N gũ N gôn (năm chữ một câu, hai câu một vần) diễn đạt Giáo Lý của Phật Giáo, bản văn toàn bộ có 44 câu như một cổ thi. Đầu đề là "Tham" chỉ thế giới hiện thực sai biệt. "Đồng biểu hiện tính bình đẳng chơn thật của thế giới. "Khế" nghĩa là khế hợp Tham và Đồng với thế giới lại, nghĩa là tự tánh chân thật thể hiện qua đời sống của Thiền, bắt đầu bằng câu: "Tâm Đại Tiên Thiên Trúc, Bí truyền Tây sang Đông"

N ghĩa là Đức Thích Tôn giác ngộ và hoằng dương Chánh Pháp tại Thiên Trúc, Ấn Độ. Giáo Pháp ấy được chư vị Tổ Sư truyền thừa nhau và truyền sang đất nước Trung Hoa ở phía Đông. "Âm thanh luôn ngời sáng, Trước sau bước chân đồng" N ghĩa là những hiện thực sai biệt làm sáng lên tự tánh chân thật bình đẳng qua từng tiếng nói từng bước chân. Mọi vật tồn tại trên phương diện tương đối như khi bước đi, chân trước và chân sau khác nhau ở chỗ trước sau, nhưng dù sao đi nữa cũng là một bước, mà chân không bao giờ phân biệt chân trước và chân sau. "Gắng tu trì Chánh Pháp, N gày tháng chẳng luống qua." N ghĩa là hãy cố gắng tu trì và quý mến những ai cầu học tinh tủy Phật pháp, không để thời gian trôi qua lãng phí. TôngTào Động bắt buộc tụng phần nầy tại Tổ Đường trong thời khóa buổi sáng, thời Lịch Đại Trụ Chúc và giỗ chư vị Tổ Sư, cũng giống như tụng "Bảo Kính Tam Muội". Thật sự, không biết bắt đầu từ lúc nào việc trì tụng nầy trở thành thường xuyên vào mỗi sáng. Trong "Vĩnh Bình Quảng Lục" quyển 1, 3, 4, 5, 8 phần "Vĩnh Bình Thanh Quy", "Chúng Liêu Châm Quy", "Chánh Pháp N hãn Tạng", "Phật Tánh", "Phật Đạo", "Gia Thường", "Phật Hướng Sự Thật", Thiền Sư Đạo N guyên có đề cập đến. N goài ra, trong "Tham Đồng Khế", Thiền Sư Thạch Đầu bắt đầu phần "Thảo Am Ca" sau đó viết nhiều câu chuyện đời thường của Thiền Sư. IV.4.4.2 Bảo Kính Tam Muội – Bokyo Zanmai Bản văn nầy cũng chỉ có một quyển, do Thiền Sư Động Sơn Lương Giới – Tozan Ryokai biên soạn. Thiền Sư Động Sơn sống vào thế kỷ thứ 9, đời Đường, Trung Hoa, đắc pháp với Thiền Sư Dược Sơn Duy N ghiêm trở thành vị Tổ thứ 11 của Thiền Tông Trung Hoa, được tôn kính là vị Tổ của Tông Tào Động. Bảo Kính Tam Muội còn gọi là Bảo Kính Tam Muội Ca gồm có 94 câu mỗi câu 4 chữ, tổng cộng 376 chữ, thành một tập thơ nhỏ, với tựa đề Bảo Kính Tam Muội, ý nói Bảo Kính và Tam Muội để trang nghiêm việc tu hành. Kính ấy trong suốt, sạch sẽ và chiếu soi tất cả tâm của chúng ta khi có Tam Muội. N ội dung tập thơ diễn tả việc Tọa Thiền, như: "Pháp chân thật ấy. Phật Tổ mật giao, Giữ gìn cNn thận,

Bây giờ truyền trao" N ghĩa là từ Ấn Độ, Đức Thích Tôn truyền trao Phật pháp chân thật cho các vị Tổ Sư, Chư Lịch Đại Tổ Sư mật truyền cho nhau cho đến bây giờ chúng ta được thọ nhận mang vào thân, phải giữ gìn cNn thận. Đây là những câu thơ đầu, sau đó tiếp theo: "Hiện trên Bảo Kính, Hình ảnh của mình, Đầy đủ năm tướng Xinh hoặc chẳng xinh" N ghĩa là khi đứng trước tấm kính quý ấy, hình của ta hiển hiện hoàn toàn

dù chỉ là một bức ảnh, bởi vì mình chẳng phải là ảnh mà ảnh chỉ là ảnh mà thôi, nhưng bức ảnh ấy hiển hiện đầy đủ năm tướng một cách tự nhiên xinh hoặc chẳng xinh. “Ai xa lìa dục, Trang nghiêm đoan chánh, N hư cây cỏ dại, Dù ba hay năm Cùng gốc Kim Cang.” Một khi lìa khỏi tham dục, tâm trở nên trang nghiêm đoan chánh. N hư bụi cỏ dại dù có ba hoặc năm vẫn cùng chung một gốc cỏ. Con người cũng vậy dù biến đổi thành nhiều bộ mặt khác nhau nhưng tất cả chỉ là biến đổi trên hình thức mà thôi, song tâm vẫn cùng chung một gốc như nhau. “Vượt qua tình thức, Không thể nghĩ bàn.” N ghĩa là tâm như tấm kiếng. N hờ năng lực Thiền Định, tâm vượt qua khỏi tình, thức, không thể nghĩ bàn. “Tương tục tương tục, Thật ông chủ mình.” N ghĩa là người tu được ánh sáng Phật Pháp chiếu soi, thấy được chủ nhân mình. Thiền Sư Đạo N guyên không trực tiếp trích dẫn “Bảo Kính Tam Muội” nhưng ngôn từ của Thiền Sư Động Sơn được trích dẫn vào các phần Khán Kinh, Thần Thông, Phật Hướng Thượng Sự, Hành Trì, Vô Tình Thuyết Pháp, Xuân Thu, Vĩnh Bình Quảng Lục v.v....của Chánh Pháp N hãn Tạng, quyển 1, 3, 5, 6, 7, 9, tường thuật trong Tông Chỉ. Thật là một N gữ Lục rất sâu sắc! N hư Tham Đồng Khế, bản văn nầy được tụng trong khóa tụng Kinh sáng ở Tổ Đường hoặc những ngày giỗ kỵ Tổ Sư.

IV.4.4.3 Tín Tâm Minh – Shinjinmei Bản văn chỉ có một quyển, do Thiền Sư Giám Trí Tăng Xán trước tác. Thiền Sư Giám Trí Tăng Xán là một Thiền Tăng rất nổi tiếng sống vào thế kỷ thứ 6, đời nhà Đường, Trung Hoa trở thành vị Tổ thứ ba của Thiền Tông. Tác phNm “Tín Tâm Minh” gồm có 146 câu, mỗi câu 4 chữ, tổng cộng là 548 chữ, là một N gữ Lục quý giá trong thời kỳ đầu Thiền Tông Trung Hoa. Tựa đề “Tín Tâm Minh” có tín tâm nghĩa là chơn tâm và minh nghĩa là khắc chữ vào, như là: “Chí đạo không khó, Chỉ ngại chọn thôi.” N ghĩa là Phật pháp như con đường lớn, đến với con đường đó không phải là việc khó, chỉ cần bước tới và buông bỏ tất cả những ham muốn thích hay không thích bằng như tự ngã. Bắt đầu: “Đây chẳng suy nghĩ, Phân biệt không lường.” N ghĩa là Thiền không phải là thế giới của thích hay không thích. Ai còn dùng phân biệt để suy lường không thể nào suy lường được. Hay: “Dứt bặt ngôn ngữ, Đến đi chẳng còn” N ghĩa là Thiền là thế giới của chơn tâm, không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt được, cũng không thể dùng đơn vị đến đi để diễn đạt thời gian tồn tại của chơn tâm như: quá khứ, hiện tại và vị lai nữa. Thiền Sư Oánh Sơn là người N hật đầu tiên chú giải bản văn “Tín Tâm Minh” nầy với tựa đề “Tín Tâm Minh N iêm Đề”. IV.4.4.4 Chứng Đạo Ca – Shodoka Bản văn cũng chỉ có một quyển; do Thiền Sư Vĩnh Gia Huyền Giác – Yoka Genkaku biên soạn. Thiền Sư Vĩnh Gia là một Thiền Tăng, sống vào thế kỷ thứ 7 và thứ 8, đời nhà Đường, Trung Hoa. N gài tìm gặp được Lục Tổ Huệ N ăng, xin thỉnh Pháp. Qua vài lần vấn đáp với Tổ, N gài ngộ Thiền Cơ, được truyền Pháp. N gài chỉ trú tại ngôi chùa N gài Huệ N ăng đang ở một đêm thôi và hoàn thành tác phNm Chứng Đạo Ca. Chứng Đạo có nghĩa là ngộ lý đạo. Ca gồm 247 câu ca có tổng cộng 1714 chữ. “N gươi thấy chăng những người vui đạo, Vui niềm vui tuyệt học vô vi.”

N ghĩa là nhà ngươi không biết chăng bất cứ học nào cũng chẳng còn cần thiết, hãy sống tự do tự tại mới thật là người nhàn rỗi. Bắt đầu vào: “Chơn chẳng tìm cầu, vọng chẳng trừ, Hai pháp là không, tướng chẳng như. ” N ghĩa là chẳng cần tìm cầu để ngộ lý chơn thật,cũng đừng khổ tâm để đoạn trừ mê vọng. Vì sao? Vì rõ biết tự thể của hai

pháp là không, vốn là vô tướng. Sau đó: “Ống ngắm, người nhìn chưa thấy rõ, Giúp người Ta chỉ rõ thật hư.” N ghĩa là người dùng ống nhòm để nhìn Phật Pháp, làm sao thấy được Phật Pháp rộng lớn vô biên, mà thật tế không thể lấy gì sánh được. Bây giờ để giúp người, Ta sẽ giải thích thêm một lần nữa để thấy rõ ràng. Chứng Đạo Ca hay nói rằng: Đi cũng Thiền, ngồi cũng là Thiền. Hay nói: Ánh trăng vằng vặc trên sông ấy Mấy cội tùng khua gió lao xao Thăm thẳm đêm thu trôi lặng lẽ Mênh mông không chỗ để nương vào. Hay nói: Cội nguồn tự tánh là Chơn Phật. N ghĩa là cội nguồn tự tánh vốn là Phật rồi. Tuyên bố nầy trở thành một trong những câu nói nổi tiếng, mà từ xưa đến nay các Thiền Tăng thích đọc tụng và không chỉ sử dụng như Pháp N gữ dẫn đường mà còn tham khảo khi làm thơ. N hiều người rút ra từ đây nhiều bài học giá trị khác nhau như trong phần Hành Trì của Chánh Pháp N hãn Tạng, Thiền Sư Đạo N guyên giới thiệu Chứng Đạo Ca và ca ngợi Thiền Sư Vĩnh Gia Huyền Giác rất nhiều. Tăng lữ và Tín Đồ Tông Tào Động thường đọc tụng bản văn nầy trong những Phật sự cúng dường. N goài ra, trong những đạo tràng tu Thiền, các vị Pháp Sư vẫn thường giảng nghĩa tác phNm để làm sáng tỏ Tông Chỉ của Thiền. Tác phNm cũng là những bài học chính trong các Hội Tham Thiền. Hơn nữa, nên tham cứu “Thiền Tông, Độc Kinh N hập Môn“ của Đại Pháp Luân Các tuyển chọn và phát hành, tìm tác phNm nguyên

văn Thánh Điển đối chiếu với bản dịch ngôn ngữ hiện đại để rõ thêm.

Chương bốn V. Sinh Hoạt Tín N gưỡng Của Đàn Tín Đồ V.1 Ý N ghĩa Của Sự Sinh Hoạt Tín N gưỡng V.1.1 Đàn Tín Đồ N ghĩa Là Gì? Ở trong chùa, có hai cách gọi là Đàn Đồ và Tín Đồ, song thông thường gọi là Đàn Tín Đồ. Được gọi là Đàn Tín Đồ là những người tự tộc (gia tộc của vị Tăng) như vị phối ngẫu (vợ) của Trụ Trì và những người thân cận hiện đang sống trong chùa. N hư đã giới thiệu sơ qua ở phần Tăng lữ phía trước. “Tào Động Tông Tông Hiến” của “Tào Động Tông Tông Chế” định nghĩa Đàn Đồ là “những người sống trong Tự Viện kính tín Tông Chỉ của Bổn Tông, nương tựa và vâng thuận sự giáo hóa của Thầy Trụ Trì, có trách nhiệm hộ trì Tự Viện và Bổn Tông, có thẻ Đàn Đồ được ghi vào danh sách Đàn Đồ của Tự Viện.” Còn Tín Đồ thì định nghĩa như sau: “những người không phải là Đàn Đồ của tự viện, song có nhân duyên đặc biệt quy y với Thầy Trụ Trì, hết lòng phụng sự và hộ trì Tự Viện, được ghi vào sổ Tín Đồ của Chùa.” N hư sự trình bày về Giáo Đoàn, vì nhu cầu Phật Sự ở Chùa và cần có mối quan hệ giữa Thầy Trụ Trì và Chùa, cho nên vị trí Đàn Tín Đồ được thiết lập. Thế nhưng dù Chùa nào đó và Thầy Trụ Trì không thiết định tư cách ấy đi nữa, hoặc Chùa không có sổ Đàn Tín Đồ đi nữa, những ai kính tín, hiểu rõ và thực hành lời Đức Thích Tôn dạy, lời Thiền Sư Đạo N guyên dạy, lời Thiền Sư Oánh Sơn dạy, trong ý nghĩa rộng rãi, vẫn không thể không được chấp nhận là Đàn Tín Đồ của Tông Tào Động, dù họ không được quan tâm. V.1.2 Vì Sao Sự Sinh Hoạt Tín N gưỡng Lại Quan Trọng? Thật ra, nếu hỏi một người được gọi là Đàn Tín Đồ của Tông Tịnh Độ trên danh nghĩa, rằng tại sao trở thành một Tín Đồ theo tín ngưỡng Tịnh Độ, câu hỏi ấy trở thành vô nghĩa, bởi vì tùy theo thời gian mà họ xác định sinh hoạt tín ngưỡng như thế nào, nhưng đối với người tu Thiền Phật Giáo của Tông Tào Động lại rất quan trọng, không phải để thay đổi Tông Phái, mà để duy trì và tạo thiện duyên vững chắc trong mọi sinh hoạt xã hội.

Lý tưởng của Đạo Phật đem ánh sáng Từ Bi và Trí Tuệ soi sáng bản thân, chuyển hóa cuộc đời trở nên an lạc và giáo hóa, hổ trợ, cứu giúp mọi người. Tăng Sĩ hay Đàn Tín Đồ cũng thế thôi. N ếu Tăng lữ thực thi lý tưởng theo chuyên môn, thì Đàn Tín Đồ có tính cách cụ thể. Dù có sự giống nhau về nguyên tắc cơ bản Tăng lữ giữa Đàn Tín Đồ nhưng nói đúng hơn, về phương diện sinh hoạt tín ngưỡng, Đàn Tín Đồ dễ duy trì, thực hiện và nối kết sinh hoạt xã hội mạnh mẽ và rộng rãi hơn so với Tăng lữ. Thế kỷ thứ 21 được mệnh danh là thời đại Tôn Giáo và thế kỷ tâm linh. Phật Giáo gần đây đã trở thành tôn giáo quốc tế, số lượng người quan tâm, tìm hiểu đạo Phật khá đông. Vì sao? Bởi vì trật tự trên hành tinh nầy bị rối loạn rồi. Thế giới liên tục xảy ra những trận xung đột dữ dội giữa các thế lực đối lập. Con người chỉ lo cho chính mình, không nghĩ đến tha nhân. N hững điều như thế diễn ra đầy dẫy khắp nơi làm cho người ta hoảng sợ và la lên tình trạng thế giới đã nguy hiểm quá rồi, người ta làm việc mà không cần thiết phải suy nghĩ, mà dù có suy nghĩ cũng chỉ là quyết định một bên, không sao có thể thay đổi những biến động kinh khủng của thế giới. N gười ta tự hỏi những điều ấy có đúng với thực tế không? Cái gì là không thật? Đôi khi, vì không nhận được lời khuyên hữu ích nào cả, sự tức giận càng tăng thêm, làm sao ngăn chặn lại được? Bây giờ, Văn Hóa vẫn dựa trên nền tảng kinh tế và vật chất. Văn minh phát triển đến thời cực thịnh. Dù không bị ảnh hưởng vật chất một cách trực tiếp theo định luật nhân quả, song tinh thần, sự rung động con tim, sự phản tỉnh cũng theo đà ấy mà xung lên, chìm đắm trong chủ nghĩa tự kỷ, để cho tâm hồn trở nên hoang phế, ngày càng lạnh nhạt với sự liên hệ giữa con người và con người và đạo đức, luân lý dần đưa đến thời kỳ suy thoái. Một điều chắc chắn rằng là con người, chúng ta có đầy đủ khả năng của một sinh vật, cho nên phải chận đứng tham dục, phải biết dừng lại. Chỉ chừng ấy thôi, con người cũng có thể giữ được vị trí của mình. Tâm lý tự tín có thể tạo cho con người trở nên khoa trương như là con người, một sinh vật tuyệt vời, có tư cách vĩ đại, không chịu khuất phục trước mọi giới hạn. Tuy nhiên, dù thế nào đi nữa, hãy so sánh với kẻ khác, đừng nghĩ rằng có được năng lực lớn như vậy, bởi vì những gì mình suy nghĩ thường không hoàn toàn đúng, nếu một mai bị gãy đổ, sẽ rơi vào hố thẳm thất vọng.

Có người hỏi rằng tại sao lại cay đắng như thế? Thật ra, ai cũng có thể cảm nhận được điều đó. Xã hội N hật Bản ngày nay đã đô thị hóa. Cuộc sống gặp nhiều khủng hoảng bất an. Cuộc đời dần dần tiến đến chỗ cô độc làm cho con người tự hỏi tại sao mình phải sống, thật là khó hiểu. Càng suy nghĩ càng thêm bế tắc. Mọi việc bất ổn trở thành bất ổn hơn. Con người như khúc hát trầm lắng sâu xa chìm sâu trong hố thẳm nội tâm, rất mong mở một con đường mới nhưng chưa làm được. Với nội tâm chìm trong sâu thẳm, làm sao cuộc sống không rơi vào thụ động? Làm sao nắm được tay người đối diện để cùng vui? Đã có mấy ai trút hết nước mắt cho người khác? Chỉ cần trả lời được điều nầy nghĩa là năng lượng từ bi đã được chuyển trao từ tâm nầy qua tâm khác. Con người có nhiều suy nghĩ khác nhau, mỗi suy nghĩ lại thay đổi liên tục, chỉ còn lại tấm lòng, làm sao giữ lại cái nguyên sơ ấy? Dù chính trị, kinh tế cũng quan trọng song chúng ta phải hiểu rằng nếu chỉ có những việc ấy, cuộc đời có gì là lạ? Vả lại, trong cuộc sống vật chất con người tương nhượng để tồn tại, nhưng phải nhận ra đâu là căn nguyên, để hướng đến đời sống tinh thần, mà ở đây nói rõ là đời sống tín ngưỡng. Một

lần nữa, gọi là đời sống tín ngưỡng, với Phật Giáo cũng chỉ là cách gọi bằng ngôn ngữ mà thôi, bởi vì chính tâm lòng tín ngưỡng mới thật sự sinh ra tín tâm, thân thiện và gần gũi. Phật Giáo là một Tôn Giáo tự giác, hướng nội nên sử dụng ngôn từ tín ngưỡng rộng rãi hơn. V.1.3 N hiều Đời Sống Tín N gưỡng Khác N hau Không phải chỉ Phật sự ở chùa, mà tất cả các Pháp sự như đám ma, tảo mộ v.v...dường như hiện lên những hình ảnh tiêu cực, nhưng thật tế Pháp Sự ma chay, thăm mộ v.v... nầy là những lễ nghi quan trọng, những việc làm cần thiết trong đời sống tín ngưỡng của con người, chẳng có gì sai trái. N gày nay, những hội nghiên cứu như nghiên cứu công nhân, lo lắng sức khỏe vận động viên thi thể thao, điều nghiên những phiền não trong cuộc sống của con người, để giúp họ giải quyết. Thật ngạc nhiên vì có nhiều người đi chùa để lễ bái, cầu nguyện, Tu Bát Quan Trai một ngày một đêm, Viết Kinh, Họa Tượng Phật, N hịn Ăn, Khổ Hạnh, Tụng Kinh, N iệm Phật, Tọa Thiền v.v... Hầu như chùa nào trên nước N hật cũng bận rộn, vì có nhiều người tham gia Phật sự như thế và số Tín Đồ tại gia phải nói rằng càng ngày càng tăng.

Có ý kiến cho rằng hãy thử đến chùa một tuần lễ ngồi thiền, dù chưa làm mình thỏa mãn điều gì đó nhưng vẫn có ý nghĩa nào đó chẳng phương hại gì cả. Song trong điều kiện cho phép, nên sống đời sống tín ngưỡng để lòng thanh thản và trong sáng hơn, nhờ đó mà vượt qua được nhiều trở ngại. Tông Tào Động phân loại đời sống tín ngưỡng của Đàn Tín Đồ rất rõ ràng. Có những nghi lễ và pháp sự dành cho chư Tăng nhưng Tín Đồ có thể tham dự. Có những nghi lễ và Pháp sự dành riêng cho Đàn Tín Đồ song cung thỉnh Tăng lữ đến chứng minh. Có nhiều trường hợp tổ chức theo tư cách cá nhân hay đoàn thể, xã hội. Có trường hợp tổ chức định kỳ hoặc tạm thời. Có nhiều loại khác nhau, khó mà phân biệt hết. Thông thường có một vài nghi lễ và Pháp sự chính như: Tụng Kinh buổi sáng, buổi tối, Thọ Giới dành cho người tại gia, người xuất gia, N ghi thức kết hôn, Tọa Thiền Hội, N ghiên Cứu Hội, Kỵ giỗ ông bà, Phật sự, Pháp sự, Hành sự của chùa, công việc xã hội, hoạt động phụng sự v.v... V.2 Tụng Kinh Sáng, Tối V.2.1 Mua Bàn Thờ Phật Cho Đúng Cách Bàn Phật chính là ngôi Già Lam của gia đình, không gian thiêng liêng, nơi để tôn kính và đảnh lễ Phật, để cho tâm được an ổn, đời sống bình yên. Bàn thờ ông bà là nơi để thờ ông bà cha mẹ nhiều đời, để cảm tạ ân đức tạo ra thân nầy và cầu nguyện gia đình hưng thịnh. Có người cho rằng trong gia đình chưa có người mất, chưa có nhà riêng, chưa lập bàn thờ cũng là chuyện khó nghe. Lập bàn thờ khi nào cũng được, có thể vào dịp lễ Higan (lễ Bỉ N gạn = Thanh Minh) vào mùa Xuân hay mùa Thu đều tốt cả. Có hai loại bàn thờ đó là: loại bằng gỗ để trần và loại bằng gỗ đánh bóng. Cả hai đều được nhưng giá cả nhiều loại khác nhau từ trên dưới 10.000 Yên cho đến 10.000.000 Yên (mười triệu Yên). Không nên thay đổi bàn thờ đến hai ba lần cho nên phải chọn cho hợp khả năng tài chánh của mình, không nên quá rẽ hoặc quá đắt. N ếu mua bàn thờ Phật mới, bàn thờ cũ nên thương lượng với nơi bán bàn thờ để trao đổi, hoặc đem về chùa, hoặc đốt đi, hoặc dùng làm việc khác, không nên đem cho người khác. Cấu tạo bàn thờ khác biệt tùy theo từng Tông Phái, bởi vì cách thờ cúng khác nhau. N ếu mua bàn thờ mới, phải thỉnh chư Tăng chứng minh và "Khai N hãn Cúng Dường" (ghi chú: giống như lễ An Vị Phật của Việt N am) và đương nhiên thỉnh ý kiến chuyển hóa bàn thờ Phật cũ.

Phương hướng đặt bàn thờ Phật cũng tùy theo trường hợp từng môn phái, bởi vì phải căn cứ theo khuôn viên nhà cửa rộng rãi hay chật hẹp, các góc không choán chỗ nhiều. Phải chọn nơi ít ánh sáng, phòng gió độc, tránh mặt trời chiếu thẳng vào, tránh nơi có nhiều người qua lại, nơi có mùi hôi như nhà bếp, nơi gần cầu tiêu, hoặc những chỗ thấp hơn tầm mắt của mình. Các chùa thuộc Tông Tào Động thường xây mặt về hướng N am và lưng phía Bắc, thiết trí bàn Phật chỗ không quá cao, để dễ dàng tụng Kinh và lễ lạy. V.2.2 Cách Bài Trí Bàn Phật N guyên tắc bài trí bàn Phật theo Tông Tào Động như hình dưới đây. Tôn tượng Đức Thích Ca Mâu N i, Bổn Tôn của Tông Tào Động hoặc bằng gỗ, hoặc bằng vàng, hoặc bằng bức họa, loại nào cũng được, an trí nơi chính giữa nhà. Tượng họa có một vị Phật và hai vị Tổ (Phật Thích Ca và Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư cũng như Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư) gọi là Tam Tôn Phật. N ên nhờ Thầy Trụ Trì hướng dẫn cho cách thức đặt tượng. Còn bài vị của ông bà có thể để hai bên tượng Bổn Tôn Phật. N hững Tông Phái khác thờ cả hình người mất chung với bài vị cũng không sao. Có một cuốn gia phả để trên bàn, mà bài vị và cuốn gia phả tượng trưng cho lòng kính trọng Tiên Tổ đời đời như những người còn sống vậy. Lễ lạy chấp tay cúi đầu là để cảm tạ và tôn trọng tiên tổ, những người đã khuất. Vật phNm cúng dường được trưng bày như: đèn, hoa, hương, nước, cơm, bánh, trái cây v.v... Mỗi buổi sáng phải cúng trà và nước mới và hoa tươi. Không nên cúng hoa giả. Đồ cúng nên cúng những gì người quá cố thường thích như cây trái theo mùa. Bổn phận của chúng ta là dâng cúng và người quá cố hưởng lộc. N ên lau chùi bàn thờ sạch sẽ, đừng để cho bụi bặm đóng nhiều . V.2.3 Cách Tụng Kinh Theo nguyên tắc, mỗi ngày hai lần sáng và tối đến trước bàn Phật để tụng kinh. N ếu như bận công ăn việc làm, hoặc gặp lúc khó khăn chỉ có thể tụng được một lần trong ngày hoặc sáng, hoặc tối cũng được. Hãy lau dọn bàn Phật sạch sẽ, thay đồ cúng mới, rồi ngồi thật ngay thẳng trước bàn thờ, đeo tràng hạt bên tay trái, đốt đèn rồi lấy một cây nhang đốt lên, sau đó cắm lên lư hương. • Chấp tay lại, vẫn ngồi như thế và vái 3 vái. • Cầm Kinh lên một cách trang trọng, mở ra, thỉnh 1 tiếng chuông, 2 tiếng chuông.

• Xướng lên khai Kinh Kệ, văn Sám Hối, Lễ Tam Quy, Lễ Tam Tôn, thỉnh 3 tiếng chuông. • Tụng "Bát N hã Tâm Kinh" rồi tụng văn Hồi Hướng, gọi là Hồi Hướng Bổn Tôn, riêng buổi tối không tụng Kinh Hồi Hướng nầy. • Tụng chương 5 của "Tu Chứng N ghĩa", tụng kệ trong phNm Phổ Môn Quan Thế Âm Bồ Tát, rồi tụng văn Hồi Hướng, gọi là Hồi Hướng cho người quá cố. • Tụng "Tứ Hoằng Thệ N guyện Văn" chấp hai tay ngồi yên, xá ba xá và tụng văn Hồi Hướng buổi tối. Cuối cùng thỉnh 2 tiếng chuông. V.3 Lễ Xuất Gia Của N gười Tại Gia V.3.1 Tuần Tự Thứ Lớp Của Việc Xuất Gia N guyên chữ đắc độ (xuất gia) nghĩa là khai mở con đường giác ngộ, cắt tóc xuất gia. N gày nay, chữ xuất gia dành cho người cư sĩ phát nguyện xuất gia trở thành Tăng lữ. N hững người cư sĩ trong Đàn Tín Đồ, đương lo cho gia tộc, có công việc hẳn hoi, có chỗ đứng trong xã hội, có cuộc sống khả dĩ, nhưng tin Phật, có thể làm quen đời sống Tăng lữ, trình bày ý nguyện lên Thầy Trụ Trì, được Thầy xem xét và khảo nghiệm niềm tin, nhận thấy tánh hạnh khả quan, đồng ý làm Giới Sư và được Thầy làm lễ xuống tóc, cho thọ giới và đặt đạo hiệu gọi là Giới Danh. N hững người một lòng tin Tam Bảo có Giới Danh (Pháp Danh) lúc còn sống hết lòng sinh hoạt, dù khó khăn thế mấy đi nữa, vẫn giữ sự sinh hoạt trọn vẹn,

nếu mang hạnh nguyện vì đời và vì người, họ càng cố gắng hơn nữa. V.3.2 Sự Tuần Tự Lễ Xuất Gia Của N gười Tại Gia Tại Đại Bổn Sơn (Vĩnh Bình Tự và Tổng Trì Tự), N gài Quản Thủ chuNn bị nghi thức cho tự tộc theo phần tác pháp Tự Tộc Đắc Độ Thức cũng như cử hành Tại Gia Đắc Độ Thức . 1- Giới Sư đối trước Bổn Tôn bái 3 bái. 2- Bổn N hơn đối trước giới sư bái 3 bái. 3- Giới Sư đọc nghi thức thế độ. Bổn nhơn chấp tay lắng nghe, sau đó mọi người cùng xướng 10 danh hiệu Phật. 4- Giới Sư vỗ giới xích, xướng văn Sám Hối lên, người thọ giới lập lại, sau đó đến trước mặt Giới Sư, chấp tay, cúi đầu thấp xuống. 5- Giới Sư vừa đọc kệ Thế Phát, lấy dao cạo đầu, Thị Giả đưa nước tịnh cho Giới Sư làm lễ quán đảnh xong, người thọ giới bái 3 bái.

6- Giới Sư xướng Tam Quy Giới, Tam Tụ Tịnh Giới và 10 Giới Trọng, người thọ giới đáp "Con xin vâng" xong bái 3 bái. 7- N gười thọ giới thọ nhận y đắp chéo từ vai xuống nách và huyết mạch (huyết thống truyền thừa), vừa đắp Cà Sa (Y) vừa cùng đại chúng tụng bài kệ đắp y. 8- Giới Sư đảnh lễ Bổn Tôn, thuyết ý nghĩa xuất gia cho Bổn nhơn (người thọ giới) và bày tỏ lòng cảm ơn với những người tham dự lễ. 9- Trước Bổn Tôn và Tổ Tiên người thọ giới, Giới Sư cùng đại chúng tụng kinh Báo Ân, Tu Chứng N ghĩa, Hồi Hướng, rồi đảnh lễ 3 bái. V.4 Thọ Giới Hội Thọ Giới nghĩa là phát nguyện nhận giấy chứng minh (huyết mạch), lãnh thọ giới pháp quy định, nguyện sống đúng Chánh Pháp, để đạt được Phật quả. Thọ Giới Hội là lễ nghi thuần tự giác, từ bỏ sai trái, nguyện tu hành trở thành đại biểu của Đàn Tín Đồ, để thọ Giới Pháp, đi đúng hướng Phật Giáo. N gười Thọ Giới được gọi là Giới Đệ, Việt N am gọi là giới tử. Thường Thọ Giới Hội được tổ chức trong vòng một tuần lễ, trong đó bốn ngày đầu chư Tăng và Tín Đồ vân tập về chùa, lễ Phật, lễ Tổ, Tọa Thiền, Cúng Chư Hương Linh, ChNn Tế, Thọ Pháp Quán Đảnh, N ghe Pháp Thoại, N ghe Thuyết 16 điều Giới v.v... N gày thứ 5 Sám hối và xả thân cúng dường. N gày thứ 6 thọ huyết mạch (nhận giấy chứng minh giòng họ nhà tu). Trong thời gian nầy, người thọ giới được huấn luyện nghiêm khắc về oai nghi như tắm rửa, ăn uống, ngủ nghỉ, tiêu giải v.v... Sau đó, Giới Sư cho gọi giới đệ (người thọ giới) vào đứng ở giữa chư Tăng, có vị Giáo Thọ giúp cho việc nầy (đối với giới đệ gọi vị nầy là Giáo Thọ), ngoài ra còn có vị Dẫn Thỉnh (là vị Tăng hướng dẫn cho giới đệ) và Tam Sư nữa. Tất cả đều là chư Tăng, trang nghiêm, từ ái, chứng minh. N ghi thức nầy như là pháp lạc của Tôn Giáo. Không phải chỉ thọ giới một lần, nếu muốn có thể tham gia hai hay ba lần cũng được. Mỗi năm, Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự và Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự tổ chức trong vòng một tuần lễ, vào khoảng trung tuần tháng tư do vị Quản Thủ làm Giới Sư. Các chùa tại địa phương cũng tổ chức Pháp Mạch Hội trong 3 cho đến 5 ngày và N hơn Mạch Hội khoảng 1 ngày.

Trong một tuần lễ ấy tác pháp rất cụ thể, song kết quả khá phức tạp. Vì số trang sách có hạn cho nên chỉ giới thiệu đơn giản mà thôi. V.5 N ghi Thức Kết Hôn V.5.1 N ghi Lễ Kết Hôn Trang Trọng Trước Đức Phật N ếu nói là nghi thức kết hôn, có thể nghĩ là Thần Đạo hoặc Thiên Chúa Giáo song ngày nay tổ chức lễ kết hôn trong chùa trước Điện Phật không phải là ít. N ăm Minh Trị thứ 35 Lai Mã Đồn Đạo Sư – Kuruma Takudo, một vị Tăng của Tông Tào Động tổ chức lễ kết hôn đầu tiên trước Điện Phật. Thật ra, thường tổ chức lễ kết hôn tại Hội Quán, Khách Sạn, hoặc tại Tư Gia còn ở chùa ít lắm. Tuy nhiên, tổ chức theo nghi thức Phật Giáo cũng thật là trang nghiêm, đẹp mắt và dịu dàng dù có

khác nghi thức Thần Đạo và Thiên Chúa Giáo, nhưng đó là khác biệt hẳn nhiên. N ghi thức kết hôn gồm có: Quy y Phật Thích Ca Mâu N i, cảm tạ tất cả mọi người, phụng cáo lễ thành hôn, cầu Phật gia hộ, phát nguyện giai lão đồng huyệt . V.5.2 N ghi Thức Theo Thứ Tự N ghi thức kết hôn đã được Hội N ghiên Cứu Giáo Hóa của Tông Tào Động điều chỉnh một số nghi lễ khác nhau như: tổ chức ở Hội Trường, Đại Tiệc (Phi Lộ Yến), Chương trình rất công phu, nhẹ nhàng như: An trí Bổn Tôn chính giữa Điện Phật. Sắp đặt chỗ ngồi cho Thầy Chủ Lễ, Chú Rể, Cô Dâu, N gười làm mai, Bà Con Thân Tộc và quý Khách tham dự. Khách của thân tộc ngồi ghế trước hướng lên Đức Phật, bên phải là Chú Rể, bên trái là Cô Dâu. Thầy Chủ Lễ quang lâm. Đọc Diễn văn khai mạc. Tổ chức ở trước Phật Điện, nếu cung thỉnh được càng nhiều chư Tăng chứng minh càng tốt. Thầy Chủ Lễ dâng hương, đảnh lễ Tam Bảo ba lễ. Thầy Chủ Lễ phụng đọc yếu chỉ cử hành nghi thức thành hôn trước Phật. Thầy Chủ Lễ rải nước hay rượu quán đảnh Chú Rể, Cô Dâu. Thầy Chủ Lễ trao tràng hạt cho Chú Rể Cô Dâu, sau đó Cô Dâu Chú Rể trao nhẫn cưới cho nhau. Thầy Chủ Lễ xướng Tam Quy từng câu, đại chúng chắp tay đọc theo.

Hai người phụ Dâu, phụ Rể bưng chén rượu nồng độ 39 độ từ từ bước tới dâng lên cho Chú Rể, Cô Dâu. Chú Rể đọc lời phát nguyện, Cô Dâu chỉ đọc tên mình sau đó đóng dấu triện xuống tên của mỗi người. Thầy Chủ Lễ đứng trước Chú Rể, Cô Dâu ban huấn từ và chúc tụng. Thầy Chủ Lễ và đại chúng tụng kinh, cúng chư Hương Linh Tổ Tiên Ông Bà rồi hồi hướng. Thầy Chủ Lễ đọc Tứ Hoằng Thệ N guyện, đại chúng hòa theo. Tất cả đảnh lễ Tam Bảo 3 bái. Thầy Chủ Lễ cùng với mọi người bái nhau 3 bái. Viên mãn Giới thiệu gia đình hai bên cha mẹ và thân tộc. Từ từ lui ra. V.6 Đám Tang V.6.1 Tại Sao Làm Lễ Đám Tang? Đức Thích Tôn, Khai Tổ của Phật Giáo vì mọi người mà hoằng dương Chánh Pháp. Không biết N gài có dạy cho đệ tử xuất gia và Tín Đồ nghi thức tang lễ chăng, thật sự không thấy, nhưng sau khi Đức Phật nhập diệt, những vị đệ tử N gài và Tín Đồ cử hành lễ Trà Tỳ và tống táng vô cùng bi thảm với đất trời buồn thương. Xá Lợi N gài được chia ra khắp nơi để cử hành nghi thức tang lễ. Cuộc đời Thiền Sư Đạo N guyên dường như không cử hành tang lễ nào cho người chết, nhưng sau khi thị tịch, môn hạ cử hành tang lễ vô cùng long trọng đầy đủ các nghi thức tống táng, vì họ vô cùng kính tiếc N gài Phật Giáo N hật Bản được gọi là Phật Giáo tang lễ (Phật Giáo làm đám ma), bởi vì hầu hết chư Tăng các chùa đều rành tang sự, trong khi đó những vị khai sáng dường như hoàn toàn không biết việc nầy. Thật ra, những người kinh doanh bất hảo, những vị Tăng thiếu lý tưởng đã cử hành những tang sự không bình thường chỉ chú trọng vấn đề kinh tế, tụng đọc thật dài nhưng chẳng hiểu nghĩa kinh, chỉ mong gia đình cúng dường hậu hỉ, làm cho tang gia mõi mệt, mất cả niềm tin, mất thời gian người đi đưa đám, chẳng có ý nghĩa gì cả. Có hai điều bất lợi khi cử hành tang lễ rườm rà, thứ nhất, nghi lễ tống táng có rườm rà bao nhiêu đi nữa, đối với hương linh người chết cũng chẳng đi tới đâu, thứ hai, nghi thức như thế chỉ tạo cho người đời nhận thức nghi lễ tang sự một cách sai lạc,

dẫn đến trường hợp cử hành lễ tang cho người còn đang sống một cách sờ sờ.. Trước thật tế đó, chỉ có hai điều cần phải lưu tâm, trước nhất đối với Tăng lữ phải sớm nhận thức và điều chỉnh lại nghi thức đám ma tùy từng nơi, thứ hai đừng để người đời đàm

tiếu về đám tang hay làm đám tang trước khi chết, chẳng phải là hợp lý tí nào cả, bởi vì hoặc là quá thiên trọng về thân xác nầy của mình hoặc là lệ thuộc và chạy theo tiếng thị phi ở đời? Tin tưởng tâm linh, phụng thờ Tổ Tiên đã có trong người N hật từ xa xưa, khi Phật Giáo đến N hật Bản, dung hòa và phát triển thêm. Dù các chùa ở N ara chẳng có nghi thức tang lễ, không có nghĩa trang, nhưng đó là trường hợp ngoại lệ, đừng cho rằng Phật Giáo N hật Bản tách rời vấn đề tang lễ. Tại sao phải cử hành nghi thức tang lễ? Rõ ràng là để cầu nguyện hương linh người quá vãng siêu thoát cõi u đồ, xoa dịu, an ủi, vỗ về nỗi đau của gia đình, nỗi đau như dao cắt của những người thân, giúp cho tinh thần của người ở lại đủ nghị lực để sống và làm việc. Khác với những sinh vật như chó mèo v.v...con người phải nhiều ưu việt, có tình cảm, có hiểu biết và luôn luôn tôn trọng và kính ngưỡng người thân. Do những lý do ấy, Tăng lữ và Tín Đồ cố gắng tổ chức Tang Lễ. N ếu không phải như vậy, dù tổ chức tang lễ linh đình đến bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ là câu chuyện qua đường mà thôi. V.6.2 Đám Ma Theo Tào Động Tông N ghi thức tống táng của Tông Tào Động có hai loại, đó là: nghi thức tang lễ cho Chư Tăng và nghi thức tang lễ cho Đàn Tín Đồ. N ghi thức tang lễ cho Đàn Tín Đồ do Tăng lữ thực hiện đơn giản với chi tiết tuần tự như sau: • ChNm Kinh (nghĩa là tụng Kinh lúc vừa mới mất). • Thông Dạ (nghĩa là tụng Kinh qua đêm). • N ghi Thức Tống Táng. • Thu Cốt (gọi là nghi lễ an vị). N ói chung, nghi thức tống táng là một trong những Pháp sự cần thiết, xin ghi lại chi tiết rõ ràng, để biết một cách cụ thể và tổng quát. N hưng gần đây có nhiều tác phNm nhiều loại khác nhau như: nhập môn, tự điển biên soạn, phân tích, giải thích rành mạch tất cả những Pháp sự thuộc nghi thức tống táng từ lúc lâm chung cho đến khi viên mãn, được bày bán đầy dẫy trên các kệ sách của những quầy sách, tiệm sách. Ai muốn nghiên cứu tường tận, xin đọc số

sách ấy cho biết, hoặc loại đơn giản; hoặc loại ghi rõ từng chi tiết đều có. Trong đó sẽ được giải thích những điểm quan trọng rõ ràng hơn. Sâu sắc hơn ở trong đó đứng từ lập trường chuyên môn có thể thấy rõ chỗ sai trái, ngộ giải. Dẫu sao cũng nên đọc, cả lễ tống táng và pháp sự, thì sẽ thực hiện được một cách đứng đắn hoàn toàn. Sẽ được tuần tự giải thích một cách tỉ mỉ. Đồng thời đối với phương diện ấy ở đây cũng sẽ cố gắng giải thích những điểm chính so với những sách giải thích chi tiết kia. Ở đây sẽ giải thích về nội dung cùng ý nghĩa có tính cách căn bản về nghi lễ tống táng của Đàn Tín Đồ thuộc Tào Động Tông mà thôi. V.6.2.1 ChNm Kinh Tụng Kinh lúc lâm chung. Vị Tăng đứng trên phía đầu của người mất đọc một biến Kinh “Phật Di Giáo”, ba biến “Xá Lợi Văn”, và Văn Hồi Hướng. N gày xưa tụng Kinh “Thông Dạ” tụng suốt đêm, bây giờ ngay cả “ChNm Kinh” cũng còn tụng lược, như “Phật Di Giáo Kinh” bản kinh Đức Thích Tôn thuyết khi lâm chung, gọi là lời giảng dạy cuối cùng. Thiền Sư Đạo N guyên trích dẫn trong phần “Chánh Pháp N hãn Tạng” và “Bát Đại N hơn Giác”. V.6.2.2 Thông Dạ Kinh tụng suốt đêm, vị Tăng đối trước quan tài đọc “Tu Chứng N ghĩa”, “Xá Lợi Lễ Văn” hay những Kinh khác, rồi xướng Văn Hồi Hướng. Vị Tăng ấy đặt cho người mất một Giới Danh viết lên trên bài vị, bằng gỗ trắng, để giữa quan tài. Về giới danh nầy sẽ giải thích phía sau. Sở dĩ gọi là Thông Dạ vì ngày xưa tụng Kinh suốt đêm. Còn bây giờ tục lệ nầy hầu như bị chìm trong quên lãng. Thật sự trước sự ra đi vĩnh biệt đầy buồn thương ấy, việc tưởng niệm là cần thiết, nên an ủi gia đình người mất trong lúc nầy tốt hơn. V.6.2.3

N ghi Tống Táng Thế phát và thọ giới được cử hành trước khi di thể nhập quan, bởi vì lúc sanh tiền người mất sống hình thức tại gia, bây giờ mới xuất gia, phải cạo tóc. Việc nầy còn mang một ý nghĩa là cạo bỏ những phiền não và thọ giới làm đệ tử Phật, phát nguyện sống đời phạm hạnh. Thật sự, người nầy khi còn sống chỉ xuất gia trên nguyên tắc thôi, thực tế chưa cạo tóc và chưa thọ giới, bây giờ chết rồi, mới có thể cử hành nghi thức nầy chung một lần với tang lễ, trước tiên là cạo tóc. Vị Thầy Chủ Lễ đọc bài kệ như sau:

“Lưu chuyển trong ba cõi,

Ân ái chưa đoạn lìa.
N ay xả thân, tịch diệt.
Thật sự báo ân xưa”
Hoặc
“Cạo bỏ râu tóc, cầu cho chúng sanh, xa lìa phiền não, cứu cách tịch diệt“
Đọc ba lần, rồi lấy dao cạo tóc người mất, hoặc cạo sạch hoặc chỉ cạo một phần, hoặc chỉ làm động tác cạo mà thôi.
Tiếp theo là thọ giới, Thầy Chủ Lễ xướng lên
“Đệ tử vốn tạo các ác nghiệp,
Đều do vô thỉ tham, sân, si.
Từ thân, miệng, ý phát sanh ra,
Tất cả hôm nay xin sám hối.”
Chư Tăng thay thế cho người mất hòa theo. Sau đó trao Tam Quy,
Tam Tụ Tịnh Giới và 10 Giới Trọng trong 16 điều giới cấm. Tiếp theo đọc văn huyết mạch về huyết mạch thọ tả (nghĩa là thuộc giòng hệ nào chẳng hạn), rồi hướng về bàn thờ Hương Linh đọc:
“Chúng sanh thọ Phật giới,
Được vào địa vị Phật.
Đồng với bậc Đại Giác
Trở thành đệ tử Phật.
N am Mô Đại Từ Bi
Xót thương và gia hộ”.
Tụng Kinh N hập Liệm.
Sau khi thế phát, thọ giới xong đưa di thể nhập quan, tụng chú Đại
Bi Tâm Đà La N i, rồi Hồi Hướng.
Đại Dạ niệm tụng, kham tiền niệm tụng.
Đại dạ thật ra viết đúng là Đãi Dạ, gọi là đêm chờ đợi hỏa táng di thể người mất. Chư Tăng luân phiên niệm Phật để hộ niệm cho người mất nhận ra con đường vãng sanh và cầu nguyện hương linh được siêu thoát. Chư Tăng còn niệm mười danh hiệu Phật như:
Thanh tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá N a Phật,
Viên mãn báo thân Lô Xá N a Phật,
Thiên bách ức hóa thân Bổn Sư Thích Ca Mâu N i Phật,

Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật,
Thập phương Tam Thế nhứt thiết Chư Phật,
Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh,
Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát, Chư Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát N hã Ba La Mật. Sau đó đọc ba biến "Xá Lợi Lễ Văn", tụng Hồi Hướng. Cử Kham niệm tụng: Cử Kham, nghĩa là đem áo quan vào nơi làm lễ như chỗ để áo quan tại chùa, tại nhà, hay tại nghĩa địa) cũng có nghĩa là di chuyển quan tài. Chư Tăng tiếp tục niệm Phật, tụng kinh cầu siêu hương linh, tụng "Đại Bi Tâm Đà La N i" đánh trống, đánh phèn la 3 tiếng. Tiếp theo, Chư Tăng và người thân đứng hai bên cổ quan tụng Kinh "Đại Bảo Lầu Các Thiện Trụ Bí Mật Căn Bản Đà La N i". Áo quan được di chuyển đi vòng 3 lần qua bên mặt rồi an vị lại chỗ cũ. Tụng chú "Đại Bảo Lầu Các Thiện Trụ Bí Mật Căn Bản Đà La N i" để cầu gia bị cho hương linh thoát khỏi những thế giới khổ đau, bước chân lên con đường thanh tịnh, tạo công đức thiện nghiệp. Di chuyển quan tài ba lần về phía bên phải là Hữu nhiễu Tam Cân (đi nhiễu bên phải ba vòng) học theo cách đi nhiễu của người Ấn Độ để biểu lộ ý nghĩa cung kính. Bây giờ nghi thức nầy không còn làm riêng tại nơi quàn quan tài nữa, chỉ cử hành một lần tại nhà người mất thôi, bởi vì phải tùy thuận vào hoàn cảnh cá biệt khác nhau. N hập Kham Phúng Kinh. N hững nghi thức như: Đại (Đãi) Dạ N iệm Tụng. Cử Kham N iệm Tụng gọi là N ội Phúng Tụng, mà N ội Phúng Tụng nguyên gốc là những nghi thức cử hành trong giai đoạn đầu của việc tống táng cho đến Thông Dạ (Đãi Dạ Phúng Kinh). Có khi tụng Kinh Thông Dạ chung cũng tốt thôi. N ếu người mất chưa thọ giới, vị Thầy Chủ Lễ cử hành việc thọ giới trước. Dẫn Đạo Pháp N gữ: Vị Thầy Chủ Lễ đến trước quan tài (có 2 loại là hỏa táng hoặc thổ táng), đốt hương, chuyền hương từ tay trái sang tay phải, rồi chuyển ngược lại từ tay phải sang tay trái, đưa lên trên trời vẽ một vòng tròn, rồi tuyên pháp ngữ. N hư người dẫn đường cho hương linh đi vào thế giới giác ngộ của chư Phật, trước tiên vị Thầy Chủ Lễ giảng về ý nghĩa Pháp vô thường căn bản trong đạo Phật, tán dương công đức của người mất, cầu nguyện hương linh nương nhờ

phước đức thoát khỏi u minh, mà đối với Thiền Tông, đây là trọng tâm của việc làm lễ chôn cất. Điếu từ, Điện chia buồn: Điếu từ, điện chia buồn v.v... nội dung của những văn điếu cho người mất, những điếu từ, những điện văn là chia buồn cùng gia đình và tán dương sự nghiệp của hương linh lúc sanh tiền. Sơn Đầu N iệm Tụng Sơn Đầu có nghĩa là nhà chùa. N ếu việc N ội Phúng Kinh được cử hành tại nơi tổ chức tang lễ thì Dẫn Đạo Pháp N gữ và Sơn Đầu N iệm Tụng cử hành tại chùa. Sơn Đầu N iệm Tụng nghĩa là cắt tóc, thọ giới và ghi danh vào hệ thống hệ phái cho người mất. Thông thường vị Thầy Chủ Lễ trình bày và giảng nghĩa cho biết là đã trở thành đệ tử Phật, khi N gài dẫn đạo pháp ngữ và những người đệ tử mới nầy của Đức Phật sẽ giác ngộ, trở thành bông hoa đẹp trong vườn hoa ấy, và trở về với biển thanh tịnh, sống đời an lạc. Tiếp theo cúng trà và đốt nhang, tiễn đưa hương linh về thế giới an lành. Đây chính là ý nghĩa của việc niệm tụng Kinh văn. Tụng Kinh xong, xướng 10 danh hiệu Phật hoặc đọc "Tu Chứng N ghĩa" và phNm "Phổ Môn Quan Âm", lúc nầy tang quyến và những người đi đám lần lượt lên thắp hương và chia buồn. Thắp hương xong, tụng Hồi

Hướng. An Vị Phúng Kinh: Sau khi cử hành lễ tống táng, linh vị người mất sẽ được an vị ở nhà hoặc ở chù, Thầy Chủ Lễ tụng chú Đại Bi Tâm Đà La N i để cầu nguyện hương linh tiêu diêu Tịnh Độ rồi tụng văn Hồi Hướng. V.7 Sự Hiểu Biết Về Giới Danh V.7.1 Giới Danh, Pháp Danh và Pháp Hiệu Giới Danh nghĩa là tên của người Tín Đồ Phật Giáo, quy y Đức Thích Tôn, tôn kính chư vị Tổ Sư, học và thực hành đúng những lời Phật dạy trong đời sống hằng ngày. Sinh hoạt đứng đắn gọi là Giới. N goài tên của cha mẹ đặt là tục danh, còn có tên của Phật Giáo mà Giới Sư (vị Thầy cho thọ giới) đặt cho. Thông thường, tên được đặt sau khi người mất trong lúc đám ma là Giới Danh, vốn là tên khi còn sống để xác định rằng người ấy là một vị Tăng sĩ. Tên cha mẹ đặt cho, đối với người Tăng Sĩ cũng được giữ nguyên thành Giới Danh. N hư trường hợp của tôi (tác giả) có Đạo hiệu là Thiên Lại (Tenrai = tiếng trời), Húy là Long Chơn (Ryushin). Chữ Húy nầy do Thọ N ghiệp Sư ban cho còn Đạo Hiệu là do Bổn Sư cho. Khi tôi (tác giả) viên tịch, trên tấm bia và bài vị,

nếu thiết lập, chỉ ghi như sau: “Thiên Lại Long Chơn Đại Hòa Thượng”. Vả lại, tên của vị Tăng Sĩ chính là Giới Danh, cho nên không có sự thay đổi tên khi sanh tiền và lúc sau khi viên tịch. Trường hợp của Đàn Tín Đồ cũng giống như vậy. Đàn Tín Đồ nếu tham gia vào lễ thọ giới trở thành người xuất gia sẽ được Giới Sư ban cho Giới Danh, không dùng tục danh nữa. Đến khi chết Giới Danh ấy được khắc ghi lên bia đá và bài vị. Trên bia đá, ta thấy Giới Danh được khắc chữ đỏ vì người lập bia có ý muốn cho người đời sau biết người ấy thọ nhận Giới Danh lúc còn sanh tiền, còn gọi là nghịch tu. Giới Danh tên gọi của Phật Giáo, giống như Thọ TNy Danh, tên Thánh của Thiên Chúa Giáo. N ếu không có Giới Danh không thành tựu, cho nên khi còn sống nên thọ giới để có Giới Danh (ghi chú của dịch giả: Đây để chỉ cho trường hợp của N hật Bản. Còn các nước khác theo Phật Giáo không phải như vậy). Pháp Danh, Pháp Hiệu đại khái có thể nói là giống Giới Danh. Ai có tên nầy chứng tỏ rằng đã quy y Phật Pháp. Tông Tào Động chỉ gọi Giới Danh, không gọi Pháp Danh hay Pháp Hiệu. Tông Thiên Thai, Tông Chơn N gôn, Tông Tịnh Độ, Tông Thiền v.v... chỉ gọi là Giới Danh. Tông Tịnh Độ Chơn gọi Pháp Danh và Tông N hật Liên gọi Pháp Hiệu. Tông Tào Động phân chia cách sử dụng Giới Danh và Pháp Danh được hiểu như sau: Trường hợp người thọ giới khi còn sanh tiền gọi Giới Danh. Còn Tín Đồ không thọ giới không được gọi, nhưng khi chết trước lúc hỏa táng có thể cải đổi tên để thọ giới, có thể gọi là Pháp Danh Giới Danh, Pháp Danh và Pháp Hiệu chỉ là tên gọi của những Tín Đồ Phật Giáo, mà đúng ra chẳng phải tên của đời nầy, cũng chẳng phải tên của đời kia, mà là phô diễn ý nghĩa tất cả đều bình đẳng, là đệ tử của Phật đang hiện hữu trong thế giới khổ đau phiền não. N êu danh ấy chẳng qua làm sao để có một cái tên đầy đủ ý nghĩa tự giác khi đang sống trong thế giới nầy. V.7.2 ChuNn Mực Của Giới Danh Giới Danh nói lên tính chất bình đẳng của đệ tử Phật, không phân biệt cao thấp, trên dưới khi được gọi bằng tên ấy. Dù cho có vô vàn khác biệt của chúng sanh sống trong đời nầy song trong thế giới chư Phật không có sự khác biệt nào cả. Do vậy trong đời sống, Giới Danh ấy đều bình đẳng như nhau. N ếu nói một cách khẳng định, Giới Danh đồng nhau.

Thật tế, trên nguyên tắc người có tín ngưỡng, người không có tín ngưỡng, người có nhơn cách, người không có nhơn cách, ai ai cũng đều cống hiến cho sự nghiệp của gia

đình, xã hội, giáo đoàn, Chùa, Viện, Phật Giáo v.v... nhưng nếu chọn cho mình có một Giới Danh đẹp đẽ thì thích nghi hơn. Với ý nghĩa đó, Giới Danh căn cứ vào cá tánh của từng người nên có sai biệt. N hưng khi đã chết mới được đặt tên trong lúc lễ tang, những người ấy đều cùng một Giới Danh, mà Giới Danh nầy nói lên sự hy vọng của người mất lúc sanh tiền, hoặc nguyện vọng, suy nghĩ, ý muốn của tang gia, những người liên hệ dành cho người quá cố. Do vậy, Tín Đồ Phật Giáo không phải là một đoàn thể chung chung, mà tùy duyên theo cá tính của từng cá nhân. Giới Danh được nhận sau khi chết xuất phát từ tâm đồng cảm với những người thân, trong tang quyến. Về phương diện lịch sử, có nhiều phê phán về Giới Danh như một sự tham vọng, nhưng Giới Danh được ghi vào sổ bộ trong chùa (Bổ Đề Tự) và sổ lưu niệm gia đình, trên mộ bia v.v.... mãi mãi lưu truyền cho hậu thế. Cũng có người di chúc không muốn có Giới Danh, những Thầy Chủ Lễ phải tôn trọng di ngôn của người quá cố, chấp nhận di chúc và sử dụng tục danh trong lễ tống táng. Thật ra, không thể nói là tham vọng đối với vấn đề nầy, bởi vì về sau những người thân trong tang quyến gặp người khác hỏi về Giới Danh của người mất, không biết trả lời sao, nên mới có tha thiết yên cầu như thế. Khi còn sanh tiền, có người tự đặt Giới Danh cho mình, không giống trường hợp người không cần Giới Danh. N hững việc như thế cũng là một cách hành xử, nói lên quan điểm về nhơn sanh và kiến thức của mình, song mặt khác cho thấy rằng chẳng qua chỉ làm tăng thượng mạn mà thôi. Hơn nữa, có người suy nghĩ rằng Giới Danh chẳng phải là việc ăn uống gì cho nên muốn đổi tên. Trên nguyên tắc điều nầy không được, song trường hợp ngoại lệ vẫn chấp nhận. Thật sự, nếu Giới Danh tạo tổn thương cho người mất, chỉ thêm khổ tâm, thế thì có lợi ích gì mà phải đặt Giới Danh, điều nầy chư Tăng phải hoàn toàn có trách nhiệm. N hưng dẫu việc ấy xảy ra, phNm cách và kiến thức của vị Tăng đâu phải vì thế mà trở thành thấp đi, cho nên Chư Tăng vẫn an nhiên đặt Giới Danh như thường. Có vấn đề lớn là đặt dùm Giới Danh hoặc có những vị Tăng yêu cầu số tiền quá lớn khi đặt Giới Danh. Thật tế, không phải không có phiến diện về quan niệm xã hội, không phải không có những

Tăng Sĩ không xem tư cách của mình là trọng, không phải không có những Tu Sĩ mang tiếng như vậy, không phải không có những Tăng Sĩ lợi dụng buồn khổ của người, hám lợi như ngạ quỷ, súc sanh làm những hành động chẳng bình thường chút nào cả. Vị Tăng nầy sửa đổi Giới Danh mà vị Tăng khác đã cho, tạo sự không hay đối với vị Tăng ấy, làm cho tang gia bối rối thêm, để rồi chấp nhận điều kiện có thể để cho tang lễ được an ổn. Thành ra việc mong mỏi đặt cho Giới Danh ấy thành ra làm tiền, ngã giá chê bai mắc rẽ, quả là tâm hư dối, không thật lòng. Thật tế, trong cuộc sống cũng có nhiều người thích nổi danh, yêu cầu đặt cho Giới Danh với số tiền tốn kém trong khi làm đám, rõ ràng vấn đề nầy xem như cá biệt, mà nội dung có khác, không nên phê phán làm gì. Tuy nhiên, không phải không có những vị Thầy đi đám tang để lấy tịnh tài cúng dường Tam Bảo, điều hành Phật sự, duy trì giáo đoàn v.v...Vả lại, dù cho đòi hỏi của tang gia một số tiền nào đó để cúng dường Giáo Đoàn hoặc đóng góp vào những lãnh vực khác, cũng tùy theo hoàn cảnh từng chùa, đại loại là theo khả năng, hoàn cảnh, phương tiện chứ hoàn toàn không có ép buộc, tất cả không giống nhau. N ói chung, tiền cúng dường cho việc đặt Giới Danh nhiều ít không lệ thuộc vào quyết định chủng loại,

chuNn mực của Giới Danh . V.7.3 Sự Cấu Tạo Của Giới Danh Và Chủng Loại Giới Danh gồm có: Viện Hiệu, Viện Điện (tên chùa Viện), Đạo Hiệu Giới Danh, Tánh phái – chức danh (Vị Hiệu) nên gọi là chức vụ. Hầu hết dùng Đạo Hiệu Giới Danh, Tánh phái. Còn Viện Hiệu(Viện Điện), Đạo hiệu Giới Danh, Tánh phái cho vào đó hai chữ như nguyên tắc, ví dụ: Vịnh Tùng Viện Hạc Phùng Tiên Thọ Cư Sĩ (Viện hiệu) (Đạo hiệu) (Giới danh) (Vị hiệu) Hoặc Phước Tụ Viện Từ Hải Diệu Hàng Đại Tỉ (Viện hiệu) (Đạo hiệu) (Giới danh) (Vị hiệu) Viện Điện Hiệu, Viện Hiệu cùng gọi chung là Viện Hiệu. Khi Thiên Hoàng nhường ngôi lui về sống ở cung điện khác và băng hà, gọi là Thuần Hòa Viện. Chữ Viện bắt đầu dùng lúc ấy. Hơn nữa chữ Viện Điện kể từ khi Túc Lợi Tôn Thị trở đi mới thêm vào chữ Điện cho nhà họ Võ để phân biệt với Thiên Hoàng. Hơn nữa,

Viện Hiệu hay Viện Điện Hiệu là cách đặt tên theo niềm tin Phật Giáo, giống như kiến tạo một ngôi chùa, biểu hiện cho một sự tồn tại trong đời, nên được duy trì. Viện Điện Đại Cư Sĩ là Giới danh cao nhất, mà ngày xưa gọi là Đại Danh Phiên Chủ hay Phu N hơn, Đại Thần, Tri Sự v.v... N gày nay theo tiêu chuNn nầy, tùy theo sự cống hiến và niềm tin của Tín Đồ đối với Phật Giáo, Giáo Đoàn, Bồ Đề Tự thế giới, quốc gia, địa vực xã hội v.v... mà được biệt lệ. Thật ra, có rất ít những người được như thế, nếu không nói là rất hiếm. Viện Điện Hiệu Cư Sĩ (Đại Tỉ) là cách đặt Giới Danh nói lên công đức, địa vị mà Viện Điện Hiệu ấy đã, tùy theo xã hội, đoàn thể, Giáo Đoàn, của ngôi chùa ấy v.v... • Đạo Hiệu và Giới Danh Đạo Hiệu biểu hiện đức độ của vị ấy. Giới Danh là tên của người khi thọ giới. Giới Danh của Tông Tào Động có một sự chọn lựa chữ thật là chín chắn, như: Vịnh Tùng Viện, Hạc Phùng Tiên Thọ Cư Sĩ như ta đã thấy, trường hợp như thế rất phổ thông. Bốn chữ Đạo Hiệu và Giới Danh đặc biệt có liên hệ với Kinh Điển, Tổ Duyên, do tham cứu thơ văn bằng chữ Hán mà có những chữ như thế để tương xứng khi không cần dùng tục danh nữa. • Đại Cư Sĩ (Đại Tỉ) hay Cư Sĩ (Đại Tỉ) Đại Cư Sĩ (Đại Tỉ) dành riêng cho Viện Điện Hiệu. Còn Cư Sĩ (Đại Tỉ) dành cho Viện Hiệu và Vị hiệu. Cư Sĩ, Đại Tỉ là những tín đồ tại gia, nhiệt tâm tham thiền. Tín Đồ cũng có thể tự xưng là Cư Sĩ hay Đại Tỉ. • Tín Sĩ, Tín N ữ Đây là cách gọi chung chung cho các Đàn Tín Đồ theo Vị Hiệu, cao nhất là Viện Điện Hiệu và Viện Hiệu. Thông thường, họ là những người không có chức phận, những tín đồ bình thường nghe và thọ nhận lời dạy, gần gũi Chư Tăng, gọi là Tín Sĩ, Tín N ữ. • Đồng Tử, Đồng N ữ Đa số tuổi lên 4, lên 5 hoặc giả chết từ 7 tuổi trở xuống, chưa tới 15 tuổi, gọi những đứa trẻ ấy theo Vị Hiệu là Đồng Tử, Đồng N ữ. • Hài N hi (Hài N ữ) Anh nhi từ lúc mới sanh cho đến 2, 3 tuổi, những trẻ “ấu nhi” được đặt theo Vị hiệu là Hài N hi hay Hài N ữ. • Thủy Tử N hững thai nhi chết khi sanh ra được đặt theo Vị Hiệu. N ói chung, Hài nhi, Anh nhi, Thủy Tử thường chỉ đặt Giới Danh và Vị Hiệu.

• Thiền Định Môn (Thiền Định N i) N i cũng có Vị hiệu, đặc biệt lúc sanh tiền chuyên tâm thiền định, thuần tín Tam Bảo, thân cận thiện hữu. Thiền Định Môn và N i được gọi không phải chỉ cho người xuất gia làm Tăng lữ (N i Tăng). Vả lại, theo Pháp Danh của Tịnh Độ Chơn Tông, phải bắt buộc, nếu nói không quá đáng, chữ đầu dùng chữ Thích. N gắn cho vào chữ Dự, để so sánh với Giới Danh dài hơn. Còn Tông N hật Liên cho vào đó chữ Diệu. Tùy theo Tông Phái, có sự phân biệt Giới Danh khác nhau như thế. V.8 N hững N gôi Mộ Bình Thường V.8.1 N guyên Hình Của N gôi Mộ Là Một Cái

Tháp N gôi mộ là nơi chôn cốt đã thiêu xong, hoặc là chôn thân xác, có hình tháp, tiếng Phạn gọi là Stupa, mà thời Đức Thích Tôn tại thế ở Ấn Độ đã có những tháp như thế. Khi Đức Thích Tôn nhập diệt, xương cốt của N gài được phân chia cho 8 vương quốc tại Ấn Độ tôn thờ, lễ bái và cúng dường. N ơi thờ Xá Lợi Phật được gọi là Xá Lợi Tháp, mà chúng ta có thể nhận được là tháp Sanchi, xây dựng vào thế kỷ thứ 2 trước tây lịch, có hình tròn giống như một cái bát úp xuống. N gười N hật dựa theo mẫu đó, xây dựng một số tháp lớn ở Takaozan. N gay cả ở Miến Điện, Thái Lan, Tây Tạng, người ta làm tháp cũng lấy mẫu từ hình tròn cái bát ấy cải biến lại. Ở Trung Hoa, tháp có hình ống hoặc đa giác. N ơi nào có tháp, nơi ấy có chùa. Ở Trung Quốc, ngôi tháp cổ nhất xây dựng vào thế kỷ thứ 6 tại Tung Sơn thuộc tỉnh Hà N am, cao 15 tầng và có 12 cạnh. Ở N hật, vào khoảng hậu bán thế kỷ thứ 6 đã xây dựng tháp bằng gỗ cao 5 tầng tại chùa Pháp Long (Horyu) xưa nhất thế giới. Có tháp cao đến 13 tầng tiêu biểu của N hật. Còn lại phần nhiều tháp bằng gỗ chỉ 3 hoặc 5 tầng, hiển nhiên để tôn trí Xá Lợi Phật. N goài ra, còn có tháp N gũ Luân và N gũ Luân Tháp Bà làm bằng đá. Tháp nầy có hình dáng biến hóa từ trên xuống là hình cầu như bảo châu, rồi bán nguyệt, tam giác, hình tròn, rồi tứ giác, Sau nầy, để thay các tấm mộ bia, người ta làm những cây trụ bằng gỗ có hình tháp như thế. Tháp Bà có khi viết là Tốt Tháp Bà phiên âm từ chữ Stupa mà ra. Trên Tháp Bà, có viết 5 chữ Phạn là Kya Ka Ra Pa A, nghĩa là địa, thủy, hỏa, phong, không 5 nguyên tố chính của vũ trụ, chính con người được cấu tạo từ 5 nguyên tố nầy. Về nguyên lý, sau khi chết, thân xác nầy trả cho trời đất, thần thức quy về Đại N hật N hư Lai, biểu hiện của vận hành vũ trụ, nhưng

thỉnh thoảng trong Kinh cũng nhấn mạnh công đức tạo Tháp. Tương truyền rằng Thiền Sư Đạo N guyên từ Trung Quốc lưu học trở về xây dựng Bảo Khiếp Ấn Tháp (Bookyoointoo), thường gọi là “Tháp Hạc” để cầu nguyện cho cha mẹ, bởi vì N gài mồ côi cha lúc lên ba và mồ côi mẹ năm lên tám. Bây giờ tháp vẫn còn, được xem là vật tối cổ của người N hật, là di sản văn hóa Quốc Gia, cần phải giữ gìn. Thiền Sư Đạo N guyên trong phần “Phát Vô Thượng Tâm”, phần “Tạo Tháp Tạo Phật” trong “Chánh Pháp N hãn Tạng“ có nói về điều nầy. Thế nhưng, không dành riêng một chương nào đặc biệt nói về việc tạo tháp cả. Chúng ta có thể nghĩ rằng dù gọi là Tháp, song có thể sử dụng như một đạo tràng tu hành tại các tự viện được chăng? Hơn nữa, từ Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự, Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự cho đến tự viện của Tông Tào Động ít có nơi nào xây tháp 3 tầng hay tháp 5 tầng như có lần đề cập ở phía trước. V.8.2 N hững Loại Mộ Có nhiều loại Mộ khác nhau làm bằng gỗ, bằng đồng, bằng đá v.v... nhưng đa phần là bằng đá, như Đa Bảo Tháp, N oãn Tháp, Bảo Khiếp Ấn Tháp, N gũ Luân Tháp v.v... Đa Bảo Tháp, căn cứ theo Kinh Pháp Hoa, trong tháp nầy an trí tôn tượng Đa Bảo N hư Lai. N gày xưa các vị Tăng Sĩ hay gia đình quý tộc thường được chôn trong các mộ tháp như vậy. N oãn Tháp là mộ của Chư Tăng. N hững ngôi mộ của Tăng Sĩ Tông Tào Động rất đặc thù ngoại lệ, hầu như là N oãn Tháp hình vòm. Bảo Khiếp Ấn Tháp nguyên thủy tháp chôn Bảo Khiếp Ấn Đà La N i. N gày xưa, các gia đình quý tộc và Võ Sĩ được chôn trong những ngôi mộ như thế. N gũ Luân Tháp chôn những Võ Sĩ. Hiện tại đa phần là tháp đá có nhiều góc cạnh, dành cho thứ dân kể từ thời Edo trở lại đây. Gần đây cũng có những ngôi mộ hình dáng bia kỷ niệm như Âu Châu. N ếu ai có thời giờ viếng nghĩa

địa tại Tamabochi, Tokyo hay Aoyamabochi hoặc Linh Viên Tạng Ty Cốc sẽ thấy có nhiều loại tháp khác nhau, thiên sai vạn biệt. V.8.3 Đi Viếng Mộ N gười N hật đặc biệt là những Tín Đồ Phật Giáo, không luận là Tông Phái nào, đều đi thăm mộ vào những ngày giỗ kỵ, hai lần lễ Bĩ N gạn vào mùa Xuân và mùa Thu, Lễ Vu Lan v.v.. Vì sao? Lý do gì phải đi thăm mộ?

Thứ nhất là tưởng niệm và niệm ân đức ông bà, cha mẹ, những người đã quá vãn. Thứ hai tự nhìn lại bản thân mình ngày hôm nay để có năng lực cần thiết tiếp tục sinh sống. Thường thì đến đó quét mộ, dùng nước rửa mộ, trồng hoa, chưng những bông hoa theo bốn mùa, hiến hương, chấp tay, đọc Kinh. N hững hành động như vậy nên làm. Tại sao thế? Thật ra, không cần hỏi tại sao có những việc kỳ diệu xảy ra làm cho tâm của ta trở nên an ổn. Viếng mộ là công việc mà đại đa số người N hật từ xưa đến bây giờ vẫn còn tiếp tục, mà cũng có thể nói rằng tinh thần đó là truyền thống trở thành tình cảm tự nhiên của con người. Chỉ một người đi viếng mộ cũng tốt, song có nhiều người thân trong gia đình cùng đi càng tốt hơn. Đặc biệt, trẻ con hay thế hệ trẻ nên tham gia để thấy tình cảm được gắn bó và hiệu quả trên phương diện tinh thần. Giới Danh của người quá vãng được khắc vào bia trễ lắm đến Tiểu Tường (1 năm) là tốt nhất. N hững nhà làm bia đáng tin tưởng vẫn được nhiều người quan tâm hơn. Tuy nhiên, đối với người thế gian, có nhiều cách nhìn khác nhau cho nên cách làm mộ cũng có nhiều quan niệm và hình thức khác nhau, song vẫn có một nguyên tắc chung kiến tạo một ngôi mộ đàng hoàn. Đúng hơn đối với tất cả mọi việc, việc gì cũng có một nguyên tắc căn bản cả. Có những ngôi mộ rất sống động, song cũng có những ngôi mộ khó nói. N hững người nghiên cứu về hình dáng mộ rất dồi dào những ý tưởng, chấp thủ sanh ra nhiều ý kiến khác nhau. Cũng có những người chủ trương lập trường ngược lại. Đức Thích Tôn và chư vị Tổ Sư, hầu như không quan tâm đến hình tướng Mộ tháp, nhưng cũng không phải vì thế mà không lưu tâm đến vấn đề kiến tạo ngôi mộ sao cho được. Suy nghĩ về ngôi mộ biết đâu cũng là việc làm có ý nghĩa. Ghi đôi dòng lên bia kỷ niệm cũng là điều thú vị biết bao. Không có việc bất khả tư nghì nào luôn luôn còn mãi, một ngôi mộ đẹp đến bao nhiêu đi nữa, chẳng bao lâu cỏ cũng mọc đầy, thậm chí rồi chẳng có ai đến thăm mộ nữa. N hững việc như thế không phải chưa xảy ra. Tất cả đều ngoài ý muốn. Song một ngôi mộ, một tấm bia kỷ niệm chứa đựng bao nhiêu điều ý nghĩa, đối với Tín Đồ Phật Giáo N hật Bản, không ít những trường hợp như thế, đó là đối tượng lễ bái. Đàn Tín Đồ của Tông Tào Động đứng trước mộ thường đọc Kinh Đại Bi Tâm Đà La N i hay Hành Trì Báo Ân thuộc chương thứ 5 của Tu Chứng N ghĩa, và đọc kệ Hồi Hướng chung như:

N guyện đem công đức nầy, Hướng về khắp tất cả, Đệ tử và chúng sanh, Đều trọn thành Phật-đạo. Tụng với tất cả chân thành mới là cách cúng dường cao quý hơn cả. V.9 Tụng Kinh Cầu N guyện Cúng Dường Lý do và ý nghĩa của việc tụng Kinh cầu nguyện, cúng dường nhân ngày giỗ. V.9.1 Lý Do Và Ý N ghĩa Của Việc Tụng Kinh (Lý do và ý nghĩa việc tụng Kinh cầu nguyện cúng dường). Truy Thiện Cúng Dường nghĩa là pháp sự nhằm cúng dường cho người quá cố. N ói chung, sống trong cuộc đời, vì tạo ra cả thiện nghiệp lẫn ác nghiệp và thiện ác lẫn lộn nên là con người. Song Truy Thiện nghĩa là tưởng niệm những điều tốt đẹp của người mất. Cúng dường nghĩa là dâng cái gì đó cho

người mất, đại để có hai loại đó là cúng dường tinh thần và cúng dường vật chất như lúc người ấy còn sanh tiền. Còn Pháp Sự chỉ cho việc Phật vốn là lời chỉ dạy của Đức Phật, cũng có khi gọi là Pháp Yếu hay Phật Sự, tất cả đều mang ý nghĩa như nhau. Tùy thay đổi ấy, ý nghĩa nghi lễ trở thành nhiều vấn đề khác nhau. N hư vậy, qua vấn đề Truy Thiện Cúng Dường, chúng ta biết chắc rằng dòng sinh mạng nầy khởi nguyên từ quá khứ vô thỉ, tạo thành cái thân của ta trong hiện tại, tiếp tục lưu chuyển đến tương lai vô cùng, thế thì chúng ta phải hành xử như thế nào! Thiền Sư Đạo N guyên trình bày trong phần cúng dường Chư Phật trong Chánh Pháp N hãn Tạng rằng: "Công đức cúng dường Phật sẽ thành Phật". Hãy ghi nhận ý nghĩa nầy tốt hơn chăng? Truy Thiện Cúng Dường xuất phát từ Ấn Độ xa xưa, mà Kinh Thủ Lăng N ghiêm, Đại Quán Đảnh Kinh và Luận Câu Xá v.v... đều có ghi rõ tụng Kinh, cầu nguyện, cúng dường cho đến 49 ngày. Theo tư tưởng và tập quán tang lễ Ấn Độ cổ đại, người chết trải qua thời gian 49 ngày làm thân Trung Hữu hay Trung Ấm mới đi đầu thai. Tại Trung Quốc, tư tưởng Phật Giáo tùy duyên với N ho Giáo, mà thế kỷ thứ 12, Chu Tử tóm lược những nghi thức tang lễ ảnh hưởng N ho Gia và Thiền Tông tạo ra Kinh Thập Vương, cho biết thời gian để tang và cúng dường cho người mất trong vòng 49 ngày, rồi một năm, đến ba năm v.v... cho nên trong lúc làm lễ hay

bài trí hình ảnh của mười vị Phật và Bồ Tát, gọi là Thập Phật Sự với ý chỉ cho việc nầy. N gười N hật thọ nhận cả hai phong tục tang lễ của Ấn Độ và Trung Quốc cộng với tín ngưỡng dân gian (Tổ Linh tín ngưỡng) từ thế kỷ thứ 7 thứ 8, để tang và cúng dường 49 ngày tụng đọc và ấn tống Kinh Địa Tạng Thập Vương mà nội dung Kinh nầy nói về người chết đến cõi U Minh qua trước 10 vị Vua, bị khảo tra về những hành vi thiện ác khi còn sống. Đến thế kỷ thứ 13, 14, có Thập Phật Sự, Tam Hồi Kỵ, Thất Hồi Kỵ, Thập Tam Hồi Kỵ được thêm vào thành Thập Tam Phật Sự. N goài ra, còn thêm vào 50 lần kỵ hay 100 lần kỵ, giống như ngày hôm nay đang thực hiện. V.9.2 Phương Cách Cũng N hư Chủng Loại Cầu N guyện Tông Tào Động ảnh hưởng vấn đề tang lễ từ thời kỳ sau Kamakura bắt đầu cử hành Pháp Sự Truy Thiện Cúng Dường cho Đàn Tín Đồ. N hững ngày kỵ trong một năm, nếu xem, đại để được liệt kê như sau: Sơ Thất N hật còn gọi là Sơ N guyện Kỵ. Bắt đầu từ ngày mất tính đến ngày thứ 7, ngày nầy gọi là Sơ Thất N hật, cử hành việc Truy Thiện Cúng Dường cho đến 49 ngày, bởi vì thời gian nầy người chết gọi là Trung Ấm hay Trung Hữu và đến ngày nầy mới quyết định kết quả đời sống kế tiếp, cho nên 7 ngày làm lễ cúng dường một lần. N hị Thất N hật còn gọi là Dĩ Phương Kỵ Tam Thất N hật còn gọi là Tửu Thủy Kỵ Tứ Thất N hật còn gọi là A Kinh Kỵ N gũ Thất N hật còn gọi là Tiểu Luyện Kỵ Lục Thất N hật còn gọi là Đàn Hoằng Kỵ Thất Thất N hật (Tứ Cữu N hật) còn gọi là Đại Luyện Kỵ (N hư vậy thần thức người mất vẫn tiếp tục in sâu tận đáy lòng người sống cho đến 49 ngày cho nên theo phong tục của người N hật, ngày thứ 49, gia đình làm 49 cái bánh viên tròn thành một quả lớn và cả gia đình ăn bánh ấy. Thời gian trong vòng 49 ngày gọi là tang chế, qua đến ngày 50 trở thành ngày kỵ khác rồi). 100 ngày gọi là Tốt Khú Kỵ (hết khóc, nghĩa là nước mắt khóc buồn khi tử biệt đã dừng) Một năm kỵ hay cũng còn gọi là Tiểu Tường Kỵ (ngày xưa ở Trung Quốc dùng để chỉ cho việc để tang. Lúc nầy người thân được mặc y phục bình thường, nên chữ "tường" theo chữ nghĩa ở đây, ý nói là tốt).

Tam Hồi Kỵ hay Đại Tường Kỵ (Tốt Khú Kỵ, Tiểu Tường Kỵ và Đại Tường Kỵ là những ngôn từ xuất phát từ N ho Giáo, chuyển sang lãnh vực Phật Giáo. Ở Trung Hoa có thuyết cho rằng để tang đến 3 năm tượng trưng cho chữ Hiếu). Cúng giỗ năm thứ bảy gọi là bớt cúng rình rang. Giỗ lần thứ 13 là cúng Từ Minh. Giỗ năm thứ 23 gọi là cúng riêng biệt. Giỗ thứ 25 gọi là Cúng Đại sĩ. Giỗ lần thứ 33 là cúng thanh tịnh bản nhiên. Giỗ lần thứ 50 gọi là cúng viên mãn. Giỗ lần thứ 100 gọi là một hiệp Kỵ. (N ếu cử hành được lễ kỵ 50 năm hay 100 năm, chính đó gọi là Khánh Sự (việc vui). Hơn nữa Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự và Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự cứ 50 năm cử hành Pháp Sự kỵ N hị Tổ Thiền Sư khai sơn của hai chùa, được gọi là Đại Viễn Kỵ). Còn có một vấn đề nữa đã thấm sâu vào phong tục tập quán người N hật đó là Thập Tam Phật. Tùy địa phương, Đàn Tín Đồ của Tông Tào Động cử hành Truy Thiện Cúng Dường có treo 13 bức họa hình Phật, căn cứ theo Kinh Thập Vương và Kinh Địa Tạng Thập Vương. Trong 7 ngày ấy, khảo tra công tội của người mất, mà điều nầy nói lên niềm tin về sự sám hối tội nghiệp, cho nên trong ngày kỵ của năm đầu an trí những hình Phật, Bồ Tát hay Minh Vương như Bổn Địa, Bổn Tôn v.v... Sơ Thất bày hình Tần Quảng Vương – Bất Động Minh Vương N hị Thất hình Sơ Giang Vương – Thích Ca N hư Lai Tam Thất hình Tông Đế Vương – Văn Thù Bồ Tát Tứ Thất hình N gũ Quan Vương – Phổ Hiền Bồ Tát N gũ Thất hình Diêm Ma Vương – Địa Tạng Bồ Tát Lục Thất hình Biến Thành Vương – Di Lặc Bồ Tát Chung Thất hình Thái Sơn Vương – Dược Sư N hư Lai Bách N hật hình Bình Đẳng Vương – Quan Thế Âm Bồ Tát Một năm tiểu tường hình Đô Thị Vương – Thế Chí Bồ Tát Giỗ 3 năm hình N gũ Đạo Chuyển Luân Vương – A Di Đà N hư Lai Giỗ năm thứ bảy hình A Súc N hư Lai Giỗ năm 13 hình Đại N hật N hư Lai Giỗ năm 33 hình Hư Không Tạng Bồ Tát. Pháp Sự Truy Thiện Cúng Dường nghĩa là tính từ ngày mất hay năm mất, cử hành theo ngày tháng năm ấy. Tháng mất thường gọi

là Chánh N guyệt hay Tường N guyệt. N gày mất gọi là Mệnh N hật. Pháp sự trong ngày ấy, nếu tổ chức tại nhà, trước tiên dọn dẹp nhà cửa tươm tất sạch sẽ, cung thỉnh chư Tăng đến chứng minh tụng kinh hộ niệm, sửa soạn chuNn bị mọi thứ, đặt bài vị ngay giữa nhà. N ếu cử hành tại chùa, nên cung thỉnh tất cả Tăng lữ trong chùa tham dự. N gày đó không được ăn thịt cá, chỉ ăn chay, chính là phong tục đẹp từ xa xưa đến nay vậy. Kinh cầu nguyện trong lễ Truy Thiện Cúng Dường gồm có: tụng Bổn Tôn Thượng Cúng, tụng Bát N hã Tâm Kinh rồi đọc kệ Văn Hồi Hướng. Công đức tụng Kinh dâng lên Phật và Lưỡng Tổ Đại Sư, nguyện cầu ánh sáng Phật Pháp chiếu rọi khắp nơi gia hộ cho con cái gia đình phát đạt hưng thịnh, mọi người được tiêu trừ nạn tai, cầu nguyện cho tất cả mọi việc được bình an cát tường. N goài ra, trong ngày giỗ tụng Tu Chứng N ghĩa, Quan Âm Phổ Môn phNm, Chứng Đạo Ca v.v... rồi xướng lên Văn Hồi Hướng. Công đức tụng Kinh vào ngày đó tháng đó đều hướng về hương linh, ngưỡng cầu Tam Bảo chứng minh tiếp độ hương linh với lời thỉnh nguyện rằng: “Hãy phóng quang tiếp dẫn người quá cố vãng sanh, gia hộ chúng con vui theo Phật pháp, luôn được bình an, thăng tiến trong mọi việc“. N goài ra, còn dâng cúng hương hoa, đèn, trà, bánh, mật cho hương linh nữa. V.10 Tọa Thiền Hội V.10.1 Căn Bản Của Sự Sinh Hoạt Tín N gưỡng Là Đàn Tín Đồ hay Tăng lữ theo Tông Tào Động, ai ai cũng phải hành thiền. Dù cho có những sinh hoạt về tín ngưỡng như Truy Thiện Cúng Dường, Thọ Giới Hội, N gự Vịnh Ca, Tả Kinh,

Tuần Lễ, Hoạt Động Phụng Sự từ thiện v.v... trên nhiều phương diện khác nhau, nhưng trọng tâm sinh hoạt tín ngưỡng vẫn là Tọa Thiền. Trong sinh hoạt tín ngưỡng, dù niềm tin Tôn Giáo thuộc gia đình hay niềm tin Tôn Giáo của cá nhân, Tọa Thiền vẫn có thể hiểu là vấn đề ý thức cá nhân. Chư Tăng ngồi Thiền hằng ngày tại Tăng Đường hoặc phát nguyện tham dự những Hội N hiếp Tâm có tính cách định kỳ, mà trên nguyên tắc N hiếp Tâm Hội kéo dài từ 5 đến 7 ngày, kể luôn cả thời gian ngủ nghỉ, với mục đích chính là Tọa Thiền, không được đi ra ngoài và bỏ qua tất cả việc linh tinh khác. Đàn Tín Đồ cũng Tọa Thiền. Có những Đàn Tín Đồ nghiên cứu bỏ thời gian suốt năm đọc sách Phật say sưa hơn là Tăng Sĩ và cũng có nhiều người hành thiền miên mật. Có Hành Thiền mới thấm

mùi vị tinh tủy Thiền của Phật Giáo, mới sống và thưởng thức trọn vẹn ý nghĩa, mà đó là những trạng thái an lạc có thể cảm nhận được. V.10.2 Hướng Dẫn Về N hững Hội Tọa Thiền Đàn Tín Đồ muốn tham dự tu Thiền, tham gia vào những Hội Tọa Thiền và Hội N hiếp Tâm mở ra khắp nơi trên toàn quốc. Đến đó, Đàn Tín Đồ có thể ngồi thiền thử. Ai muốn tham dự Tọa Thiền Hội và có thắc mắc mong được giải đáp, xin liên lạc với những nơi ghi sau đây để hỏi: • Tào Động Tông Tông Vụ Sảnh – Giáo Hóa Bộ; Hộp thư 150 – 0014 Tokyoto Minatokushi 2-5-2, Tel. 03-3454 5415 • Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự - Tham Thiền Hệ Hộp thư 910 – 1200 Fukuiken Yoshidagun Ehejicho Tel. 0776-33102 hoặc 633103 • Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự -Tham Thiền Hệ Hộp thư 230 – 0063 Kanagawaken Yokohamashi Hakkenku Hakken 2-1-1, Tel. 045-581 6021 • Tào Động Tông Giáo Hóa N ghiên Tu Sở Hộp thư 154 – 0012 Tokyoto Setagasaku Komazawa 1-23-1 Komazawa Đại Học, Tel 03-3418-9558 • Đại Học Komazawa Hội Tham Thiền ngày Chủ N hật. Hộp thơ 154 – 0012 Tokyoto Setagayaku Komazawa 1-23-1 Komazawa Đại Học, Tel. 03-3118-9008 hoặc 9558 (nếu là ngày thường) • N goài ra, có thể liên lạc với những Chùa Viện thuộc Tông Tào Động gần nhất để biết thêm những vấn đề như: tư cách hội viên, khai mạc vào ngày nào (Chủ N hật nào, lúc nào), hội phí, sư gia, giảng sư, sách giảng, y phục, cần mang theo những gì v.v... và những điều cần yếu khác, tất cả sẽ được giải thích rõ ràng. Tào Động Tông Tông Vụ Sảnh hay Đại Học Komazawa (phần Giáo Hóa N ghiên Tu Sở cũng như Hội Tham Thiền ngày Chủ N hật) tổ chức Hội Tham Thiền, có phòng ốc Tọa Thiền. Còn ở Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự hay Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, ngoài Hội Tham Thiền ngày Chủ N hật, còn có những Hội Tham Thiền định kỳ vào mùa Hạ, mùa Đông, có N hiếp Tâm Hội quan trọng dành cho Tăng Sĩ, và N hãn Tạng Hội, Truyền Quang Hội mà mọi người đều có thể tham gia được.

Trên toàn nước N hật có khoảng 30 ngôi chùa có Tăng Đường và 250 chùa có đạo tràng tu thiền, mà những nơi nầy hầu hết là cơ quan do Tông Tào Động thiết lập hoặc được thừa nhận. Đừng nên đến những nơi mà không được Tông Vụ Sảnh thừa nhận, vì đã phế bỏ hoặc không còn sinh hoạt nữa, nên liên lạc với những chùa thuộc Tông Tào Động gần nhất để nhận tin tức. V.10.3 Công Việc Của Tọa Thiền Hội Việc tác pháp Tọa Thiền dĩ nhiên không bắt buộc nhưng dù các Hội có đường lối, tư cách riêng tùy theo hoàn cảnh đặc biệt không theo truyền thống đi nữa, vẫn không ra ngoài nguyên tắc căn bản, tham khảo từ bản "Tào Động Tông Hành Trì Quy Phạm" thay đổi vào thời Chiêu Hòa, đại để như sau: ChuNn bị: ChuNn bị nộp tiền, thông báo, thời khóa biểu,

sách giảng, giảng đàn, bảng đen, ghế ngồi, đồ ngủ, tọa cụ, ghế ngồi của người tham gia, chuNn bị trà nóng, lau dọn Hội Trường cho sạch sẽ. Trước tiên, ban tổ chức thông báo những người tham dự biết những việc cần lưu ý, chỗ ngồi, nơi chốn và hướng dẫn thực tập phương pháp ngồi Thiền, tập ngồi kiết già được thì tốt, nếu chưa được, ngồi bán già cũng không sao, hay ngồi tỉnh tọa theo cách của N hật Bản cũng tốt , chỉ dẫn về thân thể và các vấn đề liên quan đến sinh lý, Mở đầu: N gười có trách nhiệm nói lời khai mạc. Tất cả đồng đứng chấp hai tay và cúi đầu lễ, sau đó đến chỗ ngồi. Phật Tổ Phúng Kinh (Bổn Tôn Thượng Cúng): Vị Đạo Sư tiến đến trước Phật hiến hương, hiến trà (mật, bánh cúng dường) xướng lên Tam Quy, lễ 3 bái. Tất cả cùng ngồi xuống, bái 3 bái và cùng tụng Bát N hã Tâm Kinh rồi xướng kệ Hồi Hướng. Tọa Thiền: o Tất cả đều im lặng trong khi hành Thiền. Thứ nhất, việc dụng tâm khi bước đi bàn tay (xoa thủ) ngón trỏ của bàn tay trái cho vào trong bàn tay nắm lại đặt ngang lên ngực và tay phải đơn giản bắt chồng lên tay trái rồi bước tới. Không được buông hai tay xuống để đi. o Khi vào Đạo Tràng bàn tay vẫn như thế, đứng dừng lại, lễ một lễ nhẹ. N ếu đi vào cửa trái, nên bước chân trái trước, đến chỗ của

mình (nơi đã định sẵn, có tọa cụ của mình), bước tới đứng lại nhẹ nhàng. o Đứng như vậy chấp tay, lễ một lễ (gọi là vấn tấn) quay qua bên phải ngồi xuống bồ đoàn, chấp hai tay lại lễ một lễ. o Sau khi ngồi lên bồ đoàn, ngồi kiết già hay bán già cũng được. Xương vai hạ xuống. N gồi ngay giữa bộ đoàn, đúng hơn là phía nữa bên sau bộ đoàn đừng đặt mông lên đó. Hai đầu gối phải tựa vào đất và ngồi yên (khi ngồi tĩnh tọa như thế không cần dùng đến bồ đoàn cũng được). N ếu ngồi theo lối kết già phu tọa, hãy theo cách đã giới thiệu đơn giản ở phần 1 của chương 3. Còn ngồi bán già, chân trái để lên trên đùi phải, tuy nhiên, cũng tùy chân dài ngắn của mỗi người mà ngồi miễn là công phu sao cho tâm an định là được. o Y phục phải chỉnh tề. N gồi yên mặt quay qua bên phải, chuyển động thân thể và hướng vào tường, gọi là Diện Bích. o Tiếp đó hai tay kết thành “Pháp Giới Định Ấn“ tay trái để lên trên tay phải, hai ngón tay trỏ đâu lại với nhau thật ngay ngắn, tiếp giáp nhau, không được gắng sức, song cũng chẳng buông lõng, rồi đặt lên trên hai chân. o Hai mắt không được nhắm chặt, cũng không được mở hẳn, khoảng 45 độ nhìn về phía trước độ 1 mét, theo hướng xương quai hàm. o Miệng mím lại. Miệng và môi tiếp giáp nhau, giữ yên bên trên. o Toàn thân đừng gắng sức, buông lực xuống. Đừng nghiêng trái cũng đừng nghiêng phải. Dáng ngồi trước sau ngay ngắn, nghiêm trang, gọi là “Chánh Thân Đoan Tọa”. o N ửa thân bên trên từ mạnh đến yếu dần vừa dao động, lấy dáng ngồi làm trọng tâm, quyết tâm chú ý vào điểm chính. o Điều hòa hơi thở, hít sâu vào và thở ra một lần, hoặc giả hai lần, gọi là “Khiếm Khí N hứt Tức”, sau đó hô hấp bình thường, nhất định không theo phương pháp hô hấp đặc thù cho con người. o Vị Thầy Kiểm Đơn đi tuần trong Đạo Tràng kiểm soát cách ngồi. Thầy đến trước mình, mình chấp tay, Thầy đi qua rồi thì thả tay xuống. N ghe 3 tiếng chuông chỉ tịnh, chấp tay rồi xả tay, chuyển thân về hướng vào tường, tất cả là nguyên tắc vậy. o Thời gian ngồi thiền cháy tàn một cây nhang là một chú, khoảng 45 đến 50 phút. o N ếu chân bị đau cũng có thể xả từ thế kết già phu tọa thành bán già phu tọa cũng tốt.

o Điều quan trọng là thân phải thật ngay (điều thân), hơi thở điều hòa (điều tức) và điều khiển tâm (điều tâm). Điều thân được là điều tức được. Điều tức được là điều tâm được. Thế nhưng, với người sơ tâm, chân bị đau, khó điều thân được. Vấn đề khó khăn nhất là điều tâm. Lấy việc ngồi thiền làm trọng tâm, cụ thể phải làm sao cho tốt. Quan trọng vẫn là đừng cho những tạp niệm khởi lên và đừng nhầm lẫn, vì vậy đừng bỏ chạy hay truy tìm ngoại giới, mà giữ nguyên như vậy. Đừng cố ý dừng lại những gì đang khởi lên, hãy buông bỏ tạp niệm ấy. Được như vậy, dần dần có thể điều thân và điều tức được, trong khi đó không nên nghĩ đến những sinh hoạt hằng ngày, hãy lưu ý cách dụng tâm lúc ban đầu. Toàn thân, toàn linh lúc ấy sẽ cảm nhận được. N ếu vẫn tiếp tục ngồi thiền, trong những khoảnh khắc chẳng biết gì hết đó là Thiền Định Lực (đây chính là sức mạnh vĩ đại có được khi Tọa Thiền) trong tự thân của mình. Cảnh sách. Trong khi ngồi thiền, có người Trực Đường mang một bản gỗ đi đến sau lưng của mỗi người, sửa cách ngồi và cảnh tỉnh người đang buồn ngủ. N ếu cảm thấy buồn ngủ quá khó ngồi thiền được, hãy tiến đến phía trước để thọ cảnh sách. Khi muốn thọ cảnh sách (đánh lên bả vai) phải chấp tay khi Trực Đường đến gần. N gười Trực Đường đánh nhẹ lên phía sau vai mặt để cảnh tỉnh. Lúc ấy đầu nghiêng về phía trái, chồm người về phía trước và chấp tay lại. N gười Trực Đường lễ một lễ và đánh lên vai mặt. Được cảnh sách rồi, chấp tay lễ một lễ, ngồi ngay ngắn lại Tọa Thiền tiếp tục, người Trực Đường cũng lễ một lễ khi cảnh sách xong. Đúng hơn Trực Đường không được dùng tâm phân biệt khi cảnh sách. Kinh hành. N ếu ngồi thiền thời gian hơn 2 cây nhang thì khoảng 1 cây là đứng lên để đi kinh hành. Kinh hành có nghĩa là từ chỗ Tọa Thiền đứng lên và bắt đầu đi bộ. Khi đi kinh hành thỉnh 2 tiếng chuông gọi là “Kinh Hành Chung”. N ghe chuông, hãy dao động nhẹ nửa bên trên thân, trước sau trái phải, xả chân ra rồi chuyển thân qua phía phải, đứng lên, bước đi cứ mỗi một hơi thở là nửa bước. Khi một hơi thở hết, tiếp theo nửa bước khác. Bắt đầu từ chân phải trước. Hình dáng, hô hấp, mắt, miệng v.v... giống như trong lúc Tọa Thiền. Bắt buộc phải vòng tay và hãy chú ý theo người đi trước để bước theo. Trải qua 5 hay

10 phút, nghe một tiếng chuông, gọi là Trừu Giải Chung, dừng lại, lễ nhẹ một lễ, bước đi thật nhẹ trở về chỗ cũ, ngồi lên bồ đoàn tiếp tục việc hành Thiền. o N gồi thiền xong, đầu tiên nghe tiếng chuông “Trừu Giải Chung”, hai tay đặt lên trên hai gối (bắp vế), nửa thân bên trên dao động từ nhẹ đến mạnh dần, từ trái qua phải, rồi chuyển thân qua phải, bỏ chân xuống, sửa bồ đoàn ngay lại, đặt ngay lại ở giữa, chấp tay lại xá bồ đoàn một xá, rồi quay mình sang phía phải, lễ một lễ và cũng giống như lúc ban đầu, hai tay để lên ngực, ra khỏi Thiền Đường. Xả Thiền xong, tiếp tục ở nơi đó nghe Thầy hay Giảng Sư giảng nghĩa đề mục. Hầu như buổi giảng thường ở một phòng khác. Trước tiên đồng tụng kệ Khai Kinh trước khi bắt đầu và đồng xướng kệ hồi hướng khi chấm dứt. N ếu đề xướng, giảng nghĩa có tính cách công khai, thì nhập thất, độc tham do sự hướng dẫn cho từng cá nhân. Hơn nữa, nhập thất hay độc tham thường là sau khi xong ngồi thiền, xin vào phòng của Sư Gia hỏi riêng, Sư Gia chỉ thị cho việc thọ lãnh. Tùy Sư Gia cũng có trường hợp không thực hiện việc nhập thất hay độc tham. N hững vấn đề vệ sinh rửa mặt, nhà xí, làm việc, ăn uống, vào nhà tắm, ngủ nghỉ, cùng diễn ra ở Tọa Thiền Hội, chứ không phải chỉ việc ngồi thiền, cho nên ngay cả việc rửa

mặt, đi cầu, làm việc, ăn uống, tắm rửa, ngủ nghỉ v.v... cũng áp dụng những động tác hành thiền. N hững công việc nầy được chia ra để làm, cho nên nhất nhất phải tuân thủ chỉ dạy, tuyệt đối im lặng, tập trung tinh thần, sống động, không làm phiền người khác khi làm việc. Một hạt bụi cũng phải lưu tâm, lúc nào cũng chú tâm, cái gì thái quá đều bị cấm. Bế mạc: N ghi thức bế mạc đại để cũng giống như khi khai mạc, cùng tụng Kinh trước Điện Phật, vị Đạo Tràng Chủ, Sư Gia, Giảng Sư v.v.... nói lời chúc mừng và cũng có phát biểu cảm tưởng và giải tán. Thỉnh thoảng thời khóa biểu còn có Thiền Trà (công việc uống trà), Tọa Đàm Hội (tự giới thiệu về mình và cảm tưởng của mỗi người, hỏi đáp v.v...), cũng có chụp hình lưu niệm chung càng tốt. N hững điều trên đây dĩ nhiên là những điểm chính, nhưng không nhứt thiết như một bài học mà phải làm đúng theo. Gần đây, một số nơi tổ chức nghiên tu hội, tọa thiền hội cho đối tượng là những em bé ở vườn trẻ, các em học sinh tiểu học nữa, nhưng việc nầy không đề cập đến ở đây.

V.11 N hững Sinh Hoạt Tín N gưỡng Khác Đối với việc sinh hoạt tín ngưỡng của Đàn Tín Đồ ngoài những việc như đã nêu bên trên ra cũng còn có những việc sẽ liệt kê ra như sau. V.11.1 Lễ Định Kỳ Và N hững N ghi Lễ Khác Một số chùa có cử hành lễ Định Kỳ, Pháp Yếu và N ghi Lễ khác, các Tín Đồ cũng nên tham dự như: Tu Chánh Hội: Tu Chánh Hội gồm 3 ngày trong tháng giêng tụng Kinh Bát N hã, Phần Lý Thú, Chúc Phước năm mới và cầu nguyện hạnh phúc bình an cho Đàn Tín Đồ. Cao Tổ Giáng Sanh Hội: Hội được tổ chức ngày 6 tháng giêng, nghi lễ Đản Sanh của Thiền Sư Cao Tổ Đạo N guyên. N iết Bàn Hội: Lễ N iết Bàn được tổ chức ngày 15 tháng 2, kỷ niệm ngày Đức Thích Tôn nhập diệt. Chết là một sự thật mà mỗi người phải tự suy nghĩ nơi chính mình. Lễ Bỉ N gạn: Mỗi năm hai lần vào mùa Xuân và mùa Thu. Mỗi lần một tuần lễ, đây là lễ tạ ơn ông bà cha mẹ nhiều đời, Truy Thiện Cúng Dường, đi chùa và thăm mộ và mỗi người nên tạo công đức cho mình, để tu dưỡng thân tâm. Giáng Sanh Hội – Hanamatsuri: Lễ Giáng Sanh được tổ chức ngày 8 tháng 4, ngày Đản Sanh của Đức Thích Tôn, chúng ta phải tạ ơn Phật gia hộ cuộc sống hiện tại của chúng ta và suy nghĩ về ý nghĩa chơn thật của cuộc sống. Vu Lan Bồn Hội: Cử hành từ ngày 13 đến 15 tháng 7, tùy từng địa phương có nơi cử hành theo lịch xưa (âm lịch) nên một tháng trể hơn, nghi lễ cầu nguyện cho những người trong thân tộc ở cõi U Minh. Lưỡng Tổ Kỵ: Vào ngày 29 tháng 9, ngày nhập diệt của Thiền Sư Cao Tổ Đạo N guyên và Thiền Sư Thái Tổ Oánh Sơn, để cảm tạ đối với Lưỡng Tổ Đại Sư, cầu nguyện thân tâm an lạc. Vả lại, ngày kỵ của Cao Tổ Đại Sư theo âm lịch là ngày 28 tháng 8 và của Thái Tổ Đại Sư là ngày 15 tháng 8, nhưng dương lịch thường thay đổi không thể đúng ngày được, cho nên lấy ngày 29 tháng 9 là ngày tương đối gần đúng hơn để kỵ.

Đạt Ma Kỵ: N gày 15 tháng 10, giỗ Sơ Tổ của Thiền Tông Trung Quốc. Các chùa Thiền ở N hật đa phần chịu ảnh hưởng cử hành ngày nhập diệt của Đạt Ma Đại Sư, nhằm biểu lộ cảm tạ uy đức của Đại Sư. Thái Tổ Giáng Sanh Hội: N gày 21 tháng 11, ngày Đản Sanh của Thái Tổ Đại Sư. Thành Đạo Hội: N gày 8 tháng 12. Khi Đức Thích Tôn chứng ngộ sau thời gian Tọa thiền ở Kim Cương Tòa dưới gốc cây Bồ Đề, vào ngày nầy Phật Giáo Đồ tưởng niệm và tự giác tinh tấn. N goài những lễ như trên, còn tổ chức những ngày Lễ Hội khác, tùy tự viện, tùy ngày giờ như Đại Bát N hã Hội, trì tụng Kinh Đại Bát N hã 600

quyển, cầu nguyện thế giới hòa bình, không gặp Thiên tai Địa biến, cầu mưa hòa gió thuận, ngũ cốc phong nhiêu, cầu cho Đàn Tín Đồ bình an mạnh khỏe, buôn bán phồn thịnh, gia đình an ổn v.v... Khai Sơn Kỵ: N hằm ngày tốt tháng tốt, ngày vị Tổ đệ nhất khai sơn viên tịch để tưởng niệm ân đức. Tiên Trụ Kỵ: N gày tốt tháng tốt của các đời Trụ Trì trước viên tịch, v.v... N hững lễ nghi như thế, các Đàn Tín Đồ đều được tham dự. Pháp Yếu lễ nghi đó được trình bày đầy đủ ý nghĩa sinh hoạt tín ngưỡng. V.11.2 N hững Lễ N ghi Lâm Thời Chủ Yếu Của Các Tự Viện Hành hương về Lưỡng Đại Bổn Sơn: Đàn Tín Đồ muốn đi tham bái được tổ chức thành một phái đoàn hành hương tham bái, tham quan Lưỡng Đại Bổn Sơn, để trở về gần gũi Tổ Phong Lưỡng Tổ Đại Sư. Hành Hương Chốn Tổ: Có những chuyến hành hương chiêm bái Phật Tích ở Ấn Độ, thăm viếng chốn Tổ tại Trung Hoa, những danh lam thắng cảnh của Phật Giáo, nơi xuất phát Tông Tào Động, tạo cho Tín Đồ cơ hội trực tiếp cảm nhận được những ý nghĩa sâu sắc khi đi tham bái cùng đoàn thể như thế. Tuần Lễ Tự Viện: Tổ chức những chuyến tham quan đi thăm, lễ bái các Thần Xã, Phật Các tại địa phương, để biết lịch sử truyền thống, sinh hoạt tín ngưỡng.

Mai Hoa Lưu Vịnh Thán Ca Giảng: Tổ chức buổi văn nghệ ngâm, vịnh, tán, ca thuần túy Tông Phong, tổ chức các đại hội văn nghệ tại địa phương, hoặc toàn quốc để Tín Đồ tham dự. Tả Kinh Hội: Chép Kinh, thân tâm an lạc, cầu nguyện cho mọi người hạnh phúc. Tả Phật Hội: Họa tượng Phật cầu nguyện thân tâm được an lạc và mọi người bình an hạnh phúc. Phụ N hơn Hội: Dành cho giới nữ gồm có các N ữ Đàn Tín Đồ được tập trung lại thảo luận những vấn đề sinh hoạt, hợp lực hoạt động phụng sự Tam Bảo. N goài ra, Đàn Tín Đồ còn có Hộ Trì Hội, thảo luận vấn đề kinh doanh của Chùa Viện, duy trì nhà cửa. Giữa chùa và Đàn Tín Đồ có sự liên kết hỗ trợ cho nhau, tạo thành mối liên hệ mật thiết gần gũi để tu học, còn có các N ghiên Tu Hội, Hoa Đạo, Trà Đạo, Thơ Đạo, Độc Thơ, Vũ Đạo, nấu nướng, thêu thùa, diễn giảng v.v... được khai mở có tính cách văn hóa, mà đây chính là những hình thức sinh hoạt tín ngưỡng gián tiếp và những cơ hội tốt để làm Phật sự. V.11.3 Thông Qua Việc Từ Thiện (Xã Hội Phước Chỉ) Tông Tào Động tổ chức Hội Thiện N guyện, giúp các nước ở khu vực của Đông N am Á Châu, bắt đầu là Cam Bốt, đồng thời có những hoạt động cứu trợ nạn nhân, dựa trên tinh thần Từ Bi của Đạo Phật, xây dựng nhiều cơ quan Từ Thiện trong nước như: “Lí Thân Vận Động”, “Dục Anh Sự N ghiệp”, v.v... để phát huy sự nghiệp từ thiện xã hội. Tóm lại, những hoạt động ý nghĩa của Phật Giáo như Thọ Giới Hội, Truy Thiện Cúng Dường, Tọa Thiền Hội v.v... không kém phần quan trọng trong sự sinh hoạt tín ngưỡng, chúng ta nên tham dự để phụng sự bởi vì những hoạt động tín ngưỡng nầy rất hiện thật phù hợp với tinh thần Từ Bi của Đạo Phật và thời đại.

Chương năm

VI. Di Tích Của Lưỡng Tổ Đại Sư

VI.1 Tổ Tích Của Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư

VI.1.1 N ơi Xuất Sanh

Diệu Giác Sơn Đản Sanh Tự ở Kyotofu Kyotoshi Fukenku Kogahoncho. N ơi đây, Thiền Sư Đạo N guyên được sanh ra, dấu tích còn lại là một căn phòng của gia đình Cữu N gã

– Koga. Thời Đại Chánh – Taisho, vì sự ảnh hưởng to lớn của Thiền Sư Đạo N guyên, Thiền Sư N hật Trí Mặc Tiên (Hioki Mokusen) đời thứ 66, Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự phát nguyện tái thiết thành một ngôi chùa tưởng niệm nơi Cao Tổ sinh ra. Tại Bổn Đường thờ tượng của Thiền Sư Đạo N guyên, do N gài tự khắc di chuyển từ chùa Diệu Giác, huyện Fukui về an trí nơi đây. (Trước khi đến Việt Tiền, Thiền Sư Đạo N guyên đã ở đây cả một năm, theo sự truyền lại của chùa Chơn N gôn Tông). VI.1.2 Trải Qua Thời Kỳ Ấu N iên Sơn Trang Mộc Phan – Kohatasansoo, nằm ở Kyotofu Uji Higashiujicho Jikohata là di tích biệt trang của Đằng N guyên Cơ Phòng. Bây giờ trở thành Tài Đoàn Pháp N hơn thuộc sơn trang Tùng Điện – Shoodensansoo, hiệu của Cơ Phòng là Tùng Điện, vì Y Tử, con gái Cơ Phòng là mẹ của Thiền Sư Đạo N guyên. Có thuyết cho rằng Thiền Sư Đạo N guyên sinh ra trên mãnh đất nầy. VI.1.3 Phát Tâm Tại Thần Hộ Tự - Jingooji Thần Hộ Tự - Jingooji, tại Kyotofu Kyotoshi Migikyoku Umenshata Jakaocho là ngôi chùa thuộc phái Cổ N ghĩa Chơn N gôn Tông, biệt cách Bổn Sơn, do Hòa Khí Thanh Sàng Cung khai sáng. Hồng Pháp Đại Sư Không Hải, Truyền Giáo Đại Sư Tối Trừng, Vân Giác Thượng N hơn là những vị đã Trụ Trì nơi đây. Mẹ của N gài Đạo N guyên Thiền Sư mất lúc N gài lên 8. Tang lễ mẹ N gài có lẽ được cử hành những Phật sự cúng dường tại chùa nầy. Tương truyền rằng N gài đến tự viện nầy, thấy khói hương bay lên, cảm nhận được cuộc đời vô thường nên quyết chí xuất gia. VI.1.4 N hững Chùa Đã Tu Hành Tại N hật Bản VI.1.4.1 Thiên Quang Phòng – Senkoboo, của Cốc Bát N hã – Hannyatani, tại Huyện Tư Hạ, phố Đại Tân, Phản Bổn Dinh. Bát N hã Cốc thuộc Tông Thiên Thai, Tỷ Duệ Sơn, Hoành Xuyên – Yogawa. Mùa Xuân năm 13 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên gặp Thúc Phụ Lương Hiển, một vị Cao Tăng thuộc Tông Thiên Thai xin phép xuất gia. N gài Lương Hiển gửi Thiền Sư Đạo N guyên đến Thiên Quang Phòng Bát N hã Cốc nầy ở đến ngày 9 tháng 4 năm 14 tuổi

mới được Tăng Chánh Công Viên, Tọa Chủ đời thứ 70 Tông Thiên Thai thế phát trở thành Tăng sĩ Tông Thiên Thai. Về sau N gài dựng bia cho Thừa Dương Đại Sư Đắc Độ Linh Tích và xây Tháp cho Thừa Dương Đại Sư tại Giải Thoát Cốc ở Hoành Xuyên VI.1.4.2 Tại chùa Tam Tỉnh – Miidera, thuộc Huyện Tư Hạ, phố Đại Tân, Biệt Sở, Viên Thành Tự Dinh. Chùa nầy là Tổng Bổn Sơn Thiên Thai Tự Mông, gọi là Tây Quốc Quán Âm Linh Trường Đệ Thập Tứ Phiên Lễ Sở cũng gọi là Viên Thành Tự - Onjooji, do Đại Hữu Tả Đa Vương khai sáng. Vì muốn giải thoát khổ đau, Thiền Sư Đạo N guyên xuất gia cạo tóc tại Tỷ Duệ Sơn năm lên 15 tuổi, khi thăm N gài Công Dận Tăng Chánh – Koin, tại chùa Tam Tỉnh, được N gài Công Dận Tăng Chánh khuyến khích sang Trung Hoa du học. VI.1.4.3 Kiến N hơn Tự - Kenninji, tại Kyotofu Kyotoshi Higashiyamaku Komatsucho. Đại Bổn Sơn của phái Kiến N hơn Tự thuộc Tông Lâm Tế, do Tướng Quân N guyên Thắng, Kamakura Bakkufu đời thứ hai, dựng chùa nầy cúng cho Thiền Sư Dinh Tây. Đây là chùa Thiền đầu tiên tại N hật Bản, một trong 5 núi tại Kyoto. Thiền Sư Đạo N guyên rời Tông Thiên Thai đến chùa nầy tu học 4 năm, do Hòa Thượng Minh Toàn – Myoozen, Cao Đệ của Thiền Sư Dinh Tây hướng dẫn học theo Tông Lâm Tế. Vào mùa Thu lúc 28 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên ở Trung Hoa được 4 năm trở về. Đầu tiên cởi bỏ hành trình của chuyến lữ hành ở chùa nầy và sống tại đây hai ba năm. VI.1.4.4 Địa Điểm Đi Vào N ước Tống, Bãi Biển Bác Đa – Hakata, Thuộc Huyện Fukuoka

Fukuokashi N ăm 24 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên theo hầu Hòa Thượng Minh Toàn, cùng với một số bạn đồng hành hương Trung Hoa, bãi biển nầy là địa điểm thuyền xuất phát, song có thuyết cho rằng Hakatawan, thuộc bãi Tham Giang. VI.1.5 Tu Hành Tại N hững Chùa Ở Trung Quốc VI.1.5.1 Danh Sơn Thiên Đồng Cảnh Đức Thiền Tự - Taihaku Meizan Tendoo Keitoku Zenji Đây là Thiên Đồng Tự, tỉnh Chiết Giang, Trung Hoa, địa khu N inh Ba, huyện Cần Tiểu Bạch Trấn. Chùa do N ghĩa Hưng thành lập vào đời Tây Phổ, thời Vĩnh Hưng , một trong năm sơn môn của Thiền Tông. Sau khi lên bờ, Thiền Sư Đạo N guyên đến Tự Viện

nầy trước tiên. N ăm 26 tuổi, N gài là học trò của Thiền Sư N hư Tịnh đời thứ 31, đã được đại ngộ "Thân Tâm Thoát Lạc" có trở lại chùa nầy thăm. Sau nầy, Thiền Sư Đạo N guyên kiến tạo chùa Vĩnh Bình mô phỏng theo chùa Cảnh Đức nầy. Thật tế, Thiền Sư Đạo N guyên chọn chùa Cảnh Đức nơi gốc gác căn bản chánh truyền Phật Pháp. Thiền Sư N hư Tịnh là linh hồn ở chốn nầy. Trong vườn chùa, có dựng bia đề là: "Đạo N guyên Thiền Sư Đắc Pháp Linh Tích Bi". VI.1.5.2 A Dục Vương Sơn Lưu Phong Quảng Lợi Tự - Aikuoozan Ryuhoo Koriji Chùa A Dục Sơn Lưu Phong Quảng là một ngôi chùa xưa, được xem là một trong năm sơn môn của Thiền Tông, thuộc N gũ Lang Trấn, tỉnh Chiết Giang, Trung Hoa, địa khu N inh Ba, được xây dựng vào năm N ghĩa Hy nguyên niên , do sắc lệnh của An Đế thuộc Đông Phổ. Mùa Thu năm lên 24 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên đến thăm chùa nầy thấy bức họa biến tướng của Lục Tổ Huệ N ăng, Tổ thứ 33. Mùa Hạ năm 26 tuổi, N gài tham vấn Thiền Sư Thành Quế tham vấn tại đây. VI.1.5.3 Kính Sơn Hưng Thánh Vạn Thọ Tự - Kinzan Kooshoo Manjuuji Kính Sơn Hưng Thánh Vạn Thọ Tự thuộc tỉnh Chiết Giang Trung Quốc, thuộc Hàng Châu, huyện Lâm An. Đầu năm Thiên Bảo, nhà Đường Thiền Sư Đạo Khâm khai sáng ngôi chùa lớn nầy, được xem là một trong 5 núi của Thiền Tông. Thiền Sư Đạo N guyên có đến chùa nầy vào mùa Xuân năm 26 tuổi để tham vấn Thiền Sư Chiết Ông N hư Đạm . VI.1.5.4 Thiên Thai Sơn Bình Điền Vạn N iên Tự - Tendaizan Heiden Manenji Thiên Thai Sơn Bình Điền Vạn N iên Tự thuộc tỉnh Chiết Giang Trung Quốc, thuộc Đài Châu, huyện Thiên Thai. Thiền Sư Trí Chung khai sơn chùa Vạn N iên vào năm thứ 7 Thái Kiến đời Trần tạo Đạo Tràng trung tâm của Tông Thiên Thai Trung Hoa, một tự viện trong núi Thiên Thai. N ăm 26 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên đến chùa nầy, được Thiền Sư N guyên Minh – Kenshi, mến mộ cho xem tự thơ (sách truyền thừa). VI.1.5.5 Tiểu Thúy N ham - Shoosuigan Tiểu Thúy N ham thuộc huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang, Trung Hoa. N ăm 26 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên được Thiền Sư Bàn Sơn Tư Trác giáo huấn tại đây.

VI.1.5.6 Đại Mai Sơn Hộ Thánh Tự - Daibaisan Goshooji Chùa nầy ở tại huyện CNn, địa khu N inh Ba, tỉnh Chiết Giang Trung Hoa, do Thiền Sư Đại Mai Pháp Thường đời Đường xây dựng vào năm Khai Thành nguyên niên . N ăm 26 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên nghỉ tại chùa nầy một đêm, nằm mộng thấy Thiền Sư Đại Mai Pháp Thường cho một cành hoa mai. VI.1.5.7 Phổ Đà Sơn – Fudazan Phổ Đà Sơn nằm tại huyện Định Hải, Phổ Đà, địa khu Chu Sơn, tỉnh Chiết Giang Trung Hoa, là một hòn đảo trong nhiều đảo của phía Đông Trung Hoa gọi là Chu Sơn. Có ngôi chùa tên là Bổ Đà La Già Sơn Tự còn gọi là Chùa Phổ Tế do Thiền Sư Huệ N gạc, – Egaku, một vị Tăng người N hật xây vào đời nhà Đường năm Đại Trung thứ 12 xây dựng, để thờ Bồ Tát Quan Âm. N ăm 27 tuổi,

Thiền Sư Đạo N guyên đến thăm chùa nầy. VI.1.6 Địa Điểm N gày Trở Về Địa điểm ngày trở về của Thiền Sư Đạo N guyên là sông Mạch Hậu Hà (Higokawa), Khào (Jiri) , huyện Kumamoto, quận Hạ Ích Thành, phố Phú Hợp, đảo Sam. N ăm 28 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên đến bờ sông Khào để trở về nước. Tương truyền rằng lúc về, thuyền gặp mưa nhiều, gió lớn nên bị lạc hướng. Thiền Sư Đạo N guyên vẫn ngồi ngay ngắn tọa thiền, tự nhiên Bồ Tát Quan Âm hiện ra đứng trên hoa sen, gió mưa hết hẳn. Để cảm niệm ân đức Bồ Tát, Thiền Sư Đạo N guyên khắc tượng Bồ Tát Quan Âm trên ván thuyền làm lễ khai quang điểm nhãn cúng dường. Do vậy, đảo Sam nầy được đặt tên là bãi Khai N hãn ở trên một chiếc thuyền. Vì lý do đó, có một tôn tượng Bồ Tát Quan Thế Âm đứng trên lá là Bổn Tôn thờ tại chùa Quan Âm ở N am Minh Sơn do Tông Chơn N gôn lập. Trong chùa còn có chiếc thuyền bằng gỗ có khắc tượng Quan Âm trên ván thuyền. Trong khuôn viên chùa Quan Âm còn có tấm bia ghi là "Đạo N guyên Thiền Sư Quy Triều Thượng Lục Linh Địa". Có một thuyết khác cho rằng địa điểm mà lên bờ khi trở về của N gài là bãi Thầy Tu, tại Hakatawan, phủ Đại Tể, huyện Kagoshima, Gia Tân Xá – N agasahi, tuy nhiên chưa xác định rõ được. Từ xưa đến nay, có thuyết cho rằng về lại sông Khào – Jiri, được nhiều người biết hơn hết. Còn có nhiều truyền thuyết khác còn lưu lại tại địa phương Kyushu – Cửu Châu, về Thiền Sư Đạo N guyên, ngày nay vẫn còn một ít. Có một thôn nhỏ tên là Itoshimagun, N hị Trượng Đinh, thuộc huyện Fukuoka, bên cạnh

thôn ấy, còn di tích nơi Thiền Sư Đạo N guyên sanh ra thuộc gia đình Cửu N gã – Koga, nơi cư ngụ và di tích về mồ mã nữa. Ở đây, còn có một gia đình đổi tên là Cửu N gã Long Đảm – Koga Rindo, giữ một cái thước nước mà ngày xưa Thiền Sư Đạo N guyên sử dụng. Cũng lập một Địa Tạng Đường liên hệ với Thiền Sư Đạo N guyên, ở làng Thủy Quyển, quận Viễn Hạ, tương truyền có cái mõ gỗ do Thiền Sư Đạo N guyên tự làm vẫn còn tại chùa Minh Quang, phố Fukuoka. Đa phần tương truyền dân gian tại phố Fukuoka cho rằng Thiền Sư Đạo N guyên quảy bút từ chùa Thiên Đồng Sơn Cảnh Đức Tự về đây, hiện nay vẫn còn thơ tích tại nhà An Điền Gia Cửu Thị, ở quận Gia Tuệ, phố Khủng Tuệ. N goài ra, còn có chỗ thờ Thiền Sư Đạo N guyên tại huyện N agasaki thuộc Gia Tan Tá. Cũng có những địa danh lưu lại cho đến ngày nay như Đạo N guyên Thủy Cơ, Đạo N guyên Hạ Cơ. VI.1.7 Sau Khi Về N ước Ở Tạm Các Chùa VI.1.7.1 Kiến N hơn Tự - Kenninji Kiến N hơn Tự nằm tại Kyotofu, Kyotoshi, Higashiyamaku Komatsucho, như trước đã giới thiệu, Thiền Sư Đạo N guyên tạm trú dừng chân và tu tập tại đây từ năm 28 tuổi đến năm 31 tuổi, song mục đích chính là tìm nơi để kiến thiết Đạo Tràng tu Thiền. N gài cũng đi thăm viếng tất cả 10 nơi thích hợp, một trong những nơi đó là Long Vân Tự ở Kyotofu, quận Chuế Hỉ, Vũ Trị Sơn Điều Đinh, do Thiền Sư Đạo N guyên khai sơn. Lúc ấy, Ưu Bà Di Minh Trí, bà của N gài thường đến tham thiền. VI.1.7.2 An Dưỡng Viện – Anyooin An Dưỡng Viện nằm tại Kyotofu, Kyotoshi, khu Phục Kiên, Tây Điều Ốc Dinh nơi mà Thiến Sư Đạo N guyên an cư lúc 31 tuổi, bây giờ trở thành một ngôi chùa tên là Thanh Lương Sơn Hân Tịnh Tự - Gonjooji. Ở đây có dựng một tấm bia khắc những lời thơ của Thiền Sư Đạo N guyên, gọi là "Thâm Thảo N hàn Cư Dạ Vũ Thinh", nghĩa là trong am thanh nghe tiếng mưa đêm. VI.1.7.3 Hưng Thánh Tự - Kooshooji Hưng Thánh Tự hiện ở Kyotofu, phố Vũ Trị, Vũ Trị Sơn Điền, là ngôi chùa

đầu tiên có Đạo Tràng, được xây dựng từ thời Edo – Giang Hộ, thời Khánh An được Sơn Thành Quốc Định Thành Chủ Vĩnh Tỉnh Thượng Chánh kiến tạo, sau đó Thiền Sư Vạn An Anh Chủng trùng tu. Mùa Xuân năm 34 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên xây dựng một Đạo Tràng ngồi thiền đúng cách đầu tiên ở N hật, tại Sơn Thành Thâm

Thảo thuộc Kyotofu, Kyotoshi, Phục Kiến Khu, Thâm Thảo Bảo N gọc Tự Sơn Dinh. Chùa Thâm Thảo Sơn Bảo Tháp Tự của Tông N hật Liên đổi thành Hưng Thánh Tự. Thật ra, Chùa Hưng Thánh ở Thâm Thảo đã bị hư hại phế bỏ, mới xây dựng lại. Bây giờ là chùa Hưng Thánh ở Vũ Trị, không thể sai được. Cũng có một ngôi chùa tên Hưng Thánh tại thôn Hủ Mộc, huyện Tư Hạ, quận Cao Đảo do Thiền Sư Đạo N guyên Thiền Sư khai sáng, sau đó N gài được Thiên Hoàng Sai N ga ban cho một tượng Thích Ca N hư Lai an trí tại đây (bây giờ trở thành tài sản văn hóa quốc gia). Di cốt của Thiền Sư Đạo N guyên hiện đang phụng thờ tại tháp khai sơn chùa Hưng Thánh, Vũ Trị. Tại Khai Sơn Đường, có tôn tượng Thiền Sư Đạo N guyên bằng gỗ thờ ở đó. Chùa Bảo Khánh là một trong bốn chùa chính của Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự, ở huyện Fukui. Chùa Đại Từ ở huyện Kumamoto. Chùa Đại Thừa ở huyện Ishikawa và Chùa Hưng Thánh ở Kyotofu. Thiền Sư Đạo N guyên có tâm với chùa Hưng Thánh đã sống ở đây 10 năm để hoằng dương giáo lý Phật Đà. VI.1.7.4 Di Tích N ơi Thuyết Pháp N hững nơi N gài thuyết pháp đó là: Ba Đa Dã N ghĩa Trọng, Chùa Lục Ba La Mật, thuộc Kyotofu, Kyotoshi, Sơn Khu Lộc Lô Dinh và những nơi khác. Tháng 12, năm 42 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên thuyết giảng Chánh Pháp N hãn Tạng cho Thứ Sử Vân Châu tại Ba Đa Dã N ghĩa Trọng. N goài ra, lúc ở tại chùa Hưng Thánh, N gài cũng đã thuyết giảng rất nhiều cho cư sĩ Phật Tử tại gia. N gài cũng giảng tại Chùa Lục Ba La Mật, ngôi chùa danh tiếng của Tân N ghĩa Chơn N gôn Tông thuộc phái Trí Sơn và Tây Quốc Quan Âm Linh Trường Đệ Thập Thất Phiên Lễ Sở, nơi N gài Không Giả Thượng N hơn khai sáng. VI.1.7.5 Các Chùa Tại Việt Tiền VI.1.7.5.1 Kiết Phong Tự - Hippooji, tại huyện Fukui, Yoshidagun, Thượng Chí Tử Thôn, Tự Kiết Phong. Cuối tháng 7 năm 44 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên đang hành đạo tại Ba Đa Dã N ghĩa Trọng nhận lời mời của ở Việt Tiền, N gài quang lâm đến đó, trước tiên ở tạm tại chùa Kiết Phong. Lúc bấy giờ Chùa vừa được phục hưng vào thời Minh Trị. Tương truyền rằng tại đây còn sót lại di tích phiến đá Tọa Thiền của Thiền Sư Đạo N guyên. VI.1.7.5.2 Thiền Sư Phong Tự - Zenjibuji

Thiền Phong Tự ở tại huyện Fukui Onoshi, N ishidaigetsucho. Giữa năm 43 đến 44 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên vừa tới lui Chùa Kiết Phong vừa ở tại Chùa Thiền Sư Phong, vì chùa nầy của các đệ tử. Chùa được trùng tu vào thời kỳ Minh Trị. VI.1.7.6 Các Đạo Tràng Căn Bản VI.1.7.6.1 Vĩnh Bình Tự - Eiheiji Chùa Vĩnh Bình ở tại huyện Fukui, Yoshidagun, Ehijicho, Chí Tỉ. Lúc ở Ba Đa Dã N ghĩa Trọng, Thiền Sư Đạo N guyên nhận được sự giúp đỡ rất nhiều của Tín Đồ vùng nầy cho nên vào tháng 7, năm 45 tuổi N gài khai sơn Đại Phật Tự về sau đổi thành Chùa Vĩnh Bình vào tháng 6 năm N gài 47 tuổi. Thiền Sư Đạo N guyên ở chùa nầy rất lâu khoảng 10 năm, để chăm sóc nuôi dưỡng một số đệ tử, dạy dỗ tín đồ và viết lách, cũng như chỉnh đốn lại quy củ của Già Lam. Phải nói đây là Thánh địa thiêng liêng để lại nhiều di tích lịch sử thời gian 750 năm của một Đại Bổn Sơn cho đến ngày nay. VI.1.7.6.2 Ba Trước Tự - N amitsukidera Chùa tọa lạc tại huyện Fukui, Fukuishi, Thành N guyện Tự Đinh do đệ tử Thiền Sư Đạo N guyên đó là:

Hoài Tráng Thiền Sư (Đệ N hị Tổ chùa Vĩnh Bình) và N ghĩa Giới Thiền Sư (Đệ Tam Tổ chùa Vĩnh Bình và khai sơn chùa Đại Thừa) khai sáng thuộc Tông Đạt Ma. Vĩnh Bình Tự là quê hương, là nơi Thiền Sư N ghĩa Giới sinh ra, mà dấu tích cho đến bây giờ vẫn còn. Thỉnh thoảng Thiền Sư Đạo N guyên lui tới Kyoto trú tại chùa Vĩnh Bình, chắc chắn không sai là lúc ấy Chùa đã xây dựng xong. Còn có Chùa Vĩnh Bình Sơn Chơn Giác Tự tọa lạc Tân Đako, Thượng Trung Đinh, huyện Fukui, quận Viễn Phu thuộc Tịnh Độ Chơn Tông là ngôi chùa mà Thiền Sư Đạo N guyên nghỉ ngơi. Sơn hiệu Vĩnh Bình Sơn là do Thiền Sưu Đạo N guyên đặt. Có thuyết cho rằng khi Thiền Sư Đạo N guyên từ miền Bắc đi xuống đến đây, ở lại một đêm tại nhà của Binh Điền – Hiyota, Tam Phương Dinh N am Ốc, huyện Fukui, quận Tam Phương. VI.1.7.7 Thuyết Pháp Các N ơi Thời Kamakura Bạch Y Xá – Byakuesha ở Danh Việt – N agooe thuộc huyện Kangawa, Kamakurashi, Omachi. Tháng 8, năm 48 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên được Bắc Điều Thời Lại mời đến đây và ở lại gần nửa năm để thuyết pháp cho các Đàn Tín Đồ. Tháng 3 năm 49 tuổi, N gài mới trở về chùa Vĩnh Bình, tuy

nhiên, không còn những tư liệu để xác nhận những dấu tích ấy, bởi vì chẳng còn sót lại gì cả. VI.1.7.8 Dấu Tích N ơi Chia Tay Với N ghĩa Giới Thiền Sư Lữ Túc (quán trọ) ở Hiếp Bổn – Wakimoto, tại phố N am Điền, quận N am Điền, huyện Fukui. Đêm ngày 5 tháng 8 năm 54 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên bị bệnh, phải đưa về Kyoto để điều trị, nên rời chùa Vĩnh Bình. Trên đường đi, N gài ở lại đây một đêm, sáng ngày 6 là phiên trực của mình, Thiền Sư N ghĩa Giới nghe được lời dạy sau cùng của Thầy. Tại đây có dựng một tấm bia ghi rằng: “N gự Cựu Tích Do Lai”, nghĩa là dấu xưa còn đến nơi đây. VI.1.7.9 Việt Tiền Là N ơi Sau Cùng Cầu gỗ N ha Hiệp – Kinome, huyện Fukui, quận N am Điều, Kim Áp Dinh. Sáng ngày 6 tháng 8 năm 54 tuổi, Thiền Sư Đạo N guyên được nhiều người hầu theo theo về Kinh Đô – Kyoto cuối cùng đến Việt Tiền, ở độ cao 628 mét, ranh giới giữa Việt Tiền và N hược Hiệp. N gày nay, gần đến trạm xe lửa Kim Áp, có bia ghi rằng: “Tào Động Tông Khai Tổ Đạo N guyên Thiền Sư Mộc – N ha Kỳ N gự Linh Tích Tham Bái Dịch. Từ đây cách 2 lý”. VI.1.7.10 Dấu Tích N ơi N hập Diệt Tư gia của đệ tử tại gia tên Giác N iệm – Kakunen thuộc Kyotofu, Kyotoshi, khu Hạ Kinh, Cao TuNn Thông Dầu, Tiểu Lộ Đông N hập, Vĩnh Bình Tự Dinh 24. Thiền Sư Đạo N guyên ở tại tư gia tín đồ Giác N iệm trong vòng 20 ngày để chữa bệnh. Đến ngày 28 tháng 8 năm Kiến Trường thứ 5 N gài viên tịch lúc 54 tuổi, vì bệnh mụt nhọt. Tại đây bây giờ có một tấm bia ghi rằng: “Đạo N guyên Thiền Sư Thị Tịch Thánh Địa”. VI.1.7.11 Tháp Trà Tỳ - Dabitoo N ơi Trà Tỳ thuộc Kyotofu, Kyotoshi, Higashiyamaku, Maruyama Kooen, Thứu Vĩ Dinh trà tỳ di cốt Thiền Sư Đạo N guyên, tại Tây Hành Cốc – Saigyooan, công viên Maruyama, nằm phía sau Ba Tiêu Đường. Hài cốt an trí trong Tháp N gũ Luân, dựng tấm bia ghi rằng: “Tào Động Tông Cao Tổ Đạo N guyên Thiền Sư Trà Tỳ N gự Di Tích Chi Tháp”. N ơi đây lúc nào cũng đầy ắp hương hoa. VI.1.8 Các N ơi Liên Hệ Về Linh Cốt Của Thiền Sư Đạo N guyên o Hưng Thánh Tự có an trí linh cốt của N gài, thuộc Kyotofu, Vũ Trì Thị, Vũ Trị Sơn Điền. o Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự có an trí linh cốt của N gài, thuộc huyện Fukui, Kiết Điền quận, Vĩnh Bình Tự Dinh, Chí Tỷ.

o Vĩnh Quang Tự (có truyền thuyết cho rằng có an trí cốt tại N gũ Lão Phong thuộc Khai Sơn Đường) thuộc huyện Ishigawa, Vũ Trách Thị, Tửu Tỉnh Dinh. o Đại Thừa Tự có an

trí linh cốt của N gài tại huyện Ishikawa, Kim Trạch Thị, Trường Phản Dinh. o Chánh Pháp Tự có an trí linh cốt của N gài tại huyện Iwanate, Thủy Trạch Thị, Hắc Thạch Dinh. o Pháp Quy Tự có an trí linh cốt của N gài tại huyện Aomori, Tam Hộ quận, Danh Xuyên Dinh. o Khả Miên Trai – Kasuisai, có an trí linh cốt của N gài tại Sizuokaken, Bố Tỉnh Thị, Cửu N ăng. VI.2 Tổ Tích Của Oánh Sơn Thiền Sư VI.2.1 N ơi Sinh Ra Oánh Sơn Thiền Sư N gự Đản Sanh Địa Hiển Chướng Bi – Keizan Zenshi Otanjoochi Kenshohi, tại huyện Fukui, phố Vũ Sanh, Phàm Sơn Dinh. N ăm Chiêu Hòa thứ 44 Bác Sĩ Okubo Michitan cùng Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự đề nghị dựng bia nơi sinh ra của Thiền Sư Oánh Sơn, thành lập Hội Oánh Sơn Thiền Sư Hiển Ảnh và các Tông Môn liên hệ tự viện, theo sự hổ trợ của chính quyền đương thời tại thành phố Vũ Sanh. N ăm Chiêu Hòa thứ 49 nhân lễ Đại Viễn Ky 650 năm Thiền Sư Oánh Sơn, bia "Oánh Sơn Thiền Sư Phụ Mẫu Hiếu Dưỡng" được dựng lên. VI.2.1.1 N gự Đản Sanh Tự - Otanjooji Chùa N gự Đản Sanh Tự tọa lạc tại huyện Fukui, Thị xã Vũ Sanh, Phàm Sơn Dinh. Thời Đại Chánh – Taisho, 1911 – 1926, Chùa Chùa Chánh Pháp, huyện Iwate, trực thuộc Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự chuyển về Tân Thành Viện, đổi tên là "Tân Thành Viện Tứ Vân Sơn N gự Đản Sanh Tự", cho đến bây giờ. Chùa nầy từ xưa là Phàm Sơn Dinh tiếp tục truyền thừa đây là nơi sinh của Thiền Sư Oánh Sơn. VI.2.1.2 N ơi Sanh Của Oánh Sơn Quốc Sư – Keizan Kokushi Gotanchi N ơi đây thuộc huyện Fukui, quận Phản Tỉnh, phố Hoàn Cương, Sơn Kỳ số 3. N ăm Minh Trị - Meiji thứ 31 Thiền Sư Cam Giá Bố Huân – Amatsura, quả quyết rằng đây là nơi Thiền Sư Oánh Sơn sanh ra bên cạnh Thần Xã Đa N hĩ, cho nên dựng bia "Oánh Sơn Quốc Sư Giáng Sanh Địa". Về sau, các vị Thiền Sư như Thiền Sư Bạn

Thượng Môi Tiên, đời thứ hai của Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, Thiền Sư Lật Sơn Thái Âm đời thứ 8 và Thiền Sư Y Đằng Đạo Hải đời thứ 9 rất quan tâm đến chỗ Đản Sanh của Thiền Sư Oánh Sơn. Đặc biệt, năm Chiêu Hòa – Showa thứ 16 Bác Sĩ Quang Đại Anh Học giám định và xác chứng đúng nơi ấy, không sai. VI.2.2 Tu Hành Tại Các Chùa VI.2.2.1 Vĩnh Bình Tự - Eiheiji Chùa tọa lạc tại huyện Fukui, quận Yoshida, Eikejicho, Chí Tử. Thiền Sư Oánh Sơn được ưu Bà Di Minh Trí, bà của mình dẫn đến chùa Vĩnh Bình vào ngày mồng 8 tháng 4 lúc vừa lên 8, được Thiền Sư N ghĩa Giới thế phát cho đến ngày 18 tháng 2 năm 13 tuổi, nhân lễ tang Thiền Sư Hoài Tráng, mới được chính thức xuất gia hình thức là đệ tử cuối cùng của Thiền Sư Hoài Tráng. Cho đến tháng giêng năm N gài 18 tuổi, N gài đã trải qua một thời làm điệu ở Chùa Vĩnh Bình đến 10 năm dài. VI.2.2.2 Bảo Khánh Tự - Hoohyooji Chùa tọa lạc tại huyện Fukui, phố Ono, Bảo Khánh Tự Trúc Tùng, do Thiền Sư Tịch Viên, người Trung Hoa, đệ tử của Thiền Sư Đạo N guyên xây dựng. Sau khi Thiền Sư Đạo N guyên viên tịch vào năm Hoằng Trường nguyên niên Thiền Sư Tịch Viên rời chùa Vĩnh Bình đến đây mở chùa. Đến đây, Thiền Sư Tịch Viên ngồi yên lặng một mình (cô độc uyên mặc) trong vòng 18 năm và sống ở đây 39 năm, không vào làng ngày nào. Thiền Sư Oánh Sơn theo sự chỉ dạy của Bổn Sư Thiền Sư N ghĩa Giới đến đây tu hành năm 18 tuổi. Mùa Đông năm 19 tuổi nhận chân thể nghiệm quý báu của tâm linh, N gài nhận trách nhiệm Duy N a của chùa. VI.2.2.3 Đại Thừa Tự - Daijooji Chùa tọa lạc tại huyện Ishigawa, phố Kanezawa, N agaitacho. Chùa nầy có do kết quả phân tranh nội bộ của chùa Vĩnh Bình, Thiền Sư N ghĩa Giới hạ sơn lập chùa nầy cho Thiền Sư Oánh Sơn, năm Thiền Sư Oánh Sơn 20 tuổi. N gài đã ở đây đến 20

năm, vừa làm phụ tá cho Thiền Sư N ghĩa Giới vừa hoằng dương Chánh Pháp và sau đó, kế nghiệp trụ trì thứ 2 sau Thiền Sư N ghĩa Giới. N guyên Chùa Đại Thừa Tự ở ngoại ô của phố Kanezawa, thuộc phố N onoichi chuyển đến địa chỉ hiện tại, vào thời Giang Hộ, là ngôi chùa dẫn đầu trong bốn chùa thuộc Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự. N ền chùa Đại Thừa cũ, còn có tháp và trục Cao An được trùng tu rồi.

Thiền Sư Oánh Sơn ở chùa Đại Thừa với Thiền Sư N ghĩa Giới như tình Thầy trò, nhưng cũng đến chùa Đông Phước Tự thuộc Lâm Tế Tông ở Kyoto, phái Bổn Sơn thuộc Kyotofu, Kyotoshi, Higashiyamaku Honcho cầu học Thiền với các Thiền Sư như Thiền Sư Đông Sơn Thậm Chiếu và Bạch Vân Huệ Hiểu rồi đảnh lễ Thiền Sư Tâm Địa Giác Tâm thuộc Tông Lâm Tế ở Kỷ Châu, phái Pháp Đăng, độc lập với Bổn Sơn, mà bây giờ những chùa nầy quy thuộc phái chùa Diệu Tâm, cũng như chùa Hưng Quốc tại huyện Wakayama, quận N hật Cao, phố Do Lương. N gài hành trì công phu ở những nơi ấy, sau đó đến chùa Đại Từ, truyền thừa của Tông Tào Động, nay thuộc huyện Kumamoto, phố Kumamoto, N otacho cầu học hỏi với Thiền Sư Hàn N ham N ghĩa Y – Gangan Giin khai sơn. Tuy đi tham học nhiều nơi với nhiều bậc thiện trí thức nhưng kết quả thế nào và sự thật tới đâu chưa thể xác định được. VI.2.2.4 Chùa Đầu Tiên Có Đạo Tràng Thành Mãn Tự - Joomanji, tại huyện Tokushima, quận Kaifu, Kaifucho, Yoshida. Trong ba năm từ năm 28 tuổi cho đến năm 31 tuổi Thiền Sư Oánh Sơn được quận ti ở Hải Bộ triệu mời giữ chức Trụ Trì chùa Thành Vạn (Mãn) giáo hóa rất nhiều người ở địa phương. Chùa Thành Mãn chẳng bao lâu bị hoang phế đến thời Đại Chánh, có vị Thầy Hộ Điền N gộ Hùng đến ở và năm Chiêu Hòa thứ 20 có Thiền Sư Watanabe Huyền Tông cùng Thầy Watanabe Lại Ứng trùng tu lại thành ngôi chùa đến bây giờ. VI.2.2.5 Chùa Của Thầy Mình Đại Thừa Tự tọa lạc tại huyện Ishigawa, phố Kanezawa, N agaitacho. N ăm 32 tuổi, Thiền Sư Oánh Sơn nhận được Thiền Sư N ghĩa Giới hứa khả và ấn chứng thoại đầu “Bình Thường Tâm Thị Đạo”. N ăm 35 tuổi trở thành trụ trì chùa Đại Thừa đời thứ hai. Khoảng năm 49 tuổi N gài trở thành trụ chức quản lý chùa Vĩnh Quang. N ăm Thiền Sư Oánh Sơn 41 tuổi, Thiền Sư N ghĩa Giới viên tịch tại chùa Đại Thừa nầy, thọ 91 tuổi. VI.2.3 Khai Sơn Các Chùa VI.2.3.1 Vĩnh Quang Tự - Yokoji Chùa tọa lạc tại huyện Ishikawa, phố Vũ Trách, Tửu Tỉnh Dinh. Mùa Xuân, năm 45 tuổi Thiền Sư Oánh Sơn được hai vợ chồng Bình Thị hiến cúng đất cho chùa Vĩnh Quang của Hải Dã Tam

Lang Tư Dã Tín Trực. N ăm sau, N gài cho xây dựng phòng ốc. N ăm 50 tuổi, N gài trở về chùa Đại Thừa, chuyển chùa Vĩnh Quang về Chánh Vũ. N gài viên tịch lúc 58 tuổi (cũng có thuyết nói 62 tuổi). N gài đã chọn Chùa Vĩnh Quang làm nơi chăm sóc giáo dục đệ tử và Đàn Tín Đồ, chỉnh đốn lại quy củ Già Lam, viết pháp ngữ, sau đó làm chỗ nương tựa cho sự phát triển giáo đoàn Tông Tào Động ở N hật. N gày nay, chùa Vĩnh Quang còn lưu lại nhiều di phNm của Thiền Sư Oánh Sơn. Đây là nơi mà Thiền Sư Oánh Sơn nỗ lực cho sự nghiệp phát triển giáo đoàn cho đến cuối đời mình, là một tự viện đáng quý trọng và giữ gìn. VI.2.3.2 Tổng Trì Tự - Soojiji Tổng Trì Tự có hai nơi, một Tổng Trì Tự tọa lạc tại huyện Kanagava, phố Yokohama, khu Hạc Kiến, Hạc Kiến 2-1-1 (Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự) và chùa khác tại huyện Ishigawa quận Phụng Chí, Môn Tiền Dinh (Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự Tổ Viện). N ăm 57 tuổi, Thiền Sư Oánh Sơn nhận Chư Khưu Quán Âm Đường của Quyền Luật Sư Đinh Hiền sửa thành chùa Thiền Tổng Trì Tự giao cho

đệ tử trụ trì Thiền Sư N ga Sơn Thiệu Thạc – Gazanjooseki, đời thứ hai. Thiền Sư N ga Sơn noi gương ý chí của Thiền Sư Oánh Sơn và Tổng Trì Tự trở thành trung tâm tổ chức cho Tăng Đoàn và 80 phần trăm các chùa thuộc Tông Tào Động thuộc về pháp mạch nhất môn của chùa Tổng Trì, được xếp ngang hàng với Đại Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự mà ngày nay được tôn vinh. N ăm Minh Trị thứ 31 bị hỏa tai thiêu cháy. N ăm Minh Trị thứ 40 chuyển sang thành phố Yokohama tại Hạc Kiến như bây giờ và chỗ cũ được gọi là Tổ Viện. VI.2.3.3 Tịnh Trụ Tự - Joojuuji Chùa tọa lạc tại huyện Ishigawa, phố Kanezawa, Thổ Bình Đinh. N ăm 51 tuổi, Thiền Sư Oánh Sơn xây dựng chùa nầy, tại đây cũng vào năm nầy thân mẫu N gài, Hoài Quan Đại Tỷ qua đời thọ 87 tuổi. Chính thân mẫu N gài sáng lập chùa Tịnh Trụ ở quận Hà Bắc, Thổn Kỵ Sơn. N goài ra còn các Chùa, Viện khác như: • Phóng Sanh Tự - Hoojooji, chùa nằm ở huyện Ishigawa, phố Kanezawa, N hật Kiến Đinh. • Phong Tài Viện – Buzaiin, chùa nằm tại huyện Ishigawa, phố Vũ Trách, Bạch Lại Đinh. • Vĩnh Xương Tự nằm ở huyện Ishigawa, phố Kanezawa.

• Đông Quan Viện nằm ở huyện Ishigawa, phố Kanezawa, Hạ An N guyên Đông. • Truyền Đăng Viện ở huyện Ishigawa, phố Kanezawa, Đốc Đinh. • Bảo Ứng Tự nằm ở huyện Ishigawa, Gia Hạ. • Quang Hiếu Tự - Kookooji, nằm ở huyện Ishigawa, Gia Hạ. VI.2.4 Địa Điểm N hập Diệt Vĩnh Quang Tự nằm ở huyện Ishigawa, phố Vũ Trách, Tửu Tỉnh Đinh. N ăm 58 tuổi Thiền Sư Oánh Sơn (cũng có thuyết nói 62 tuổi) viên tịch vào giữa đêm ngày 15 tháng 8 tại chùa Vĩnh Quang. Bệnh không nặng, không có gì đặc biệt. Tháp N gài là Truyền Đăng Viện. VI.2.5 N hững Địa Phương Thờ Linh Cốt Của Thiền Sư Oánh Sơn Vĩnh Quang Tự (Khai Sơn Tháp, N gũ Lão Phong, an trí tại tháp Xá Lợi) thuộc huyện Ishigawa, phố Vũ Trách, Tửu Tỉnh Đinh. Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự, phụng an Xá Lợi tại Truyền Đăng Viện, thuộc huyện Kanagawa, phố Yokokama, Hạc Kiến Khu, Hạc Kiến 2-1-1. Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự Tổ Viện, phụng an tại Truyền Đăng Viện thuộc huyện Ishigawa, quận Phượng Chí, Môn Tiền Đinh. Chánh Pháp Tự, cùng an trí linh cốt chung với Thiền Sư Đạo N guyên tại Bảo Vật Điện, thuộc huyện Iwate, phố Thủy Trạch, Hắc Thạch Đinh. Thành Mãn Tự, an trí nơi tháp khai sơn, thuộc huyện Tokushima, quận Hải Bộ, Hải Bộ Đinh, Kiết Điền. Linh Thứu Viện, phụng an chung với linh cốt của Thiền Sư Đạo N guyên và linh cốt của Thiền Sư Vô Đệ Lương Thiệu, thuộc huyện Aichi, quận Aichi, N hật Tiến Đinh.

Chương sáu

VII. Tư Liệu Tham Khảo

VII.1 N hững Tư Liệu Tham Khảo Chủ Yếu

Tào Động Tông Tông Vụ Sảnh San Hành Thư gồm Tào Động Tông Toàn Thư 33 quyển (Tào Động Tông Toàn Thư San Hành Hội San)

Cải Đính Thời Chiêu Hòa Tào Động Tông Hành Trì Quy Phạm

Tào Động Tông Tông Chế

Tăng Lữ Tất Huề (hướng dẫn bắt buộc cho Tăng Lữ - do Giáo Học Bộ biên soạn)

Tào Động Tông Đàn Tín Đồ Tất Huề (do Bộ Giáo Hóa biên tập) Sách Của Tự Đình (do Giáo Học Bộ biên) Tham Thiền Yếu Điển (do bộ phận quảng bá biên tập) Học Về Đổng Cốc Ký (do Đông Long Chơn viết) Ý N ghĩa và Lợi Ích của Sự Cúng Dường (Tanaka Lượng Tam viết) Cách bài trí bàn thờ Phật đúng đắn của Tông Tào Động (Anh Tỉnh Tú Hùng biên) Tào Động Tông Hồi Hướng Văn Giảng N ghĩa (gồm Chánh, tục của Anh Tỉnh Tú Hùng biên) Vĩnh Bình Tự, Tổng Trì Tự (hai quyển nầy cũng do Anh Tỉnh Tú Hùng viết văn và N gũ Thập Tung Thiên chụp hình ảnh) và những sách khác VII.2 N hững Tư Liệu Sách Tham Khảo Khác Thiền Học Đại Từ Điển 3 cuốn (do Thiền Học Đại Từ Điển biên soạn. Đại Tu Quán Thư Điểm San) Thiền Môn Bảo Giám (Lai Mã Trắc Đạo viết, do Hồng Minh Xã phát hành) Đạo N guyên Thiền Sư và những Kinh Điển Trích dẫn – N ghiên Cứu N gữ Lục (Kính Đảo N guyên Long viết, Mộc N hĩ Xã phát hành) Đạo N guyên Tiểu Tự Điển (Đông Long Chơn viết, Xuân Thu Xã phát hành) Đạo N guyên Thiền Sư và Oánh Sơn Thiền Sư (Đông Long Chơn viết, Chơn Phước Tự Phật Giáo Đồ Thư Quán phát hành) N ghiên Cứu về Oánh Sơn (Đông Chơn Long viết, Xuân Thu Xã phát hành) N hật Bản Phật Giáo Cơ Sở Giảng Tọa Quyển Thứ 6. Thiền Tông (N ại Lương Khang Minh và Tây Thôn Huệ Tín biên và viết về Tào Động do quý Thầy N ại Lương Khang Minh. Y Đằng Tuấn Sản, Tử Điền Đạo Hiền, N guyên Điền Hoằng Đạo, Trung Giả Đông Thiền viết chung. Do Hùng Sơn Các phát hành) Kinh Thiền Tông (Anh Tỉnh Tú Hùng, Khiêm Điền Mẫu Hùng biên soạn. Viết về Tào Động Tông do quý Thầy Anh Tỉnh Tú Hùng, Trung Dã Đông Thiền, Cương Bộ Hòa Hùng cùng chấp bút. Do Giảng Đàm Xã phát hành) Phật Giáo N ghi Lễ Từ Điển (Đằng Tỉnh Chánh Hùng viết; Đông Kinh Đường xuất bản phát hành)

Phật Giáo Táng Tế Đại Từ Điển (Đằng Tỉnh Chánh Dùng, Hoa Sơn Thắng Hữu, Trung Giả Đông Thiền cùng biên soạn. Về Tào Động Tông do Sư Trung Dã Đông Thiền chấp bút. Hùng Sơn Các phát hành)

Phật Cụ Đại Sự Điển (Cương Kỳ Khiêm Trị sửa đổi lại. Về Tào Động Tông do Thầy Vĩnh Tỉnh Chánh Chi chấp bút. Khiêm Thượng Tân Thư phát hành)

N hững Phật Sự Theo Thói Quen (Phật Giáo Văn Hóa N ghiên Cứu Hội biên tập; do Hikarinokuni Châu Thức Hội Xã phát hành)

Phật Sự và Tất Cả N hững Pháp Yếu (Tùng Thọ Hoằng Đạo biên. N hật Bản Văn N ghệ Xã phát hành) và những loại khác.

VII.3 Tạp Chí, Báo Viết Về Ký Sự

Oánh Sơn Thiền Sư Đặc Tập (Đông Long Chơn chấp bút, Phật Giáo Times số 1029, Phật Giáo Times Xã phát hành)

Sự Triển Khai Tào Động Tông. Sự Triển Khai của Lâm Tế Tông (Đông Long Chơn chấp bút. Hiện đại tư tưởng, số lâm thời tăng bản tháng 11 năm 1980 Tổng Trì Tập - Thiền. Do Thanh Xã phát hành)

Sự Phát Triển của Tào Động Tông (Đông Long Chơn chấp bút. Tôn Giáo Công N ghệ. Số đặc biệt tháng 11 năm 1981. Căn bản Đạo Tràng Của Việc Tham Thiền Học Đạo – Tào Động Tông Đại

Bổn Sơn Vĩnh Bình Tự. Do Khiêm Thương Tân Thơ phát hành) và những loại khác
VII.4 Kinh Tụng – CD Gởi Kèm Gồm:
• Khai Kinh Kệ
• Sám Hối Văn
• Tam Quy Lễ Văn
• Tam Tôn Lễ Văn
• Ma Ha Bát N hã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
• Bổn Tôn Thượng Cúng Hồi Hướng Văn
• Tu Chứng N ghĩa Chương VI.5.7 – Hành Trì Báo Ân
• Tiên Vong Hồi Hướng Văn
• Phổ Hồi Hướng
• Tứ Hoằng Thệ N guyện Văn
VII.5 Kinh Văn Tụng N iệm
Sau đây là một vài bài văn hành lễ và lúc thỉnh chuông.
© dấu thỉnh chuông, dấu nhập chuông.
VII.5.1 Khai Kinh Kệ
(Thỉnh 1 cho đến 3 tiếng chuông)
Vô Thượng Thậm Thâm Vi Diệu Pháp,
Bách Thiên Vạn Kiếp N an Tao N gộ,
N gã Kim Kiến Văn Đắc Thọ Trì,
N guyện Giải N hư Lai Chơn Thật N ghĩa.
VII.5.2 Sám Hối Văn
(Thỉnh 1 cho đến 3 tiếng chuông)
N gã Tích Sở Tạo Chư Ác N ghiệp,
Giai Do Vô Thỉ Tham Sân Si,
Tùng Thân KhNu Ý Chi Sở Sanh,
N hứt Thiết N gã Kim Giai Sám Hối.
VII.5.3 Tam Quy Lễ Văn
(Thỉnh 1 cho đến 3 tiếng chuông)
Tự Quy Y Phật,
Đương N guyện Chúng Sanh,
Thể Giải Đại Đạo,
Phát Vô Thượng Ý (Tâm) ©.
Tự Quy Y Pháp,
Đương N guyện Chúng Sanh,
Thâm N hập Kinh Tạng,
Trí Huệ N hư Hải ©.
Tự Quy Y Tăng,
Đương N guyện Chúng Sanh,

Thống Lý Đại Chúng,
N hứt Thiết Vô N gại ©.
VII.5.4 Tam Tôn Lễ Văn
(Thỉnh 1 cho đến 3 tiếng chuông)
N am Mô Đại Ân Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu N i Phật,
Cao Tổ Thừa Dương Đại Sư,
Thái Tổ Thường Tế Đại Sư,
Sanh Sanh Thế Thế Trực N gộ Đãnh Tải.
VII.5.5 Bát N hã Tâm Kinh
©©©
Ma Ha Bát N hã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
Quán Tự Tại Bồ Tát
Hành thâm Bát N hã Ba La Mật Đa thời
Chiếu kiến ngũ © uNn giai không
Độ nhứt thiết khổ ách.
Xá Lợi Tử!
Sắc bất dị không, không bất dị sắc
Sắc tức thị không, không tức thị sắc
Thọ tưởng hành thức
Diệc phục như thị.
Xá Lợi Tử!
Thị chư pháp không tướng
Bất sanh bất diệt
Bất cấu bất tịnh
Bất tăng bất giảm
Thị cố không trung
Vô sắc vô thọ tưởng hành thức
Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý
Vô sắc thanh hương vị xúc pháp
Vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới
Vô vô minh diệc vô vô minh tận
N ãi chí vô lão tử
Diệc vô lão tử tận
Vô khổ tập diệt đạo
Vô trí diệc vô đắc
Dĩ vô sở đắc cố
Bồ Đề Tát Đỏa
Y Bát N hã Ba La Mật Đa © cố
Tâm vô quái ngại

Vô quái N gại cố
Vô hữu khủng bố
Viễn ly nhứt thiết
Điên đảo mộng tưởng
Cứu cánh N iết Bàn
Tam thế Chư Phật
Y Bát N hã Ba La Mật Đa © cố
Đắc A N ậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.
Cố tri Bát N hã Ba La Mật Đa
Thị đại thần chú
Thị đại minh chú
Thị vô thượng chú
Thị vô đẳng đẳng chú
N ăng trừ nhất thiết khổ
Chơn thiệt bất hư.
Cố thuyết Bát N hã Ba La Mật Đa chú
Tức thuyết chú viết: Yết Đế Yết Đế © Ba La Yết Đế Ba La Tăng Yết Đế © Bồ Đề Tát Bà Ha Bát N hã Tâm Kinh. VII.5.6 Bổn Tôn Thượng Cúng Hồi Hướng Văn Thượng Lai phúng tụng Ma Ha Bát N hã Ba La Mật Đa Tâm Kinh. Với công đức nầy xin phụng trì cúng dường Đại Ân Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu N i Phật, Cao Tổ Thừa Dương Đại Sư, Thái Tổ Thường Tế Đại Sư Cho đến việc trang nghiêm Vô thượng Phật quả Bồ Đề. Phục nguyện: Tứ ân tổng báo, Tam hữu tề tư, Pháp giới hữu tình, Đồng viên chủng trí. © Thập Phương Tam Thế N hứt Thiết Phật © Chư Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát Ma Ha Bát N hã Ba La Mật. VII.5.7 Tu Chứng N ghĩa – Hành Trì Báo Ân © Phật vì những người ở cõi N am Diêm Phù Đề, phát tâm Bồ Đề. N gày nay cũng vì nhân duyên nên nguyện sanh về quốc độ Ta Bà nầy, hoan hỷ được thấy Đức Phật Thích Ca Mâu N i. © Yên lặng mà suy nghĩ, khi chánh pháp được lưu bố, nguyện xả thân nầy vì Chánh Pháp, nguyện gặp được Chánh Pháp như ngày hôm nay, nguyện vâng lời Phật dạy, gặp được vị Thầy dạy cho Vô Thượng Bồ Đề. Không phê phán chỉ trích, không chấp thủ về hành vi, chỉ tôn trọng trí tuệ, mỗi ngày ba lần lễ bái, cung kính để tâm nầy không sanh phiền não. N ếu Phật Tổ không truyền lại, làm sao có Chánh Pháp cho đến ngày hôm nay, dù một câu thôi, cũng cảm tạ thâm ân ấy, một pháp thôi cũng phải báo ân ấy; huống gì Chánh Pháp N hãn Tạng cao vời, không pháp nào hơn, phải cảm tạ ân đức to lớn ấy. Con chim se sẻ khi bệnh còn không quên ơn tạ lễ Tam Phủ. Con rùa khốn cùng chẳng quên ân mang ấn để đáp đền. Súc sanh còn không quên chuyện đền ân, làm sao con người lại tranh

nhau, không nghĩ đến chuyện báo ân cho được. Sự báo tạ nầy chẳng qua là vì Phật pháp; nên mỗi ngày phải hành trì. Sự báo ân nầy là con đường chân chánh, là đạo lý, nên mỗi ngày không nên nhàn rỗi, uổng phí thời gian, phải hành trì. N gày tháng trôi qua nhanh như tên bắn, mạng sống như sương mong manh. Có gì gọi là thiện xảo phương tiện, nếu một ngày trôi qua, không trở lại bao giờ. Dẫu sống đến 100 tuổi, cũng bận rộn theo ngày tháng mưu sinh; buồn thay cho hình hài cốt cách nầy. Uổng công

thay phải nô lệ âm thanh, hình dáng. Dù sống đến 100 năm, mà mỗi ngày không làm được gì cả, 100 năm ấy một đời ấy có thâu hoạch được gì đâu. Có gì để lại sau 100 năm để được cứu độ cho cuộc sống khác. N ếu mỗi ngày tôn trọng thân mệnh nầy, quý trọng thân mệnh nầy, hình hài nầy, cốt cách nầy phải hành trì mới chính là tự yêu mến thân tâm mình, tự kính trọng mình. N ương vào Chư Phật để hành trì, chúng ta sẽ được gặp Chư Phật. © Sẽ được đến con đường lớn. Mỗi ngày hành trì như thế tức là trở thành chủng tử của Phật, hiển nhiên hành trì theo Chư Phật, thành Chư Phật © Thành Chư Phật ấy chính là thành Đức Phật Thích Ca Mâu N i. Đức Thích Ca Mâu N i Phật ấy chính là tâm nầy là Phật. Quá khứ, hiện tại, vị lai Chư Phật cũng đều thành Phật. Lúc ấy tất cả đều thành Đức Phật Thích Ca Mâu N i, chính là "Tức Tâm Thị Phật". Tức Tâm Thị Phật nghĩa là © dù cho là ai đi nữa, muốn nghiên cứu, muốn thực hành tường tận sâu xa © chính là báo đáp ân đức Phật một cách chân chính vậy. VII.5.8 Tiên vong Hồi Hướng Văn (chỉ tụng vào buổi sáng) Bồ Tát thanh lương nguyệt, Thường du tất cánh không, Chúng sanh tâm thủy tịnh, Bồ Tát ảnh hiện trung. N gưỡng mong Tam Bảo thùy từ chiếu giám, thượng lai phúng tụng Tu Chứng N ghĩa hành trì báo ân, tập thử công đức © © viện © © © © cư sĩ (hay Đại Tỷ) Linh vị lục thân quyến thuộc thất thế phụ mẫu, hữu duyên vô duyên tam giới vạn linh pháp giới hàm thức đẳng đẳng hồi hướng. N gưỡng nguyện quảng kiếp vô minh tốc xả tiêu diệt, chơn không diệu trí tiện đắc hiện tiền, đốn ngộ vô sanh, tốc chứng phật quả. Tạm dịch:

N gưỡng mong Tam Bảo từ bi chứng giám, từ trước đến đây chúng con trì tụng Tu Chúng N ghĩa, hành trì báo ân, nguyện đem công đức nầy cầu nguyện cho..... Chùa..... Cư Sĩ Phật Tử..... và hồi hướng đến tất cả chư hương linh thân bằng quyến thuộc, cha mẹ bảy đời, tất cả chúng sanh hoặc là có duyên hoặc chưa có duyên với chúng con trong pháp giới, tất cả hàm linh đều được tiêu trừ vô minh, đắc diệu trí chơn không, sớm đạt quả vị Vô Sanh, mau thành Phật Đạo.

© Thập Phương Tam Thế N hứt Thiết Phật

© Chư Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát

© Ma Ha Bát N hã Ba La Mật

VII.5.9 Phổ Hồi Hướng (chỉ tụng vào buổi sáng)

N guyện đem công đức nầy,

Hướng về khắp tất cả,

Chúng con và chúng sanh,

Đều trọn thành Phật đạo.

© Thập Phương Tam Thế N hứt Thiết Phật

© Chư Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát

© Ma Ha Bát N hã Ba La Mật

VII.5.10 Tứ Hoằng Thệ N guyện Môn

(Thỉnh 1 cho đến 3 tiếng chuông)

Âm Hán Việt:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.
Âm tiếng N hật:
Shi Guu Sei Gan Mon
Shuu joo mu hen sei gan do
Boon noo mu jin sei gan dan
Hoo mon mu ryoo sei gan gaku
Butsu doo mu joo sei gan joo © © Công đức phiên dịch khó nghĩ lường,
Vô biên thắng phước đều hồi hướng,
Khắp nguyện chúng sanh trong pháp giới,
Đều được vãng sanh về Cực Lạc.
Dịch xong vào lúc 15 giờ ngày 30 tháng 11 năm 2007 tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi nhân lần nhập thất thứ 5. Dịch trực tiếp từ tiếng N hật sang tiếng ViệtThích N hư Điển Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc

Chương bảy
VIII. Tiểu Sử Tác Giả Đông Long Chơn
Tác Giả Đông Long Chơn
Tên là Azuma Ryuushin
Sinh năm Chiêu Hòa thứ 10, tức năm 1935, tại Kyoto. Tốt nghiệp Đại Học Komazawa, Phật Giáo Học Bộ, Thiền Học Khoa và Cao Học Phật Giáo tại đại học nầy, đang cầm giữ quải tích Tăng Đường của Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự.
Hiện tại là Sơn Chủ chùa Đại Thừa. Văn học Bác Sĩ
N hững tác phNm xuất bản:
• Hiệu Chú Càn Khôn Viện Bổn Truyền Quang Lục (Lâm N hơn Xã)
• Oánh Sơn Thiền Sư Thanh Qui (Đại Pháp Giới Các)
• N ghiên Cứu về Oánh Sơn Thiền Sư (Xuân Thu Xã)
• Đạo N guyên Thiền Sư và Oánh Sơn Thiền Sư (Chơn Phước Tự Phật Giáo Đồ Thư Quán)
• N gũ Tả Bổn Ảnh Ấn Chánh Pháp N hãn Tạng Tùy Văn Ký (Khuê Văn Xã)
• Đạo N guyên Tiểu Sự Điển (Xuân Thu Xã)
• Học về Đổng Cốc Ký (Tào Động Tông Tông Vụ Sảnh)
• Hiện Đại N gữ Dịch Truyền Quang Lục (Đại Tạng xuất bản)
• Thập Chủng N ghi Trệ Tham Cứu (Đại Bổn Sơn Tổng Trì Tự Tổ Viện)
• Thái Tổ Oánh Sơn Thiền Sư (Quốc Thư San Hành Hội)
• Và một số khác ...

Địa chỉ hiện tại: Ishigawaken, Kanezawashi, N agaitacho N r. 10
Daijooji.
Sách nầy phát hành có kèm CD (tiếng N hật) phát hành lần đầu tiên vào ngày 10 tháng 7 năm Bình Thành thứ 15, tức năm 2003, phát hành lần thứ hai vào ngày 1 tháng 11 năm Bình Thành thứ 16, năm
2004. Trước tác: Đông Long Chơn
Phát hành giả: Thạch N guyên Đại Đạo
Ấn loát: Tam Hiệp Mỹ thuật ấn loát Châu Thức Hội Xã
Chế bổn: Châu Thức Hội Xã Việt Hậu Đường Chế Bổn, Tokyoto,
Shibugaku, Higashi 2-5-36 Building OOmizu
Phát hành sở: Hữu Hạn Hội Xã Đại Pháp Luân Các, Tel. 03 – 5466
– 1401
ISBN – 8046 – 6012 – 7 C0315
Chương cuối IX. Lời Cuối Sách IX.1 Lời Cuối N ếu có ai đó hỏi rằng đã là Thiền, có Thiền Lâm Tế sao còn có thêm Thiền Tào Động nữa. Điểm giống và khác nhau như thế nào giữa hai loại Thiền nầy? Xin thưa rằng đã là Thiền tất cả đều giống nhau, bất kể là Thiền Minh Sát, Thiền N guyên Thỉ, Thiền Đại Thừa, Thiền Công Án, Thiền Thoại Đầu, Thiền Mặc Chiếu v.v... Vì sao vậy? Vì mục đích của Thiền giúp tất cả những ai, đang sống trên thế giới nầy nếu hành trì Thiền, sẽ chấm dứt loạn tưởng, phát triển năng lực nội tại của tự thân, thực chứng trí tuệ và giải thoát sanh tử, khổ đau, phiền não. Sở dĩ có nhiều loại Thiền khác nhau, bởi vì như một thân cây cổ thụ mấy ngàn năm lịch sử, có vô số cành lá khác đang đâm chồi nNy lộc, dù cành có khác nhau, nhưng gốc ấy vẫn là một, Phật Giáo cũng thế, tuy cùng một gốc giải thoát sanh tử, nhưng vẫn hiện hữu; nào Thiền Lâm Tế nổi tiếng qua tiếng hét của Thiền Sư Lâm Tế làm cho người học đạo tỏ ngộ, có những công án làm cho Thiền Sinh suy nghiệm để đập nát vô minh tỏ ngộ chân lý tự tâm qua thiền định tư duy; nào Thiền Tào Động siêu việt được gọi là Thiền Mặc Chiếu, những gì đang xảy ra với tự thân, khi ngồi Thiền, cứ để mặc cho nó xảy ra, hãy quán chiếu thực tướng của vạn pháp, sẽ tỏ ngộ khi thật sự nhận chân thân nầy là Phật (Tức Thân Thị Phật), như Thiền Sư Oánh Sơn, N hật Bản chứng ngộ từ câu thoại đầu nầy, được Thầy, Thiền Sư N ghĩa Giới ấn chứng cho, và nhiều nữa nào là Tịnh Độ Tông, Mật Tông, Chơn N gôn Tông, Thiên Thai Tông v.v... Thiền Sư Đạo N guyên (Dogen) trước khi bước vào thế giới Thiền Tào Động với Thiền Sư N hư Tịnh, người Trung Hoa, tại Chùa Thiên Đồng Sơn Cảnh Phước Tự, tỉnh Chiết Giang, N gài đã từng tầm nghiên học hỏi Thiền Lâm Tế N hật Bản, thuộc Tông Thiên Thai, nhưng khi đến đất Tổ Trung Hoa vào thế kỷ thứ 13 N gài mới

tự chứng “Thân Tâm Thoát Lạc” nghĩa là cả thân lẫn tâm đều tự tại an vui. Về lại N hật Bản, N gài xiển dương Thiền Tào Động, N gài luôn cảm niệm sâu xa Thầy mình, Thiền Sư N hư Tịnh, vị Thầy đặc biệt. Thiền Lâm Tế có mặt tại Trung Hoa vào thế kỷ thứ 9 do Thiền Sư Lâm Tế N ghĩa Huyền khai sáng. Đến thế kỷ thứ 13, có rất nhiều biến đổi trong Thiền gia, cho nên hình thành nhiều điểm khác nhau giữa hai phái cùng một Tông nầy. Riêng tại Việt N am, đa phần các Thiền Sư ở phía Bắc thuộc Tông Tào Động,

chư Tăng miền Trung và miền N am thuộc Tông Lâm Tế, mà tiêu biểu là - Thiền Sư Thủy N guyệt sanh năm 1636, sang Hồ Châu, Trung Hoa năm 20 tuổi, tham học Thiền với Thiền Sư N hất Cú Tri Giác tại núi Phụng Hoàng. Ba năm sau, N gài về nước xiển dương Tông Tào Động được vua Lê sắc phong "Đại Thánh Đông Sơn Tuệ N hãn Từ Giác Quốc Sư", - Thiền Sư Thạch Liêm, hiệu Đại Sán Hán Ông, người Trung Hoa thuộc Tông Tào Động được chúa N guyễn Phúc Chu cung thỉnh sang nước ta năm 1695 để khai đàn truyền giới trong Giới Đàn Chùa Thiền Lâm. - Thiền Sư N guyên Thiều, người Trung Hoa đến đất Qui N hơn thuộc Thiền Lâm Tế - Thiền Sư Minh Hải Pháp Bảo đến Quảng N am truyền Thiền Lâm Tế Chúc Thánh Cuối cùng, cả hai Tông Thiền ở Việt N am đều nghiêng qua Tịnh Độ vào đầu thế kỷ 20, trong khi đó tại N hật Bản cho đến ngày nay vẫn thuần nhất một Tông 2 phái như tự thưở ban đầu. Ở N hật, Tịnh Độ Tông cũng có nhiều phái, trong đó 2 phái chính là Tịnh Độ Tông và Tịnh Độ Chơn Tông. Song Thiên Thai Tông cũng tin Ba Kinh Tịnh Độ và cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà; nhưng cả hai Tông nầy đều có quan niệm khác nhau về Hóa Độ và Báo Độ (Tịnh Độ). Trong khi Tịnh Độ Chơn Tông tin tưởng rằng "Tức Thân Thành Phật" như quan niệm của N gài Thân Loan, N hật Bản ở thế kỷ thứ 13, khi được vãng sanh thì ở vào ngôi Chánh Định Tụ hay còn gọi là N hứt Sanh Bổ Xứ, chờ đợi ở đó một đời nữa là thành Phật, để đi giáo hóa các nơi, theo nguyện ước của mình. Trong khi đó, Tông Thiên Thai tin rằng Đức Phật A Di Đà vì muốn cứu độ chúng sanh ở thế giới Ta Bà, phát ra 48 Lời N guyện, để làm phương tiện độ sanh, quốc độ mà chúng sanh

được vãng sanh là Hóa Độ, chứ không phải là Báo Độ (Tịnh Độ). Cõi Tịnh Độ thật sự chỉ có chư Bồ Tát và Chư Phật mà thôi. Tại Trung Hoa có 13 Tông tất cả đó là: Tì Đàm Tông, Thành Thực Tông, Luật Tông, Tam Luận Tông, N iết Bàn Tông, Địa Luận Tông, Tịnh Độ Tông, Thiền Thông, N hiếp Luận Tông, Thiên Thai Tông, Hoa N ghiêm Tông, Pháp Tướng Tông và Chơn N gôn Tông. N hật Bản có 12 Tông đó là: Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông, Hoa N ghiêm Tông, Câu Xá Tông, Thành Thật Tông, Luật Tông, Thiên Thai Tông, Chân N gôn Tông, Thiền Tông, Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chơn Tông và N hật Liên Tông, song cũng có nơi gọi 20 Tông, bởi vì trong Tịnh Độ Tông chia ra 2 Tông khác và Pháp Hoa Tông chia thành 3 Tông, do vậy mà số lượng Tông tăng thêm, song chủ trương chung của mỗi Tông vẫn là một, . Ở Việt N am, hiện tại ở thế kỷ thứ 21, chỉ có 2 Tông chính đó là: Thiền Tông và Tịnh Độ Tông. Còn Thiên Thai Tông, Mật Tông cũng như những Tông khác không được truyền thừa một cách liên tục, bị thất truyền, hoặc nhập vào hai Tông chính, không thấy lưu hành riêng biệt nữa. N iềm tin vào một Tôn Giáo hay một Tông Phái có tính cách thể nghiệm của mỗi tự thân, không cần chứng minh. Khoa học, toán học cần phải có những luận chứng và những phương trình, mà người ta căn cứ vào đó để giải và tìm ra đáp số, song Tôn Giáo ngược lại. Thể nghiệm của bản thân được nhìn nhận là vô cùng quan trọng, bởi vì cuộc đời và sự nghiệp của một Tăng Sĩ không phải chỉ thành tựu ở bằng cấp, học lực, năng khiếu v.v... phạm trù ngoại vi của N gũ Minh, mà quan trọng là phải trải dài cuộc sống tu hành của mình qua sự hành trì, dụng công miên mật, thực chứng giáo lý của Đức Phật đã dạy. N ếu một Thiền Sư, không Tọa Thiền, một hành giả Tịnh Độ không niệm Phật; một Du Già không trì chú v.v... kết quả chỉ là những đồ trang sức bên ngoài, chắc chắn không thể là Kim

Cang bất hoại của tự thân được. Lục Tổ Huệ N ăng khi còn là cư sĩ, nghe Kinh Kim Cang đến câu "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" mà ngộ đạo nên mới xin N gũ Tổ xuất gia. N gài chỉ chứng ngộ được pháp tánh ấy vốn từ quá khứ đến nay trong sạch, thanh tịnh, chứ không phải bây giờ mới có. Sỡ dĩ mê vọng, điên đảo vì còn chấp trước, bởi vì phàm cái gì có hình tướng đều là hiện tượng giả hợp mà thành, ngay cả vũ trụ nầy, thế giới nầy cũng vậy. N gài Triệu Châu hỏi Thiền Sư N am Tuyền: "Cái gì là cốt tủy của đạo?" được trả lời rằng: "Bình Thường Tâm

Thị Đạo". N gài N hật Liên, N gài Pháp N hiên, N gài Thân Loan, N gài Đạo N guyên, N gài Oánh Sơn v.v... tất cả cũng đều ngộ rõ lý chân như qua thể nghiệm của tự thân mà làm sáng cho nền đạo mà thôi. Vậy thì cái gì đúng và cái gì sai? Thật ra chân lý nó không nằm ở bên đúng hay bên sai, mà nó vượt lên trên tất cả đối đãi, chấp trước về hiện hữu của N hị N guyên. Chân lý là điểm đến, còn hướng đến chân lý có nhiều con đường dẫn đến khác nhau. N gười đi tìm chân lý tùy theo căn cơ của mình mà tự tìm lối trên bản đồ để đến nơi cần đến, không thể quyết đoán rằng con đường của tôi đi tốt hơn của anh, hoặc chỉ có pháp môn tôi tu mới là đúng, còn anh tu như thế là sai rồi v.v... bởi vì một khi quan niệm như thế, chân lý không hiện hữu rồi. Mọi người cứ tự hiểu mình cho là đại diện chân lý nhưng thật ra chân lý không cần ai đại diện cả, bởi vì tự thể của nó đã là chân lý rồi. Chân lý vượt lên và vượt ra khỏi đối đãi kia mà. N ăm nay 2007, chúng tôi đã có 5 lần đến Úc để nhập thất, tịnh tu tại Tu Viện Đa Bảo trong thời gian từ 2 đến 3 tháng mỗi năm. Trong thời gian ngắn ngủi của kiếp nhân sinh ấy, riêng tôi cảm thấy giá trị rất khó sánh với một kiếp phù du mộng ảo nầy. Ở đây, từ sáng tinh sương sau giờ Tọa Thiền và trì tụng Thần Chú Thủ Lăng N ghiêm, chúng tôi được nghe nhiều âm thanh diệu vợi, âm thanh từ gió đưa cành lá vi vu, âm thanh từ tiếng chim hót líu lo đón ánh bình minh, âm thanh từ tiếng côn trùng bé nhỏ đang hòa chung cùng nhịp với chuông mõ ban mai. Chúng tôi được thấy ngoài xa những chú thỏ đang gặm sương mai trên đầu ngọn cỏ, những chú két đủ màu bay liệng khắp sân, những chàng chim khách, chú quạ ca hát nói chuyện suốt ngày. Có những buổi sáng đẹp làm sao, có những hoàng hôn tuyệt vời, có những ngày trôi qua êm ả, khi tôi dịch sách, khi tôi bách bộ trong sân chùa, khi tôi lắng lòng nghe không biết bao nhiêu âm thanh như bản hòa âm không hai trên cuộc đời nầy. Có những đêm về, tôi nghe rõ hơn tiếng dế nỉ non, tiếng muôn loài hòa khúc nhạc lòng, lúc cao, lúc thấp, lúc buồn, lúc vui, lúc khổ đau, lúc giải thoát nhiệm mầu, trong khi chúng tôi trì chú Đại Bi, N iệm Phật và hành trì Kinh Kim Cang. Có những buổi trưa ngồi nhìn ra sân, ra rừng tôi thấy con ve sầu lột vỏ, con kiến tha mồi, con nhện giăng tơ bẫy mồi, con Kangaroo nhút nhát, con thỏ dễ

thương thật muôn hình muôn trạng phô diễn như một bức tranh mà không một nghệ nhân nào có thể diễn đạt được hết. Có những buổi chiều tôi tưới từng chậu hoa lan, hoa bạch liên, những cây hoa dại dọc đường như ban cho những giọt nước từ bi xoa tan độ nóng đang tỏa nhiệt trong thân của chúng, tôi thấy lòng tôi cũng được chan hòa cùng cảnh sắc thiên nhiên. Với tôi, những âm thanh ấy, những màu sắc ấy là những hộ pháp nhiệm mầu từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây, từng sát na đã, đương và sẽ hộ trì Tu Viện Đa Bảo ngày càng khởi sắc thêm hương, cho cuộc sống tu hành của những ai

đến đây ngày thêm hướng nội. N ăm nay, tôi dịch tác phNm của N gài Đông Long Chơn – Amazu Ryuushin, về Thiền Tào Động N hật Bản, giới thiệu cho Phật Tử Việt N am biết thêm và biết rõ hơn về một Tông Phái đang lớn mạnh tại N hật. Với tôi, đây cũng là một quyển sách rất cần thiết cho những ai muốn nghiên cứu về Phật Giáo N hật Bản, một quyển sách có thể giúp cho những Tăng N i Việt N am hoài bão sang đất nước Hoa Anh Đào du học, trước khi lên đường nên đọc để biết, mà việc nầy chính tôi ngày trước rời nước sang N hật năm 1972, không có một tài liệu nào hướng dẫn về Phật Giáo N hật Bản tận tường như quyển sách nầy. N ăm 2003 tôi dịch được tác phNm Đại Đường Tây Vức Ký từ chữ Hán sang tiếng Việt cùng Thầy Đồng Văn, năm ấy cũng viết thêm một quyển sách khác nhan đề là "Làm Thế N ào Để Trở Thành N gười Tốt". Đến năm 2004, tôi dịch quyển: "Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận" từ chữ Hán sang tiếng Việt, viết thêm quyển: "Dưới Cội Bồ Đề". Đến năm 2005 tôi dịch sách tiếng N hật bắt đầu tác phNm "Thiền Lâm Tế N hật Bản" và viết tiểu thuyết "Giai N hân và Hòa Thượng". N ăm 2006, tôi dịch "Tịnh Độ Tông N hật Bản" từ tiếng N hật sang tiếng Việt và năm nay, 2007, tôi dịch tác phNm nầy cũng là quyển sách thứ 50 của mình, nhan đề "Thiền Tào Động N hật Bản" cũng như viết xong tiểu thuyết "Giả Tưởng về Phật Giáo và Khoa Học". Trong 5 mùa tịnh tu, chúng tôi dịch và viết được 9 tác phNm như thế, quả là một sự cố gắng không nhỏ của mình với cái tuổi gần 60, mỗi ngày ngồi ròng rã 5 tiếng đồng hồ như thế, không phải là chuyện dễ dàng chút nào. Tôi hy vọng nhân duyên còn dài với Đa Bảo để dịch tiếp các tác phNm tiếng N hật như Pháp Hoa Tông và Mật Tông sang tiếng Việt, giới thiệu những Tông Phái chính của N hật Bản cho người Việt mình làm quen và sau 2 năm nữa, tôi sẽ chọn ngôn ngữ khác để dịch ra Việt

ngữ, nhằm cống hiến cho các Phật Tử những món ăn tinh thần bổ dưỡng hơn. Phải thành thật mà nói nếu không có Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Phương Trượng Chùa Pháp Bảo Sydney Úc, bào huynh của tôi, giảo chánh lại phần nội dung cũng như kiểm tra các chữ thì, mà, là, v.v... câu văn sẽ không được trong sáng. N ếu không có Thượng Tọa Thích Đồng Văn nhuận văn, những tác phNm tôi dịch từ tiếng N hật sang tiếng Việt, quý vị phải tư duy thêm chút nữa khi đọc. Điều đặc biệt khác cũng không kém phần quan trọng là đánh máy và layout sách, nếu không có Sư chú Hạnh Bổn thực hiện, bản dịch viết tay của tôi vẫn còn nằm nguyên vẹn ở đó. Một lời cảm ơn chân thành cho những việc trên và cũng không quên cảm ơn Đại Đức Thích N guyên Tạng, Phó Trụ Trì Chùa Quảng Đức tại Melbourne Úc, cố gắng chính mình và đốc thúc những người cận sự của mình trình bày cho những bìa sách thật trang nhã và rất ý nghĩa, khiến ai mới nhìn vào bìa sách cũng muốn mở xem, mặc dầu chưa biết nội dung của sách trong đó có gì. Điều không dám quên ơn quý Thầy quý Cô tại chùa Pháp Bảo là lúc nào cũng ưu ái giúp đỡ cho chúng tôi từ vật chất cho đến tinh thần, để Thầy trò chúng tôi an ổn tịnh tu, dịch Kinh viết sách. Trong đó có Thầy Phổ Huân Trụ Trì Chùa Pháp Bảo mỗi tuần đều mang đến cho chúng tôi món ăn tinh thần (báo chí) cũng như thăm viếng hỏi han, Cô Giác Anh, Cô Giác Duyên, Cô Giác Trí, Cô Giác N iệm, Giác Thuần v.v... N hững điều đóng góp tích cực khác để in ấn tác phNm nầy là do quý Phật Tử Chùa Pháp Bảo như Đạo Hữu Tâm Huệ, Đạo Hữu Diệu Yên chủ xướng cùng với các Đạo Hữu khác tại chùa cũng như quý Phật Tử tại Âu Châu và Mỹ Châu mà tác phNm nầy mỗi lần

in ra từ 5.000 đến 10.000 cuốn để tặng không đến những người hữu duyên học Phật, thật là một công việc vô cùng ý nghĩa và thật "Bất Khả Tư N ghì". Anh Thiện Minh và những người thân quen, Bác Chúc Liêm tiệm chay Thiên Trúc, Bác Diệu Mai và còn nhiều vị khác nữa đã chan hòa trang trải trợ lực cho sức khỏe Thầy trò chúng tôi, mà quý vị đã chăm sóc từng miếng ăn, cái mặc, chai dầu v.v... tất cả đều là những ân nghĩa nghìn trùng. Xin nguyện "hành trì báo ân" như trong phần "Tu Chứng N ghĩa" và dành phần cuối của sách nầy để nói lên tấm lòng của người đã nhận ơn từ quý vị.

Xin niệm ân tất cả và nguyện cầu tất cả quý vị sớm chứng được quả "Vô Thượng Bồ Đề". Viết xong Lời Cuối Sách nầy vào lúc 10 giờ 30 phút sáng ngày 1 tháng 12 năm 2007 tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi.

IX.2 Thư xin phép tác giả Azuma Ryuushin IX.2.1 Bản dịch lá thư xin phép tác giả Azuma Ryuushin Úc Đại Lợi Sydney ngày 1 tháng 12 năm 2007 Kính gởi: N gài Đại Hòa Thượng Đông Long Chơn (Azuma Ryuushin). Trích yếu: Kính xin phép được dịch tác phNm Thiền Tào Động của N gài ra Việt ngữ Tôi nghĩ N gài sẽ ngạc nhiên khi nhận được thư nầy, chúng tôi xin N gài hoan hỷ cho sự thất lễ. Thực tế tôi là một Tăng Sĩ Việt N am, năm 1972 từ Việt N am đến N hật du học. Suốt thời gian dài ấy, tôi lưu trú tại Chùa Bổn Lập thuộc N hật Liên Tông, thành phố Hachioji. Sau 5 năm, tôi tốt nghiệp Cử N hân tại Phân Khoa Giáo Dục, Đại Học Teikyo. Sau đó, tôi cũng thi đỗ vào Cao Học ở Phân Khoa Phật Học thuộc Đại Học Risso; đến năm 1977 tôi rời N hật sang Tây Đức - Âu Châu, thành lập và xây dựng Chùa Viên Giác, hoằng pháp và giáo hóa Tín Đồ Phật Giáo Việt N am và những người Đức nghiên cứu về Phật Học. N gày nay, người Việt N am ở ngoại quốc không phải là ít, trong đó có nhiều người thích quan tâm đến Phật Giáo N hật Bản, song rất tiếc khả năng tiếng N hật không có, cho nên trong giới hạn có thể của tôi, tôi xin phát nguyện làm công việc chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đây là lý do để tôi viết thư nầy xin phép N gài Đại Hòa Thượng hoan hỷ cho tôi được phiên dịch. N ơi đây tôi đang chờ đợi sự hứa khả của N gài. Trước đây 2 năm, tôi cũng đã gửi thư cho nhà xuất bản Đại Pháp Luân về phần biên tập, sau đó tôi nhận được thư trả lời vô cùng hoan hỷ của Bà N aoki Kamada, do vậy lần nầy tôi cũng xin phép Hòa Thượng được như vậy. Đây là công đức để cúng dường Phật Tổ, cho nên chúng tôi xuất bản ấn tống tặng mọi người. Tôi ở Úc cho đến cuối tháng 12 năm 2007 nầy, sau đó về lại Đức. Kính xin N gài liên lạc theo địa chỉ sau: Thành Kính cúi đầu

Thích N hư Điển Phương Trượng chùa Viên Giác
Karlsruher Str. 6
30519 Hannover
Germany
Tel. +49 511 879630
Fax. +49 511 8790963
Email: viengiactu@viengiac.de
IX.2.2 Thư xin phép tác giả Azuma Ryuushin
IX.2.3 Thư trả lời của tác giả Azuma Ryuushin

Sau đây là bản dịch thư trả lời của Tác Giả sang Việt ngữ.
IX.2.4 Bản dịch thư trả lời của Tác Giả sang Việt ngữ
Kính gởi: Lão Sư Thích N hư Điển
N gười gởi: N gọc Án của chùa Đại Thừa do tác giả Đông Long
Chơn chắp bút
Xin thưa:
Lá thư của N gài, tôi đã nhận được vào ngày mồng 1 tháng 12 năm
2007. Tôi rất tán thành việc dịch quyển "Tào Động Tông" sang
Việt ngữ. Đồng thời tôi đã liên lạc với nhà xuất bản "Đại Pháp
Luân Các" và cũng đã được họ đồng ý.
Xin hiệp lực và cầu nguyện cho việc nầy được thành tựu. Cũng mong sẽ đón tiếp N gài tại chùa Đại Thừa ở Kanezawa.
N gày 11 tháng 12 năm 2007
Kính bái
IX.3 Phương Danh Ấn Tống Tào Động Tông N hật Bản Phương Danh quý Đạo Hữu và Phật Tử cúng dường ấn tống Tào Động Tông N hật Bản. IX.3.1 Quý Đạo Hữu và Phật Tử ở Australien ĐH. Diệu Mai 200 AUD . Ẩn danh 100 AUD. Quảng Thành 150 AUD. Tô An 100 AUD. Chúc Ý 100 AUD. Ẩn danh 100 AUD. Viên Hương 100 AUD. Lâm Huệ Lan 50 AUD. N guyên N hật Thường 200 AUD. Ẩn danh 300 AUD. Tâm Huệ 100 AUD. Bé N hư Hảo 20 AUD. N hư Huệ 100 AUD. Tâm Thuần 50 AUD. Diệu Thuần 200 AUD. Diệu Hạnh 50 AUD. N gọc Thảo 50 AUD. Diệu Thức 200 AUD. N guyên Tu 220 AUD. Diệu Mai 250 AUD. Chúc Mân 50 AUD. Quảng Hoa 20 AUD. Đồng Thích 50 AUD. Chúc Quỳnh 100 AUD. Quảng Hương 20 AUD. Đh. Mai 50 AUD. Hiền Minh, Kevin Trần , Dy Lan Việt Trần 50 AUD. Đức Tài 50

AUD. Chúc Ý 150 AUD. Chúc Y 80 AUD. Chúc Thành 50 AUD. Chúc Liêm 200 AUD. Chúc Bạch 50 AUD. Giác N gộ 20 AUD. Hương N gọc 100 AUD. Diệu Yên 300 AUD. Thuận N gọc 25 AUD. Giác Phương 100 AUD. Chúc Công 100 AUD. Chúc Quan 200 AUD. Hồng Hoàng 20 AUD. Phương & N gọc 50 AUD. Bửu Trí 40 AUD. Trung Thanh 100 AUD. N gọc Thảo 100 AUD. Tâm Châu & Tịnh Phước 50 AUD. Chúc N hu 20 AUD. Chúc Vượng 20 AUD. Chúc Hương 50 AUD. Lệ Tâm 50 AUD. Quang Minh & Diệu Tâm 50 AUD. Quảng Hoa 50 AUD. Diệu N gà 50 AUD. Diệu Chi 50 AUD. Diệu Âm 20 AUD. Chúc Từ & Chúc Lương 50 AUD. Tâm Huệ Hạnh 200 AUD. Tâm Thành 20 AUD. Huệ N gọc I 50 AUD. Diệu Liên Trần Thị N am 50 AUD. Minh Hiền 100 AUD. Thanh Mai & Thanh Hải 100 AUD. Vũ An Chinh 100 AUD. N gọc Tâm 50 AUD. Cô Giác N iệm 50 AUD. Anh Chị N hường 50 AUD. (Cộng 5.945 AUD). IX.3.2 Quý Đạo Hữu và Phật Tử ở U.S.A. N PĐ N gọc Sáng (Garden Grove/CA - USA) 140US. PT. Chùa Phật Tổ (USA) 245US. Chùa Bát N hã (") 175US. Diệu N ghĩa & Minh Lễ (") 100US. Đồng Từ N guyên N hư và gia đình (") 500US. Gđ. Đức N huận (") 100US. Gđ. Võ Hùng (") 100US. Gđ. Thành N gọc (") 100US. Gđ. Tâm Thuần (") 100US. Gđ. Diệu Lý (") 100US HH HL Chơn Không. Phật Tử chúng Phổ Hiền /San Jose (") 500US (HT Thích Thái Siêu chuyển). N guyễn Lệ Đức (") 100US. Dương Thị Em (") 100US HH song thân Dương Văn N uôi & N guyễn Thị Phương. Lê Thạch Vĩnh (") 50US. Lý Bình Hòa (")

100US. N gô Cúc (20US. Hồ Thị Đệ (“) 40US. N guyễn Thị Hương (“) 40US. N guyễn Thị Kham (“) 50US. Lý N guyệt Hương (“) 50US. Hoàng Thị N ga (“) 50US. N guyễn Kiệt (“) 50US. Hà Ích (“) 50US. Phạm Tân (“) 20US. Yên Voglt (“) 20US. N guyễn Quyên Thọ (“) 50US. Trần Văn Tâm (“) 50US. Jadjourdey Strom (“) 100US. Mỹ Hayes (“) 20US. Phạm Lan (“) 20US. N guyễn Thị Truyện (“) 20US. N guyễn Diệu (“) 50US. N gọc Lộc Minh Châu Blain (“) 200US. Lê Tấn Báu (“) 40US. N guyễn Thị Thái Bình (“) 5US. Trần Hiếu (“) 20US. Phạm Thịnh (“) 20US. Hà Ích (“) 20US. Đoàn Văn Hậu (“) 40US. N guyễn Thị Điệp (“) 40US. N guyễn Bính Bường (“) 100US. N guyễn Thị Can (“) 20US. N guyễn Thị Xuân (“) 100US. Diệu N gọc (“) 20US. N guyễn Quyền Quới (“) 50US. Bà N guyễn Quyền Báu (“) 50US. N guyễn Văn Chính (“) 20US. N guyễn Loan (“) 30US. N guyên Phụng (“) 10US. N guyên

Thanh (“) 20US. N ghiêm N gọc (“) 20US. Quảng Cư (“) 10US. 20US. Thiện Thủy (“) 20US. Diệu Thanh (“) 50US. Diệu N ghĩa (“) 50US. N guyên Bảo (“) 10US. Diệu Phương (“) 20US. Tâm Phách (“) 20US. Quảng Kim & Diệu N ghiêm (“) 50US Mã Quốc Sơn (“) 10US. N gọc N hiệm (“) 20US. N guyên Lương (“) 100US. Quang N guyên Tuệ Thông (“) 25US. Cư N guyên N guyên Trực (“) 25US. Hoằng N gọc (“) 50US. Ẩn danh (“) 145US. Phật Tử chùa Trúc Lâm/Chicago (USA) 400US. ĐH. Trí Viên & Diệu Thủy/Minnesota(USA) 200US. Cô Diệu Hiếu (“) 30US. Ẩn danh 10US. Quảng N ghiệp Diệu Thanh (“) 40US. Trịnh Thị Tuyết N hung (“) 200US. Phù Thị Mang (“) 20US. Tâm Thành Tâm N hư (“) 50US. Ẩn danh (“) 20US. Lalito (“) 50US. Vũ Thanh Hoàn (“) 100US. Diệu N hân (Vân) (“) 100US. Diệu Châu (“) 40US. Phùng Thị La (“) 10US. Ẩn danh (“) 20US. Ẩn danh (“) 20US. Chính Giác Lê Dung Hùng (“) 20US. Bùi Duy Giỏi (“) 20US. Minh Hảo (“) 30US. N guyễn N gọc Châu (“) 50US. Phương Bạch (“) 20US. Đồng Trúc (“) 40US. Trâm N guyễn (“) 20US. Minh Tâm (“) 18US. Thanh Hương Tâm Viên (“) 100US. Hạnh Quang (“) 20US. Diệu Kim Quý Đàm (“) 100US. N guyên Đức Hiền Đàm (“) 100US. Quảng Phước (“) 20US. N guyên Tràm (“) 30US. N ghiêm N gọc (“) 20US. Đồng Trúc (“) 20US. Minh Thiện (“) 55US. Diệu Thư (“) 50US. N guyễn Huy (“) 100US. N ancy N guyễn (“) 200US. Diệu Quang (“) 20US. Chính Huyền (“) 50US. Châu Mỹ (“) 10US. N guyên Quang (“) 20US. N guyên Thiên (“) 20US. Tường Văn (“) 10US. Diệu Lý (“) 20US. Diệu N hân (“) 10US. Huệ N hã (“) 10US. Diệu Kiên (“) 10US. N guyên Tường (“) 25US. N guyên N guyệt (“) 25US. N guyên Minh (“) 25US. N guyên Đạt (“) 25US. Thiện Giàu (“) 40US. Diệu Thành (“) 30US. Diệu Lộc (“) 20US. Diệu Bảo (“) 10US. Huệ Phan (“) 20US. N guyên Đào (“) 20US. Quảng Văn (“) 10US. Quảng Thanh (“) 10US. N guyên Dược (“) 10US. Đoàn Thị Thu & Lê Văn Trung (“) 50US. Các Phật Tử Thiền Viện Chánh Pháp / Oklahama (USA) 1.730US (như sau: Giác Ánh 10US. N guyên Phú Lê Thị Của 20US. Diệu Phụng 20US. Diệu Hương 20US. Diệu Hiền 30US. N gọc Hai 30US. Phương Tín 20US. Phan Đức Minh 30US. Chúc Phổ 60US. Diệu Hải 50US. Diệu Định 20US. Diệu Mỹ 30US. Ly Diệu Hương 40US. Bình Phạm 20US. Từ N hẫn 20US. Lưu Thị Thi 20US. Lan N guyễn 15US. Phương An & Phương Lạc 100US. Phương Thảo 50US. Yến N hi 20US. N guyễn N gọc Mới 10US. Diệu Hằng

100US. Christana N guyễn 30US. Diệu Huệ 20US. Phương Lý 20US. N guyên N iệm 20US. N guyễn Thị Gái 500US. Phương Hạnh 185US. Diệu Hương 30US. Chơn Trí 30US. Diệu Vân 50US. Diệu Hoàng 100US. Viên Lạc 100US). - Quý Phật Tử ở Jacksonville, Floriada:

N guyễn Lê Đức 200US. Lý Bình Hòa 1.000US. Hà Thị Thừa 200US. Phú Cúc 40US. N gô Cúc 20US. N guyễn Thị Loan 40US. Huỳnh Lý 50US. N guyễn Đoa 40US. N guyễn Thị Thái Bình 20US. Trần Boy 40US. Lê Thị Yên 40US. Võ Anh Dũng 40US. Djodimy Strong 100US. Lê Thanh Vĩnh 30US. Trần Mai 10US. N guyễn Quyền Thọ 50US. Hồ Thị Đê 40US. N guyễn Hưng 50US. Ẩn danh 65US. (Cộng 11.308 US). IX.3.3 Quý Đạo Hữu và Phật Tử ở Canada Hoàng Đức Dũng (Montréal/Canada) 100Can. Phượng N guyễn (“) 25Can. An Phúc (“) 50Can. Chiếu Thông (“) 20Can. Chiếu Chấn (“) 20Can. Thiện Thánh Quách Thanh Dần (“) 20Can. Thiện Trí N guyễn Tô Huệ (“) 20Can. N guyên Lưu (“) 20Can. N guyên Tuấn (“) 20Can. Tô Vinh Quý (“) 20Can. N gô Hồng N ga (“) 20Can. Diệu Hương Phạm Thanh Mai (“) 45Can. N guyên Duyên Trần Phượng Loan (“) 40Can. Diệu Thông Lai Thị Kỳ (“) 10Can. Diệu Chuyển (“) 50Can. N gũ Khiết Minh (N gọc N guyệt) (“) 20Can. Quảng N gọc (“) 20Can. N guyên N hi (“) 20Can. Quảng Liên (“) 50Can. N iệm Tứ (“) 20Can. Diệu Lợi (“) 20Can. N guyễn Xuân Lâm (“) 10Can. Thị Chánh (“) 50Can. Trần Thu Hồng (“) 50Can. N guyên Vân Trần Kim Thanh (“) 100Can. Phước Bình (“) 30Can. (Cộng: 870 Gia kim). IX.3.4 Đạo Hữu Phật Tử ở N hật Bản N guyễn Thu An 10.000 Yen. IX.3.5 Quý Đạo Hữu và Phật Tử ở Đức - Âu Châu: N guyên Drebelon Thị Bình (Bendestorf) 15€. Diệu Kiêm Lê Thị Đỏ (Dietzenbach) 12€. Đỗ Văn N guyên (Wedel) 4€. (Viersen): Lưu Thanh Đức 20€. Lưu Thành Đức 20€. (Stuttgart): Gđ. Phạm Thị Phương 10€. Huỳnh Vĩnh Phát 60€. (Frankfurt am Mai): Trần Thị N ghĩa 10€. Kim Oanh Zimmermann 15€. (Italia): Trần Xuân Hoa 8€. Huỳnh Long Thành 40€. (Krefeld): Trần Kim Xuyến 15€. Liên CNm Phong & Quách Thị Mùi 20€. Đinh Thị Xuân Thảo 4€. Minh Phát Lý Tấn Vạng 40€. Võ Thị Thu Mai (Göttingen) 10€. Trịnh Quốc Phong (Duisburg) 5€. Phan Vĩnh & N guyễn Dung (Schweiz) 80€. (Hamburg): Tăng Thu Hà 8€. N guyễn Văn Hùng 8€. Trịnh Thu Yến 4€. N guyễn Thị Hoàng Yến 20€. Quách Anh

Trí 10€. Đồng Đạt Lê N gọc Thành 16€. Griem Giang 40€. N guyễn Thị N hàn 12€. (France): Võ Đình Khánh 20€. Veronique Lý 8€. Đinh Chí Hương 12€. Dương Hoàng Căn 8€. Somas Rukmany 12€. Lê Thị Xuân Hiệp 40€. Trương Thi Thanh Thuy 20€. Huỳnh Văn Phùng 4€. Trần Văn Thái 12€. N guyễn Văn Cúc (Steinbach) 40€. (Wiesbaden): Đặng Thị N ga & Hương 8€. Lý Thị Chu 10€. Bành Kiến An 10€. Trương Sâm Tuyền (Reutlingen) 12€. Lê Kim Phượng (Meppen) 5€. Ô Thị Hai (Haren) 20€. Đặng Thị N guyệt N ga (Bremerhaven) 40€. (Pforzheim): Kim Lệ 20€. Lý Trần Thúy Phượng 20€. Đặng Thị Lan 20€. Huỳnh Thị Thanh Hà (Lindenberg) 8€. Bùi Thị Việt (Saarbrücken) 20€. N guyễn Văn Duyên 10€. Lục Tô Hà 5€. N guyễn Văn Phương 20€. Lê Thị Phương Tâm 44€. (Wuppertal): Diệp Văn Sơn 20€. Mã Yến Huê 40€. Gđ. Diệu Hảo Tạ Thị Thanh Huyền & Hà N gọc Thịnh (Sande) 20€. (Wilhelmshaven): Trần Thu Thủy 15€. Đồng Đạo Phạm Văn Thành 5€. (Friesoythe): Giác N iệm Trương Chánh 12€. Trang Thị Mỹ Hoa 12€. N guyễn Thị Út 16€. Trương N gọc Thanh (Freising) 16€. (Düsseldorf): Đinh Hoa 20€. Hứa Mỹ Hiền 8€. Trần Thị Thu (Paderborn) 8€. Huỳnh Tống Sơn (Übach-Palenberg) 40€. Trần Văn Danh (Fürth) 8€. Trần Thị Thu Hương Trần Thanh Tùng (Köln) 12€. Hoàng Văn Trường (Germnering) 8€. Vương Khánh Giảng (Oberhausen) 8€. N guyễn Thị Kim Thoa (N eubrandenburg) 8€. N guyễn Cao (Bergkamen) 20€. Đặng Giang Toàn (Ostfildern) 8€. N guyễn Hùng Anh (Ibbenbürren) 4€. Trần Kim Phượng

(Ingolstadt) 8€. Hà Thị Minh Thu (Stade) 4€. Đặng Văn Cham (Altbach) 4€. N guyễn Khuyến (Elterlein) 20€. N guyễn Chí (Markt Schwaben) 12€. (Karlsruhe): Vũ Thị Minh Hằng 12€. N guyễn Julia Thúy 8€. N gô Thị Liễu (England) 12€. Lâm Thị Tuyết Anh (Ofterdingen) 10€. N guyễn Thị N gọc (N ürnberg) 5€. N guyễn Kiều Long (Heilbronn) 10€. Huỳnh Thị Tám (Belgien) 5€. Casanova Thái Lan (Schweiz) 40€. N guyễn Thị Tâm (Lehrte) 10€. Lâm Kim Loan Maier (N eu Ulm) 8€. Hoàng Đôn Trinh (Raunheim) 5€. N guyễn Quốc Thông (Bonn) 8€. (Holland): N gô Thanh Mai 40€. Võ Thị Lập 20€. Trầm Bạch Tuyết (N euss) 12€. Lâm N gọc Lan (Schweiz) 4€. N guyễn Thị Bích N gọc (Sandberg- Langenleiten) 10€. Lê Văn Hiên (Arnstadt) 12€. Huỳnh Tú Phụng (Finland) 20€. N aeng Kim Lieu (Sweden) 11€. Phan Kim Oanh (Sugenheim) 10€. Ziegler Thường (Bayreuth) 4€. Cao Thị Kim Mai (Mönchengladbach) 12€. Bác Viên Tuyết & Phan Công Độ

(Laatzen) 20€. Phạm N gọc Đảnh (Hanau) 20€. (Hannover): Thiện Ý Lê Thị Tỳ 8€. Chung Thị Hồng 5€. Phạm Thị N gọc Loan (N ordhorn) 8€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 20€. N guyễn Phương (Kruft) 50€. N guyễn Tứ Hùng (Lünen) 12€. Lâm Kim Minh (N orden) 4€. Kim Loan Gülsdorf (Weil der Stadt) 12€. Minh Huệ Bekker (Kamen) 30€. (Dresden): Trần Thị Vân Anh 4€. N guyễn Thị Dung 8€. Trần Thị Hồng N hung 8€. Bành Vĩnh Hoa (Ludwigshafen) 20€. Phùng Văn ChNm (Regensburg) 40€. Sư Cô Thích N ữ Hạnh Ân (Chùa Viên Giác) 40€. N guyên Thừa N guyễn Thị Giao (England) 20Anh kim. Đồng Thiện Vũ Thị Lương (Tiệp Khắc) 20€.- N guyễn Phúc Vĩnh Viễn 12€. Lê Văn Trai (Kehelm) 5€. Lý Tùng Phương (Schaumbeck) 8€. Cao Thị Ba (Belgien) 13€ Hồi hướng N guyễn Thị Hai và toàn gia quyến. N guyễn Thị Giỏi & N guyễn Thị Tiến (Belgien) 4€ Hồi hướng Hương linh N guyễn Tấn Liêm Pd. Minh Chánh. Sư Cô Thích N ữ Hạnh Bình (Chùa Viên Giác) 8€. (Cộng 1.977 €).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.